

SAN FRANCISCO PUBLIC LIBRARY



3 1273 03451 7012

THƠ VĂN TRÊN ĐẤT TUYẾT



Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại / Trung-tâm Ontario 1997

**INTERNATIONAL CENTER
SAN FRANCISCO PUBLIC LIBRARY**

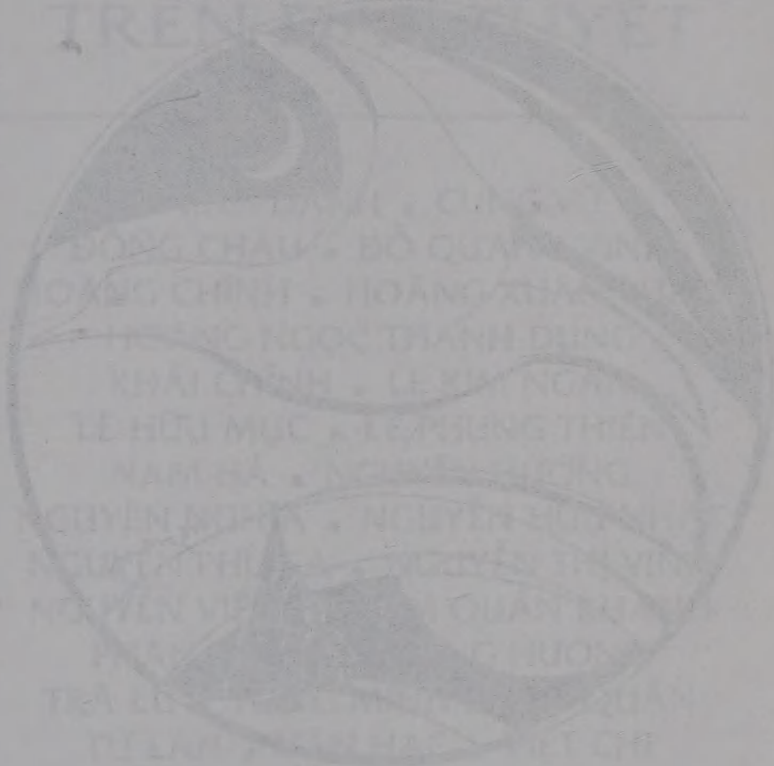
SAN FRANCISCO PUBLIC LIBRARY



3 1223 05401 7612



THƠ VĂN TRÊN ĐẤT TUYẾT



WINTER IN ONTARIO



THƠ VĂN TRÊN ĐẤT TUYẾT

CHÍNH DANH • CUNG VŨ
ĐÔNG CHÂU • ĐỖ QUANG VINH
HOÀNG CHÍNH • HOÀNG XUÂN THẢO
HOÀNG NGỌC THANH DUNG
KHẢI CHÍNH • LÊ KIM NGÂN
LÊ HỮU MỤC • LÊ PHỤNG THIÊN
NAM HẢ • NGUYỄN HƯƠNG
NGUYỄN NGHĨA • NGUYỄN HỮU NHẬT
NGUYỄN PHÙ SA • NGUYỄN THỊ VINH
NGUYỄN VIỆT • PHẠM QUÂN KHANH
PHAN NI TẤN • SONG HƯỜNG
TRÀ LỮ • TỔNG MINH LONG QUÂN
TỪ LAN • VÂN HẠC • VIỆT CHI

VĂN BÚT VN ONTARIO 1997

VIETNAME 895.9228 T3502

Tho van trjñ dbt
tuyjt /
1997

THƠ VĂN TRÊN ĐẤT TUYẾT

Tuyển-tập thơ văn của 26 tác-giả Văn Bút VN Ontario

ảnh bìa của Cung Vũ

tranh trang trí của Nguyễn Nhật Tân, Nguyễn Hữu Nhật

Văn Bút VN Ontario xuất-bản

Làng Văn tổng-phát-hành

Copyrights © 1997 by Vietnamese Writers Abroad P.E.N (Canada)

All rights reserved. No part of this book may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording, or otherwise, without the written permission of the copyright owner(s)

First published, and distributed in Canada

by Vietnamese Writers Abroad P.E.N. (Canada)

P.O. Box 218 Station "U" Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

ISBN: 0-896960-26-X

Legal Deposit: December 1997

3 1223 05401 7612

S.F. PUBLIC LIBRARY

mục-lục

chính danh đồ danh tâm	Một Vài Nét Đặc Thù Về Cụ Đồ Ba Tri, Nguyễn Đình Chiểu.....	11
cung vũ	Cho Bông Sen Nhỏ Vườn Sau Trên Một Chuyến Bay Đêm Giao Thừa..	32 33
đông châu	Ước Gì Mỗi Ngày Đầu Là Mother's Day	35
đỗ quang-vinh	I ngắn hay Y dài?.....	38
hoàng chính	Thiên Hạ Thường Tình.....	45
hoàng xuân thảo	Nửa Vời..... Hòn Chồng..... Hoa Sung.....	59 60 61
hoàng ngọc thanh dung	Tuổi Vàng..... Ottawa Một Ngày Trở Lại.....	62 63
khải chính phạm kim thư	Từ Một Vài Khám Phá Mới Về Trí Thông Minh Của Trẻ Đến Phương Pháp Giảng Dạy Thích Hợp Ở Học Đường....	64
lê kim ngân	Ba Mối Tình của Đời Thúy Kiều qua Tác-Phẩm Đoạn Trường Tân Thanh.....	83
lê hữu mục	Sêu Tết.....	94
lê phụng thiên	Tặng Em.....	106
nam hải	Đôi Chim Liền Cánh.....	107
nguyên hương	Vài Chuyện về Văn Bút.....	111
nguyên nghĩa	Bữa Nhậu Thiệt Thà..... Tháng Tư Ở Bắc Cần Thơ.....	115 128

nguyễn hữu nhật	Ăn Mày Cửa Phật.....	129
nguyễn phù sa	Nỗi Buồn, Ngày Phục Hưng.....	149
	Cánh Chim Bạt Gió; Quê Nhà.....	150
nguyễn thị vinh	Cáo và Gà.....	151
	Thoáng Qua.....	157
nguyễn việt	Bóng Mát.....	159
phạm quân khanh	Hiến Chế Tự Do Ngôn Luận của Văn Hóa Việt.....	167
phan ni tấn (n.d.)	Ngon Lửa Cũ.....	183
	Ngó Vô Thẳng Bảy; Nguyệt Phai.....	185
song hường	Tình Tôi.....	188
trà lữ	Ông Cọp.....	190
tống minh long quân	Xác Chết.....	199
từ lan	Trường Tương Tư.....	213
	Lúc Về Già.....	213
vân hạc	Trần Ý Mơ Tiên.....	214
	Thanh Nhân Thơ Rượu; Nhớ Ai.....	215
việt chi nguyễn hữu quang	Kinh Dịch Trong Xã-Hội Việt-Nam và Khoa-Học.....	217

vào tập...

Đây là tập sách thứ nhì do Văn Bút VNHN, Trung-tâm Ontario xuất-bản. Tập thứ nhất - "Văn Bút, Giai-phẩm mùa Xuân" - ra đời vào Xuân Mậu Thìn 1988, trước đây 9 năm, có sự đóng góp bài vở của các văn-hữu thuộc Trung-tâm Québec.

Cách xa từng ấy năm mới in một tập, sự đóng góp đó quá thưa thớt. Hi vọng sau "Thơ văn trên đất tuyết", các tuyển-tập kế-tục sẽ được trình làng đều- đặn hơn.

*

* *

"Thơ văn trên đất tuyết" bao gồm 8 bài khảo-luận và nhận- định của Chính Danh, Đỗ Quang Vinh, Khải Chính, Lê Kim Ngân, Lê Hữu Mục, Nguyễn Hương, Phạm Quân Khanh và Việt Chi; 7 truyện ngắn và 1 tùy bút của Hoàng Chính, Nam Hải, Nguyễn Nghĩa, Nguyễn Hữu Nhật, Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Việt, Trà Lũ và Tống Minh Long Quân; còn lại là thơ của Cung Vũ, Đông Châu, Hoàng Xuân Thảo, Hoàng Ngọc Thanh Dung, Lê Phụng Thiên, Nguyễn Nghĩa, Nguyễn Phù Sa, Nguyễn Thị Vinh, Phan Ni Tấn, Song Hường, Từ Lan và Vân Hạc.

Tất cả đều được sắp-xếp theo thứ-tự mẫu-tự của bút-hiệu tác-giả.

Nhóm thực-hiện vì chưa thu-thập được đầy- đủ tiểu-sử và hình-ảnh của các tác-giả nên phần này sẽ được trình-bày trong tập sau.

Xin mời quý bạn đọc bước vào đất tuyết...

Văn Bút VN Ontario

1997

chính danh đỗ danh tâm

Một Vài Nét Đặc Thù Về Cụ Đồ Ba Tri, Nguyễn Đình Chiểu

Trước khi đề cập đến một vài nét đặc thù về Nguyễn Đình Chiểu tưởng không gì bằng giới thiệu về thân thế và sự nghiệp văn chương của ông trước.

Thân thế và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888)

Nguyễn Đình Chiểu tự là Mạnh-Trạch hiệu là Trọng Phủ hay Hối Trai, sanh ngày 1-7-1822 tại làng Tân Thới, tổng Bình Trị Thượng, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định (Minh Mạng thứ 3). Thân phụ ông là Nguyễn Đình Huy người Thừa Thiên, được bổ vào làm đốc bạ trong dinh của Tả quân Lê Văn Duyệt, Tổng trấn thành Gia-Định, sau được thăng chức Án sát. Nơi đây, Nguyễn Đình Huy lại cưới thêm một người thiếp tên là Trương Thị Thiệt. Bà này sanh được 4 trai 3 gái: Nguyễn Đình Chiểu (con trưởng), Nguyễn Thị Thục, Nguyễn Thị Nữ, Nguyễn Thị Thành, Nguyễn Đình Tự, Nguyễn Đình Tụ và Nguyễn Đình Huân.

Năm 1832 (Quý Ty) Tả quân Lê Văn Duyệt mất. Vì có sự bất đồng chính kiến giữa Lê Văn Duyệt và vua Minh Mạng về việc định lập Đông Cung Thái Tử ngay từ khi vua Gia Long còn sinh thời. Sau khi vua Gia Long mất, Lê Văn Duyệt về Kinh thọ tang rồi trở về Nam trấn thủ thành Gia Định và từ đó

trở đi không chịu thần phục vua Minh Mạng. Do đó, vua Minh Mạng lấy làm tức giận nhưng không thể bắt tội Lê Văn Duyệt vì bấy giờ quyền thế của Tả quân họ Lê rất lớn. Hơn nữa, lúc còn sinh tiền chính vua Gia Long đã bắt Minh Mạng khi còn là Thái tử phải lạy Tả Quân và gọi bằng Thượng phụ. Nhân dịp Tổng Trấn thành Gia Định mất và để trả mối cựu thù, vua Minh Mạng bổ nhậm Tổng đốc Nguyễn Văn Quế và Bạch Xuân Nguyên làm Bố Chánh tỉnh Gia Định thay thế Lê Văn Duyệt và mật tra về việc lộng quyền của họ Lê. Sau khi được phúc trình của Bạch Xuân Nguyên, vua Minh Mạng phê ngay vào bản án lột hết tước quyền tịch thu tài sản tên loạn thần, tặc tử Lê Văn Duyệt. Mả của Tả quân Lê Văn Duyệt bị đào lên, xử giáo thi hài theo đúng phép nước. Ngôi mộ phải bị xiềng lại (đến sau đời vua Thành Thái, xét lại công trạng, cho hủy bỏ cực hình ấy và phục hồi phẩm tước). Vì sự ức lòng ấy, năm 1833 con nuôi của Tả quân là Lê Văn Khôi và các tùy tướng nổi lên giết Bố chánh Bạch Xuân Nguyên, Tổng đốc Nguyễn Văn Quế và gia đình của họ. Các quan Án Sát, Lãnh Binh đều bỏ trốn về Huế.

Thân phụ của ông Nguyễn Đình Chiểu cũng trốn thoát về Kinh, tuy tội chết được tha, nhưng vua Minh Mạng truyền lột hết tước quyền. Sau đó ông lên vào Gia Định đem Nguyễn Đình Chiểu ra kinh học tập văn nghiệp. Đến năm Quý Mão (1843), Nguyễn Đình Chiểu xin vào Nam thăm mẹ và các em vừa thi đỗ Tú Tài khoa Quý Mão (Thiệu Trị năm thứ 3). Năm 1848 ông lại ra Kinh chờ khoa thi Hội, nhưng chưa thi thì được tin mẹ mất, ông lại phải trở về Nam để thọ tang. Trên đường về, vì quá thương xót mẹ, ông khóc than thảm thiết. Đã dãi dầu mưa nắng lại chịu cảnh gian nan, vất vả, ông thọ bệnh và mù cả hai mắt. Sau khi cư tang ông đành bỏ dở việc công danh và ngồi nhà mở trường dạy học. Danh từ Đồ Chiểu có ngay từ đó.

Những văn phẩm của Nguyễn Đình Chiểu còn để lại rất nhiều. Ngoài những bài thơ nôm, có những tác phẩm trường thiên theo thể lục bát như: *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ Hà Mậu*, *Ngư Tiều Ván Đập*. Nhất là tác phẩm *Lục Vân Tiên* được nổi

tiếng hơn hết. Đó là một tác phẩm viết bằng chữ nôm, theo thể lục bát gồm có hơn 2.000 câu. Tác phẩm này đã được các nhà văn ngoại quốc dịch ra ngoại ngữ như Aubaret, Abel de Michels, Bajot. Tác phẩm *Lục Vân Tiên* được xem như một cuốn truyện có giá trị về phương diện đạo đức và luân lý cổ truyền Việt Nam. Vì dùng lối văn bình dân, *Lục Vân Tiên* được phổ biến sâu rộng trong các tầng lớp dân chúng, từ thành thị đến thôn quê, nhất là đồng bào ở miền Nam rất thích đọc nó.

Nguyễn Đình Chiểu cũng có viết những bài văn tế nổi tiếng như *Văn Tế Sĩ Dân Lục Tỉnh*, *Văn Tế Trương Công Định*, *Văn Tế Vong Hồn Mộ Nghĩa*.

Trong thời gian dạy học, Nguyễn Đình Chiểu có dạy một người học trò tên là Lê Tăng Quýnh quê quán ở Cần Giuộc kính mến tài đức, nên yêu cầu cha mẹ gả đứa em gái tên là Lê Thị Điền cho ông.

Ăn ở với bà Điền, ông có được sáu người con: Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Đình Chúc, Nguyễn Thị Xuyên, Nguyễn Thị Khuê, Nguyễn Đình Chiêm và Nguyễn Đình Ngưỡng. Trong số 6 người con này thì có 2 người là Nguyễn Thị Khuê và Nguyễn Đình Chiêm nối được nghiệp cha, vừa có tài lẫn đức. Nguyễn Thị Khuê văn tài lỗi lạc, góa chồng từ còn trẻ nhưng quyết thủ tiết không chịu tái giá, lấy hiệu là Sương Nguyệt Anh. Bà đã dạy học và làm chủ bút tờ báo đầu tiên của phụ nữ Việt nam lấy tên là *Nữ Giới Chung*. Nguyễn Đình Chiêm tự là Trọng Vinh là một nhà văn nổi tiếng. Ông là soạn giả các vở hát bộ *Phấn Trang Lầu*, *Tống Tình Trung*.

Nguyễn Đình Chiểu mất ngày 24 tháng 4 năm Mậu Tý (Đông Khánh thứ 3, 1888), thọ được 66 tuổi.

Nguyễn Đình Chiểu, một nhà ái quốc

Nguyễn Đình Chiểu hay ông Đồ Ba Tri, một danh hiệu riêng của cụ, là một con người rất khảng khái. Cụ đã từ chối lời đề nghị của quan đầu tỉnh Bến Tre người Pháp lúc đó là ông Michel Ponchon, thấy cụ là người có tài mà chẳng may bị tàn

tật nên ngỏ ý muốn cấp tiền dưỡng lão cho cụ.

Cụ không phải chỉ riêng là bậc thầy ngày xưa của đám môn sinh vùng Saigon, Mỹ Tho, Bến Tre. Cụ là bậc thầy dạy đạo đức thánh hiền cho người xưa và người nay.

Với người đời, cụ đồ không giảng dạy các bài luận lý khô khan. Cụ đã gián tiếp dạy đạo hiếu, trung, tiết, nghĩa, khi lưu lại tác phẩm *Lục Vân Tiên* và nhiều thơ nôm.

Cuộc đời đen tối của cụ là tấm gương cương thường chói rạng. Lúc cụ còn trẻ, bỏ thi, về hộ tang mẹ, quay lưng với cơ hội lập công danh để cư tang đái hiếu. Cử chỉ này thật đẹp. Quá đau buồn vì mất mẹ, cụ khóc đến đổi mù cả mắt; trong sách *Nhị Thập Tứ Hiếu*, chắc gì đã có tấm lòng hiếu để hơn tấm lòng yêu mẹ của nhà thơ miền Nam chúng ta.

Lòng ái quốc của cụ đã được gói gắm đó đây trong các vản thơ mà chúng ta sẽ lần lượt thử đọc qua:

Trong bài điệu Phan Công Tòng, cụ đã viết:

*Anh hùng thà thác chẳng đầu Tây,
Một giấc sa trường phận rủi may,
Viên đạn nghịch thần treo trước mắt,
Lưỡi gươm địch khái nắm trong tay.*

Năm 1859, Pháp đánh Gia Định, phá nát thành trì, lấy được khí giới, lấy được tiền của, cụ đau xót viết:

*Bến Nghé của tiền tan bọt nước,
Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây.*

(Chạy Giặc)

Và trong bài *Từ biệt cố nhân*, cụ lại ghi:

*...Vì câu danh nghĩa phải đi ra,
Day mũi thuyền nan, dạ xót xa
Người để muốn chi nương đất khách
Trời đà khiến vậy mền vua ta...*

Tháng 10 năm Kỷ Dậu (1859) đề đốc Page thay thế đề đốc Genouilly chủ việc giảng hòa; giáo sĩ tự do giảng đạo đặt Lãnh Sự, buôn bán ở các cửa bể; đặt sứ thần ở Huế, triều đình ta không có chủ trương ngoại giao, nên để mất dịp lập hòa hảo giữa hai nước.

Non nước tan tành hệ bởi đâu?

Năm 1861, nhằm ngày tháng giêng năm Tân Dậu, đô đốc Charner đem 70 chiến thuyền, 3500 bộ binh về Gia-Định, độ 20 hôm sau trận đánh bùng nổ. Các đồn Chí Hòa, Cây Mai, Thuận Kiều lần lượt thất thủ. Nguyễn Tri Phương bị thương.

*Sức giặc Lang-sa,
Nhiều phương quỷ quái,
Giăng dưới nước tàu đồng, tàu sắt,
Súng nổ quá bấp rang
Kéo lên bờ Ma-ni, Ma-tà
Đạn bắn như mưa vãi
Dù những đại đồn thuở trước
Cũng khó toan đề trướng ngàn cân
Huống chi cô lũy ngày nay
Đâu dám chắc treo màn một dải.*

(Văn tế Trương Công Định)

Sau đó, Hòa ước được ký kết, Trương Định vẫn đánh Pháp và viết thư cho Phan Thanh Giản, đại ý bất tuân triều đình:

“Dân ba tỉnh (đã mất) cử tôi làm đầu để đánh Pháp khôi phục đất nước. Tôi buộc lòng phải làm theo ý muốn của họ. Nếu các quan muốn bảo tồn cái tình thế ngày nay thì tôi sẽ nghịch chỉ Nam triều và tôi sẽ đánh tới hoài không kể chi cả.”

Ngày 6-2-1863, đô đốc Jaurès chỉ huy trên 10 chiến thuyền công phá Gò Công, định bắt Trương Định. Binh của Trương tan rã, nhưng chiến sĩ nào có ngã lòng. Trương Định cho dán yết-thị tại Mỹ Tho: ai giết Tây, nạp đầu được thưởng.

Với Trương quân, Nguyễn Đình Chiểu đã có tình tri kỷ. Khi Trương chiêu mộ ba quân rồi lui về một nơi chờ thời cơ đến yêu cầu Nguyễn Đình Chiểu gia nhập nghĩa quân. Cụ đồ cáo từ vì tàn tật. Sau này viên tướng háo chiến họ Trương có lắm phen tìm đến cụ để cầu mưu lược kế. Chính cụ đã từng khuyên Trương lui về đất hiểm, tuân lệnh vua ngưng chiến:

*... Chợt thấy cánh buồm lai sứ, cuộc giảng hòa những tướng
là xong; đã đành tấm giấy tỵ phong, phận thân tử há đâu dám
cãi.*

Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên tử chiếu; theo bụng dân phải chịu tướng quân phù, gánh vác một vai khổ ngoài.

(Văn tế Trương Định)

Trương Định chết, Pháp mừng vì yên được một nỗi lo nhưng có bao nhiêu Trương Định khác nổi lên. Trương Định chết, Nguyễn Đình Chiểu viết bài văn tế thật náo nùng:

Ôi!

Một trận khói tan;

Ngàn năm tiết rõ

*Binh tướng nó hãy đóng sông bến Nghé,
làm bốn phía mây đen.*

*Ông cha còn ở đất Đồng Nai
ai cứu đảng một phương con đỏ.*

*Thác mà trả nước non rồi nợ,
danh thơm đồn, sáu tỉnh chúng đều khen.*

*Thác mà ưng đình miếu để thờ,
tiếng ngay trải muôn đời ai cũng mộ.*

*Còn đánh giặc, mất cũng đánh giặc,
linh hồn theo giúp cơ binh,
muôn kiếp nguyên được trả thù kia.*

Lệ của nhà ái quốc đã thấm ướt bài Văn Tế Vong Hồn Dân
Mộ Nghĩa:

Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo,

Thương vì hai chữ thiên dân.

Cây hương nghĩa sĩ thấp thêm thơm,

Cám bởi một câu vương thơ.

(Theo quốc âm thi tập của Paulus Của)

Biên Hòa thất thủ vào tháng 11, kế đến đồn Bà Rịa bị chiếm. Triều đình nhường ba tỉnh miền đông. Qua năm sau (tháng ba năm Nhâm Tuất 1862) Thiếu tướng Bonard đem 1.000 quân và 11 chiếc tàu đánh Vĩnh Long.

Lúc bấy giờ Nguyễn Đình Chiểu cảm khái, náo nê có khác gì bạn của cụ là Phan Văn Trị.

Tan nhà cám nỗi cơn ly hận

Cắt đất thương thay cuộc giảng hòa. (Phan Văn Trị)

Cuối tháng 2 năm Tân Dậu (1861), Thiếu tướng Bourdais đánh Định Tường. Quan Hộ đốc Nguyễn Công Nhân bỏ thành mà chạy. Hai ngày sau, Gò Công, Cần Giuộc bị công phá. Ba tỉnh miền đông đã mất.

Một phương thà tránh đường gai góc,

Trăm tuổi cho tròn phận tóc da.

(Từ Biệt Cố Nhân)

Nỗi lòng của nhà ái quốc đã đau đớn vì nhà tan nước mất, lại càng đau đớn hơn vì bao nhiêu anh hùng liệt sĩ đã bỏ mình trong trận nhất tề ứng khởi nói trên. Dưới ánh trăng rằm kháng chiến:

Chùa Tân Thạnh năm canh ung đóng lạnh,

Tấm lòng son gởi lại bóng trắng rằm;

Đồn Lang-sa một phút trả dặng hồn,

Chút phận bạc trôi theo dòng nước đổ.

Nhà thơ ái quốc diễn tả cực kỳ rõ ràng, cực kỳ cảm động: phá đồn giặc, trả quốc thù, xác trôi theo dòng nước, tấm lòng yêu nước đẹp như trăng rằm.

Hàng năm đến ngày rằm tháng 11 (năm Tân Dậu), chắc hẳn Nguyễn Đình Chiểu thấy diễn qua trong trí một đoàn nghĩa quân đi. Tiên sinh đã khóc như rằm xưa:

Trong Nam tên họ nổi như cồn,

Mấy trận Gò Công nức tiếng đồn.

Dấu đạn hơi rêm, tàu bạch quỉ

Hỡi gươm thêm rạng thể hoàng môn

Ngọn cờ ứng nghĩa trời chưa bể,

Cái ấn bình tây đất vội chôn.

Nỡ khiến anh hùng rơi giọt lụy,

Lâm dâm ba chữ diếu linh hồn

(Điếu Trương Định)

Trong lúc ấy, Tôn Thọ Tường ra lời truyền thị chống kháng chiến:

... Thiếu chi kẻ anh hùng lỗi lạc,

Cũng phục tùng mà hộ quốc tì dân.

Còn như người mình triết bảo thân

Thì thói độn mà an sinh lạc nghiệp.

.....

*Khen cho hay múa gậy vườn hoang,
Lừa hớ cơ mà phát cờ dổng trống nhộn nhàng.
Muốn địch với quan binh,
Ví chẳng khác bắc cầu qua bể.*

(Tôn Thọ Tường)

Trong bài thơ *Ngựa Tiều Sương*, ta thấy rõ sự phẫn uất của Nguyễn Đình Chiểu, phẫn uất mà hờn mà tủi, càng tủi hờn càng đau đớn:

*Chẳng cho chủ khác ngồi lưng cổ,
Thà chịu vua ta nắm khớp cương.
Ngựa nghĩa còn cứu nhà nước cũ,
Làm người sao nỡ phụ quê hương.*

Khóc nhà yêu nước Phan Thanh Giản, Nguyễn Đình Chiểu đã viết:

*Non nước tan tành hệ bởi đâu,
Dầu dầu mây bạc cõi Ngao Châu
Ba triều công cán vài hàng số
Sáu tỉnh cương thường một gánh sầu.
Trạm Bắc ngày chờ tin điệp vắng,
Thành Nam đêm quạnh tiếng quyên sầu.
Minh Sanh chín chữ lòng son tạc,
Trời đất từ nay mặc gió thu.*

Vì yêu nước, Nguyễn Đình Chiểu ghét cay ghét đắng đàn dê của Tô Vũ và thương yêu chim Việt, ngựa Hồ.

*Phải dựng lưòi gươm người Hứa chữ,
Be-he đâu dám giẫm vườn ta*

(Con dê)

*Gấm chuyện ngựa Hồ, chim Việt cũ,
Lòng đây tưởng đó, mất như còn.*

(Điếu Phan Công Tòng)

Bây giờ ta hãy nghe sự phát biểu của Nhượng Tống:

“Tôi bồi hồi và kính cẩn. Tôi kính cẩn trước cái tâm sự của những nhà nho ấy, cái tâm sự anh hùng mạt lộ: không biết ở

thời nào những người anh hùng mặt lộ, hay trốn vào cửa Phật. Anh hùng mặt lộ bán vi-tăng. Nhưng ở đây người anh hùng mặt lộ không nở trốn đời. Sống giữa cảnh ngộ khát khe gây ra bởi người và bởi trời, người anh hùng của chúng ta vẫn dám sống và không phút nào lìa Đạo. Nghĩa là với cuộc đời bể dâu, với đôi mắt mù lòa, cụ Đồ Chiểu vẫn thấy mình là người vui với đạo, vẫn cố tìm cách đem chút hơi sức tàn mà giúp ích cho đời. Và một hơi thở hãy còn trái tim nóng ấy vẫn chưa chịu nguội... Vất hẳn cái giá trị về văn chương, về y thuật ra ngoài, chúng ta, con cháu chúng ta vẫn học hỏi được ở cụ một tinh thần đạo đức và một lòng ái quốc thật sâu đậm.”

Nguyễn Đình Chiểu, một thi sĩ, một nhà văn

Đọc văn Nguyễn Đình Chiểu, có người nói: “ta sẽ thấy những chỗ bơ thờ, lạt lẽo, sống sượng, lúng túng, vụng về”. Nhưng không hẳn như vậy, phải nói: văn Nguyễn Đình Chiểu không màu sắc. Mà nói không màu sắc cũng không hẳn đúng. Tiên sinh chỉ dùng những màu tưởng tượng và phần nhiều những màu khô khan, héo úa.

Thì đây:

*Vườn luống trông xuân, hoa ủ dột,
Ruộng riềng sầu chủ, lúa khô khan.*

hoặc:

*Đá kêu rêu mọc bìa Dương Nghiệp,
Cỏ úa hoa tàn mả Lý Lang.*

Bảo rằng những luật của thơ Đường nó ép uống, chỉ dùng có mười bốn chữ trong hai câu tả, nên màu tươi, sắc thắm không nảy ra trên thơ tứ tuyệt, bất cứ, là sai. Ta hãy lấy một vài tỷ dụ ở các nhà văn khác.

Hai câu của bà Huyện Thanh Quan sau đây thật là một bức tranh đơn sơ mà tuyệt mỹ:

*Xanh om cổ thụ tròn xoe tán,
Trắng xóa tràng giang phẳng lặng tờ.*

Còn muốn những màu rực rỡ ư? Xin hãy đọc hai câu thơ

sau của Nguyễn Công Trứ:

*Liễu tía, đào hương, mai trắng trắng,
Lan tươi, huệ tốt, lá xanh xanh.*

Nhưng bình sanh, Nguyễn Đình Chiểu ít làm thơ thất ngôn tả cảnh, vậy ta thử tìm kiếm trong thơ lục bát là lối sở trường của tiên sinh xem có tìm được những màu sắc rực rỡ không:

Một cảnh, tiên sinh đã kết là “*cảnh xinh như vẽ, người tươi như dãi*” mà tiên sinh viết:

*Buồn trông dặm liễu đường hòe,
Tiếng chim gọi hãm tiếng ve kêu sầu.
Buồn trông non nước một màu,
Sông quanh quẩn khúc, núi chồng chịt cao.
Thác gành lên xuống trải bao
Trên gành chim hót dưới ao cá cười.*

(Lục Vân Tiên)

thì thật chúng ta chẳng thấy cái xinh, cái tươi ở chỗ nào cả.

Trong một đêm trăng mờ, có lẽ nó hợp với tâm hồn tiên sinh thì những cái mờ mờ, tối tối nó thoát ra được một cách dễ dàng:

*Hai bên bờ bụi rậm rì,
Đêm khuya vắng vẻ gặp khi trăng mờ,
Trông chừng đường sá bơ vơ,
Có đàn đom đóm mờ mờ đi theo.
Qua sông rồi lại trèo đèo,
Ve kêu sầu não, dế kêu não nùng?*

(Lục VânTiên)

Nhưng đến cái cảnh sau đây, đầu tiên sinh có dùng sức tưởng tượng mà tả ra, nó cũng vẫn bằng phẳng u tối. Các màu tươi thắm vẫn không sao nổi bật lên được.

Một cổ miếu bên đường, trước có đám sen, mà lại dưới một ngày trời nắng, thì có biết bao màu sắc. Thế mà tiên sinh đã viết:

*Thấy tòa cổ miếu bên đường,
Cây cao bóng mát, vách tường phấn tô.
Cùng nhau tránh nắng bước vô,*

*Trước sân thấy có một hồ non sen.
Một hồ sen nở lửa bèn,
Hoa đua nở nhụy, hoa chen ngậm cười!*

(Dương Từ Hà Mậu)

Một cảnh nữa, đáng lẽ nó phải lộng lẫy nguy nga, nó phải tung bừng rực rỡ, thế mà với lời văn Nguyễn Đình Chiểu nó lại tẻ ngắt, “lạnh lùng”. Cảnh ấy, cảnh đức Khổng Tử đi châu Ngọc Hoàng Thượng Đế:

*Phút đầu trên chốn tây lâu,
Nổi ba tiếng sấm, nhóm châu các cung.
Áo xiêm đai mao, lạnh lùng,
Tinh quân các vị, rừng rừng tới nơi.*

.....
*Thấy li có tám thẻ bài,
Để riêng Khổng Tử đại tài thánh vương.
Ngồi trong kiệu ngọc tàn vàng,
Một ông Khổng Tử dung nhan tốt lành.*

(Dương Từ Hà Mậu)

Những bức tranh mà Nguyễn Đình Chiểu vẽ ra bằng lời thơ đó, chỉ là những bức thủy mặc mà tác giả đã trưng bày sau một tấm màn thưa.

Ta không thể trách được nhà thơ ấy. Mà ta cũng không thể lấy đấy mà giảm tài nghệ của thi nhân.

Đọc suốt cuốn *Lục Vân Tiên*, ta phải thấy cái khéo của tác giả. Mỗi khi cần phải tả một cảnh thiên nhiên, tiên sinh vì cái tật của mình, cái tật nó làm cho tiên sinh trở nên vụng về, tiên sinh chỉ như nhà họa sĩ, dùng mấy nét phác đơn sơ, tạo nên một bức tranh có hình, có bóng, còn màu sắc, tiên sinh để người đọc mặc sức điểm tô. Những cảnh ấy nó chỉ thoáng trong một vài câu, rồi những hoạt động của nhân vật trong cảnh nổi bật hẳn lên, chiếm hết phần quan trọng, cho kín những phong cảnh xung quanh.

Văn của Nguyễn Đình Chiểu không có những màu sắc tung bừng, nhưng trái lại, có một nhạc điệu rất phong phú, cái nhạc điệu theo luật thừa trừ của tạo hóa mà nảy ra.

Hai con mắt đã mù, thì hai lỗ tai phải thính. Cái nhạc điệu nó rải rác trong văn Nguyễn Đình Chiểu thì nhiều. Ngay trong những câu văn trích ở trên, ta đã thấy những tiếng chim hót, ve kêu, cá cười, để gọi.

Đọc đoạn văn sau đây, chúng ta thấy nó linh động, vui vẻ, êm dịu biết chừng nào. Nó là một cảnh hòa nhạc thanh thú: tông reo, chim hót, đàn suối, hoa cười. Cảnh hữu tình thay:

*Hữu tình thay ngọn gió đông,
Cành mai nở nhụy lá tông reo vang,
Cỏ thơm hớn hở bên đàng,
Như từng mừng khách đông hoàng đến đây.
Liều lo, chim nói trên cây,
Như từng chào hỏi khách nay đến nhà.
Hai bên cỏ mọc giao hòa,
Như từng đón rước giang hà người sang.
Dưới khe nước chảy tợ đàn,
Như từng mừng bạn hương quan tách vời.
Trăm hoa đua nở miệng cười,
Như từng mừng rỡ gặp người cố tri.*

(Dương Từ Hà Mậu)

Văn Nguyễn Đình Chiểu tả phong cảnh thì ít, mà tả tâm cảnh thì nhiều. Cảnh là điều giả dối, phù vân, mà tâm mới chân thành, trường cửu.

Tả tâm, văn tiên sinh lại rất lưu loát:

*Những làm phụ mẫu hiển vinh,
Nào hay từ thọ u minh sớm rồi.
Thấu chẳng bể rộng, trời dài,
Tưởng niệm cục cục rã rời phế can?*

(Lục Vân Tiên)

Lắm lúc vẩn vơ, óc những mơ ước, cầu khẩn một vị thần tiên giáng thế cứu giúp cho mình:

*Đêm nằm thấy một ông tiên,
Đem cho thuốc uống mắt liền tỉnh ra?*

Bao năm lao đao nơi sân Trình cửa Khổng, tiên sinh nào có bỏ phí cái tài ba. Cái đạo Nho mà tiên sinh thờ kính tôn sùng,

bao giờ tiên sinh cũng quyết một lòng giữ trọn. Ngoài cái thì giờ giảng sách thánh hiền, tiên sinh còn làm thơ khuyến thế:

Giận đời lắm việc đảo điên,

Làm thơ khuyến thế miêng liền ngâm chơi.

Thì mở đầu cuốn *Lục Vân Tiên* đã thấy cái dụng tâm của tác giả:

Trai thời trung hiếu làm đầu,

Gái thời tiết hạnh là câu trau mình.

Tiên sinh cổ võ những khí tiết anh hùng:

Làm trai trong cõi thế gian,

Phú đời giúp nước, phơi gan anh hào.

Làm cho tỏ mặt tài cao,

Nước non biết mặt, thị tào biết tên.

(Lục Vân Tiên)

Và ngược lại, tiên sinh hết sức mặt sát những điều trái với luân thường, đạo lý:

Mả chồng ngọn cỏ còn tươi,

Lòng nào mà nữ nói lời nguyệt hoa,

Hổ thay mặt ngọc da gà,

So loài cầm thú dễ mà khác chi.

(Lục Vân Tiên)

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà mỹ thuật có tài, dấu cái tài chưa đến chỗ hoàn mỹ. Vì mỹ thuật phải chăng là sự đào tạo ra cái đẹp? Có cái đẹp lộng lẫy nguy nga; có cái đẹp thâm trầm êm ái. Lấy sự vui làm cái đẹp, ấy là chủ nghĩa kẻ yêu đời. Lấy sự khó làm cái đẹp, ấy là chủ nghĩa kẻ thương đời, nhưng dấu sao cũng là đẹp cả.

Cái đẹp tuyệt đích thì không bao giờ có. Chỉ có cái đẹp tương đối; nhưng bên cái đẹp tương đối còn nhiều cái chỉ đẹp về một phương diện.

Nguyễn Đình Chiểu cũng đem tài nghệ ra thờ cái đẹp. Nhưng cái đẹp của Nguyễn Đình Chiểu chỉ là cái đẹp tinh thần, cái đẹp đạo đức do Nho giáo mà nảy nở, nên luôn luôn tiên sinh giảng giải, cổ võ những tam cương ngũ thường, cốt đi tới mục đích riêng mình, mục đích nó hợp với lòng người thời

ấy. Còn hình thức ông đã vì cố tật hay cố ý mà nhắm mắt bỏ qua.

Sự vụng về, cái lúng túng, những chỗ sống sượng cũng vì đấy mà có.

Nhưng bên cái vụng về, ta phải xét đến những cái đẹp nảy nở ở tài năng.

Thì đây, xin nêu ra vài thí dụ:

*Bóng thỏ ven mây lồng đất trắng,
Gương thiềm đáy nước vẽ trời xanh.*

hoặc là:

*Sao bằng một cõi an sanh,
Sông sâu vực thẳm ai giành chi ai.
Theo sông khúc vắn khúc dài,
Dăm ba sợi nhợ một vài cần tre.
Đêm trăng ngày gió bạn bè,
Vui câu hát xướng, vui ve rệu dào.*
Thật là một cảnh an nhàn thanh thú.

Còn nếu muốn những câu văn cảm khái, trầm hùng, tưởng không phải là ít:

Đau đớn bấy, mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya léo lét trong lều.

Não nùng thay vợ yếu chạy tìm chồng, con bóng xế dật dờ trước ngõ.

Nguyễn Đình Chiểu không lấy lối chơi văn gọt dũa mà thờ phụng cái đẹp, tiên sinh chỉ để trong tác phẩm mình hết cả cái tâm hồn cái tình cảm đặc biệt đã làm nảy ra trong thi tứ tiên sinh một lối văn đặc biệt. Nếu hai mắt không mù, nếu sự đời đổi khác, biết đâu tiên sinh chẳng đi đến chỗ hoàn toàn.

- Nhưng chỉ vì chữ tâm mà văn tiên sinh được trường thọ.

- Văn tiên sinh đã được các nhà văn Pháp khen ngợi.

- Ý tưởng của tiên sinh được dân chúng mến yêu.

Ngày nay chúng ta còn mộ cái tài ấy, phải chăng cũng chỉ vì hai chữ tâm hồn.

*Ba Tri từ vắng tiếng hơi chàng,
Gió thảm mưa sầu khá xiết than.*

.....
Người ấy vì ai ra cố ấy,

Chạnh lòng trăm họ ngậm ngùi thương.

(Trích *Nam Kỳ Tuần Báo*

số đặc biệt ngày 26-6-1943)

Nguyễn Đình Chiểu, một y sĩ

Lúc y học Thái tây chưa tràn lan sang đất Việt, chỉ nhà vua có thầy thuốc riêng, với cái chức ngự y, để săn sóc mình rồng và hoàng tộc. Khi long thể hơi trầm trọng, ngoài những ngự y, những bực danh sĩ, cận thần cũng được triệu vô cung chuẩn mạch, lấy lẽ rằng đã là một bực danh nhân văn học thì môn y lý cũng phải thông tường.

Một nhà thơ trong triều Nguyễn ta, Tuy Lý Vương mà vua Tự Đức đã hết lời khen ngợi trong hai câu:

Văn như Siêu, Quát, vô tiền Hán

Thi đáo Tùng, Tuy, bất thịnh Đường.

trải mấy triều vua, vẫn được triệu vô nội trước khi long thể bằng hà.

Chẳng phải vịn vào lẽ đó, chẳng phải dựa vào cái tú tài của “Cụ Đờ” nhưng ta vẫn dám đề: Nguyễn Đình Chiểu, một y sĩ.

Ta dùng chữ y sĩ chứ không dùng hai chữ “ông lang” vì trong cái xã-hội Việt-nam lúc ấy, mà cả ngay bây giờ, thiếu gì những ông “lang thang vợ vắn.”

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà y sĩ có học mà học y lý một cách uyên thâm.

Trong sách *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu đã lấy tên ông thầy thuốc chữa bệnh mù lòa cho Vân Tiên là Triệu Ngang. Ông này khoe giỏi, khoe hay mà rốt cuộc đôi mắt Vân Tiên mù vẫn hoàn mù, còn mấy mươi lạng bạc thầy đã bỏ gọn vào túi rồi nhẹ bước ra đi.

Sụt sùi than khóc chán chê

Bởi tin nên mắc, bởi nghe nên làm,

Tiền lo chạy chữa hơn trăm,

Mình ve xơ xác ruột tằm héo hon

Thương ôi! tiền mất, tật còn...

Đeo cái cổ tật ấy, tiên sinh còn có nghị lực, tìm đến một ngự y, nhận làm môn đệ Hoàng Kỳ, theo học. Phải biết đâu trong thánh kinh, một khoa thần bí chẳng nẩy nở để giúp mình tự trị bệnh mình, mà không thể chẳng nữa thì cái thân mù kia cũng còn giúp ích được đôi chút cho người đồng chủng.

Tiên sinh học thuốc, không phải học một cách sơ sài, trái lại, tiên sinh đã để rất nhiều tâm lực. Trong một bài thơ viết cho người em là Nguyễn Đình Tự, tiên sinh căn dặn: “Được trị đau, chớ khá sơ sài”. Thế đủ rõ, tiên sinh rất quan tâm đến môn học của mình và rất trọng mạng người đau ốm!

Trong y học thái tây, khi nào học hết nội thương, ngoại bệnh mới học khoa vệ sinh, khoa dạy người ngừa bệnh tật.

Được biết nhiều vị danh y về nam dược, bắc dược có khoa trị bệnh mà không có khoa phòng bệnh. Với Nguyễn Đình Chiểu, ta phải sững sốt khi đọc hết thiên “Bảo Dưỡng”:

*Người xưa ăn ở thật thà,
Ít ai đắm rượu tham hoa quên mình,
Vốn không làm quấy nhọc hình,
Nào là mắc bệnh thất tình lục dâm,
Thiên niên hai chữ trọn cầm,
Vừa chừng trăm tuổi mới trăm về quê,*

.....

*Người nay ăn ở khác bề,
Rượu đầm trong bụng, sắc kề bên thân.
No say rồi lửa dục lòng,
Đốt trong khí huyết tinh thần còn chi!
Chịu đau lấy chứng nan y,
Bốn năm mươi tuổi chết đi uống đời.*

(Ngư Tiều Ván Đáp)

Những qui tắc về mục vệ sinh ăn uống, những cách bài trừ nạn huê liễu, những cách phòng ngừa bệnh lao, ta đã thấy rai rác một cách sơ khai trong mấy câu lục bát gọn lỏn.

Thì ra Nguyễn Đình Chiểu khi “nhập môn đạo Hoàng Kỳ,

đã quen với Linh Khu, Tố Ván, Nạn Kinh là những bốn cội gốc của đông y, mà ngày nay nhiều thầy thuốc bắc không biết đến tên, lựa chi là nói đến nghĩa của nó.”

Nguyễn Đình Chiểu lại học cả khoa đờ đở thực hành nữa, không vậy sao tiên sinh lại có thể kể tội được những bà mụ dốt nát, hại bao nhiêu trẻ chưa ra lọt khỏi lòng.

*Bào thai đã định ngày giờ,
Mười trăng chưa đủ phải chờ mới nên
Vợ người chuyển bụng đau rên,
Mụ bà chẳng hỏi chớ quên tháng ngày.
Lên giường vội vã ra tay,
Rằng ta sửa bụng cho quày đầu ra.*

.....
*Coi rồi chẳng thấy lỗ mòi,
Khiến xui hết thuốc giục đòi cho mau.*

.....
*Bảo người rán rặn làm nhau để đùa.
Hai tay bóp bụng đẩy xua,*

.....
*Khiến con trong bụng chẳng an,
Ngất mình nên phải tìm đường dặng ra.
Lầy quày chưa kịp hạ xa,
Mụ bà tay chặn kéo ra vội vàng.*

(Dương Từ Hà Mậu)

Nhân nói về y học, ta nhận thấy có một chỗ sai lầm của Nguyễn Đình Chiểu, đó là một sai lầm của đông y thời ấy. Chỉ tuân ở chữ thuận của lẽ trời, Nguyễn Đình Chiểu không dè đến chữ nghịch nó là những cái éo le, khe khắt của sự đời cũng như của khoa học.

Theo tiên sinh thì đứa trẻ trong bụng, trời sanh ra lúc nào cũng nằm thuận.

*Vả trời phú tánh đã an,
Có cho ai ngược ai ngang bao giờ.
Bào thai đã định ngày giờ
Mười trăng chưa đủ phải chờ mới nên.*

Không đúng vậy. Với sự tiến bộ của khoa học, với sự kinh nghiệm hàng ngày của y khoa ngày nay, chúng ta thấy vẫn có người đẻ ngược, đẻ ngang. Với khoa mổ xẻ, với những cái kẹp, cái kim, với những phép dạy nuôi các hài nhi sanh thiếu tháng, chúng ta đã chứng kiến có nhiều trẻ, trông thấy ánh sáng mặt trời, rồi sống mà sống lâu là đằng khác.

Nhưng Nguyễn Đình Chiểu có một cái tài. Những chỗ khó khăn ở trong sách thuốc, dịch ra nào có dễ gì, thế mà tiên sinh đã dùng một lời văn bình giản, diễn tả một cách lưu loát, gọn gàng.

Cũng ở trong thiên Bảo Dưỡng, hai câu:

Ta nghe thánh trước bảo răn:

Đau hay cần thuốc, chi bằng ngừa đau.

thật đã gồm hết những chương, tiết, bao nhiêu qui tắc của khoa vệ sinh, của khoa phòng bệnh.

Còn câu nào dịch hơn câu ngôn ngữ Pháp “*Mieux vaut prévenir que guérir.*” mà chúng ta lấy làm đầu đề khi phải giảng những phép vệ sinh cho công chúng.

Nguyễn Đình Chiểu là người đầu tiên trong văn giới Việt-nam đã lấy giấy liên lạc đem nối chặt khoa học với văn chương. Đem lối văn giản dị, thông thường; đem lời thơ du dương để cảm mã diễn giải những ý tưởng về khoa học mà nhất là y học, tưởng không phải là việc dễ. Ta nên nhận xét chỗ đó mà biết cái tài, cái công của tác giả.

Nếu lấy y lý của Thái tây mà xét thì Nguyễn Đình Chiểu là một y sĩ hoàn toàn. Ta hãy thử xét cái y thuật của Nguyễn Đình Chiểu ra sao? Trước hết, tiên sinh đã bước vào y lâm với một lòng quả quyết, với một húng chí:

Trời đông sùi sụt gió mưa tây,

Đau ốm lòng dân cậy có thầy.

Phương cũ “vua tôi” gìn trước mắt,

Mạng này già trẻ gởi trong tay.

Trận đồ tám quẻ còn nơi dấu,

Bình pháp năm mùi sẵn có cây.

Hỡi bạn y lâm, ai muốn hỏi?

Đò xưa, bến cũ có ta đây.

Xem vậy, tiên sinh tin ở tài mình lắm lắm.

Tự nguyện làm một y sanh, tiên sinh biết rằng mình đã đặt
đế vào nơi mình một hy vọng của người đau ốm.

Đau ốm lòng dân cậy có thầy

mà bên cái hy vọng của xã hội người đau, tiên sinh cũng biết
còn một bổn phận rất to tát:

Mạng nay già trẻ gởi trong tay.

Ta thấy lắm y sĩ, có cái tài không ai chối cãi được, nhưng
bên cái tài, còn có mối lợi, mối lợi nó thường làm mờ ám tâm
hồn. Vì mối lợi, nhiều danh y đã đem khoa học ra làm nghề
buôn bán; vì mối lợi, nhiều thầy thuốc đã tự dối mình, làm mờ
ám cả lương tâm, bôi lọ cả một khoa học, khoa học thiêng
liêng với tất cả ý nghĩa của hai chữ ấy.

Ta thật khâm phục nhận thấy cái y thuật của Nguyễn Đình
Chiều: danh không màng mà lợi không ham:

Nước trong rửa sạch ruột trơn,

Một câu danh lợi chi sờn lòng đây.

như vậy, chữ lợi, không sao vẫn đục được cái tinh khiết của y
khoa.

Tiên sinh đã chẳng lấy môn đó làm kế sinh nhai, tiên sinh
cho cái nghệ thuật đó nó sạch thơm khôn xiết, mà trong y
thuật, bao giờ tiên sinh cũng lấy âm đức làm đầu:

Từ đây sóng gió xa thuyền,

Khỏi nơi lặn lội, lên miền sạch thơm.

Đặng theo sâm quế mùi thơm,

Dầu cho bữa cháo bữa cơm cũng dành.

Nguyện làm một kẻ y sanh,

Lấy câu âm đức đổi danh lão chài.

(Ngư Tiều vấn đáp)

Đem học vấn, đem tài năng ra để chữa cái đau, cái khổ cho
người, mua vui cho người mà thân mình thì “dầu cho bữa cháo
bữa rau cũng dành”, ôi! tấm lòng cao quí xiết bao!

Một lòng trọn đạo, tận tụy với nghề, tận tâm với bệnh, tiên
sinh là một người tòn tâm, tế thế. Với Nguyễn Đình Chiều, bao

giờ ta cũng thấy chữ tâm là chữ trọng, chữ tâm nó nảy nở ở thiện căn mà chữ tài kia không bao giờ sánh kịp.

Để kết luận bài viết hôm nay, chúng ta nhận thấy nơi Nguyễn Đình Chiểu một vài hình ảnh:

- một nạn nhân của số mạng khắt khe
- một người quân tử đạo Nho
- một chiến sĩ vị quốc đầu tranh.

a) Là một người con có hiếu mất mẹ, phải bỏ dở đường công danh, bị mù giữa lúc mộng đời rạng rỡ, Nguyễn Đình Chiểu khóc rất nhiều vì những bất hạnh của đời mình. Bị mù rồi, Nguyễn Đình Chiểu còn bị những người thân phản bội: gia đình vị hôn thê, các bạn bè tiếp nối nhau, khơi rộng những khổ đau cho kẻ hiền nhân. Tất cả cái tâm sự này, tác giả đã để lộ ra trong truyện *Lục Vân Tiên*.

b) Được rèn luyện trong rừng Nho bể Thánh, Nguyễn Đình Chiểu là kết tinh của tinh thần Nho giáo, là hiện thân của người quân tử theo đúng ý nghĩa đạo Nho.

Trước hết, ông lo giữ cho phẩm-cách thực trong sáng. Giữa cái xã hội lừa lọc đố đen: vợ bỏ chồng, tôi phản chúa, anh em bè bạn lường gạt nhau, nhất là một số sĩ phu vong bản chạy theo tân trào vì tham danh vọng, Nguyễn Đình Chiểu đã giữ vững lòng trung nghĩa.

Biết lo tròn thiên mệnh và bảo toàn khí tiết chưa đủ, người quân tử đạo Nho còn mang hết tâm lực và cái biết ra để duy trì đạo đức xã hội. Ta tìm thấy tâm sự phò thế của tác giả nơi những nhân vật hiền lương trong *Lục Vân Tiên* (Vương Tử Trực; Hồn Minh, ông thầy của Lục Vân Tiên; lão chài đánh cá, người chủ quán...) cũng như trong *Dương Từ Hà Mậu*, tác giả đã phê bày cái thảm trạng “bỏ quên nguồn gốc” của nhiều hạng người, và đã dùng những lời văn răn rỏi để cảnh giác đồng bào.

c) Nơi Nguyễn Đình Chiểu, ngoài tâm sự của một nạn nhân số mệnh, một sĩ phu tiết tháo, ta còn tìm thấy tâm sự của một chiến sĩ biết hòa mình trong cuộc đấu tranh gian khổ của đồng

bào miền Nam, biết cảm thông vô vàn với vui buồn, vinh nhục của quốc dân trong buổi quốc phá gia vong. Ông không chịu hợp tác với Pháp, thụ hưởng những miếng mồi phú quý mà ngoại nhân muốn dành cho ông. Là một phần tử đặc lực trong hàng ngũ nghĩa quân, ông bày kế hoạch, khuyến khích cho công cuộc kháng chiến.

Những mộng ước tang bồng, lòng hứa quốc hăng say của ông, ông đã gởi vào một *Lục Vân Tiên* say sưa tranh đấu sau khi chàng đã được vinh hiển về khoa bảng. Chí hướng ấy, ông cũng đã để lộ ra trong bài *Viếng cụ Phan Thanh Giản*. Rồi những cảnh thương tâm do nạn binh đao máu lửa gây nên, đã được ông phác họa ra trong bài *Chạy Giặc*, *Điếu Lục Tỉnh Sĩ Dân Văn*, *Văn Tế Vong Hồn Mộ Nghĩa*... Ông đã khóc rất nhiều, buồn hận rất nhiều trước cảnh:

Bến Nghé của tiền tan bọt nước,

Đồng Nai tranh ngôi nhuộm màu mây.

hoặc cảnh:

Phạt cho đến người hèn kẻ khó, thân của quay treo, tội chẳng tha con nít đàn bà, đốt nhà bắt vật.

Kể mười mấy năm trời khốn khó, bị khảo tù, bị giết, trẻ già nào xiết đếm tên, đem ba tấc hơi mòn bồ liễu, hoặc sông hoặc bể, hoặc núi hoặc rừng, quen lạ thấy đều rơi nước mắt.

Những tác phẩm trường thiên, thất ngôn, lục bát, văn tế của Nguyễn Đình Chiểu đã nói lên được nhân cách, chí hướng và cảm xúc của một chân nho cuối mùa, sống giữa buổi đời nhiều nhương, giữa giai đoạn đấu tranh quyết liệt về chính trị cũng như về ảnh hưởng văn minh Tây và Đông phương.

Nhưng rồi, nền móng cổ truyền bị lay chuyển, rạn nứt và lung đổ. Một tòa nhà mới được dựng lên trên nền cũ. Bóng người xưa, tiếng vọng của năm xưa, vẫn còn phảng phất trong lũy tre la đà, còn bảng lảng trên những kênh ngòi vườn ruộng trùng trùng điệp điệp muôn đời trên mảnh đất quê hương. Quý giá biết bao, và hào hùng biết bao lời khuyên bất hủ của Nguyễn Đình Chiểu đồng thời cũng là một nét phác họa tổng quát một tâm sự: tâm sự của tác giả:

*Thánh xưa hiền trước để lời:
Phò vua, giúp nước, sửa đời, dạy dân.
(Dương Từ Hà Mậu)*

và:

*Làm người hễ có luân thường,
Nắng mưa chẳng sợ tai ương chút nào.*

.....

*Thanh bần giữ phận an vui,
Noi nhân giữ nghĩa có hồi sấm vang
(Lục Vân Tiên)*

Tài liệu tham khảo:

- Các thi sĩ miền Nam của Nguyễn Đức Hiền và Chu Đăng Sơn
- Trích Văn Hóa Á Châu số 23, 24 (ra ngày 2-3-1960)
- Trích Nam Kỳ Tuần Báo (số đặc biệt ngày 26-6-1943)
- Các sách: Lục Vân Tiên, Dương Từ Hà Mậu, Ngự Tiều Vấn Đáp
- Các bài Văn Tế của Nguyễn Đình Chiểu.

Cho Bông Sen Nhỏ Vườn Sau

* tặng đóa sen hồng đầu-tiên
nở trong hồ Hạ, vườn làng, tháng 7.94

*Chấp tay hoa, e-ấp nụ hồng đào
Nghiêng má phấn đón mặt trời buổi sớm
Em từ đâu? Theo ta về vườn mơn
Tắm nước ao hên, nở đóa thanh cao.*

*Từ đông-phương, từ biển vắng, rừng sâu?
Nơi bóng tối chấp-chùng trên xứ khổ?
Nơi loài người sống trong lòng hoang mộ
Em có bao giờ nghe hết tiếng thương đau?*

*Chấp tay hoa, em nở nụ nhiệm-mầu
Dâng hương quý vổ-về đêm tịch lặng
Từng cánh rắc nâng bước người chao nặng
Em cúi đầu mặc niệm cả đời sau.*

*Từ thuở có em về trên đất tuyết
Nhìn ngó non trâm-mặc dưới mưa buồn
Chợt nghe ra một giọng hò da-diết
Từ Tĩnh Tâm trải rộng một dòng Hương.*

*Rồi chớp mắt bầy nhụy vàng ngan ngát
Tan về đâu để lại một đài gương
Cảm ơn em, ơn những đóa dị thường
Đã để lại một niềm vui chân thật.*

Trên Một Chuyến Bay Đêm Giao Thừa

*Cuối mùa chợt nghe biển gọi
Vẫy tay từ biệt thê nhi
Lưng đeo túi đàn lấm bụi
Bước lên lưng gió mà đi*

*Dưới kia chập chùng biển lớn
Bên ngoài thăm thẳm đêm đen
Chung quanh toàn người dị chủng
Thân quen, chỉ nổi ưu phiền.*

*Khuya nay giao thừa vắng bạn
Làm thơ trả nợ cho đời
Mực tươi nhưng lòng đã cạn
Trăm năm chỉ cuộc tình vơi.*

*Mười hai tháng rồi cũng hết
Nợ nần đọng được bao nhiêu?
Bạn bè đôi khi thấm mệt
Đường chung rơi rụng ít nhiều.*

*Đích xa mỗi người mỗi bước
Mỗi người mỗi nhịp chân đi
Dẫm lên những lòng đổ kỹ
Dẫm dài nỗi cuộc phân ly.*

*Đầu xuân lắng lòng tính số
Mười lăm năm kẻ thù xưa
Lao thân đến bờ sụp đổ
Lòng dân thấp đuốc gọi mùa*

*Biển đông gió gào sóng lướt
Quanh bờ kinh ngạc bao vây
Mười vạn đồng bào thoát chết
Nhưng chưa thoát khỏi tù đầy.*

*Đêm nay cuối giờ thao thức
Trải lòng ươm chút men thơ
Xuân sang chấp nguồn sinh lực
Mà vun hạnh phúc đôi bờ.*

*Xin nuôi lớn lòng năm mới
Chờ nghe sấm động trời quê
Xuân xanh gió vàng chớm thổi
Buồm ta vươn ngực trở về...*

cung vũ



đông châu

Ước Gì Mỗi Ngày Đều Là Mother's Day

(Wishing every day were Mother's Day)

Yesterday was Sunday
Dad woke up early
And awkwardly prepared breakfast
To bring to the master bedroom.

Faithfully Dad kept his promise
To cook and do the house chores
On Mother's Day
To give Mom a break for the day.

I led the march with flowers
And Mother's Day card in my hands
Dad followed, clumsily carrying
A big tray full of food and treats.

As I opened the bedroom door
Mom woke up and glanced at us
Dad and I in one voice shouted:
"Happy Mother's Day, Mummy!"

Mom welcomed the flowers
Then read the greeting card
She gave me a big kiss
And said: "Thank you, Sweetheart".

On the bed Dad put down the food tray
Mom murmured: "Thank you, Honey".
And lovingly kissed him
As for me, I started... to sneak away.

Mom called me to hurry back
And lifted me up on the big bed
She pulled Dad down to sit beside her
Thus having a "darling" on each side.

Acting like a mother bird
She fed Dad and me
As if we were little youngsters
In this communal breakfast.

Honest, I wish that every day to come
Were all Mother's Day
So that together with Dad and Mom
I'd have breakfast in their big bed.

*Hôm qua là chúa nhật
Ba dậy sớm hơn thường
Lục đục làm bữa sáng
Để mang vô tận giường.*

*Bởi vì Ba đã hứa
Nấu ăn, dọn nhà của
Mỗi lễ Mother's Day
Để Má nghỉ một ngày.*

*Em cầm bông đi trước
Với thiệp Mother's Day
Ba đi sau kệ nệ
Bưng đồ ăn đầy khay.*

Em mới vừa mở cửa
Má đã thức nhìn ra
Em và Ba cùng chúc:
“Mừng ngày Mẹ, Mama!”

Má đón nhận bó bông
Rồi đọc thiệp chúc mừng
Má mi em một cái
Và nói: “Cám ơn cưng”.

Ba đặt khay ăn xuống
Má nói: “Cám ơn Anh.”
Và hôn Ba âu yếm
Em vội... rút lui nhanh.

Má kêu em trở lại
Bồng em ngồi lên giường
Rồi kéo Ba ngồi cạnh,
Mỗi bên một “cục cưng”.

Má làm như chim mẹ
Đút cho hai bố con
Ăn lót lòng với Má
Như hai con chim non.

Em ước gì mỗi ngày
Đều là Mother's Day
Để được cùng Ba Má
Ăn sáng ở giường này.

Đông Châu

(Ghi lại lời đứa cháu
Jotting down a grandchild's words)
Toronto, 1994-1997

đỗ quang-vinh

I ngắn hay Y dài?

Kết-thúc Tiếng Việt tuyệt vời, chúng tôi kêu gọi sự hình-thành một Hàn-Lâm-Viện Quốc-Gia để trước mắt là nghiên-cứu và thống-nhất về chính-tả, ngữ-pháp và văn-phạm Việt-Nam... Sau khi đón nhận tác-phẩm, từ Úc-Đại-Lợi, tiến-sĩ Nguyễn-công-Bình đề-nghị chúng tôi viết thêm về một số vấn-đề góp ý để tiến đến thống-nhất các thuật-ngữ cũng như chính-tả Việt-ngữ rất cần-thiết cho nhu-cầu điện-toán hiện nay mà ông cùng với các chuyên-gia trong lãnh-vực đang đảm-trách. Với sự khiêm-tốn thận-trọng, quả thực chúng tôi rất dè-dặt, như đã từng nêu trong tác-phẩm một số vấn-đề mong được sớm giải-quyết. Sau đó một số độc-giả cũng lại nhắc-nhở, chúng tôi thiếu-nghĩ, nếu cứ chờ đợi thì không biết đến bao giờ và một khi đã đi vào hoạch-định điện-toán rồi, thói quen sẽ thành cố-định khó mà sửa đổi, nhất là mỗi người mỗi ý làm mất đi vẻ đẹp cố-hữu của tiếng nước ta mà một trong những vẻ đẹp ấy là cần phải cho được thuần-nhất. Bằng chứng là gần đây đang có cuộc tranh-luận khá sôi nổi trên hệ-thống điện-thư quốc-tế (internet) về chữ viết I ngắn hay Y dài; nguyên do sự cải-cách chữ viết của nhà cầm quyền Việt-Nam hiện nay khiến cho rất nhiều người nơi quê nhà đều thay Y dài bằng I ngắn. Ấu là đánh bạo xin góp ý-kiến trước, chúng tôi những mong được đón nhận cao-kiến của các nhà ngữ-học cũng như của tất cả những ai tha-thiết tới việc giữ-gìn cho Tiếng Việt mãi mãi

được Tuyệt-Vời.

Chúng tôi nhận-định có 3 trường-hợp viết I ngắn hoặc Y dài:

1. Khi một từ phát-âm là I (chỉ có I hoặc Y đứng một mình).

2. Khi I hoặc Y có trong mẫu-âm ghép (kết-hợp với nguyên-âm khác, ví-dụ: IÊ, IÊU...) và mẫu-âm biến-dạng (mẫu-âm kết-hợp phụ-âm cuối từ, ví-dụ: IM, IÊM..., YÊM, YÊT...)

3. Khi là một từ có mẫu-âm đơn-thuần duy-nhất là nguyên-âm chính gốc I hoặc Y (không phải là mẫu-âm biến-dạng có ghép thêm phụ-âm cuối từ), mẫu-âm này đứng sau phụ-âm đầu từ để tạo nên từ.

Như đã phân-tách nơi trang 128 (sách trích dẫn 1), tuy cả hai là âm khẩu-cái (*voyelle palatale*) nhưng khi phát ra âm I, thanh nghe ngắn, gọn, nhẹ và nhanh, ít vận-dụng hơi từ họng đẩy ra, ngữ-học Pháp quen gọi là *voyelle palatale non arrondie*, như trong *ami* tiếng Pháp. Còn Y trái lại, được coi là một *voyelle palatale arrondie*, vì khi phát ra âm Y, thanh nghe nặng (*sourde*) có âm-hưởng (*echo*) do hơi âm ngân dài (*prolongée*) có tính-cách bành-trướng rộng lớn hơn (*arrondie*) bởi phải vận-dụng nhiều hơi hơn từ họng đẩy ra. Âm Y dài vì thế nghe mạnh hơn, có vẻ tạo phát hơn là âm I ngắn tự-phát và nhẹ. Cho nên:

. Đối với trường-hợp 1:

Chúng tôi nghĩ không viết là I ngắn, mà nên viết là Y dài. Ta có các từ: y, ỳ, ý, ý, y. Ví-dụ: Anh chàng này chẳng có ý-tứ gì cả, ý có người giúp đỡ nên cứ ỳ ra không chịu mó tay làm bất cứ việc gì, cứ y như là người ở trên cung trăng rớt xuống vậy.

. Đối với trường-hợp 2:

Xin xem mục giải-thích b trang 128 và bảng phân-tích mẫu-âm nơi trang 142 sách trích dẫn 1.

Ví-dụ trong các từ *la-liếm*, *tiêm-nhiễm*, mẫu-âm IÊM phát âm nhẹ, vì ở đây I là một bán nguyên-âm (*semi voyelle*) trong mẫu-âm ghép IÊ, giống như *pied* trong tiếng Pháp. Trái lại

trong các từ *yêu-kiều, âu-yếm*, mẫu-âm YÊU, YÊM phát âm mạnh, thanh đục, nặng và âm-hưởng hơn vì Y đứng đầu từ nên còn có chức năng của một bán-phụ-âm đầu từ như trong *yeux* tiếng Pháp và trong *yesterday, young, yoke* tiếng Anh. (the letter Y came progressively to take over the function of representing semiconsonantal i,- sách trích-dẫn 2, vol. 23, vần Y). Ta viết *tiêu điều* chứ không *tyêu điều* vì I là bán-nguyên-âm hợp với ÊU thành mẫu-âm ghép IÊU.

Vì vậy, riêng có từ *ỉa* âm đầu từ không viết Y dài, bởi âm này là bán-nguyên-âm tạo thành mẫu-âm ghép IA, nếu là Y dài thành YẢ: hai âm này như được tách rời, vì Y dài ở đây mang thêm chức-năng của một bán-phụ-âm.

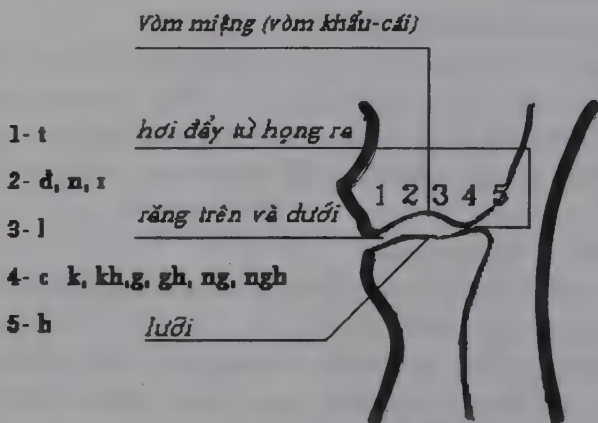
. Đối với trường-hợp 3:

Khi đứng một mình, I hay Y không đóng vai một bán-nguyên-âm. Nhưng khi nào thì I ngắn, khi nào thì Y dài? Câu trả lời tùy thuộc ở phụ-âm đầu từ ghép với I ngắn hoặc Y dài.

Có 2 cách phân-biệt: (sách trích-dẫn 1, trang 124-125)

Thứ nhất: Khi phụ-âm đầu từ có điểm phát-âm phía sau khẩu-cái, ngoại trừ G, GH, NG, NGH, KH, hay nói khác, khi phụ-âm đầu từ là K, L, H, (a)

Thứ hai: Khi đầu từ là các phụ-âm khác với K, L và H



Sơ đồ điểm phát-âm của một số phụ-âm khẩu-cái
Về cách 2: Đối với các phụ-âm khác với K, L, H:

Các phụ-âm này ít dùng hơi sức từ họng hay cuống lưỡi đẩy ra nên ít mạnh hơn, không có điểm phát-âm phía sau khẩu-cái ngoại trừ G, GH, NG, NGH, KH tuy cùng với C, K có điểm phát-âm ở phía sau khẩu-cái, nhưng là những âm có thanh rè, nhẹ, khàn khàn không kêu vang như thanh của K và L. Ví dụ G (và tương-tự là GH trong tiếng Việt), ngữ-học Pháp gọi đó là *consonne occlusive vélaire*, đọc theo tiếng La-tinh, ngữ-học Anh gọi đó là *the sound of a velar stop* như khi đọc các từ GET, GIVE (sách trích-dẫn 2, vol. 10 vần G). Gọi là *velar* hay *vélaire* là do biến-thể của tiếng La-tinh VELUM, có nghĩa là tấm màn mỏng, từ đó còn có nghĩa là âm-thanh hơi khàn-khàn (Pronounced with back of tongue near soft palate, slight huskiness of voice).

Vì vậy, các phụ-âm này được ghép trước I ngắn thay vì Y dài. Ta có thể công-thức-hóa trong bảng ví-dụ sau đây:

phụ âm	0 dấu	dấu sắc	dấu huyền	dấu hỏi	dấu nặng	dấu ngã
b	bi-kịch	bí-mật	so bì	bì mật	bị bắt	bĩ cực
ch	chi tiêu	con chí	bút chì	sợ chi	chị em	0
d	di-tàn	dí súng	cô dì	0	0	sở dĩ
đ	đi đứng	là dí gì?	nổ đi-đet	0	0	đánh dĩ
gi	chim gi	0	cái gì?	0	0	0
gh	ghi chép	0	ghì chặt	0	0	0
kh	khi nào?	khí trời	cười khi	con khi	0	0
m	mi mắt	mất 1 mí	mì vị	0	mị dân	mĩ-miền
n	ní tắc	ní-nắc	0	vải ni	cái nị	0
nh	nhi-đồng	ăn nhin	thứ nhì	đẹp nhĩ?	nhị hoa	mộc-nhĩ
ngh	nghi-ngờ	ngھی-ngoáy	nhân-nghì	ngھی học	ngھی-sĩ	suy ngھی
p	sổ pi	"tả-pí-lừ"	0	0	0	0
ph	phi thân	hoang phí	phì-phèo	phì bóng	béo phị	0
r	mần ri	chảy ri-ri	ri-rào	ri máu	0	0
s	ngu si	0	sù-sì	liêm-sì	sị mật	sĩ-khí
t	tì-tiền	bé tí	tì vết	tì-mì	ghen-tị	lời tĩ
v	hành-vì	ví-dụ	vì vậy	vì sắt	mùi vị	vĩ-đại
x	xì mạ	xấu-xỉ	xì-xào	xỉ-và	xị mật	0

Về cách 1: Đối với các phụ-âm có điểm phát-âm hoặc ở phía sau khẩu-cái như L, K, hoặc ở trong cổ họng như H:

Phụ-âm K phát ra khi cuống lưỡi đập lên đáy vòm miệng lấp kín hốc mũi, thanh đục, nặng và sắc (consonne occlusive palatale sourde) phụ với mẫu-âm Y nhấn mạnh và kéo dài khiến cho thanh của từ đọc lên nghe mạnh và nặng: Ky, Ký, Kỳ, Kỵ, Ky, Kĩ vẫn mạnh hơn Ki, Kí, Kì, Kỉ, Kị, kĩ (sách trích dẫn 1, trang 125, 128)

Riêng phụ-âm L tuy trong *Tiếng Việt tuyệt vời* chúng tôi xếp vào mục điểm phát-âm phía trước vòm miệng (trang 122, bảng dưới), song đúng ra đã được giải-thích là lưng lưỡi đập vào điểm giữa của vòm khẩu-cái, nên đã được minh-họa nơi vị-trí số 3 của vòm miệng (trang 125). Vì vậy có thể coi L như loại phụ-âm phía sau khẩu-cái cùng với C và K, đều là những thanh nghe mạnh hoặc âm vang như L (sonore) hoặc nặng, đục như C, K (sourde).

Còn âm của H là âm hở, âm của họng khi phải há miệng rồi đẩy hết hơi thật mạnh trong cổ họng ra ngoài, nếu ghép với Y dài thì cả hai mới phụ-lực cho nhau tạo nên từ, phát được ra thanh-âm mạnh. Hỉ đọc vẫn yếu hơn Hỷ là thế.

Ngoài ra, nếu xét theo từ-nguyên của hình tượng chữ viết, thì vào cổ-thời Ai-Cập, chữ K được tượng-hình bằng hai cẳng tay bắt chéo theo hình cái chén (a cupped hand), do đó từ *Kaph* có nghĩa là bàn tay, được người Do-Thái diễn-dịch là nắm đấm. Còn chữ L được tượng-hình bằng con sư-tử, do đó người Do-Thái diễn nghĩa từ *Lamedh* là cái roi của thầy giáo. Những hình ảnh ấy mang ý-nghĩa cứng rắn mạnh-mẽ cũng diễn-tả phần nào tính-cách của thanh-âm phù-hợp với mẫu-âm Y đứng sau. (Sách trích-dẫn 2, các vần K, vol.13; L, vol. 14;). Dựa trên cơ-bản đó, có thể công-thức-hoá trong bảng ví-dụ sau:

phụ âm	o dấu	dấu sắc	dấu huyền	dấu hỏi	dấu nặng	dấu ngã
l k h	biệt-ly ky cốp hy-kỳ	lý-do ký-thác hý-viện	lỳ-lợm kỳ-cục hỷ-hục	liên-ly kỷ-lục hỷ-tín	kiết lý kỷ gió o	o kỷ-sư o

Nếu nhất loạt thay Y dài bằng I ngắn như ở quê nhà hiện nay thì rõ là quá giản-tiện, nhưng về mặt ngữ-học, e rằng chữ viết đã không ký-âm chính-xác được tiếng nói. Tóm lại:

Thông-thường viết là I, chỉ viết là Y dài khi:

a) từ nào duy nhất có một mẫu-tự phát ra âm I: Ta có các từ: y, ý, ò, ý, y, y.

b) đầu từ là một nguyên-âm phát ra âm I đứng trước mẫu-âm ghép hay biến-dạng: Ta có các từ *yêu, yếu, yếu, yêm, yếm, yếm, yên, yển, yểng, yết*. Do đó không có YA nhưng là IA (ĩa).

c) phụ-âm đầu từ là K,L,H.

Đành rằng ngôn-ngữ luôn luôn tiến-hóa. Tác-giả Mark Twain khi bàn về sự cải-cách các văn chính-tả Anh-ngữ đã đưa ra ví-dụ thật khôi-hài. Nếu cứ thay đổi tùy-tiện theo thói quen, thì mỗi năm mỗi đổi, năm đầu C thành K hay S, rồi CH. Các năm sau thì W rồi Y, I, rồi CH, SH, và X thay cho TH..., riết rồi *respectively* sẽ viết thành *rispektivli* và cuối cùng 20 năm sau, người ta sẽ có một đoạn văn viết biến-cải như sau:

“Fainali, xen, aafte sam 20 iers ov orxograefkl riform wi wud hev a logikl, kohirnt spelling in ius xrewawt xe Ingliy- spiking world.”

Đoạn văn này thay thế cho cách viết hiện-hành:

“Finally, then, after some 20 years of orthographical reform we would have a logical, coherent spelling in use through the English-speaking world”.

Quả thật đúng là khôi-hài!

Sự cải-cách chữ viết cho gọn-gàng thống-nhất dĩ-nhiên là cần-thiết theo đà tiến-hóa của dân-tộc, nhưng phải cho hợp-lý. Nếu chỉ nhằm vào việc giản-dị-hoá tiện-lợi cho nhu-cầu của tập-quán mà không chú-trọng vào tính-cách ký-âm cho trung-thực thì chữ viết mất đi tính-chất đặc-thù của ngôn-ngữ, nhất là đối với chữ quốc-ngữ vốn là một ký-âm-pháp tuyệt-diệu rất khoa-học, thuận-lý có khả-năng ghi lại một cách chính-xác, đầy-đủ, trọn vẹn, linh-động và tinh-tế tiếng nói Việt-Nam, thứ

tiếng hay nhất của nhân-loại, phong-phú, sống động, dồi-dào âm-sắc, hết sức uyển-chuyển vì phải vận-dụng tối-đa lưỡi, răng, môi và xoang miệng cũng như các dây thanh-quản.

Dấu sao trên đây chỉ là những thiển-kiến cá-nhân của người viết, không ngoài ước-vọng giữ-gìn và làm đẹp cho Tiếng Mẹ.

Cước-chú:

Trước đây qua hệ-thống điện-thư quốc-tế, chúng tôi có gộp thêm phụ-âm M ghép với Y dài. Tuy nhiên chúng tôi thực sự chưa hài lòng nên đã đặt nghi-vấn: “có nên chăng?”

Sau này với sự góp ý của một số thân-hữu quan-tâm tới vấn-đề, chúng tôi đồng-ý loại bỏ vì xưa nay chỉ quen viết duy-nhất mỹ là Y dài, vả lại càng thêm phức-tạp trở thành một ngoại lệ của ngoại-lệ đối với các phụ-âm khác như B, P, cũng có điểm phát-âm ở bờ môi với M, và không cùng với các phụ-âm K, L, H có điểm phát-âm sau khẩu-cái khiến cho quy-ước thiếu thống-nhất gọn-gàng.

Đó cũng là lý-do nêu vấn-đề lần nữa mong được đón nhận cao-kiến của các bậc thức-giả quan-tâm tới tiếng Mẹ.

Sách trích dẫn:

1. *Tiếng Việt tuyệt vời*, Đỗ Quang Vinh, Làng Văn xb, 1995.
2. *Collier's Encyclopedia*, Crowell-Collier Ed. Corporation 1973.

Thiên Hạ Thường Tình

Anh đậu xe trước *building*, đèn khẩn cấp nhấp nháy đều đặn. Năm phút rưỡi chờ đợi. Những người qua lại nhìn anh. Những cái nhìn tọc mạch, xét nét. Bốn giờ ba mươi sáu phút, bóng em lấp ló ngoài khung cửa. Mắt em dừng lại ở xe anh. Trời lạnh. Em mặc áo da trông ấm cúng lạ thường. Nhưng anh không cảm thấy thềm được ôm chầm lấy em để hơi ấm hai thân thể hòa lẫn trong nhau như thuở trước. Em thông thả bước xuống những bậc thang xi-măng ẩm ướt. Một chiếc xe *van* dừng lại phía sau anh. Những đầu tóc đen rối bù ló ra khung cửa. Rồi những bàn chân da vàng khằng khiu bước xuống xe, tất tả. Tiếng cười đùa, gọi nhau ới ới vang cả một góc đường. Em luống cuống mở cửa xe. Em chào anh. Vẫn giọng nói thì thầm như hơi thở độ nào. Anh cố cười thật tươi đáp lại.

- Anh chờ lâu không?

- Khoảng năm phút. Sao, khỏe không?

- Khỏe. Còn anh. Hình như anh bị cảm phải không? Em nghe giọng nói của anh khàn khàn...

- Ủ, anh bị cảm mấy bữa trước...

Vẫn những mẫu đối thoại rời rạc.

- Em thích đi đâu?

- Em hỏi? - Em cười - Tài xế chở đi đâu thì đi theo đấy

- Rồi em vội sửa - Ấy chết, em lỡ miệng. Xin lỗi, em không

có ý coi anh như tài xế.

Anh khoan dung như đức Khổng Tử,

- Có gì đâu! Có phải ai muốn làm tài xế cũng được cả đâu. - Liếc nhìn chiếc xe *van* trong kính chiếu hậu, anh đổi đề tài, - Mấy người Việt Nam này chắc đi bắt trùn...

- Không phải đâu. Họ đi hái trái táo đấy. Bữa trước em cũng đi thử.

- Còn đau lưng không? Anh chọc.

- Mọi lắm. Bây giờ thì hết rồi.

Một chiếc lá vàng rụng xuống, đậu lại trên kính xe. Anh sang sổ cho xe chạy vút tới. Chiếc lá bay cuốn ra phía sau. Chiếc lá làm anh nhớ tới truyện *Chiếc Lá Cuối Cùng* của O'Henry. Biết bao giờ anh mới viết được một tuyệt tác như bức tranh cuối cùng của người họa sĩ già nghèo tiền bạc nhưng giàu lòng nhân ái trong truyện!

- Đi thư viện không?

Anh hỏi, lúc nhập chung với dòng xe cộ ngược xuôi của giờ tan sở.

- Em quên mang thẻ thư viện rồi.

Anh cũng không mang thẻ theo. Thường thì lúc nào anh cũng để thẻ thư viện trong xe. Hôm qua đi mượn mấy cuốn sách về đọc, bỏ quên thẻ trong túi áo.

- Hay là đi vòng vòng một lúc, rồi ghé chỗ nào đó uống cà phê, nghe.

Anh nhỏ nhẹ, như đang dỗ dành đứa em gái hay hờn dỗi.

- Dạ. Lâu lắm em không đi vòng vòng.

Anh nghĩ tới người con trai vẫn đưa đón em đi làm mỗi ngày. Nhưng anh không nói ra. Anh không còn muốn nói ra điều mình không muốn tin là có thật. Nhưng hình ảnh người con trai cứ vướng trong trí tưởng như những sợi tơ nhện nhện nhằng trong xó góc một căn nhà tăm tối.

Anh chạy xe về hướng bắc thành phố. Lá đỏ ngập hai bên đường. Những chiếc lá phong màu đỏ gạch. Mùa thu lao xao đầu những cành cây khẳng khiu, trơ trụi. Và gió du đưa đầu những cánh tay xước lên nền trời những vết cào

cong queo. Phố xá tụt lại phía sau. Anh hạ thấp cửa kính xe cho gió lùa vào. Không khí lạnh băng ôm choàng lấy hai người. Anh liếc nhìn em, thấy những sợi tóc bay chấp chới đổ dạt qua hai bên vai. Muốn đưa tay vuốt những sợi tóc mềm, nhưng anh ngại. Anh nghĩ tới người con trai vẫn đưa em đi làm mỗi sáng, vẫn đón em về nhà mỗi chiều. Chẳng biết người ta có đưa em đi vòng vòng như anh vẫn thường đưa em không. Rồi anh nói bằng quơ,

- Năm nay mùa đông đến sớm quá!
- Mới mùa thu mà.
- Ừ thì mới mùa thu.
- Sao anh nói mùa đông?

Em bắt bẻ vu vơ. Anh nhún ga cổ qua cho kịp cái đèn vàng ở ngã tư, loay hoay với câu hỏi cứ ứ đầy trong lồng ngực. Mùa màng trong lòng anh khác với mùa màng của ngoại cảnh. Bên ngoài mới là mùa thu. Vài ba hôm nữa mới là ngày *Hallow'een*; một thứ tết nhĩ đồng của trẻ con Bắc Mỹ. Và còn gần hai tháng nữa mới chính thức là mùa đông. Nhưng tuyết đã đổ trong anh ngay từ mùa hạ; khi tình cờ nghe thiên hạ xì xầm về em và người con trai làm chung hăng.

- Phải anh đang mơ không? Em chợt hỏi.
- Đâu có.

Anh trả lời quấy quấy, rồi lại lặng thinh, vừa lái xe vừa lơ đãng nhìn hai bên đường phố. Nắng mạ vàng những ngọn cây vướng đầy lá úa. Nắng vạch những đường viền óng ả trên mái những ngôi chung cư nhiều tầng hai bên đường phố. Một vài cánh chim lẻ loi chao bay trên nền trời chiều se se lạnh. Ngừng xe ở ngã tư chờ đèn xanh, anh dõi mắt nhìn đăm đăm những ngọn cây phong co ro trong gió gắt.

- Kể chuyện cho em nghe đi! Em nhắc.

Anh xoay qua nhìn em.

- Kể chuyện gì bây giờ?
- Chuyện gì cũng được.

Em để dải với khoé cười nửa miệng. Lâu lắm em mới lại

để dài như hôm nay. Đèn giao thông đổi màu xanh. Một chiếc xe thể thao màu đỏ đậu ngược chiều, quẹo trái vút qua mặt xe mình. Anh không buồn bóp còi để phản đối như thói quen. Ở bên em riết rồi anh sẽ hiền lành, dễ thương như một chú tiểu đang chập chững trên con đường tiến về cõi phúc với những sớm hôm miệt mài kinh kệ.

- Lâu lắm mình mới lại gặp nhau...

Anh buông lời câu nói, để dư âm còn lại vang động trong đáy sâu tâm tưởng, ném lại những vọng âm, nghe xa xăm như một nỗi buồn không nguồn cội.

- Ủ, dễ chừng bốn tháng rồi cũng nên.

Em ngập ngừng như đang nhẩm tính.

Anh quả quyết,

- Ít nhất là sáu tháng.

- Thật không? Đâu có lâu dữ vậy.

- Thật đấy. Anh còn nhớ như in buổi hẹn cuối. Mình đi uống cà phê ở quán *Hẹn*.

Anh nhắc lại tên quán cà phê mình thường dẫn nhau lại, ngồi nhăm nháp những ngụm cà phê ngào tanh ngào ngất. Những buổi sáng. Những buổi chiều. Những buổi tối. Bao nhiêu là hò hẹn. Vậy mà có lúc phải quên nhau!

- Không có gì kể cho em nghe sao?

Em lại hỏi. Anh buồn rầu nhìn chăm chú vào con đường trước mặt. Con đường sắp uốn cong ở cuối chiếc cầu bắc vòng qua xa lộ. Anh khẽ đạp thắng xe. Anh chẳng có chuyện gì để kể cho em nghe ngoài nỗi thất vọng nặng trĩu trong lòng về người thanh niên - nghe nói - làm chung hãng với em. Chẳng biết anh ta có đưa em đi vòng vòng như anh vẫn thường đưa em đi như thế này không.

- Anh vẫn đi làm thường?

Em khéo léo gợi ý, đẩy đưa cuộc đối thoại vốn đã rời rạc như cơm nguội.

- Ủ, vẫn thường. Chẳng có gì đáng nói. Chỉ thấy mệt.

- Chỗ em làm còn mệt hơn nhiều.

Anh lặng thinh, lắng nghe chuyện của em. Nhưng em

cũng dừng lại ở đó. Tính em ít nói. Em giống hết tính anh. (Mai mốt về sống với nhau, chắc lúc nào nhà mình cũng trầm lắng như nhà nguyện của một tu viện kín cổng cao tường. Nhưng mà nhắc làm gì nữa về những mơ ước không thành!) Chẳng biết người thanh niên ấy có ít nói giống em không. Mà ít nói quá cũng không tốt. Phải không, cô nhỏ.

- Đây là đâu vậy?

Em hỏi khi xe mình đậu lại ở trước bảng ngừng, nhường quyền ưu tiên cho xe cộ ở con đường cắt ngang phía trước. Một cỗ xe ngựa ngấp ngừng lăn bánh. Bốn bánh xe gỗ tròn phát ra những tiếng lộc cộc vui tai. Người xà ích già buông chùng dây cương. Phía sau là một người đàn bà choàng mảnh khăn đen lấp lửng che hờ mái tóc đã lấm tấm những sợi bạc. Bên cạnh người đàn bà là hai đứa bé, một gái, một trai. Cả hai đều đội chiếc mũ dạ rộng vành, che dấu mái tóc có những sợi vàng sậm, quăn tít. Khi chiếc xe ngựa lộc cộc đi qua phía trước, anh thấy rõ những vết nhăn xếp nếp trên da mặt người đàn ông. Những người dân di cư tới mảnh đất này hàng trăm năm về trước, vẫn giữ trọn vẹn sắc thái của dòng giống họ. Thế hệ này nằm xuống, thế hệ sau tiếp nối. Liên tục như ngày tháng tiếp nối nhau; như những mặt trời vẫn mọc lên mỗi ngày, sau đêm dài tăm tối.

- Mình ra khỏi thành phố rồi phải không?

Câu hỏi của em làm anh choàng tỉnh.

- Ủ, mình đang ở ngoại ô. Cũng không hẳn ngoại ô. Đây là thị trấn *Trăm Năm*; cái thị trấn gì mà nhỏ tí teo...

- Mấy người đó bao giờ cũng mặc đồ đen.

Em vừa nói vừa nhìn theo cỗ xe với ngựa và người sơn phết toàn một màu tối thẫm. Xe mình lại tiếp tục chạy băng băng trên con đường rải đá dăm. Mình đang ở miền quê.

- Ô nhìn đàn bò kìa anh!

Tiếng reo mừng của em làm xao động cả không gian trong lòng xe. Em đón dác nhìn đàn bò rải rác gặm cỏ trong khung đất vuông vức của một nông trại bên đường. Những con bò trắng lốm đốm những vết loang màu đen trên da.

Trời lạnh, đàn bò vẫn thong dong gặm cỏ úa. Anh cho xe chạy chậm lại để em có thì giờ gom góp niềm vui. Bỗng dừng anh thêm một nụ hôn. Một nụ hôn mỏng, mềm trên cánh môi dưới thoa son hồng vẫn thường trề ra sau câu nói. Nhưng anh chẳng ngừng xe, cũng chẳng gợi ý cho em về một chiếc hôn ngon như miếng cắn mềm trên miếng xoài chín hườm, ngọt lịm. Anh nghĩ đến người thanh niên làm chung hăng em. Khi không lại nghĩ tới kẻ vô hình, vắng mặt làm chi vậy nè!

- Không có chuyện gì kể cho em nghe hết sao?

Em chột nói. Anh luống cuống lục lọi trí nhớ, tìm vội một câu trả lời. Nhưng đầu óc anh trống rỗng. Có còn chẳng là nỗi buồn kín đáo hoà lẫn với niềm vui hội ngộ.

- Làm như anh có chuyện buồn?

Em hỏi dò cùng cái nhướn của cặp lông mày mỏng như hai đường kẻ bút chì. Anh xoay qua nhìn em, bắt gặp cánh môi dưới trề xuống như vừa mới buông ra một lời trách móc.

- Buồn gì đâu. Mừng thì có.

- Thật không?

- Thật chứ. Năm sáu tháng trời mới gặp lại, sao lại buồn. Anh cố viện dẫn những lý do cho một niềm vui ẩn khuất.

- Không ngờ có lúc mình lại có thể xa nhau lâu đến thế, anh nhỉ?

Giọng em dịu dàng như giọng người con gái thủ thủ với mẹ mình chuyện yêu đương thầm kín.

Anh gật gù,

- Nhất là khi mà từ chỗ anh sang bên em chỉ có vài cái ngã tư đèn xanh đèn đỏ. Nhiều khi chẳng cần lặn lội đường xá làm gì. Chỉ cần nhắc điện thoại lên. Thiết tình!

- Ya, thiết tình! - Em cười hùa theo anh, rồi bỗng dừng em hỏi ngang, - Sao không gọi cho em?

- Tại... tại...

- Quên số điện thoại của em rồi chứ gì?

Anh đọc vanh vách bảy con số trong hàng số điện thoại

nhà em. Những con số in trong trí nhớ đậm hơn cả ngày tháng năm sinh của chính anh.

- Vậy sao không gọi cho em? Em bắt bẻ.

- Tại... Còn em, sao không gọi cho anh?

- Em gọi anh mấy lần không gặp.

- Nhấn lại.

- Thôi! Ngại thấy mồ!

Phía trước mặt mù sương chiều. Con đường trước mặt mỏng teo lại như sợi chỉ mất hút ở chân trời.

- Nếu mình cứ đi hoài thì tới đâu nhỉ?

Em hỏi vu vơ. Anh nhắm tính phương hướng trong đầu, rồi phỏng đoán,

- Tới bắc cực.

- Bắc cực thật không?

- Thật chứ.

- Ghê!

- Dám đi lên đó không? Làm dân Eskimo, đi săn hải cẩu, ngủ trong nhà igloo làm bằng nước đá.

- Sợ anh chịu không nổi.

Em lên giọng chọc ghẹo. Anh cười lặng lẽ. Anh tính nói với em rằng lạnh cỡ nào anh cũng không ngán nếu như có em ở bên cạnh. Nhưng hình ảnh người thanh niên làm chung hăng với em cứ chập chờn trong trí nhớ (dù anh chưa gặp anh ta bao giờ), làm đầu lưỡi anh cứng lại ngay khi sắp sửa nói ra một ước mơ có thật. Và khi không anh chẳng còn lòng dạ nào để nói những chuyện vu vơ như mình vẫn thường nói một cách say mê mỗi khi hò hẹn nữa. Anh cũng chẳng còn cái hào hứng chạy xe vòng vòng phố xá với em chút nào.

- Trở về thành phố nghe.

Anh đề nghị. Em gật đầu, sau một thoáng nghĩ ngợi. Mình vòng đầu xe lại. Trở về phía nam. Buổi chiều đã nghỉ yên trên những chân rạ vàng nhạt trải đầy cánh đồng thênh thang hai bên đường. Nắng thoi thóp chân mây; nắng sơn phết những đường nét rồi rằm ở chân trời pha trộn những

hỗn hợp màu nhạt nhòa, tăm tối.

- Lâu nay em có chuyện gì vui không?

- Chuyện vui?

- Ừ, chuyện vui.

Anh thoáng thấy đôi mi em chớp vội. Vậy là điều dự đoán của anh dựa theo những tin tức đồn thổi đúng lắm rồi. Nghe nói tới chuyện vui, nổi xôn xao rộn ràng cõi lòng em hăm hở, và nổi xôn xao ấy òa ra thành niềm vui lấp lánh đôi mắt ướt, làm chập chối cánh mi có những sợi lông mi cong cong.

Em trả lời, nhỏ nhẹ,

- Cũng chẳng lấy gì làm vui...

Vậy mà còn chẳng vui. Có người yêu mà không vui. Thiên hạ bảo với anh như thế; thiên hạ *thấy cô ấy đi chơi với người yêu mỗi ngày*. Vậy mà gần hai năm nay anh vẫn rờn rã đón đưa, mê muội hẹn hò, lao đao đuổi bắt.

- Còn anh?

Em hỏi bằng thứ vọng âm vô nhiễm.

- Cũng thường.

Khi về tới trung tâm thành phố thì nỗi buồn cũng chín nẫu gan ruột anh. Những ngọn đèn đường vàng óng ả sau lớp sương mù dày, như những con mắt ốc sên mò mẫm trong đêm tối. Tòa thị chính của thành phố rực rỡ ánh đèn. Thành phố mới bầu thị trưởng mới. Thành phố đang cố gắng trang điểm lại, như cô gái đã một lần dang dở, cố phết chút son lên đôi môi đã bắt đầu có những vết nứt của thời gian.

- Nhớ chỗ đó không?

Anh chỉ cho em coi cái khuôn viên vương vức của khoảng sân, nơi tổ chức buổi Lễ Hội Tháng Mười năm ngoái. Góc cầu thang xoắn ốc, nơi anh suồng sã vùi những nụ hôn lên miếng ngực mềm ẩm ngọt. Nơi em nói sẽ không bao giờ gặp anh nữa. Nhưng rồi cũng qua. Ngày lễ *Oktoberfest* dạt về quá khứ. Những nụ hôn liêu lĩnh ngủ quên trong ký ức. Nhưng lửa thì vẫn bùng cháy ở chót lưỡi, đầu môi.

Xe qua khỏi toà thị chính một lúc lâu, vẫn không nghe em nói gì về điều anh gợi nhớ. Khoảng tối phía dưới chân cầu thang xoắn ốc. Đêm dạ hội tung bùng múa hát. Mùi rượu bia nặc nồng. Những miếng xúc xích nướng trên lửa lò gas thơm phức. Có biết bao nhiêu là người, nhưng cái xó tối dưới chân cầu thang thì chỉ có hai đứa mình. Rồi còn biết bao nhiêu nụ hôn, rải rác khắp phố xá, những góc đường ám tối, những quăng vắng công viên, những bãi đậu xe thưa người, những lồng thang máy bít bùng.

Vậy mà rồi cũng phải xa nhau!

- Đi uống cà phê nghe!

Anh đề nghị, như vẫn thường rủ rê thuở trước.

Em ngoan ngoãn gật đầu.

Quán cà phê có cái tên tiếng Pháp. Thấy cũng lạ. Chủ quán gốc Ả rập. Cà phê Pháp, Ý, Tây ban nha, Mỹ. Kiểu nào cũng có. Chỉ thiếu cà phê phin Việt Nam. Anh kéo ghế cho em ngồi. Em khẽ cảm ơn. Anh cố nói không có chi bằng giọng khôì hài. Nhưng lòng anh se se một nỗi buồn như chút mặt đắng lờ tay làm vương vào món ăn.

Người chạy bàn lại hỏi hai bạn dùng chi. Anh nhìn em rồi hỏi anh ta có bao nhiêu loại cà phê. Anh chàng kể ra một lô tên. Một cái tên Ý gợi trong anh sự tò mò trẻ con. Anh nhìn em, dò hỏi, "*Cappuccino* nghe?" Mình đi uống cà phê với nhau hàng trăm hàng ngàn lần nhưng chưa bao giờ thử *cappuccino*.

- Anh có chắc là cà phê không? Coi chừng chè đấy.

Em hỏi lại bằng giọng khôì hài.

- Không, cà phê mà, của Ý đảng hoàng.

Và anh anh dừng gọi hai ly *cappuccino*.

Hai tách cà phê đầy bọt được mang ra mau mắn. Em lại sỗ bốt cà phê cho anh như mọi lần. Rồi mình vừa nhấm nháp, vừa nhìn nhau đăm đăm. Chả câu nói chuyện nào chen được vào khoảng giữa những trao gửi bằng ánh mắt. Em loay hoay với chiếc muỗng bạc và những cụm bọt cà phê màu nâu thẫm. Anh kiểm điểm, đo đếm em bằng ánh

mắt xem em có còn như thuở nào. Anh nghĩ tới người thanh niên làm chung hăng em. Em phải thay đổi, phải không cô nhỏ. *Người yêu cô ấy đưa cô ấy đi làm mỗi ngày làm sao không thay đổi cho được!*

- Anh nói chuyện gì đi. Giọng em thì thầm.

- Anh cứ ngỡ lần gặp cách đây sáu tháng, cái lần ở cà phê Hẹn, cái lần anh viết những câu thơ vào cuốn sổ tay của em ấy, nhớ không?

Em gật gù thay cho câu trả lời. Anh tần mẩn với những gợi nhớ dạt về từ ký ức, thầm thì kể lể,

- Ừ, lần ấy đấy, anh cứ ngỡ đó là buổi hẹn cuối cùng...

Anh nói năng nhặt nhẻo; anh gợi ý băng quơ, mãi mà vẫn chưa nói được với em điều mình muốn nói. Đến khi tách cà phê đã cạn, anh mới cố nói được một cách lúng túng,

- Anh vẫn tự hứa với lòng là sẽ coi em như một người em gái, một người tình bé nhỏ, một cô bạn, nếu cần. Cho dù chuyện mình không đi đến đâu, anh vẫn muốn còn em như một người thân. Mai mốt, mỗi người một mái gia đình riêng, anh sẽ giới thiệu các con anh với em, chúng nó sẽ gọi anh bằng cô; như mấy cô của chúng nó ở Việt Nam. Rồi em cũng sẽ có người bạn đời. Người bạn đời của em sẽ là bạn của anh. Hai gia đình sẽ thân với nhau hoà. Chả việc gì phải chia tay, chả việc gì phải cắt đứt như những cuộc tình nhân gian khác. Đó là tất cả những gì anh dự tính nói với em. Mãi đến bây giờ mới nói ra được.

Chao ơi, anh nói một hơi dài. Anh xúc động trong khi nói. Mắt anh ngó mông ra bên ngoài khung kính. Quán cà phê ấm cúng. Bên ngoài, những cành lá đu đưa trong gió. Sương mù rải mỏng trên khoảng công viên trước mặt. Đêm đậm đặc trên cao. Anh nói một thôi một hồi, quên bẵng đi là không biết em có sẵn sàng đón nhận những điều anh đang giải bày không.

Khi ngưng câu nói, anh quay lại, nhìn vào mắt em, bắt gặp cái nhìn rạng rỡ của sự tri ân nồng nhiệt. Nụ cười nở

ra rạng rỡ cả không gian, nụ cười làm du dương thêm những nốt nhạc tình phát ra từ hệ-thống loa giấu kín trên trần nhà quán nước.

- Phải không? Anh hỏi trống.

Em gật gù hưởng ứng,

- Em cũng thích như vậy đó. Ai mà khi hết thương nhau rồi lại nhìn nhau như kẻ thù, anh nhỉ.

- Ừ, đó là nhân gian thường tình. Như vậy không tốt; như vậy là mình yêu chính mình nhiều hơn yêu người yêu.

Anh vừa nói vừa xòe những ngón tay, đan lấy bàn tay em đặt hờ trên bàn. Mười ngón tay đan vào nhau, ấm áp. Luồng cảm xúc truyền vào thịt da nhau, làm ấm cả mặt bàn gỗ lạnh băng.

- Sao hôm nay anh lại nói với em chuyện đó?

Em hỏi, những móng tay bấm vào lưng bàn tay anh.

- Tại vì, - giọng anh trầm xuống như lời kinh sám hối của kẻ tội đồ, - tại vì người ta nói với anh rằng *ngày nào người yêu cô ấy cũng đến đón cô ấy đi làm*. Anh không dám tin, nhưng anh nghĩ sớm muộn gì rồi...

Em không trả lời. Nụ cười trên khoé môi khô lại như cánh hoa còn cố níu kéo sự sống trong cái lạnh gay gắt sang mùa. Vậy là anh hiểu. Anh cố gắng tìm đề tài để thay đổi cái bầu không khí đang trĩu nặng những ưu tư, đang cộc cằn những dự đoán.

- Cà phê ngon chứ nhỉ?

- Dạ. Mới đầu em cứ tưởng không phải cà phê.

- Anh biết cái tên *cappuccino*, nhưng chẳng biết mặt mũi nó ra thế nào. Hôm nay thì biết rồi.

- Em cũng vậy, hôm nay thì biết ca.. ca gì nhỉ, anh viết lại chữ đó cho em học đi.

Anh mau mắn rút cây bút gài trong túi áo, nắn nót viết cái chữ Ý xuống miếng giấy chùi tay.

- Lần sau thì cứ yên tâm mà gọi *ca..*

Em cúi nhìn cái tên viết trên mảnh giấy mà anh vừa mới đẩy qua phía em, cố gắng phát âm cho mạch lạc, rành rẽ.

Bỗng dưng anh lại nghĩ đến người thanh niên đưa đón em mỗi ngày. Mai một em có thể yên tâm để gọi *cappuccino* mà uống với người ta. Nhưng anh tự hứa anh sẽ không buồn, dù nỗi đau đang cứa cái lưỡi dao cùn mẫn của sự phụ bạc lên tim gan anh. Rồi em cũng sẽ phải có một người bạn đời. Bạn đời của em cũng là bạn của anh. Bạn trăm năm của anh cũng sẽ là bạn thân của em. Ai cấm chuyện đó nhỉ. Và mình sẽ coi nhau như bạn. Bạn. Bạn, cho đến cuối đời. Mình không lấy nhau, mình sẽ chẳng bao giờ lo chuyện ly thân, ly dị. Mình sẽ là bạn; cho đến cuối đời.

- Em có bạn gì không?

Anh dọ hỏi, như vẫn thường hỏi mỗi lần đưa em đi chơi tối.

- Em có bạn gì đâu!

Im lặng một lát, anh xoay xoay cái tách cà phê trong lòng bàn tay. Anh mân mê những ngón tay em buông hờ trên mặt bàn. Anh muốn hôn em như thuở nào. Anh muốn viết ra ý nghĩ đó thành những câu thơ lục bát. Nhưng sao lòng anh dửng dưng. Sao lòng anh bết lạnh tro tàn. Anh nghe giọng mình nhàu nát như tờ thư bị vò xé trong cơn giận dữ, và anh đề nghị,

- Thôi, mình về nghe!

Em lặng lẽ gật đầu.

Lúc ngồi với nhau trong xe, anh tỉ mỉ đếm những ngọn đèn *neon* trong bãi đậu. Đất nước người ta giàu có. Chỉ cái bãi đậu xe nhỏ mà có tới hàng trăm bóng đèn lớn nhỏ đủ cỡ. Những ý nghĩ quặng quật trong đầu óc anh như lũ tội nhân bị hành hạ, tra tấn. Anh tự trách mình khéo vẽ vời cho thêm phức tạp cõi sống này. Nếu chuyện không thành thì đã sao? Em với anh vẫn là bạn. Hình ảnh mờ nhạt người bạn trai của em hiện rõ dần trong trí anh. Mình đâu phải như thiên hạ thường tình...

- Đồng ý nghe!

Em cắt ngang dòng suy tưởng của anh.

- Đồng ý gì?

- Hai gia đình sẽ là bạn, mãi mãi.

Em vừa nói vừa đưa bàn tay cho anh bắt. Cách này em học được của anh. Mỗi lần có chuyện gì đặc ý, mình vẫn siết lấy bàn tay nhau như hai tên bạn cùng trang lứa.

Anh rụt rè bắt lấy bàn tay em.

- Đồng ý!

Em bóp chặt lấy tay anh,

- Hứa nghe! Hứa sẽ mãi mãi là bạn thân của nhau.

- Ừ, hứa.

- Mình sẽ... yêu nhau bằng một thứ tình yêu cao cả.

- Ừ.

- Mình khác thiên hạ, phải không anh?

- Ừ... khác.

- Sao anh ậm ừ vậy?

Anh choàng tỉnh,

Ừ, khác chứ sao không. Em vẫn mãi là người tình... nhỏ bé...

Anh lúng búng cái câu vô nghĩa, và loay hoay đề máy xe.

- Mai nhớ gọi cho em.

- Được.

Anh nghe tiếng em thở phào, khoan khoái như con chiến ngao đạo trong tòa giải tội vừa nói xong những lời thú tội nặng nề ân oán.

Chiếc xe lao vút đi trong đêm tối. Anh vói tay vịn lên một bản nhạc cố tình đã thâu sẵn để có lúc nào đó mở cho em nghe. Rồi anh cất nghĩa lời bài hát như anh vẫn thường làm, đại khái rằng anh yêu em, nhưng đừng lo, lúc nào em thấy chán anh thì cứ nói thẳng cho anh biết, anh sẽ lặng lẽ rút lui.

Em cười nhộn nhịp cả phố phường,

- Tây nó yêu thoải mái anh nhỉ.

- Anh cũng thích vậy. Có gì mà phải trầm trọng rên rỉ như người Việt mình. Em thấy nhạc Việt Nam không, nghe là thấy muốn thất tình, phải không?

Anh hung hăng phê phán. Và anh nghe tiếng “ạ” của em, ngọt ngào như lời thưa gửi của một cô dâu mới về nhà chồng.

Lúc ngừng xe ở góc đường cho em xuống, anh cố đeo lên mặt một nụ cười thật rạng rỡ,

- Mai sẽ anh gọi lại.

Đã dợm bước đi, em còn quay lại, ra dấu cho anh quay kính xe xuống, thò đầu vào thì thào,

- Nhớ nghe. Hai gia đình sẽ là bạn...

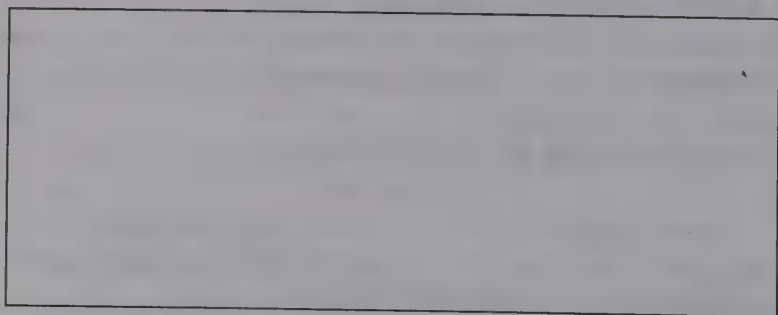
- Nhớ.

Rồi em tung tăng bước về phía cửa *building*. Thế là hết. Lòng anh thất lại như con bệnh thần kinh trong cơn trầm uất. Xin chào. *Goodbye. Adieu. Adios. Sayonara*. Vĩnh biệt cô nhỏ. Anh nói dóc đây. Anh cũng thường tình như thiên hạ vậy thôi. Bộ nghĩ anh không biết đau hay sao mà đề nghị oái oăm vậy? Anh chả bao giờ điện thoại cho em nữa đâu. Bạn đời của em làm sao có thể là bạn thân của anh được. Anh là kẻ đến trước mà!

Tối nay, anh sẽ gỡ dây điện thoại ra khỏi chốt cắm. Rồi mai sẽ đổi số điện thoại khác. Tất cả rồi cũng phải đổi thay. Chỉ còn lại một điều bất biến; đó là tình yêu anh dành cho em.

Để mãi mãi em vẫn là một người tình bé nhỏ. Ngoài ra, đẹp hết!

Anh cũng thường tình như thiên hạ vậy thôi, cô nhỏ à.



hoàng xuân thảo

Nửa Vời

Mỗi ta là một nửa mình
Từ sinh lạc mất đi tìm bấy lâu
Thoáng trông ngay phút ban đầu
Nửa kia đã nhận ra nhau nửa này
Nửa mong nhớ, nửa đợi chờ
Nửa ngơ ngẩn bướm, nửa sờ sờ hoa
Nửa cứng cỏi, nửa mềm mà
Nửa mây đỉnh núi, nửa mưa cuối rừng
Nửa sần sượng, nửa dịu dàng
Nửa loan, nửa phượng nồng nàn tơ duyên
Ghép chung hai cái nửa mình
Khít khao thành một khối tình keo sơn.

hoàng xuân thảo



Hòn Chồng

tặng anh chị Phạm Quang Tuấn
và Tôn Thất Để để nhớ lại
miền quê hương cát trắng

Hôm viếng thăm các đảo
Tít ngoài khơi Nha Trang
Năm tay tôi, em hỏi:
Có phải kia Hòn Chồng?

Tôi chỉ tôi tình tứ
Em bến lữ thì thăm:
Thế còn đâu Hòn Vợ?
Tôi mỉm cười chỉ em.

Thật hợp tình hợp lý
Ai đặt tên Hòn Chồng
Chênh vênh giữa nước biếc
Hai hòn đá rêu xanh.

Một trên và một dưới
Năm ôm nhau khít khao
Mặc mưa dồn sóng vỗ
Thách đố với trời cao.

Tôi hôn em thủ thỉ
Kiếp tới hoá Hòn Chồng
Trơ trơ cùng tuế nguyệt
Thắm thiết tình keo sơn.

hoàng xuân thảo

Hoa Sung

tặng Huỳnh Hữu Cửu,
tác giả “*Hoa Ưu-dâm*”

*Thuở nhỏ tôi thường tới
Gốc sung ao đầu làng
Rung cây cho trái rụng
Reo hò chia nhau ăn.*

*Trái vàng ruột đầy bọ
Với ong kiến nằm vùng
Trái xanh vỏ chát xít
Đều thấy ngon vô cùng.*

*Ăn hoài lấy làm lạ
Hỏi nhau rất tình cờ
Hàng năm sung đầy trái
Sao chẳng hề ra hoa?*

*Hôm nay đọc sách bạn
“*Hoa Ưu-dâm*” mới hay
Sung kia ăn ngỗ trái
Thật ra chính là hoa.*

*Người đời thường luẩn quẩn
Tìm hạnh-phúc đó đây
Có ngờ đâu hoa mộng
Là trái cầm trên tay.*

hoàng xuân thảo

hoàng ngọc thanh dung

Tuổi Vàng

Thong dong ngày tháng của ta,
Sớm vui tản bộ, chiều ra thăm vườn.
Chén trà tri kỷ ngát hương
Lợi danh thành bại vô thường từ đây
Còn chăng an-lạc tâm này
Cuộc đời nghĩ lại bèo mây nổi chìm
Từ đây mình lại gặp mình
Thảnh thơi buông thả như tình ban sơ.

hoàng ngọc thanh dung



Ottawa Một Ngày Trở Lại

Năm xưa tôi là người dân mất nước
Quê-hương thôi đành lặng lẽ rời xa
Nơi xứ lạ, biết về đâu dừng bước
Và tôi đã về... về Ottawa.

Nơi đây có những ngày đông lạnh giá
Tuyết ngập đầy trời, phủ kín hồn tôi.
Tôi đã gặp những đồng hương quen, lạ
Một lúa bên trời lặn đạn nổi trôi.

Rồi lúc trà đàm, rồi ngày hội Tết
Lớp học vui, vắn Việt ngữ tuổi thơ
Niệm Phật Đường khói trầm nhang toả kết
Ôi êm đềm, nhòa nhạt nỗi bơ vơ.

Mười mấy năm xa, một ngày trở lại
Vui niềm vui quê cũ về thăm
Thuở hàn vi, buổi ban đầu nhớ mãi
Con đường xưa, người cũ nhớ nhau chẳng?

hoàng ngọc thanh dung



khải chính *phạm kim thư*

Từ Một Vài Khám Phá Mới Về Trí Thông Minh Của Trẻ Đến Phương Pháp Giảng Dạy Thích Hợp Ở Học Đường

Bộ óc chúng ta giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển sự thông minh. Óc hay Chất Xám (gray matter) là cơ quan chính của hệ thống thần kinh có các cấu trúc đặc biệt giữ nhiệm vụ điều khiển cảm xúc, cử động, tư tưởng, lý luận, nhìn, nghe, ngôn ngữ, và trí nhớ.

I. Những điều đã được đề cập về trí thông minh từ trước đến nay(1)

Thông minh được định nghĩa là một khả năng hay một tiềm năng hiểu biết hay cảm nhận được sự liên hệ một cách trừu tượng của sự vật, khả năng học hỏi và thích hợp với môi trường do bản năng mà có chứ không cần phải động viên hay khuyến khích, và khả năng hiểu biết do sự tổng hợp giữa đặc tính bẩm sinh của trung khu thần kinh và các yếu tố về kinh nghiệm, học hỏi, và môi trường sống tạo thành.

Theo các nhà tâm lý học, thông minh có thể đo lường được. Muốn đo lường sự thông minh, người ta ấn định Hệ Số Thông

Minh (Intelligence Quotient), viết tắt là IQ. Muốn có hệ số thông minh IQ này, người ta lấy Tuổi Trí Tuệ (mental age) của một người chia cho tuổi thật của người đó (age in years) rồi nhân với 100. Tuổi trí tuệ (mental age) được ấn định bằng cách đo lường các kỹ năng (skills) của con người qua một cuộc lượng giá gọi là Trắc Nghiệm Thông Minh Tiêu Chuẩn (The Standardized Intelligence Test). Theo trắc nghiệm thông minh, nếu trẻ em có số tuổi trí tuệ bằng số tuổi đời, hệ số IQ sẽ là 100. Nếu hệ số thông minh IQ từ 90 tới 110, trẻ được coi là thông minh bình thường. Những trẻ có IQ từ 120 trở lên được coi là thông minh thượng hạng (superior), có IQ vào khoảng 130 được coi là bậc thiên tài (gifted), và IQ vào khoảng 140 được coi là bậc kỳ tài (genius). Riêng những trẻ học rất nhanh, tiến bộ vượt bậc, nhất là về các môn âm nhạc, hội họa, nghệ thuật, và thơ văn, được coi là thần đồng (prodigy). Những em có IQ dưới 90 được xếp vào loại kém thông minh và đần độn (mental retardation).

Cách trắc nghiệm thông minh này đầu tiên được phát minh vào năm 1900 do các nhà tâm lý học J. McKeen Cattell ở Hoa Kỳ, A. Binet ở Pháp, và C. Spearman & Burt ở Anh. Vào năm 1916, một trắc nghiệm có tên Stanford-Binet Scale để đo trí thông minh và kiến thức được sử dụng lần đầu tiên do giáo sư tâm lý, Lewis Terman, của trường đại học Stanford University. Trắc nghiệm này được Hoa Kỳ sử dụng và cải tiến từ một trắc nghiệm mang tên là French Binet-Simon Intelligence Test của Pháp. Sau nhiều lần cải tiến, Stanford Binet Scale được coi là nền tảng của việc trắc nghiệm trí thông minh.

Căn cứ vào kết quả của trắc nghiệm thông minh, người ta nhận thấy:

- Con em của các chuyên gia có IQ cao hơn các con em của tầng lớp thợ thuyền.

- Những trẻ thuộc loại thiên tài, kỳ tài, và thần đồng có thể được sinh ra từ những gia đình có cha mẹ thành công cũng như từ những bậc cha mẹ kém thành công. Điều chính yếu ở đây là các em thuộc loại này được thừa hưởng yếu tố di truyền về

thông minh của cha mẹ.

- Những em thuộc tầng lớp xã hội có đời sống văn hóa và mức sống cao thường thông minh hơn các em thuộc tầng lớp xã hội thấp kém và nghèo nàn. Điều này có nghĩa là sự thông minh bị chi phối bởi môi trường sống, giáo dục, dinh dưỡng, y tế, và văn hóa.

- Trắc nghiệm thông minh có thể tiên đoán khá chính xác về sự thành công trong việc học đối với các em ở tiểu học và trung học cũng như sự thành công về mặt xã hội của các em. Trắc nghiệm thông minh không thể đoán chắc các em sẽ thành công ở bậc đại học hay bậc chuyên nghiệp được.

- Những em thuộc loại thiên tài khi trưởng thành thường có lợi tức trên mức trung bình và có sức khỏe tốt về thể chất cũng như tinh thần. Các em này còn đạt đến trình độ học vấn cao và thành công trong các ngành nghề chuyên môn hơn các em có hệ số IQ ở mức trung bình.

- Các trẻ em thiên tài, kỳ tài, và thần đồng chưa chắc sẽ thành công trong sự nghiệp cống hiến xã hội một cách có hiệu quả. Thông minh là một việc, muốn giúp ích xã hội, các em còn cần phải có tư cách, động lực thúc đẩy, có tâm huyết, tinh thần hy sinh, và luân lý chức nghiệp.

- Các em thiên tài, kỳ tài, và thần đồng còn bị trở ngại về việc học nếu học chung với các em có trình độ thông minh ở mức trung bình. Nếu học chung như vậy, các em thông minh sẽ cảm thấy buồn tẻ, chán nản, không muốn học, và cuối cùng không đủ điểm lên lớp. Các em thuộc các loại thông minh này phải được xếp học riêng với chương trình đặc biệt và với sự săn sóc kỹ lưỡng mới có sự tiến bộ được.

- Mức độ thông minh sẽ phát triển đến khi trưởng thành và còn tiếp tục phát triển tới tuổi trung niên và tuổi về già, nếu quý cụ còn tích cực vận dụng đến trí thông minh trong mọi sinh hoạt. Sự thông minh không được sử dụng liên tục một cách tích cực sẽ bị thui chột đi. Tuy nhiên, nhịp độ phát triển của trí thông minh ở mức cao nhất là vào khoảng 25 tuổi. Sau đó, sự phát triển sẽ chậm lại từ từ. Khi con người về già, những kỹ

năng của họ học hỏi được trước đây sẽ mất dần đi (nhất là về ngữ vựng), và những điều mới mà họ muốn học thêm thì phải khó khăn lắm mới thu thập và nhớ được.

II. Một vài khám phá mới về trí thông minh

A. Các bậc cha mẹ ai cũng muốn con mình thông minh về mọi mặt. Điều này chỉ là một ước vọng. Trong thực tế không được như vậy. Thông minh chỉ là một quan niệm tương đối. Không thể có bất cứ đứa trẻ nào cũng thông minh được. Tuy nhiên, một nhà tâm lý học của trường đại học Harvard, Giáo sư Howard Gardner đã khám phá ra một ý niệm mới về thông minh được gọi là Multiple Intelligences, viết tắt bằng MI. Quan niệm mới này đã được chấp nhận ở khắp Bắc Mỹ (2).

MI gồm 7 phạm vi thông minh khác nhau. Người ta có thể thông minh về mặt này và kém thông minh về mặt kia. Tuy nhiên, phạm vi thông minh nào cũng quan trọng và có giá trị riêng của nó.

Bảy phạm vi của Multiple Intelligences do Gardner tìm ra là:

1. Linguistic Intelligence. Đây là sự thông minh về mặt ngôn ngữ học. Nếu thông minh về mặt này, trẻ sẽ rất bén nhạy về cách hành văn và chọn chữ trong lúc viết văn.

2. Musical Intelligence. Đây là sự thông minh về phạm vi âm nhạc. Nếu thông minh về phạm vi này, trẻ sẽ rất nhạy cảm và sáng tạo trong khi nghe và vận dụng âm điệu (tones), nhịp điệu (rhythms), thể nhạc (musical patterns), độ cao của âm thanh (pitch), và âm sắc (timbre) trong khi sáng tác một bản hòa tấu (symphony).

3. Logical / Mathematic Intelligence. Đây là sự thông minh về toán học. Nếu có thông minh này, trẻ sẽ có khả năng lý giải các bài toán và các vấn đề cũng như thấy rõ sự liên hệ một cách trừu tượng của vấn đề như ở trong đại số học hay khoa học.

4. Spatial Intelligence. Đây là sự thông minh về ý niệm không gian. Nếu thông minh về mặt này, trẻ sẽ nhận thức, vận

dụng, và sáng tạo ra những hình thức và nội dung khác nhau, chẳng hạn như trong nghệ thuật hội họa.

5. Bodily / Kinesthetic Intelligence. Đây là sự thông minh liên quan đến việc vận chuyển phối hợp cơ thể cùng bắp thịt một cách công phu và nghệ thuật. Với sự thông minh trong phạm vi này, người ta có thể đạt tới công phu và nghệ thuật cao về khiêu vũ, võ thuật, và các môn thể dục thể thao như, điền kinh (nhảy xa, nhảy cao, chạy tốc lực, chạy dai sức, nhảy sào, ném tạ, phóng lao...), bơi lội, bóng rổ, bóng bàn, quần vợt, túc cầu, dã cầu, v.v.

6. Intrapersonal Intelligence. Đây là sự thông minh liên quan đến việc nhận thức, tâm thức và tư tưởng. Với sự thông minh này, con người có khả năng nhận thức, sáng tạo, diễn tả mình bạch, hiểu được bốn tâm bốn tánh của mình, và có khả năng tự lĩnh hội và tự trau dồi lấy các tư tưởng cao siêu. Các thi sĩ, các nhà văn, và các nhà tư tưởng thuộc trường hợp này.

7. Interpersonal Intelligence. Đây là sự thông minh thuộc kỹ năng xã hội liên quan đến khả năng nhận xét chính xác được thái độ, tình cảm và hành động của người khác. Có được sự thông minh này, các nhà giáo mới thành công trong việc giảng dạy, các bậc cha mẹ mới nuôi con nên người, và các nhà chính trị mới hoàn thành sự nghiệp trị nước an dân một cách tốt đẹp.

Thường thường, trước đây nhà trường chú trọng về sự thông minh liên quan đến ngôn ngữ, luận lý, và toán học. Ngày nay, với lý thuyết “MI”, người ta tin tưởng rằng các mặt thông minh khác cũng quan trọng như thế, nếu không muốn nói là quan trọng hơn. Chẳng hạn như sự thông minh về kỹ năng xã hội (Interpersonal Intelligence) có thể quan trọng hơn quan niệm IQ đối với hạnh phúc và thành công của trẻ. Nhiều nhà trường ở Hoa Kỳ đã áp dụng lý thuyết “MI” để dạy trẻ. Họ đã hoạch định những phương sách dạy học một cách sáng tạo hơn. Các nhà giáo dục quan niệm rằng có nhiều cách suy nghĩ và diễn đạt về một vấn đề. Họ lấy thí dụ về chữ “confusion” (bối rối), người có đầu óc nghệ thuật thì hình dung ra cảnh “in

disarray” (mất thứ tự, lộn xộn), nhà phân tích có thể nghĩ tới “an unsolvable puzzle or problem” (vấn đề hay sự suy nghĩ không có giải đáp), và một nhạc sĩ có thể nghĩ tới “sounds that clash or are out of tune” (âm thanh không hợp hay bị lạc điệu). Những quan điểm khác nhau này đều đúng. Càng có nhiều quan điểm khác nhau này, trẻ càng hiểu rõ nghĩa của từ “confusion.” Chính vì thế, muốn dạy học trò hiểu về Albert Einstein, một nhà giáo đã cho những học sinh viết một vở kịch về Albert Einstein và cùng nhau diễn vở kịch đó. Trong cách thức này, những học sinh đã sử dụng một cách thực sự về 7 phạm vi của trí thông minh để học về đời sống và khoa học của Einstein. Học sinh đã tỏ ra hiểu được kỹ hơn và nhớ được nhiều hơn bằng cách học này.

Quan niệm mới về thông minh không có nghĩa là làm cho trẻ thông minh hơn trước. Điều mà lý thuyết “MI” muốn nhấn mạnh là trẻ em có nhiều phạm vi thông minh, mỗi trẻ có những phạm vi thông minh khác nhau. Chính nhờ điểm nhận xét này mà các nhà giáo dục đã có những phương pháp mới dạy trẻ. Chẳng hạn như muốn dạy toán cho một em có trở ngại về toán, thầy cô có thể khai thác các phạm vi sở trường như âm nhạc hay các sở trường khác mà trẻ đã có để dạy chúng. Điều cốt yếu ở đây là nhấn mạnh vào những sở trường của trẻ để dạy chúng hơn là làm chúng có mặc cảm yếu kém về môn chúng gặp trở ngại.

Lý thuyết “MI” đã mở ra một chân trời mới trong phương pháp giảng dạy trẻ và đã làm cho trẻ học một cách dễ dàng trong mọi môn học, nhớ được lâu hơn, và thích thú học tập hơn.

B. Chỉ có người mẹ truyền thông minh cho con trai (3)

Trên báo *Lancet Medical Journal*, bà Gillian Turner, thuộc cơ sở Hunter Genetics ở Newcastle, New South Wales, đã trình bày trong một bài khảo luận liên quan đến một khám phá mới về sự thông minh. Bà cho rằng người đàn bà có yếu tố di truyền thông minh trong nhiễm sắc thể X (X Chromosome) và chịu

hoàn toàn trách nhiệm truyền yếu tố thông minh này cho những cậu con trai. Người mẹ có yếu tố di truyền trong hai nhiễm sắc thể X để truyền cho cả con trai và con gái, trong khi đó người bố chỉ có một nhiễm sắc thể X chứa yếu tố di truyền thông minh và chịu trách nhiệm truyền cho con gái. Chính vì thế người con gái có cơ hội gấp đôi con trai về sự thừa hưởng trí thông minh vì được cả cha lẫn mẹ truyền tính chất thông minh cho. Con gái là tấm gương phản ánh sự thông minh của cả cha và mẹ. Chính vì điểm này, người ta khuyên các đấng đàn ông khi chọn người mẹ cho các con tương lai của mình nên để ý đến người đàn bà có “đầu óc” hơn là người có vẻ đẹp bề ngoài. Dĩ nhiên, nếu chọn được người đàn bà vừa có “đầu óc” vừa có vẻ đẹp bề ngoài thì người chồng sung sướng biết bao nhiêu mà kể.

Khám phá mới này phù hợp với câu tục ngữ của ta đã có từ lâu đời: “Phúc đức tại mẫu” và “Con gái nhờ phúc cha, con trai nhờ đức mẹ”. Quả thật các cụ ta rất văn minh, đã có những nhận xét đi trước các nhà tâm lý và khoa học Tây phương hàng thế kỷ.

C. Hệ số thông minh của trẻ sút kém là do người mẹ bị điều trị bằng thuốc an thần trong thời kỳ mang thai (4)

Một nghiên cứu gia, bà June Machover Reinisch thuộc viện Kinsey Institute for Research in Sex, Gender and Reproduction tại Đại học Indiana University, đã khám phá ra là những cậu con trai có mẹ uống thuốc an thần loại Sedative Phenobarbital trong thời kỳ có thai bị kém thông minh gấp đôi những cậu con trai khác. Hệ số IQ sẽ còn thấp hơn nếu các cậu con trai này sinh ra trong gia đình nghèo hay do việc thụ thai mà bà mẹ bị cưỡng bức.

Cuộc nghiên cứu này đã khuyến cáo các bác sĩ phải cẩn thận khi kê thuốc loại Phenobarbital trong thời kỳ người đàn bà thai nghén. Bà Reinisch còn khuyên các bà mẹ phải hết sức cẩn thận về mọi thứ trong thời kỳ mang thai. Cái gì cũng có thể nguy hiểm, phải cân nhắc giữa lợi và sự nguy hiểm.

Bà Reinisch ước lượng có 23 triệu người Mỹ, hiện bây giờ đã trưởng thành, nhiễm hậu quả tai hại của thuốc Phenobarbital khi còn ở trong bào thai. Thuốc này trước đây được bác sĩ kê toa để trị bệnh mất ngủ, an thần, áp huyết cao, nôn mửa, và các chứng khác trong lúc các bà có thai.

Trong những thập niên 1960, 70, và tiền bán thập niên 80 người ta dùng nhiều thuốc Phenobarbital. Hiện nay thứ thuốc này được dùng ít đi rất nhiều. Tuy nhiên thuốc Phenobarbital hãy còn giữ vai trò quan trọng để trị kinh phong, trúng phong, hay chứng kinh giãn (epilepsy). Người ta ước lượng cứ 200 người Mỹ thì có một người đau khổ về bệnh kinh phong.

D. Người da đen kém người thông minh hơn và không tôn trọng luật pháp bằng người da trắng, trong khi đó người Á Đông (da vàng) được xếp vào hạng thông minh hơn người da trắng và da đen; đàn ông thông minh hơn đàn bà. (5).

Cách đây 6 năm (1989), một giáo sư tâm lý thuộc trường University of Western Ontario (Canada), ông Philipe Rushton, đã trình bày bài nghiên cứu của ông trong đó có phần đề cập đến sự thông minh với đại ý rằng người da đen kém thông minh hơn và không tôn trọng luật pháp bằng người da trắng. Người Á Đông được xếp trên người da trắng và da đen về vấn đề thông minh và sự tôn trọng luật pháp. Cuộc nghiên cứu của ông cho thấy rằng óc càng lớn người ta càng thông minh. Một cách tổng quát thì óc của người da đen nhỏ hơn óc người da trắng, và óc người Á Đông lớn hơn óc người da trắng. Do đó người Á Châu thông minh hơn người da trắng và người da trắng thông minh hơn người da đen.

Sự khám phá của Giáo sư Rushton về thông minh và tuân hành luật pháp đã gây ra cuộc tranh luận sôi nổi trên khắp thế giới. Tính mạng của Giáo sư Rushton bị đe dọa chỉ vì vấn đề này. Tuy nhiên, không ai có đủ bằng chứng cụ thể để phủ nhận khám phá mới này của ông. Cuối cùng đã có 19 sinh viên thuộc Đại học Western Ontario, nơi Giáo sư Rushton dạy học, đem vấn đề ra Ủy ban Nhân quyền Ontario vào năm 1991

để thừa Giáo sư Rushton với lý do không xác đáng là ông đã vi phạm điều luật nhân quyền trên căn bản chủng tộc, tổ tiên, màu da, và nguồn gốc sắc dân bằng cách đầu độc môi trường học hỏi tại bậc đại học. Họ muốn ông bị sa thải khỏi trường đại học.

Nhưng vào ngày 27.11.95, Ủy ban Nhân quyền Ontario đã tuyên bố không xét và đóng tất cả những hồ sơ khiếu nại này với lý do là Ủy ban đã mất liên lạc với những người nộp đơn khiếu nại.

Tuy mừng nhưng Giáo sư Rushton vẫn coi vấn đề này chưa được giải quyết ổn thỏa vì cung cách làm việc của Ủy ban Nhân quyền và vấn đề thừa kiện ông là một sỉ nhục đối với công trình nghiên cứu về lãnh vực học vấn. Ông tuyên bố là sẽ nhờ luật sư để làm sáng chính danh trong phạm vi nghiên cứu ở đại học, không những cho ông mà còn cho đồng nghiệp.

Ở Đại học Western Ontario, Giáo sư Greg Moran, Phó Viện trưởng đặc trách học vụ đã tuyên bố là vị thế trường đại học đối với vấn đề của Giáo sư Rushton trước sau như nhất. Ông Phó Viện trưởng nhấn mạnh rằng nhiệm vụ chính của trường đại học là bảo vệ khả năng của những nhà nghiên cứu để đưa ra các công trình nghiên cứu trong phạm vi họ chọn lựa. Ông còn thêm là đôi khi công trình nghiên cứu và kết quả của nó nằm trong phạm vi khiến người khác cảm thấy không thoải mái, nhưng đó là việc tất yếu phải xảy ra ở môi trường đại học.

Hôm 18.08.96, Giáo sư Tâm lý J. Philippe Rushton lại một lần nữa trình bày quan điểm của ông về sự liên hệ giữa kích thích não bộ của con người và trí thông minh trong Hội nghị Quốc tế về Tâm lý học (International Congress of Psychology) tại Montreal, Canada. Giáo sư Rushton kết luận rằng “người Á châu thông minh hơn người da trắng và người da trắng thông minh hơn người da đen, và đàn ông thông minh hơn đàn bà”.

Điều Giáo sư Rushton cho “đàn ông thông minh hơn đàn bà” là có ý nói về đa số mà thôi; nó rất hợp với nhận xét của các cụ ta ngày xưa trong câu ca dao sau: “Đàn ông nông nổi

giống khơi, đàn bà sâu sắc như coi đựng trầu.” Như thế đã chứng tỏ rằng Việt Nam ta rất giỏi về khoa tâm lý, tiến xa hơn khoa học tâm lý Tây Âu cả hơn thế kỷ.

Mặc dầu có người đồng ý, có người không đồng ý về quan niệm của ông, và có người chụp mũ ông là kỳ thị chủng tộc, Giáo sư Rushton vẫn bảo vệ những lý thuyết và lập trường về trí thông minh của ông.

Để hỗ trợ quan điểm của Giáo sư Rushton, một nhà tâm lý học (yêu cầu giấu tên) tại Hoà lan đã phát biểu: “Tôi nghĩ ông ấy là một khoa học gia rất can đảm, đã dám đào sâu vào những đề tài mà rất nhiều người phải sợ run lên khi đề cập tới” (5a).

E. Cảm xúc là thước đo đích thực trí thông minh con người (6)

Trong mục “Bạn Có Biết?” do Kim Khánh tổng hợp trên *Tuần san Đẹp*, số 247, ra ngày 08-06-1996, xuất bản tại Houston, Texas, Hoa kỳ, có tiểu mục nói về “Vị trí thông minh và nhân tố EQ”, Kim Khánh đã dựa theo tạp chí *Time* để viết bài này, nhưng tiếc rằng tác giả bản tin không nói rõ báo *Time* số mấy và phát hành ngày nào mà chỉ nói tổng quát là “số tháng 10.1995.”

Sau đây là vài ý chính của bài:

- Cảm xúc (chứ không phải hệ số thông minh IQ) mới là thước đo đích thực trí thông minh của con người.

- Ông Daniel Goleman (nhà văn, tiến sĩ tâm lý thuộc viện Đại học Havard) cho “Khả năng điều tiết cảm xúc có tác dụng tích cực” một cái tên viết tắt là EQ. (Không thấy Kim Khánh nói ông Goleman dùng EQ để viết tắt cho chữ gì trong tiếng Anh. Tuy nhiên, lấy trong ý tứ mà suy, đây có thể đây là Emotion Quotient).

- Theo Daniel Goleman thì yếu tố đưa đến thành công của một người, trí tuệ biểu lộ bằng IQ không quan trọng bằng cảm xúc của người đó.

- Nhà khoa học Joseph Le Doux khám phá ra một đường dây thần kinh ngắn ở não cho phép cảm xúc điều khiển hoạt

động trước khi trí tuệ kịp can thiệp.

- Tự ý thức là khả năng giúp ta điều hòa cảm xúc để có thể kiên trì bền bỉ đi đến thành công.

- Nếu ta chú ý về tầm quan trọng của sự nhạy bén của cảm xúc cùng sự khéo léo hơn trong việc giảng dạy vấn đề này, xã hội sẽ yên ổn và cá nhân sẽ thành đạt.

- IQ cao sẽ giúp chúng ta được tuyển chọn, nhưng phải có EQ (yếu tố giúp ta có khả năng hợp tác và được mọi người yêu mến) mới giúp chúng ta thăng tiến.

- Một cuộc thực nghiệm ở trong trường học tại New York cho thấy rằng đem EQ áp dụng vào việc giáo dục đã giúp học sinh kiểm soát được cơn giận dữ, bức tức và cô đơn. Kết quả là sự đánh nhau giảm bớt, số học sinh chăm học tăng lên, và sức khỏe của học sinh cũng tiến bộ.

F. Tầm quan trọng của ba năm đầu tiên trong cuộc đời (7)
Bà Joan Beck, trong *The London Free Press*, số ra ngày 09 tháng 10 năm 1996, với bài *Why the Brain is One of Our Great, Wasted Resources*, đã trình bày ý kiến của nhà chuyên viết về khoa học trong báo *Chicago Tribune* rằng: “Ba năm đầu tiên của cuộc đời đứa trẻ giữ vai trò rất quan trọng trong việc phát triển não bộ”. Khi đứa trẻ, trong những năm đầu cuộc đời, không có một môi trường thuận lợi để giúp não bộ phát triển nảy nở bằng cách tập nói, vận động cơ thể, quan sát như nhìn, nghe, ngửi, sờ, nếm, và làm để khám phá sự vật, thì óc không thể phát triển được. Chính vì thế mà khi bắt đầu đi học, chúng không những thua sút các bạn mà não bộ còn bị còi đi nữa. Một khi thất bại ở trong lớp, chúng sẽ không bao giờ theo kịp các bạn mà còn dễ bị lôi cuốn vào những thói hư tật xấu khác.

III. Thành công và hữu ích

Kinh nghiệm cho thấy thông minh rất cần cho con người tiến bộ nhưng chưa đủ để giúp cho con người thành công và giúp ích cho đất nước và nhân loại.

1. Thành công

Học hành hay làm việc thành công một phần nhờ vào sự thông minh, nhưng phần lớn nhờ ở sự kiên trì, cố gắng, hoàn cảnh thuận lợi, và vận may.

Đã có biết bao bậc phụ huynh, thầy giáo, huấn luyện viên thành công trong việc dạy và huấn luyện trẻ. Đó là nhờ vào sự dày công dạy trẻ và khuyến khích chúng mỗi khi chúng gặp khó khăn hay thất bại. “Thất bại là mẹ thành công” là nguyên tắc căn bản để con người theo đuổi sự nghiệp lâu dài. Đã có biết bao người học thành tài giúp ích cộng đồng xã hội là do họ cố gắng “sôi kinh nấu sủ” hay là “dùi mài kinh sử” và dày công lập chí tu thân. “Có công mài sắt có ngày nên kim” hay “Hữu chí cánh thành” là vậy.

Những trẻ thành công, ngoài sự thông minh và cố gắng, phần lớn còn do cha mẹ hết sức săn sóc nuôi dạy. Chính vì biết công ơn này mà ngày xưa người ta có tục lệ Vinh Qui Bái Tổ dành cho những vị tân trạng để có dịp báo đáp công ơn tổ tiên cùng cha mẹ. Ngày nay, khi các học sinh được phần thưởng hay đỗ đạt, các lực sĩ chiếm giải quán quân, các nghệ sĩ đoạt huy chương, và các nhà văn đoạt giải thưởng, họ thường ngỏ lời cảm ơn cha mẹ cùng các người góp công vào sự thành đạt của họ. “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây” là thế.

Ở ngoài Bắc, khoảng hơn nửa thế kỷ trước đây, tại làng Hành Thiện thuộc tỉnh Nam Định có rất nhiều người học hành thành đạt ra làm quan. Người ta bảo đó là nhờ vào “đất.” Khi tìm hiểu ra người ta mới biết nếu gia đình nào có người học giỏi thì họ lại giúp anh chị em và con cháu học. Thường thì bố mẹ làm nghề gì, con cái có khuynh hướng làm nghề ấy. Đây là nói tổng quát mà thôi. Bố mẹ làm bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư, hay luật sư thì con có cơ hội làm các nghề đó; cha mẹ làm ca sĩ, kịch sĩ, tài tử, thì con có nhiều cơ hội theo nghề cha mẹ; cha mẹ làm quan, con cái có cơ hội làm quan. Ca dao tục ngữ ta có những câu: “Đầu xuôi đuôi lọt”, “Con nhà tông chẳng giống lông cũng giống cánh”, và “Con vua thì lại làm vua, con sãi ở

chùa thì quét lá đa”.

Một số đông các bậc phụ huynh đã khuyến khích các con em cố gắng học mà không để chúng ỷ vào trí thông minh mà lơ là sự học. Họ đã khuyên con cái phải chuyên cần và “thắng không kiêu, bại không nản”. Đành rằng có thông minh thì việc học sẽ dễ dàng hơn, nhưng đó không phải là yếu tố quyết định. Các em, dẫu thông minh nhiều hay ít cũng vậy, nếu kiên chí chuyên cần học tập, cộng thêm sự chăm lo chu đáo của phụ huynh, đều sẽ thành công trong việc học.

2. Không hẳn những người học hành thành công, đỗ đạt cao và giàu có đều giúp ích xã hội và nhân loại.

Đành rằng những bậc khoa bảng và những người giàu có đã từng giúp ích cho xã hội và nhân loại, không bằng cách này thì cách khác. Có nhiều trường hợp họ là các bậc lương đồng (người giỏi, rường cột của quốc gia dân tộc) của quốc gia và nhân loại. Tuy nhiên, ta cũng thấy không thiếu những kẻ có bằng cấp cao và những người giàu có đã từng hại dân hại nước. Nhờ học giỏi và giàu có, họ lại càng có nhiều mảnh khóc tinh xảo để vinh thân phì gia và bán nước cầu vinh. Họ thuộc loại có tài mà không lương thiện và bị danh quyền lợi che mắt lương tri. Cái thông minh của họ bị Bát Tà Tam Độc dẫn lối và bị màn u minh bao phủ. Họ có giỏi mấy cũng thành vô dụng đối với quốc gia dân tộc mà thôi.

Như vậy, muốn trở thành những người hữu ích cho đất nước và nhân loại, bên cạnh việc học hành thành công, đỗ đạt cao và giàu có, người ta phải tu thân để có lòng lương thiện và làm việc không phải vì lợi danh mà hết lòng vì đại nghĩa. Có như thế, sự thông minh mới đáng quý và tài giỏi mới đáng trọng.

IV. Thông minh và lương thiện

Luigi Barzini, trong tác phẩm *O America*, 1977, có viết: “Nếu một người thông minh và Phát xít thì anh ta không phải là người lương thiện. Nếu anh ta lương thiện và Phát xít thì anh

ta không phải là người thông minh” (8).

Nói đến thông minh và độc tài, người ta nghĩ ngay đến Hitler ở Đức. Hitler chủ trương “một cái đầu” thông minh bằng “ngàn cái đầu” tầm thường. Hitler viết: “Không phải tập thể quần chúng làm công việc phát minh và cũng không phải khối đa số giữ vai trò tổ chức hay tư tưởng. Nhưng trong tất cả mọi điều chỉ có và luôn luôn là con người cá nhân, một người mà thôi.” (9a). Vì thế Hitler chủ trương để những cá nhân biết suy nghĩ và có tư tưởng lên trên quần chúng: “...để những cá nhân biết suy nghĩ và có tư tưởng lên trên quần chúng, như thế quần chúng phải nhờ vào các cá nhân biết suy nghĩ và có tư tưởng để thăng tiến” (9b).

Hitler còn nói rõ là: “Trong khi tất cả văn hóa nhân loại chỉ thuần túy là công trình của những hoạt động sáng tạo cá nhân, thì ở mọi nơi, đặc biệt là trong vai trò lãnh đạo cao nhất của cộng đồng quốc gia, nguyên tắc giá trị của khối đa số tỏ ra nắm vai trò quyết định. Từ cái vị thế quyết định này nó đầu độc đời sống; điều này có nghĩa, trong thực tế là phá hủy nó” (9c). Hitler đi đến kết luận rằng: “Không cần quyết định của đa số, chỉ có những cá nhân có trách nhiệm quyết định mà thôi. Danh từ ‘hội đồng’ phải trả về nghĩa nguyên thủy của nó. Chắc chắn rằng mỗi người lãnh đạo phải có những cố vấn ở bên, nhưng quyết định phải do một người chịu trách nhiệm. Và trách nhiệm, tuy nhiên, chỉ có thể do một người có, vì thế chỉ có người này mà thôi mới có tư thế và thẩm quyền chỉ huy” (9d).

Hitler còn nhấn mạnh: “Nếu hai người được ưu đãi ngang nhau, tranh đua với nhau, người sẽ đạt chiến thắng được thể hiện trên sự lãnh đạo bằng tất cả trí năng và những tài năng tột đỉnh có được” (9e).

Chính vì có những tư tưởng độc tài độc đoán này nên khi lên nắm chính quyền, Hitler mới giải tán chế độ đại nghị tức là cơ quan quốc hội. Kết quả là thế giới loạn lạc và chủ nghĩa Phát-xít ra đời. Phát-xít là một chủ nghĩa độc tài, chuyên chế, và độc đảng ngự trị do Mussolini thành lập ở Ý vào năm 1919

để chống lại chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa Cộng Sản. Và sau đó được chính phủ Ý áp dụng từ năm 1922 đến 1943. Những nguyên tắc của chủ nghĩa Phát-xít đã được Adolf Hitler và đảng Đức Quốc Xã (Nazi Party) thừa nhận và thêm vào chủ nghĩa này tư tưởng chủng tộc siêu việt mang đầy tính cách kỳ thị các dân tộc khác. Các nước theo chủ nghĩa Phát-xít vào thập niên 1920 gồm Ý do Mussolini đứng đầu, Đức do Hitler lãnh đạo, và Tây Ban Nha do Franco chỉ huy. Điểm chính yếu của Phát-xít khác với Cộng Sản là Phát-xít do một cá nhân ở địa vị độc tôn lãnh đạo, theo chủ nghĩa quốc gia quá khích, và không có chuyên chính vô sản. (1)

Hitler và các nhà Phát-xít khác quả là thông minh, nhưng họ không lương thiện mà lại Phát-xít nên mới gây thảm họa cho nhân loại trong Thế Chiến Thứ Hai và dân Do Thái mới bị tiêu diệt lúc bấy giờ.

Chỉ những ai có sự thông minh và có tâm ngay chánh lương thiện mới giúp ích nhân loại thăng tiến được, điển hình là đức Phật, đức Chúa Jesus, và các vị giáo chủ các tôn giáo khác đã ở trong trường hợp này.

V. Lời hay ý đẹp về thông minh của một số tư tưởng gia Tây phương (8)

1. Thomas Fuller, trong tác phẩm *Ngomologia*, 1932, có viết: “Một đầu óc tốt thì có giá trị hơn một trăm cánh tay khỏe mạnh” (8a).

2. Lời của Samuel Johnson, được trích dùng trong tác phẩm *Life of Samuel Johnson* của Boswell, 29.4. 1778: “Đầu óc minh mẫn, khỏe, và chân thành là đầu óc có thể thấu nhận một cách cân bằng cả những điều vĩ đại lẫn những điều nhỏ nhặt” (8b).

3. Marya Mannes trong tác phẩm *More in Anger*, đã viết: “Cái dấu hiệu của những người thông minh là khả năng của họ kiểm soát được cảm xúc bằng cách vận dụng lẽ phải” (8c).

4. Lewis Mumford, trong tác phẩm *Findings and Keepings*,

Analects for an Autobiography, 1975, đã viết: “Một người có thể làm bất cứ cái gì với óc thông minh của mình - điều này đã làm họ tự hào với trí thông minh - trừ việc họ tìm hiểu một con người khác” (8d).

5. George Santayana trong tác phẩm *Little Essays*, 1920, đã viết: “Trí thông minh là sự nhanh ý nhận ra bản chất sự vật” (8e).

6. Thành ngữ của sắc dân Yiddish, thuộc Indo-European, châu Âu: “Nhiều người hay than phiền về bề ngoài của mình, nhưng không có ai chịu nhận mình là ngu ngốc” (8f).

VI. Kết luận

- Sự thông minh của con người do nhiều yếu tố cấu thành. Yếu tố chính là di truyền. Các yếu tố khác cũng không kém phần quan trọng là môi trường sống, văn hóa, dinh dưỡng, y tế vệ sinh, và giáo dục.

- Con người có thể thông minh về các mặt khác nhau. Người thông minh về toán, kẻ thông minh về văn chương, người khác thông minh về khoa học, người này giỏi về thể thao, kẻ kia khéo về cơ khí, v.v. Cũng có người thông minh về nhiều thứ, nhưng hiếm.

- Sự thành công và hạnh phúc ở đời chưa hẳn do sự thông minh tạo ra. Hạnh phúc và thành công có được không những do thông minh mà còn phải kiên nhẫn, có chí, có gan, và làm chủ được đời mình và công việc mình làm. Người xưa nói “Có chí làm quan, có gian làm giàu” là vậy.

- Những khám phá mới về thông minh đã nói ở trên, ngoài sự khám phá của Giáo sư Rushton và bà Gillian Turner, thực ra không có gì mới mẻ. Có mới là người ta phân chia ra những loại thông minh đã có sẵn mà thôi. Cảm xúc là yếu tố góp vào sự thành công nếu biết điều hòa đúng cách. Nó không hẳn là thước đo thông minh, vì cảm xúc cũng giống thông minh, có thể nhờ giáo dục, môi trường sống, và di truyền mà có. Thực tế cho thấy cha mẹ nóng nảy sẽ tạo ra các con nóng nảy và bạo

động. Cảm xúc có tác dụng làm trí thông minh sáng thêm hay tối đi mà thôi. Cảm xúc là một cảm nhận có được do ngoại vật kích thích. Người ta biết điều hòa cảm xúc thì tất nhiên trí tuệ mình hẳn. Tránh được tham sân si cá mỗ thì bát nhả sẽ sáng ngời, do đó sẽ thấu được mọi lẽ, tức là đại trí huệ. Hơn nữa, cảm xúc là một khía cạnh của tình cảm con người. Tình cảm lại là một trong bốn phần trọng yếu của đời sống chúng ta. Bốn phần đó là Trí Tuệ, Thể Chất, Tình Cảm, và Xã Hội. Bốn phần này phải được giáo dục song song để phát triển ngổ hầu tạo thành một con người toàn diện. Đời sống con người không thể thiếu một trong bốn mặt chính này. Chúng có ảnh hưởng hỗ tương với nhau.

Trí tuệ minh mẫn sẽ giúp cho cơ thể, xã hội, và cảm xúc phát triển tốt đẹp.

Thể chất mạnh khỏe sẽ giúp cho trí tuệ minh mẫn, xã hội tiến bộ, và cảm xúc thăng hoa. Cảm xúc điều độ sẽ giúp cho cơ thể khỏe mạnh, trí tuệ minh mẫn, và xã hội yên vui. Xã hội văn minh sẽ giúp cho trí tuệ phát triển, cơ thể khỏe mạnh, và cảm xúc vui tươi. Nếu được phát triển song song và đồng đều, bốn mặt này sẽ giúp con người có cuộc sống an vui thịnh vượng thái hòa.

- Có một điều thật mới lạ mà mọi người cảm thấy ngạc nhiên và thích thú là khám phá của Giáo sư Philippe Rushton và bà Gillian Turner, như đã trình bày ở trên. Giáo sư Rushton quả quyết rằng người da vàng thông minh hơn người da trắng, và người da trắng thông minh hơn người da đen. Bà Gillian Turner chắc chắn rằng con trai chỉ nhận sự di truyền thông minh từ người mẹ và con gái nhận di truyền thông minh của cả cha và mẹ.

Dựa vào thực tế và kinh nghiệm ta thấy Giáo sư Rushton có lý. Quả thật người Việt chúng ta thông minh và tôn trọng pháp luật. Suốt trong 15 năm làm việc với chính phủ tỉnh bang Ontario, kẻ viết bài này hết sức đồng ý và thán phục Giáo sư Rushton đã có lý và can đảm nói lên sự thật.

Có một điều hết sức may mắn cho nhà trường, gia đình, và

xã hội là những điều trình bày ở trên liên quan đến trí thông minh đã và đang đóng góp tích cực vào việc giáo dục con em. Nhờ những khám phá mới này mà các nhà giáo dục, các bậc phụ huynh, và các nhà xã hội tìm ra phương pháp giáo dục mới để giúp con em học tập có kết quả, nhớ được dễ dàng, và thích thú học tập. Có như thế các em sẽ trở thành những người con ngoan, và công dân tốt giúp ích cho đất nước và nhân loại.

Cước chú:

(1) *Bách khoa tự điển Britanica*, ấn bản 1985. Hirsch, E.D.Jr., J.F. Kett & J. Trefil, *The Dictionary Cultural Literacy*, Houghton Mifflin Company, Boston, 1991.

(2) Arnold Rincover, *London Free Press*, London, Canada, 10.6.96.

(3) *London Free Press*, London, Canada, 28-06-96.

(4) *London Free Press*, London, Canada, 16-11-95.

(5) Mary-Giane Egan, *London Free Press*, London, Canada, 28-11-95. Michael Smith, *London Free Press* 12-02-96. Samana Siddiqui (*Montreal Gazette*), *London Free Press*, 19-08-96.

5a. *I think he's a very courageous scientist delving into very important topics that a lot of people are extremely afraid to touch.*

(6) Kim Khánh "Bạn Có Biết", *Tuần san Đẹp*, Houston, TX, Số 247, 08-06-96.

(7) Joan Beck, "Why the Brain is One of Our Great, Wasted Resources", *The London Free Press*, 9.11.96.

(8) E. Ehrlich, M. D. Bruhl, *The International Thesaurus of Quotations*, Harpercollins Publisher, 1996 "If a man is intelligent and Fascist, he is not honest. If he is honest and Fascist, he is not intelligent."

a. One good head is better than a hundred strong hands.

b. The true, strong, and sound mind is the mind that can embrace equally great things and small.

c. The sign of intelligent people is their ability to control emotions by the application of reason.

d. One can do everything with the intellect - that is what makes one so proud of it - except understand another human being.

e. Intelligence is quickness in seeing things as they are.

f. Many complain of their looks, but none of their brains.

(9) Adolf Hitler, *Mein Kampf* (My Struggle) Houghton Mifflin

Company, Boston, 1943. Ấn bản tiếng Anh do Ralph Manheim dịch.

a. It is not the mass that invents and not the majority that organizes or thinks, but in all things only and always the individual man, the person.

b. Place thinking individuals above masses, thus subordinating the latter to the former.

c. While all human culture is solely the result of the individual's creative activity, everywhere, and particularly in the highest leadership of the national community, the principle of the value of the majority appears decisive, and from that high place begins to gradually poison all life; that is in reality, to dissolve it.

d. There must be no majority decisions, but only responsible persons, and the word 'council' must be restored to its original meaning. Surely every man will have advisers by his side, but the decision will be made by one man. ...Responsibility, however, can and may be borne only by one man, and therefore only he alone may possess the authority and right to command.

e. If two people, equally well endowed, compete with one another, that one will achieve victory which has represented in its total intellectual leadership its best talents...



Ba Mối Tình của Đời Thúy Kiều
qua Tác-Phẩm
Đoạn Trường Tân Thanh

Như chúng ta đều biết, *Đoạn Trường Tân Thanh*, còn gọi tắt là *Truyện Kiều*, của tác-giả Nguyễn Du, là một tác-phẩm trường thiên, viết bằng thể văn lục bát, xuất hiện trên văn-đàn Việt-nam vào thế-kỷ XIX. Tác-phẩm này tả lại đời của một cô gái, vì hiếu mà phải bán mình để lấy tiền đút lót quan quyền chuộc tội cho cha. Sau đó cô phải luân lạc phong trần trong chốn lầu xanh trong 15 năm. Đây là tác-phẩm trứ danh nhất của Việt-nam, cho tới nay vẫn được coi là vô tiền khoáng hậu cả về hình-thức văn chương lẫn tình tiết nội dung.

Qua cuốn truyện trên, chúng ta thấy tác-giả Nguyễn Du đã tả lại ba mối tình trong đời Kiều, mỗi mối tình đều có tình tiết và đặc điểm rất lý thú và rất nhân tính. Do đây chúng tôi thử đem phân-tích ba mối tình này để chúng ta cùng thưởng lãm.

Ba mối tình trong đời cô Kiều đó là:

- khởi đầu là tình thơ mộng với chàng thư-sinh Kim Trọng.
- tiếp tới là mối tình tiện-nghi với anh chàng công-tử nhà giàu Thúc-sinh.
- và cuối cùng là mối tình tri-kỷ với chàng trai tú chiếng Từ Hải.

1. Mối tình thơ-mộng với chàng thư-sinh Kim Trọng

Thúy Kiều cùng hai em là Thúy Vân và Vương Quan đi lễ tảo mộ Thanh Minh, trên đường về nhà, tình cờ gặp một chàng thư-sinh:

Dùng dằng nửa ở nửa về,
Lạc vàng đầu đã tiếng nghe gần gần
Trông chừng thấy một văn-nhân
Lông buông tay khấu bước lần dậm bằng
Đề-huề lưng túi gió trăng
Sau lưng theo một vài thằng con con.
Đó là Kim Trọng, bạn học của Vương Quan:
Nguyên người quanh quất đầu xa,
Họ Kim tên Trọng, vốn nhà trâm anh;
Kể về tài mạo, Kim Trọng là một mẫu người “tuyệt vời”:
Nền phú quý, bọc tài danh,
Văn chương nét đất, thông minh tánh trời.
Phong-tư tài-mạo tốt vời,
Vào trong phong-nhã, ra ngoài hào hoa.

Đây là mẫu người lý-tưởng, “hoàng-tử trong mộng” của các cô gái mới lớn, ở vào lứa tuổi “xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê” như Thúy Kiều lúc đó. Cho nên vừa mới gặp mặt Kim Trọng, Thúy Kiều đã bị “tiếng sét ái tình” (coup de foudre) làm cho ngẩn ngơ thần thờ:

Người quốc sắc, kẻ thiên tài,
Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.
Chập chờn cơn tỉnh cơn mê,
Rốn ngồi chẳng tiện, dứt về chổn khôn.
Bóng tà như giục cơn buồn
Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo.

Đây là mối tình đầu thầm kín của những cô gái mới lớn. Gặp chàng trai mộng-tưởng, cô gái này thầm yêu trộm nhớ mà băng khuâng, tự hỏi:

Người đâu gặp gỡ làm chi

Trăm năm biết có duyên gì hay không?

Có khi đây chỉ là mối tình một chiều. Chỉ mình cô tư-tưởng, còn người tình mộng tưởng là chàng trai kia thì không hề hay biết và cũng không hề có chút tình nào với mình. Cũng có khi đây là mối tình hai chiều. Cô gái và chàng trai cùng đem lòng yêu thương nhau, nhưng “chỉ vì hai đứa ngây thơ” mà không ai dám tỏ bày lòng mình cho người kia biết, để rồi mối tình đầu thơ mộng đó qua đi, để lại biết bao luyến nhớ, ân hận trong suốt cuộc đời cho cả hai người.

Hạnh-phúc nhất là mối tình đầu thơ-mộng này hai chiều và được giải bày. Đây là trường-hợp của Thúy Kiều và Kim Trọng. Sau khi gặp Thúy Kiều, Kim Trọng cũng mang lòng tưởng nhớ Thúy Kiều, tưởng nhớ đến mang bệnh tương-tư:

*Chàng Kim từ lại thư-song,
Nỗi nằng canh cánh bên lòng biếng khuây
Sầu đông càng khắc càng đầy
Ba thu dồn lại một ngày dài ghê
Mây Tần khóa kín song the
Bụi hồng lẻo đẹo đi về chiêm bao
Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao
Mặt mơ tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng.
Phòng vắng hơi lạnh như đồng
Trúc se ngọn cỏ, tơ trùng phím loan
Mành tương phân phát gió đàn
Hương gáy mùi nhớ, trà khan giọng tình!*

Nỗi tương tư mãnh liệt đã thúc đẩy chàng Kim đi tìm Thúy Kiều để ngỏ tình. Chàng đã thuê nhà ngay bên nhà Kiều, và hàng ngày ngóng trông Kiều xuất hiện. Duyên trời xấp xếp, rồi Kim Trọng cũng đã gặp được Kiều để ngỏ tình. Hai bên ý hợp tâm đầu, và đã thề nguyên gắn bó duyên tình:

*“Đã lòng quân-tử đa mang
Một lòng vâng tạc, đá vàng thủy chung”
Được lời như cởi tấm lòng*

*Giở kim thoa, với khăn hồng trao tay
Rằng: “trăm năm cũng từ đây
Của tin gọi một chút này làm ghi.”
Quạt vàng, khăn gấm sẵn khi,
Với nhành thoa ấy, tức thì đổi trao.*

Tương như thế là đời Kiều đầy hoa mộng và hạnh-phúc. Nhưng trớ trêu thay, Kiều gặp cảnh gia biến sau đó, phải hy-sinh hạnh-phúc cá-nhân của mình, bán mình để lấy tiền đút lót quan quyền chuộc tội cho cha, trong khi Kim Trọng xa Kiều vì phải về quê nhà chịu tang chú. Thế là tình đầu thơ mộng của Thúy Kiều đã tan vỡ. Trong suốt cuộc đời của Thúy Kiều, mỗi tình thơ mộng thuở ban đầu này sẽ mãi mãi là một kỷ-niệm êm đềm, đầm thắm, an-ủi Kiều những lúc chán chường, những khi gặp phong ba trên vạn nẻo đường đời và đường tình: *Dấu là ngó ý, còn vương tơ lòng.*

Thực ra, những mối tình đầu đầy thơ mộng của các cô gái mới lớn phần nhiều đều chỉ thoáng qua như một giấc mơ huyền ảo. Ít có người hiện thực được mối tình đầu trọn vẹn: lấy được người mình yêu và sống suốt đời hạnh-phúc bên người yêu mộng tưởng đó.

Trên bước đường phong trần, lưu lạc trong chốn lầu xanh, Thúy Kiều đã nảy sinh một mối tình thứ hai: mối tình “tiện nghi” với anh chàng công-tử nhà giàu Thúc-sinh.

II. Mối tình “tiện nghi” với anh chàng công-tử nhà giàu Thúc-sinh

Khi đã qua đi tuổi cập kê, người con gái trưởng thành bắt đầu bước vào đời với nhận-định và ước muốn thực-tế. Khi trưởng thành, thường người con gái nào cũng mong muốn có một người chồng hết lòng thương yêu mình, đủ đảm bảo cho mình một gia-đình sung-túc và vững bền. Bấy giờ người con gái không còn mộng mơ “hoàng-tử của lòng mình” với người “*vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa*” như thời mới lớn, mà chỉ cốt sao

có được một người đàn ông mang lại ấm no hạnh-phúc ngõ hầu kiến-tạo một gia-đình “bách niên giai lão”. Nghĩa là một cuộc hôn nhân có tính toán với người mang lại cho mình một cuộc sống “tiện nghi” đủ đảm bảo một đời sống ổn-định cả về vật-chất lẫn tinh-thần.

Đang khi nhàm chán với cuộc sống kỹ nữ trong chốn lầu xanh:

*Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,
Giật mình, mình lại thương mình xót xa.*

*Xưa sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường?*

thì Thúc-sinh xuất-hiện. Chàng là một công-tử con nhà thương-gia danh-giá và giàu có:

*Khách du bồng có một người
Kỳ Tâm họ Thúc, cũng nòi thư-hương
Vốn người huyện Tích châu Thường,
Theo nghiêm-đường mở ngôi hàng Lâm-tri*

Gặp Kiều, chàng họ Thúc mê nàng say đắm:

*Sinh càng một tỉnh, mười mê
Ngày xuân lắm lúc quên về với xuân.
Khi gió các, khi trăng sân,
Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nổi thơ;
Khi hương sớm, khi trà trưa,
Bàn vây điểm nước, đường tơ hòa đàn.
Miệt mài trong cuộc truy hoan
Càng quen thuộc nết, càng dan-dấu tình.*

Cuối cùng, Thúc sinh đã ngỏ ý cưới Kiều về làm vợ thứ. Kiều tỏ ý ngần ngại vì việc chàng đã có vợ lớn, thì Thúc sinh cam-kết với nàng về tình yêu của chàng đối với nàng, về chuyện sẽ thu xếp êm đẹp với vợ lớn của chàng, tóm lại anh chàng họ Thúc đã đảm bảo với Kiều sẽ cho nàng hưởng một mái ấm gia-đình hòa thuận và bền vững:

*Sinh rằng: “Hay nói dè chừng,
Lòng đây, lòng đấy, chưa từng hay sao?”*

*Đường xa chớ ngại Ngô Lào!
Trăm điều hãy cứ trông vào một ta."*

Do đó Kiều sẵn sàng chấp thuận mối tình của Thúc-sinh, cho dù nàng phải chịu đựng cuộc thử-thách của luật-lệ đương thời: nếu muốn ra khỏi chốn lầu xanh, thì Kiều phải chịu hình phạt đánh đòn:

*Nàng rằng: "Đã quyết một bề,
Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần!
Đục trong thân cũng là thân
Yếu thơ xin chịu trước sân loi đình!"*

Kết quả là Kiều đã được quan trên cùng bố chồng (Thúc ông) chấp thuận cho về làm vợ thứ của Thúc sinh.

Cuộc đời tưởng như vậy là xong. Nào ngờ phong ba lại nổi dậy. Vợ lớn của Thúc-sinh là Hoạn Thư đã cho người bắt cóc Kiều về nhà đầy đoạ, đến độ Kiều phải bỏ trốn khỏi nhà Hoạn Thư, và rồi lại bị đánh lừa bán trở lại lầu xanh:

*Chém cha cái số hoa đào,
Gỡ ra, rồi lại buộc vào như chơi!*

III. Mối tình tri-kỷ của Kiều với chàng trai tứ chiếng Từ Hải

Trai gái yêu nhau, thường thì chỉ "yêu vì nét, quý vì tình", chứ ít khi được vừa là người yêu lại vừa là người bạn tri-kỷ. Người Trung-hoa thường có câu "hồng nhan tri-kỷ" để chỉ một người con gái yêu mình, hiểu mình, sẵn lòng hy-sinh tất cả vì mình; nếu được một người yêu như vậy thì thật là mãn nguyện suốt cả cuộc đời sống trên thế-gian này rồi.

Từ Hải đã gặp được một "hồng-nhan tri-kỷ". Đó là Thúy Kiều:

*Lần lữa gió mát trăng thanh,
Bồng đâu có khách biên-đình sang chơi.*

*Râu hùm, hàm én, mày ngài
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao
Đường đường một đấng anh-hào
Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài.*

*Đội trời, đạp đất ở đời,
Họ Từ tên Hải, vốn người Việt-đông;*

Lần đầu tiên gặp gỡ tại chốn lầu hồng, cả Kiều lẫn Từ Hải
đều đã cảm thấy thương mến nhau:

*Qua chõng nghe tiếng nàng Kiều,
Tấm lòng nhi-nữ dễ xiêu anh-hùng.
Thiếp danh đưa đến lầu-hồng,
Hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ưa.*

Rồi họ trở thành đôi tri-kỷ. Qua câu chuyện, qua tấm lòng
giải bày cùng nhau, họ đã dễ dàng trở thành thân thiết, thông
cảm hoàn-cảnh của nhau, hiểu được những ý nguyện thầm kín
của nhau:

*Nghe lời vừa ý gật đầu,
Cười rằng: “Tri-kỷ trước sau mấy người?
Khen cho con mắt tinh đời,
Anh-hùng đoán giữa trần ai mới già!
Một lời đã biết đến ta,
Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau.”
Hai bên ý hợp tâm đầu,
Khi thân chẳng lựa là cầu mới thân!*

Cho nên khi Từ Hải thành-công, chiếm lĩnh được một giải
đất, xưng vương, thì liền cho rước Kiều về làm vợ. Tiếc thay,
mối tình tri-kỷ này của Kiều cũng không bền: vì nghe lời Kiều,
Từ Hải đã bằng lòng xin qui thuận triều đình, và bị mắc lừa
mưu-kế của Hồ Tôn Hiến, bị tấn công bất ngờ, nên đã chết tại
nơi trận tiền!

Tóm lại, Thúy Kiều có ba người tình trong cuộc đời:

- người tình thơ mộng Kim Trọng vào lúc tuổi mới lớn
- người tình “tiện nghi” Thúc sinh vào lứa tuổi trung niên
- và người tình tri-kỷ Từ Hải vào lúc đã “chán chường yếm
anh”.

Với Kim Trọng, đây là mối tình đầu đầy thơ-mộng và lãng-mạn của Thúy Kiều. Kiều sẵn sàng chết cho mối tình đầu này. Cho nên khi phải bán mình chuộc tội cho cha, Thúy Kiều đã nhờ em là Thúy Vân thay mình lấy Kim Trọng để khỏi phụ lời thề kết tóc xe duyên với Kim Trọng, và đã dự-liệu lấy cái chết để trả nợ tình đối với chàng Kim:

*Biết bao duyên nợ thề bồi
Kiếp này thôi thế là thôi còn gì!
Tái sanh chưa dứt hương thề,
Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai!
Nợ tình chưa trả cho ai,
Khối tình mang xuống tuyền-đài chưa tan!*

Thúy Kiều trả lại những kỷ vật do chàng Kim tặng mình cho Thúy Vân, và dặn dò một cách rất bi-thiết và cũng hết sức mơ mộng lãng-mạn:

*“Ngày xuân em hãy còn dài
Chút tình máu mủ, thay lời nước non;
Chị dù thịt nát xương mòn,
Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây!
Chiếc thoa với bức tờ mây
Duyên này thì giữ, vật này của chung;
Dầu em nên vợ nên chồng,
Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên.
Mất người còn chút của tin,
Phím đàn với mảnh hương nguyền ngày xưa.
Mai sau dầu có bao giờ,
Đốt lò hương ấy, so tơ phím này;
Trông ra ngọn cỏ lá cây,
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về”*

Mối tình đầu say đắm, thơ mộng và đầy lãng mạn này của Kiều đã đặt đúng người. Chàng Kim cũng yêu nàng tha thiết, đã chết đi sống lại khi được tin nàng phải bán mình chuộc tội cho cha:

*Vật mình vãi gió, tuôn mưa,
Dầm dề giọt ngọc, dật-dờ hồn mai!*

*Đau đòi đoạn, ngắt đòi hồi,
Tĩnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê.*

Và chàng nguyện sẽ dành suốt cuộc đời đi tìm nàng cho được, dù phải tốn kém bao nhiêu công của:

*Bao nhiêu của, mấy ngày đàng,
Còn tôi, tôi quyết gặp nàng mới thôi!*

Với Thúc sinh, vì là mối tình “tiện nghi”, nên dễ hợp mà cũng dễ tan. Còn tiện nghi thì còn tình nghĩa, hết tiện nghi thì hết nghĩa đá vàng. Bởi vậy, khi gặp phải bà vợ lớn Hoạn Thư đánh ghen dữ dội

*Làm cho nhìn chẳng được nhau
Làm cho đầy đọa cất đầu chẳng lên!*

thì Thúc sinh đành rút lui, không còn dám bao bọc che chở cho Kiều như đã từng hứa trước kia. Và Thúc sinh đã phải đoạn tình, xui Kiều đi trốn:

*Liệu mà xa chạy cao bay,
Ái ân ta có ngần này mà thôi!”*

Đến đây, dù muốn dù không, Kiều cũng phải dứt tình với người tình “tiện nghi” Thúc sinh, lấy trộm đồ thờ chuông vàng khánh bạc làm tiền hộ thân, và mau mau tìm đường “chuồn” cho nhanh khỏi vuốt nanh của vợ lớn Hoạn Thư của chàng họ Thúc:

*Nghĩ đi nghĩ lại quanh co,
Phật tiền sẵn có mọi đồ kim ngân.
Bên mình giắt để hộ thân,
Lần nghe canh đã một phần trống ba.
Cất mình qua ngọn tường hoa
Lần đàng theo bóng trăng tà về tây.*

Từ Hải coi Kiều là một “hồng nhan tri-kỷ”. Từ Hải sẵn sàng vì nàng mà bỏ mạng Bá Vương, qui hàng triều đình để được hưởng cảnh gia-đình êm ấm với người yêu. Nhưng đó là mưu kế dụ hàng của Hồ Tôn Hiến. Chờ cho binh sĩ Từ Hải trể nải việc canh phòng vì chờ ngày ra qui hàng, Hồ Tôn Hiến bắt thần tấn công. Thất thế, Từ Hải bị giết chết tại nơi trận tiền. Từ Hải đã hiên ngang chết đứng giữa trận. Thúy Kiều đã ra tận

nơi Từ Hải, quỳ xuống khóc lạy chàng:

*Khóc rằng: “Trí dũng có thừa,
Bởi nghe lời thiếp nên cơ-hội này!
Mặt nào trông thấy nhau đây?
Thà liều sống chết một ngày có nhau!”*

Thì ra Kiều vẫn là người hồng nhan tri-kỷ của mình. Uất-khí của Từ Hải liền tiêu tan khi nàng Kiều gieo đầu đòi tự tử bên mình:

*Lạ thay oan khí tương truyền
Nàng vừa phục xuống, Từ liền ngã ra.*

Nhưng rồi quân sĩ của Hồ Tôn Hiến đưa Kiều về dinh. Sau đó Hồ Tôn Hiến đã ép gả Kiều cho thổ quan. Để đền đáp ơn tri-kỷ của Từ Hải đối với mình, Kiều đã nhảy xuống sông Tiền Đường để giữ vẹn trinh tiết với Từ:

*Rằng: “Từ-công hậu đãi ta,
Chút vì việc nước mà ra phụ lòng.
Giết chồng mà lại lấy chồng,
Mặt nào mà lại đứng trong cõi đời?
Thôi thì một thác cho rồi,
Tắm lòng phỏ mặc trên trời dưới sông!”*

Kết luận

Vào tháng sáu vừa qua, nhân dịp nghỉ hè, tôi qua chơi Paris. Tình cờ tôi gặp lại người bạn vong niên tri-kỷ đã xa nhau hơn 30 năm, không tin tức của nhau. Tôi gọi anh bạn là vong niên vì anh hơn tôi những hơn mười tuổi, nhưng chúng tôi lại rất hợp nhau, coi nhau như người bạn tri-kỷ, không hề coi sự chênh lệch tuổi tác nhiều là một sự xa cách truyền cảm. Chúng tôi cùng nhau sánh bước bên bờ sông Seine, anh bạn tôi ngâm ngùi nói:

“Trải qua hơn 70 năm cuộc đời, “moa” thấy rằng phú quý danh lợi chỉ là những thứ phù phiếm, có đấy rồi mất đấy, chẳng để lại ấn tượng gì sâu xa trong cuộc sống của mình cả. Chỉ có mối tình là ăn sâu trong tâm khảm của mình mà thôi. Chẳng

hạn như tình tri-kỷ giữa chúng mình. Trong ba mươi năm xa cách, “moa” luôn vẫn nhớ những giờ phút vui buồn với “toa”. Sâu đậm hơn nữa là tình trai gái. Mọi người cứ bảo cô Kiều khổ. “Moa” lại thấy cô Kiều quá hạnh-phúc. Một mình cô có cả ba mối tình: tình đầu thơ mộng, tình giữa tiện nghi, và tình cuối tri-kỷ. Vào lứa tuổi nào, và vào hoàn cảnh nào cô cũng có được mối tình thích hợp. Còn như “moa” đây, chỉ mong có được một mối tình trong ba mối tình ấy cũng không xong. Cho đến mối tình tiện nghi là dễ nhất, mà “moa” cũng không đạt được. Cô Kiều có ba mối tình với ba người khác nhau, kể cũng đã coi là hạnh-phúc rồi. Nhưng nếu như ai có được ba mối tình này chỉ với một người thôi, thì phải coi là hạnh-phúc nhất trên đời này.”

Có phải không các bạn?



lê hữu mục

Sâu Tết

Trong hai từ cổ này, từ *Tết* được biết nhiều hơn về nghĩa cũng như về âm bởi vì nguồn gốc cấu tạo của nó gắn với một từ Hán quen thuộc là từ *tiết*. Tôi sẽ chứng minh rằng từ *Tết* của ta không có liên hệ ngôn ngữ học với từ *tiết*. Đi đôi với từ *sâu* càng ngày càng bị chìm vào bóng tối của lịch sử, từ *Tết* tuy dễ bị lầm với từ dạng của từ *tiết*, vẫn để lộ cho ta thấy nhiều bằng cứ có thể chứng thực tính Việt Nam sâu xa của nó.

Tết là tiết

Tiết 節, trong cấu tạo từ nguyên, liên hệ tới tre pheo, chỉ những đốt tre xuất hiện đều đặn trên cật tre như nói *trúc tiết* (đốt tre) rồi nói rộng ra về *cốt tiết* (đốt xương); *tiết túc động vật* là những con vật sống có nhiều đốt như con tắc. Hiểu theo nghĩa không gian, từ *tiết* biểu hiện một độ dài đều nhau gọi là *gióng*, do đó, diễn tả những qui tắc xảy ra một cách có tổ chức (nghỉ tiết), những vị thứ trải ra trước sau (tình tiết) một cách có kỷ luật (tiết mục), những trình độ cao thấp (âm tiết), mau chậm của nhạc điệu (tiết tấu). Áp dụng vào thời gian, *tiết* đề cập tới những chu kì đều đặn (tiết nhật) của thời tiết (xuân tiết, hạ tiết, thu tiết, đông tiết); hiểu theo thời gian tâm lý, *tiết* mô tả những giá trị bất biến của tinh thần (tiết tháo), của đạo đức (tiết nghĩa), thái độ kiên trinh của người con gái (tiết trinh), của người đàn bà có chồng (tiết phụ), của người bề tôi trung thành với quân vương (tiết trung), của người tu thân đắc đạo mà hành động

nào cũng hợp với đạo lý (trung tiết). Trong những nghĩa này của từ *tiết*, ta lưu ý đến những ý nghĩa thời gian làm cho từ *tiết* rất gần với từ *tết* của ta, gần gũi đến nỗi có người, như giáo sư Lê Ngọc Trụ chẳng hạn, đã không ngần ngại chủ trương rằng từ *Tết* là do từ *tiết*, và ngữ *tết nhất* là do ngữ hán *tiết nhật*.

Thực ra, *tiết nhật* phải được dịch sang tiếng Việt là *ngày lễ*, vì từ *tiết* của người Hoa chỉ có nghĩa là *lễ*; từ *nguyên đán* hay *nguyên nhật* của họ được định nghĩa là: Hán tộc truyền thống tiết nhật (1), ngày lễ truyền thống của tộc Hán, bởi vì theo truyền thuyết, Chuyên Húc gọi tháng giêng âm lịch là *nguyên*, và ngày mồng 1 là *đán*, nhà Hạ theo đúng như vậy, nhưng nhà Thương đến sau lại đổi thành ngày mồng 1 tháng chạp, nhà Chu đổi một lần nữa vào ngày mồng 1 tháng một tức tháng mười một, mãi đến đời Vũ đế nhà Hán mới qui định dứt khoát *nguyên đán* là ngày mồng 1 tháng giêng, còn gọi là ngày sóc tháng giêng. Từ *nguyên đán* chỉ được dùng trong một giới người nhất định, còn dân chúng thì chỉ biết đến chữ *năm mới* (tân niên); ngay chữ *năm mới* này của dân chúng, giới trí thức cũng cho nó một cái tên rất ngoạn mục là *xuân tiết*, nhưng nếu đã nói là *năm mới*, thì *năm* nghĩa là gì? Về danh xưng này, các thời đại không đồng ý với nhau. Nhà Hạ thì gọi là *tuế*, nhà Thương gọi là *tự*, nhà Chu là *niên*, Đường Ngu gọi là *tải*. Từ *năm* của ta, có người cho là xuất phát từ chữ hán *niên*, nhưng đó chỉ là một ngộ nhận vì tự dạng. Hình thức cổ của *năm* là *nam* (như còn thấy thông dụng ở Quảng Nam, Quảng Ngãi), cho biết từ *năm* gần với từ *th'nam* của ngôn ngữ Nam Á (như Cao Miên) hơn là từ *niên* của nhà Chu quá xa về không gian cũng như thời gian. Như vậy, trở về với từ *tiết nhật*, ta có bằng cứ chắc chắn để chứng thực nó không là mẹ đẻ của từ *tết nhất*. Trong câu nói thường ngày của chúng ta: “Tết nhất sắp đến nơi rồi”, người nói khẳng định từ *tết nhất* chỉ liên hệ tới ngày đầu năm, trong khi đó từ *tiết nhật* của Trung Hoa được dùng để chỉ tất cả mọi ngày lễ trong năm chứ không cứ gì chỉ nói tới ngày tết.

Sau đây là những ngày lễ mà sách vở Trung Hoa ghi là *tiết*

và định nghĩa là *tiết nhật* theo truyền thống dân gian.

TIẾT NHẬT

Phá ngũ tiết
Nhân thắng tiết
Kính bát tiên tiết
Nguyên tiêu tiết
(Thượng nguyên tiết,
Nguyên tịch tiết, Đăng tiết)
Yên cửu tiết (diên cửu tiết)
Điền thương tiết
Trung hoà tiết
Xuân tiết
Đạp thanh tiết
Hoa triều tiết
Hàn thực tiết
Mộc bả tiết
Thanh minh tiết
Dục Phật tiết
Mang chủng tiết
Đoan ngọ tiết
Hội nương gia tiết
Tiếp thái dương tiết
Tế Mã vương tiết
Tế Quan đế tiết
Thất tịch tiết
Trung nguyên tiết (Vu lan bồn tiết)
Trung thu tiết

THỜI ĐIỂM

(theo âm lịch)

5 tháng Giêng
7 tháng Giêng
8 tháng Giêng
15 tháng Giêng

19 tháng Giêng
25 tháng Giêng
1 tháng Hai
1 tháng Hai
2 tháng Hai
15 tháng Hai
1 tháng Ba
16 tháng Ba
5 tháng Tư (dl)*
8 tháng Tư
tháng Năm
5 tháng Năm
6 tháng Sáu
19 tháng Sáu
23 tháng Sáu
24 tháng Sáu
7 tháng Bảy
15 tháng Bảy
15 tháng Tám

* Chú-y: Thanh-Minh tiết: 5 tháng 4 dương-lịch

Trong danh sách tiết nhật nói trên, tất cả mọi tiết nhật đều được ta dịch ra là *lễ* hay *ngày lễ*, hoặc giữ nguyên chữ *tiết* (như

tiết thanh minh), hoặc thêm vào chữ *hội* (hội đạp thanh), trừ hai tiết nhật đặc biệt là *Đoan ngo tiết* (tết Đoan ngo), *Trung thu tiết* (tết Trung thu). Về chữ tết Đoan ngo, dân chúng dùng chữ *tết* có lẽ dưới sức ép của câu ca dao quen thuộc: *Ăn tết Đoan ngo trở về tháng năm*. Còn chữ tết Trung thu, sự xuất hiện của nó sớm lắm là vào thời kết thúc đệ nhị thế chiến.

So với tiếng Pháp, chữ *tiết nhật* được dịch là *fête* hay *jour de fête*; cố định tiết nhật: *fêtes fixes*; phi cố định tiết nhật: *fêtes mobiles*. Cổ khi chữ *tiết nhật* được thay bằng chữ *lễ nhật* hay *chiêm lễ nhật*, đối với những ngày tiết nhật tôn giáo như: *fête de la Vierge* được dịch là Thánh mẫu thăng thiên chiêm lễ nhật (hay lễ tiết).

Tóm lại, trong những trường hợp nêu trên, từ *tiết* của hán văn tuy có nhiều điểm giống từ *tết* của ta, nhưng thật là khó chứng minh rằng từ *tết* của ta là do từ *tiết* mà ra. Nếu hiện nay ta thường dùng từ *tết* thay vào từ *lễ* (tỉ dụ tết Đoan ngo, tết Trung thu) thì đó là vì ta hiểu lầm ý nghĩa của từ *tiết*, rồi sự hiểu lầm tạo ra thói quen, thói quen làm mờ nhạt sự sáng suốt của lý trí, thế là lần hồi ta lẫn lộn chữ nọ với chữ kia, cứ thế mà bị lôi cuốn vào cơn lốc từ ngữ khó lòng chống lại. Muốn tìm bộ mặt thực của từ *tết*, ta phải trở về nguồn gốc tiếng nói và chữ viết của ta. Muốn vậy, ta phải tìm hiểu chữ *sêu* mà ta thường thấy đi đôi với chữ *tết*.

Đầu tiên, nghĩa của từ *sêu* rất rõ ràng; là danh từ, nó có nghĩa là lễ vật mà nhà trai, sau khi chính thức giao tiếp với nhà gái, có bốn phạn mang đến biếu song thân của cô dâu tương lai, vào dịp tết nguyên đán. Việc biếu xén này gọi là *sêu*, động từ, và chỉ diễn ra vào ngày tết đầu năm, trong thời gian chưa tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới, việc biếu xén có thể vẫn còn tiếp tục, nhưng không có tính cách đơn phương nữa và không cứ gì phải vào ngày tết; việc biếu xén như vậy không gọi là *sêu*, càng không gọi là *sêu tết*. Đến đây, ta phải tự hỏi chữ *sêu* ở đâu mà ra, và tại sao nó lại đi song song với chữ *tết* như một đôi uyên ương vậy?

Nguồn gốc của từ *sêu tết* được ghi trong *Lĩnh Nam chích quái* của nhà viết nho Trần Thế Pháp. Đó là hai chữ *Tiết Liêu* trong *Truyện bánh chưng* (2). Vào năm 1957, chúng tôi được phép vào tu viện Thiên An, đọc và tra cứu sách vở, bút tích của linh mục học giả Léopold Cadière trong thư viện nhà dòng. Ở đây, tôi tìm được cuốn *Lĩnh Nam chích quái*, sau đó bỏ ra ba năm để dịch tác phẩm này ra viết văn và được nhà Khai Trí xuất bản tại Sài Gòn năm 1960. Qua hai chữ *Tiết Liêu* mà bây giờ tôi đọc là *Tét Seo*, tôi xin nói về hai từ cổ của Việt Nam là *tết sêu*, biến thể của *tét seo*.

Như trên đã nói, từ *tết* của ta không hề do từ *tiết* của chữ Hán. Sở dĩ ta nghĩ *tết* do *tiết* vì tự dạng và ý nghĩa của hai chữ rất giống nhau, vì ảnh hưởng của các học giả Việt Nam học cổ giáo sư Lê Ngọc Trụ rất lớn và rất quyết định đối với giới trí thức trẻ thời đó, sau này là những nhà giáo, nhà văn, nhà báo, nhà phê bình văn học có uy tín, dễ chi phối nếp suy nghĩ nhiều khi thụ động của đám đông. Nguyên nhân cơ bản của sự ngộ nhận *tiết/tết* nằm trong tính huyền bí sâu xa của chữ nôm là thứ văn tự dùng hán tự để biểu âm nhưng lúc nào cũng muốn phá vỡ sự cấu tạo của chữ Hán để phục vụ những mục đích và những qui tắc riêng biệt do người Việt tự đặt ra hầu giải quyết vấn đề văn tự và ngôn ngữ của nước mình. *Phong trào giải hán* là một phong trào lớn của văn hoá Việt Nam, lúc nào cũng tích cực đề xuất mọi biện pháp giải trừ ảnh hưởng của Trung Hoa về mọi mặt như lịch sử, địa lý, kinh tế, giáo dục, chính trị, học thuật.v.v.. Việc sáng chế chữ nôm nằm trong kế hoạch giải hán; từ một phong trào dân tộc, với việc sáng chế chữ nôm, công cuộc giải hán trở thành một tổ chức gần như tôn giáo, có các thánh tử đạo để bênh vực chính nghĩa của nó, như Hồ Quý Ly, Nguyễn Phi Khanh, và nhất là Nguyễn Trãi. Hiện nay việc nghiên cứu chữ nôm phải được đặt trọng tâm trong việc học tập các nhà viết nho như Trần Thế Pháp, Nguyễn Trãi*.

Nếu chỉ căn cứ trên bản văn của Trần Thế Pháp mà ta có trong tay hiện nay, ta không hội đủ điều kiện văn bản học để quyết định việc giải mã hai từ này, nhưng ta có những văn bản

khác như *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi, kinh *Cả bả ơn áng nà cực nặng* mà tôi khẳng định là của Nguyễn Trãi, cuốn tự vựng *Hoa di dịch ngữ*, v.v.. có thể giúp ta đọc được hai chữ *Tiết Liêu*.

Tiết là tết

Hai chữ hán *Tiết Liêu* ghi danh tính hoàng tử thứ 9 của vua Hùng Vương thứ 18. Ông vua này có tất cả 22 người con, gọi là công tử theo hán tự, và gọi là lang theo chữ nôm. Theo truyền mà tôi đã dịch năm 1959, Tiết Liêu, còn gọi là Lang Liêu (3) (hoặc Liệu, vì chữ hán này có hai cách đọc) là con của một bà phi đã chết sớm vì sự ghẻ lạnh của vua Hùng. Lang Liêu mồ côi mẹ, sống một mình trong sự nghèo nàn. Nhưng chàng có một điểm son là sống rất trong sạch, rất đạo đức nên dễ cảm thông được với thần linh. Việc chàng biết làm bánh chưng, bánh giầy (4) là do thần nhân mách bảo; và sáng chế của chàng chẳng những được vua cha chấp nhận mà còn được dân chúng ưa thích bắt chước làm vào dịp tết để thờ cúng tổ tiên.

Trong nguyên bản hán văn, có một câu mà tôi không hiểu rõ, và trong bản in năm 1960, tôi chỉ dịch thoát, đó là câu: “dĩ kì danh Lang Liêu, cố hô vi tiết liệu vương”; tôi dịch là: lấy tên của Lang Liệu để gọi là tiết liệu, chữ 燎 đã biến thành chữ 料. Bản dịch của Hà Nội, mà tôi được đọc tại Montreal năm 1992, thì dịch là: nhân tên Tiết Liêu mà gọi là Tiết Liệu, giải thích từ sau cùng này là: tiết liệu có nghĩa là các thức ăn vật liệu trong ngày tết nhất. Rõ ràng là các nhà nghiên cứu cộng sản từ trước đến nay vẫn đọc Tiết Liệu là hai chữ hán và giải thích một cách rất tùy tiện. Từ năm 1968, tôi đã hiểu được câu văn bí hiểm nói trên.

Số là vào thế kỷ XV, sự tranh chấp giữa các nhà nho diễn ra một cách rất tàn bạo. Chỉ vì chống Khổng Tử mà nhà việt nho Hồ Quý Ly bị các nhà hán nho cô lập hoá, bị tố cáo là phản động, các kế hoạch văn hoá hoàn toàn thất bại. Sự tàn bạo của hán nho càng khốc liệt hơn nữa đối với Nguyễn Trãi, nhà trí thức đã chết một cách can đảm để phản đối tính độc tài của ý

thức hệ nho giáo (5). Riêng đối với Trần Thế Pháp, sự hận thù của các hán nho Vũ Quỳnh và Kiều Phú đối với ông vẫn được cộng sản tán thành và tiếp tay. Bản dịch *Lĩnh Nam chích quái* của Hà Nội, tái bản năm 1990, được long trọng đề ngoài bìa là của Vũ Quỳnh và Kiều Phú. Tên của việt nhồ Trần Thế Pháp đã bị xóa bỏ như cộng sản đã xóa bỏ tên già Lý để thay thế bằng tên Hồ Chí Minh trong cuốn *Ngục trung nhật ký* (6). Bản văn gốc của Trần Thế Pháp đã bị cắt xén, sửa đổi, bị xuyên tạc trầm trọng đến nỗi ta không thể có tiêu chuẩn để phân biệt đâu là văn bản của Trần Thế Pháp, đâu là những phần thêm bớt của Vũ Quỳnh. Câu văn hán mà tôi đọc không hiểu, và các học giả Hà Nội cũng không hiểu nốt dù trong tay có sẵn nhiều lục *Lĩnh Nam chích quái*, là công trình của Kiều Phú và Vũ Quỳnh. Chính sự sửa chữa của hai ông hán nho này đã cho tôi chìa khoá để phát hiện ra chữ *Liêu* có âm nôm là *seo* và chữ *Tiết* có âm nôm là *tét*. Hai chữ này đi với nhau quá sát sao cho nên tôi không thể nói tới chữ này mà không nói tới chữ kia. Sự thực, tôi đã tìm ra âm *seo* trước, rồi mới căn cứ vào đó tìm ra âm *tét*.

Từ *Tét* của ta do từ *tét* và bây giờ ta còn hiểu là một thứ bánh chưng làm theo hình trụ mà cách làm còn rất thông dụng ở miền Trung là vùng vẫn lưu trữ được ngôn ngữ cổ của tiếng Việt. Đồng bào ở đây từ miền Bắc di cư vào từ thế kỷ XIII, họ còn duy trì được nhiều từ cổ vô cùng quý giá đối với các nhà ngôn ngữ học, nhất là những nhà ngữ âm học lịch sử tiếng Việt thời trung cổ. Trong số từ cổ đó có từ *tét* tuy đã biến khỏi ngữ vựng của người Bắc Việt với ý nghĩa là *bánh*, nhưng vẫn tồn tại với tính cách động từ trong ngữ *tét bánh chưng*, tức là dùng dây gói bánh để cắt bánh.

Việc lưu dụng từ *tét* theo nghĩa này cho biết từ này là một từ có thật, đã được sử dụng vào một thời xa xưa nhưng vì từ *bánh chưng* xuất hiện cho nên từ *bánh tet* bị cạnh tranh, bị đuổi ra ngoài địa bàn ngữ vựng và chỉ sống sót ở những vùng ngoại vi như miền Trung ngày nay. Xét chữ *bánh chưng*, ta thấy rõ đó là một từ hán, do các hán nho thêm vào để nói về cách nấu *bánh tet*. Việc lấy *bánh chưng* thay cho *bánh tet* rõ ràng là một

việc làm nửa vời, do ý đồ của các nhà nho sính lễ nghĩa của Trung Hoa không muốn dùng từ *tét* của quần chúng vì nó thô tục. Hình bánh *tét* giống hình gì? Đó là hình một cái giò, nói trắng ra là hình của cơ quan sinh dục nam giới. Phải có cái đó, đặt trên tám bánh giày màu trắng mới nói được chuyện “dĩ tặc thiên địa bao hàm vạn vật chi trượng, ngụ vạn vật phát dục chi ân” (7), tức là “để bắt chước hình trượng trời đất bao hàm vạn vật, ngụ ý cái ơn trời đất phát dục vạn vật” (theo bản của tôi, LHM) hoặc “để ngụ ý công đức sinh thành lớn lao của cha mẹ” (theo bản Hà Nội). Nói phát dục, hay nói sinh thành thì đều phải cần tới cái bánh *tét* đặt trên cái bánh giày, chuyện mà cái bánh chưng dù vuông vắn vĩ đại đến đâu cũng không thể làm được. Khi chữa lại câu văn của Trần Thế Pháp, các ông hán nho Vũ Quỳnh và Kiều Phú đã làm một công việc mâu thuẫn và phi lý. Các ông hoàn toàn không đếm xỉa tới phong tục thờ cúng cái *linga*, cái giống của người Việt mà *bánh tet* là một tượng trưng. Câu chuyện thần nhân chỉ dẫn cho Tiết Liêu đâu phải là chuyện đùa, muốn hiểu sao thì hiểu! Nội dung của truyện *Bánh chưng bánh giày*, đúng ra là *Bánh tet bánh giày*, diễn giải lòng hiếu của người Việt Nam cổ, lòng hiếu ấy cốt yếu ở việc lưu truyền dòng dõi, hình thành trong việc lập gia đình và có con cái. Âm *tet* của *bánh tet* được tìm thấy trong chữ *tiết*, điều đó chứng thực sự bất diệt của tinh thần dân tộc. Âm *tet* này còn tồn tại được một cách vinh quang nhờ người ta hiểu lầm chữ *tiết* mà biến nó ra thành *tét*. Vậy từ *tet* của ta là do từ *Tét*, tên của ông Hoàng mà lịch sử ghi là *Tiết* nhưng phải đọc theo nôm là *Tét* hay *Tết*.

Liêu là seo

Bây giờ ta bàn về chữ *Liêu* đọc âm là *seo* và *sêu*. Đây là một từ có thật trong *Quốc âm thi tập*, được viết bằng chữ nôm có dấu âm, tức là chữ 𡵶 gồm có chữ *Liêu* + *cự*:

Phú quý sơ-keo(9), *sương ngọn cỏ*,
Công danh tơ gửi, kiến cảnh hoè

(Quốc Âm, 73)

Chữ *sơ-keo* bắt buộc phải đọc như vậy bởi nó đã được chính Nguyễn Trãi chỉ rõ cách đọc nhờ dấu âm *cự*. Dấu âm này hiện nay một số các nhà nôm học cộng sản vẫn chưa nhận ra mặc dầu họ đã nhiều lần mời tôi đến giải thích cho họ hiểu khi tôi còn kẹt lại Sài gòn. Một số nhà ngôn ngữ học như các ông Lê Văn Quán, Nguyễn Ngọc San tuy chấp nhận tiếng Việt cổ có những phụ âm đầu *kr*, *ks*, đã nói được rằng các nhóm phụ âm đầu này trong thế kỷ XV đã bắt đầu chuyển thành âm quặt lưỡi *S*, như ta nói *sa*, *sà*, *suối*, nhưng vẫn chưa liên hệ được những phụ âm ấy với công cụ ghi âm chính của chúng là những dấu âm *cự* 𪛗, 𪛘. Họ còn chịu ảnh hưởng của Đào Duy Anh, cho rằng các dấu âm ấy là dấu nghĩa.

Nói riêng về bài QÂ 73 và QÂ 14 trong *Quốc Âm thi tập*, các nhà nôm học cộng sản vẫn chưa hiểu cách phát âm hai chữ:

Tuyệt sóc tơ-leo (8), *cây điểm phấn* (QÂ 14)

Phú quý sơ keo, sương ngọn cỏ (QÂ 73)

Cả hai chữ *tơ-leo* và *kơ-seo*, Hà Nội đều phiên là *treo*. Từ này tuy quá hiện đại (đáng lẽ phải phiên là *tleo*, như trong ADR) nhưng có thể đúng với nội dung của bài QÂ 14, nhưng đối với QÂ 73, nó lại quá sai, chẳng những sai về âm mà còn lạc cả về nghĩa. Từ cổ *kơ-seo*, đọc thục thành *kseo*, nay là *seo*, nghĩa là *khô*, dịch nguyên văn câu thơ Đường: *Phú quý thảo đường sương lộ khô*.

Trong *Lĩnh Nam chích quái*, chữ *Liêu* được viết là 寮, sau bị đổi ra là 料, rõ ràng Vũ Quỳnh và Kiều Phú đã cố ý biến chữ nôm *Tét Seo* ra chữ hán *Tiết Liệu* 節料 khiến cho hai ông Đinh Gia Khánh và Nguyễn Ngọc San lầm theo. Tôi đã có kinh nghiệm, khi nào gặp một chữ viết đi viết lại bằng nhiều chữ mà chỉ biểu thị một âm duy nhất thì tức thị chữ đó là chữ nôm, huống chi chữ *Liệu* này lại là một chữ bị viết sai lạc một cách cố ý thì hiển nhiên nó là một chữ nôm thứ thiệt. Trong nguyên bản hán văn của *Lĩnh Nam chích quái*, sau hai chữ *Tiết Liệu*, lại có chữ *vuơng* 王. *Tiết Liệu vuơng* thực không có nghĩa, do đó tôi nghĩ rằng chữ *vuơng* là chữ *nhật* không phải bị viết

lộn thành mà vì bị sút mế mà thành, trường hợp rất thường xảy ra trong các bản chép tay. *Tiết Liệu nhật* được hiểu là ngày *Tết Seo*, tức là ngày kỷ niệm *lang Tết Seo*, chàng công tử Tết Seo con vua Hùng Vương thứ 18; coi đó là một ngày Tết thì thật vô cùng hợp lý. Chữ *seo* vào thế kỷ XVII được viết là *seu* như ta thấy trong ADR, một khi bị áp lực của từ *Tét* đã trở thành *Tết*, liền mang dấu mũ trở thành *sêu* thì cũng không có gì là lạ. Do đó, cuối cùng ta có hai từ cổ *Tết Sêu*, đi cặp kè với nhau như hình với bóng, và chỉ xuất hiện vào những ngày đầu tháng giêng, tức là Tết nguyên đán.

Hiện nay, vì không hiểu rõ từ *Tết*, nhiều nhà văn hoá đã gọi tất cả các ngày lễ ngày hội là tết, tỉ dụ *tết Trung thu*, *tết Đoàn ngọ*, *tết Thanh minh*. Người cộng sản gọi ngày lễ độc lập của họ là *tết độc lập*. Từ Tết chỉ được dùng vào ngày *Tết Sêu nhật*, ngày kỷ niệm thờ cúng tổ tiên theo sáng kiến của Tết Sêu, và vì thế, từ *sêu* chỉ đi đôi với từ *tết*, và từ *Tết* bao giờ cũng viết hoa để nhắc cho người Việt biết gốc tích của từ là lấy tên của Tết Sêu mà đặt theo, và chỉ có ngày cúng giỗ tổ tiên vào ngày đầu năm để biểu lộ lòng hiếu với ông bà mới được gọi là ngày Tết (10). Chúng ta nên gạt bỏ sự lầm tưởng tai hại từ *tết* là hậu thân của từ *tiết*, và dành từ *Tết* viết hoa cho ngày Tết nguyên đán.

* Về nhà việt nam học họ Nguyễn, tôi đã dành cả cuộc đời để thâm cứu về ông. Tôi đã thiết lập môn *Úc Trai học* cho trường đại học Chiến tranh Chính trị ở Đà Lạt do Đại tá Quỳnh làm viện trưởng, mục đích phổ biến những tư liệu về Nguyễn Trãi. Môn học của tôi bị một số sĩ quan chống đối nhưng được Đại tá Viện trưởng hết lòng bênh vực. Đạo đó tôi không hiểu tại sao việc làm của tôi bị phá hoại. Sau 1975, khi bị kẹt lại Sài Gòn, tôi mới khám phá ra nguyên nhân: chính một cán bộ cộng sản nằm vùng tại Đại học Chiến tranh Chính trị đã phao tin là môn *Úc Trai học* của tôi bị cộng sản giạt dây, và anh ta có bằng chứng là cuốn *Quân trung từ mệnh tập* của tôi dịch từ hán văn là của Hà Nội. Bản dịch này của tôi đã in trong đặc san Đại học Sư phạm năm 1960, do giáo sư Đoàn Khoách, thời đó đang

làm phụ khảo, phụ trách phần chuyên môn, và được giáo sư Nghiêm Toàn sử dụng như tư liệu s phạm cho chứng chỉ Văn học Việt Nam do giáo sư phụ trách tại trường đại học Văn khoa Sài gòn. Hà Nội muốn độc quyền trong việc nghiên cứu Nguyễn Trãi, sử dụng tư tưởng chiến đấu của Nguyễn Trãi vào việc phá hoại miền Nam nên đã tìm đủ mọi cách (như hạ thấp khả năng cổ học của tôi, uy tín chuyên môn của tôi, tuyên truyền rĩ tai cho là tôi “thân cộng”, mưu sát tôi trong Đại học Đà lạt, nhờ một sinh viên báo động kịp nên tôi đã thoát chết), ngăn cản việc giảng dạy Úc Trai học.

* Các chữ viết tắt:

QÂ: Quốc Âm thi tập

ADR: Alexandre de Rhodes và từ điển của ông in năm 1651.

1. Theo *Trung quốc dân tục từ điển*, Trịnh Truyền Dân chủ biên, Hương cảng 1987.

2. X. *Lĩnh Nam chí quái*, bản dịch Lê Hữu Mục, tr. 58-59. Bản hán văn tr. 15-16.

X. *Lĩnh Nam chí quái*, bản dịch Hà Nội, tr. 56-58, không có bản hán văn.

3. Lang là tên gọi chung các hoàng tử hay công tử. Hiện nay là một chức quan trong xã hội người Mường.

4. Bánh giầy, phải được viết bằng phụ âm *gi*, bản hán văn có ghi *bánh giầy* là *bạc trì bình*, *bạc trì* hay *bchi* là *giầy*. Trong cách cấu tạo chữ nôm thế kỷ XV, phụ âm *gi* được biểu âm bằng một chữ hán có phụ âm *tr* hay *ch* + dấu *cự*. Ở đây, trước chữ *trì* (hay *chì*), ta thấy có chữ *bạc*, nếu đọc theo chữ hán thì vô nghĩa, chắc đây là một cách ghi dấu âm tương tự như dấu *cự*. Các nhà nghiên cứu cộng sản vẫn viết *giầy* là *dày*. Trong *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê làm chủ biên, nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1988, *bánh dày* được sửa lại là *bánh giầy*, vẫn không có nghĩa. Theo cách viết của Trần Thế Pháp, *bánh giầy* được hiểu là một thứ bánh làm bằng gạo nếp đã được chà đi xát lại thật nhuyễn rồi mới bắt đầu nấu. Chà đi xát lại là *giầy* chứ không phải *dày* hay *giầy*.

5. Câu chuyện Thị Lộ chỉ là một chuyện do các hán nho dàn dựng để bôi nhọ uy tín của Nguyễn Trãi.

6. X. Lê Hữu Mục: *Hồ Chí Minh không phải là tác giả Ngục trung nhật ký*, Làng Văn xb, Canada, 1989.

7. X. nguyên bản hán văn, tr. 15.

8. Chữ *tơ leo* (thế kỷ XV), đến thế kỷ XVII đọc thúc lại thành *tleo*, sang thế kỷ XVIII biến thành *treo* cho đến ngày nay.

9. Chữ *kơ-seo* (thế kỷ XV) đến thế kỷ XVII đọc thành *kseo*, sang thế kỷ XVIII-XIX đọc là *seo*.

10. *Seo* còn có nhiều phái âm như *queo*, *teo*. Tên *Tết Seo* được đặt cho làng thứ 9 có thể chỉ là tên hiệu, diễn tả về gầy gò khô khan của chàng lang mồ côi mẹ, bị vua cha bạc đãi nên phải sống nghèo nàn, thiếu ăn thiếu mặc, chịu đói chịu rét nên người mới *tét* đi và *seo* lại. Có thể về sau, cái tên không được đẹp này mới biến thể thành *Tết Sêu* cho có vẻ chừng chạc và phù hợp với vẻ uy nghi của những ngày giỗ đầu năm.



lê phụng thiên

Tặng Em

*Chiều nay lòng rười rượi buồn
Nắng lên chiếu hạt mưa nguồn long lanh
Bên em thấm mệt đời anh
Cuộc mưu sinh có mùi tanh bạc tiền
Nhà cao xe đẹp là tiên
Tình nhân loại sách thánh hiền vứt đi
Gồng mình quét sạch sân si
Mưa ơi! Có thấm đường đi về trời*

lê phụng thiên



Đôi Chim Liền Cánh

Cứ mỗi độ Xuân về, tôi nhớ đến một chuyện, chắc không bao giờ phai mờ trong ký ức tôi được.

Năm ấy tôi vừa 18 tuổi, tuổi cập kê, tràn đầy thơ mộng. Bạn bè của tôi thật đông, có các anh, các chị lớn tuổi hơn và cũng có người đồng trang lứa. Chúng tôi cùng ở tỉnh Bình-Dương, lúc bấy giờ được gọi là Thủ-Dầu-Một. Ngày thường thì kẻ đi học hoặc đi làm việc ở Sài-gòn bằng xe điện, sáng đi chiều về. Cuối tuần chúng tôi thường tổ chức tiệc tùng tại nhà người này hoặc người kia để gặp nhau chuyện trò. Quan, hôn, tang, tế, không bao giờ thiếu mặt ai cả. Chúng tôi rất đoàn kết và thật tình thương mến lẫn nhau.

Năm nào cũng vậy, gần Tết thì trong đám bạn bè của chúng tôi phải đi ít lắm là một đám cưới. Chúng tôi thường bảo “cưới vợ ăn Tết”. Đúng vậy, vì chúng tôi được hồng thiệp của anh Biên cho biết đám cưới của anh sẽ tổ chức vào ngày 16 tháng chạp âm lịch. Nhà anh không ở ngay tỉnh lỵ vì ba má anh có lò đường tại An-Sơn, cách xa tỉnh lỵ độ 15 cây số đường bộ. Địa điểm rất tốt, một mặt đường lộ, một mặt đường sông. Phương tiện duy nhất đến nhà anh bằng đường bộ là xe thổ mộ hoặc xe đạp. Ban ngày mới có xe, nếu muốn đi bằng đường sông cũng tiện, vì nhà anh thường dùng ghe để chở mía và đường hoặc mua thức ăn. Nhà cô dâu ở bên kia sông bến đồ chợ, nằm trên đường đi Bến Cỏ, nên gia đình anh trù liệu sẽ dùng ghe rước dâu vào buổi sáng, rồi buổi tối dùng ghe đó để đưa đón chúng tôi.

Anh hẹn chúng tôi tập hợp nơi bến đò chợ. Ghe được treo đèn kết hoa, trang hoàng rực rỡ để đón dâu nên trông đẹp mắt lắm. Vừa bạn bên anh, vừa bạn bên cô dâu có đến vài chục người cùng đi trên chiếc ghe đó. Bên chúng tôi có một ban nhạc của gia đình chị Marie Đăng, toàn là anh chị em của chị, sử dụng mandoline, banjo, guitare, accordéon và trống.

Khi ghe tách bến, nhạc bắt đầu thổi, các anh chị thi nhau hát, thật tung bừng vui vẻ. Trăng 16 treo lơ lửng giữa trời, tiếng chèo khua, tiếng sóng vỗ, trên trăng dưới nhạc, phong cảnh thật là thơ mộng làm quên đường xa. Ghe chèo mất hơn hai giờ đồng hồ mới đến nhà anh. Vì trời tối nên từ bên sông lên nhà có cảm nhiều bó đuốc để soi đường, hai người cầm đèn măng-xông đến dẫn đường cho chúng tôi vào nhà. Nhà ngói vách tô, ba căn hai chái thật rộng, nhưng xây cất theo xưa nên có nhiều cột to và hơi thấp. Ba anh cho cất thêm một cái trại trước sân để đãi khách ở đó cho rộng rãi. Thời kỳ ấy, nếu nhà ở xa chợ, nơi vùng quê hẻo lánh không có đèn điện, nên dùng toàn đèn măng-xông.

Sau khi đôi bên chào hỏi xong, bên phe chúng tôi, tức là bạn của chú rể chúc tụng và trình quà cáp, đến lượt bạn cô dâu. Sau cùng có một chị đứng lên, tay xách một cái lồng thật đẹp, bên trong có hai con chim bồ câu mập mập, lông lá mượt mà. Chúng tôi biết đây là chị An, trước kia chị là “bồ” của anh Biên, nhưng chắc anh chị không có duyên nợ với nhau nên việc không thành.

Chị nói:

- Kính thưa hai bác và hai họ. Kính thưa anh chị Biên và các bạn xa gần. Con đến đây trước hết để chung vui cùng hai bác có thêm dâu hiền, sau cầu chúc cho cô dâu chú rể được nhiều hạnh phúc, với một món quà đặc biệt, không giống ai hết, cũng không đáng giá, nhưng nó mang một ý nghĩa mà con tin chắc sẽ được mọi người vừa lòng. Đây là một cặp bồ câu đang độ trưởng thành và sung sức, tượng trưng cho tân lang và tân giai nhân. Con ước mong và cầu chúc cho anh chị Biên sẽ như đôi chim này, trăm năm liền cánh bay đến tận chân trời

hạnh phúc. Mai kia dẫn về cho hai Bác một đoàn chim non ngoan hiền hiếu hạnh. Con cũng có một bài thơ để tặng anh chị...

Tiếng vỗ tay hoan hô vang dậy, làm chúng tôi phục chị An vô cùng. Chị còn cẩn thận đánh máy nhiều bản để tặng chúng tôi làm kỷ niệm. Chị đích thân ngâm bài thơ này:

Đôi chim liền cánh

Mình anh chọn được bạn hiền

Trăm năm hạnh phúc bền duyên suốt đời

Cùng nhau ríu rít đón mời

Trước sau như một, giữ lời sắt son

Năm dài, chí quyết không mòn

Yêu nhau mãi mãi cho tròn tóc tơ

Tặng anh một cặp Chim Mơ

Vợ chồng thâm thúy như thơ như đàn

Tứ hay trăm bổng nhạc vàng

Như chim liền cánh, ngày càng thắm tươi

Thề nguyện vẹn vẻ mười mười

Rạng ngời thân thể với người, với ta.

Bình - An

Xin hết, cảm ơn hai Bác và tất cả anh chị em.

Anh Biên đáp lời:

- Tôi xin mạn phép thay mặt ba má tôi và bà con hai họ thành thật cảm ơn tất cả các bạn đã không quản ngại xa xôi đến dự đám cưới của chúng tôi. Riêng chúng tôi rất cảm động được chị An tặng cho một món quà đáng giá, chúng tôi xin nhận lãnh bằng cả tấm lòng thậm cảm và sẽ ghi nhớ đời đời. Chúng tôi cũng cầu chúc cho chị mau sớm gặp được ý trung nhân để chúng tôi có dịp chúc mừng lại chị.

Lại tiếng vỗ tay tán thưởng, xong anh Biên cho mang lồng chim vào nhà.

Bên phe chúng tôi không phải là thi sĩ nên thay thơ bằng nhạc. Các anh, các chị thay phiên nhau hát những bài chúc mừng thật là hào hứng và vui vẻ để giúp vui cho buổi tiệc cưới.

Sau đó chúng tôi nhập tiệc. Gần một tiếng đồng hồ chúng

tôi ăn uống chuyện trò, thì chị Bảy từ dưới bếp bưng lên một mâm trên có đĩa bồ câu quay. Người này là chị anh Biên. Khi này chị không có mặt nên không nghe lời chúc tụng của chị An, hay vì quê mùa mộc mạc hoặc muốn khoe tài nấu nướng nên chị tuyên bố:

- Đây là cặp bồ câu của chị An, tôi đã đích thân làm thịt và quay để cống hiến cho các anh chị thêm món ăn, tuy có ít nhưng đầy đủ hương vị.

Tôi nghĩ, có lẽ khi khi đem lồng chim vào anh Biên không dặn, nên chị tưởng lầm rằng anh bảo làm thịt.

Anh Biên bối rối, ngớ ngàng. Chị An sững sờ, ngơ ngẩn. Chúng tôi chơi với, ai nấy dở cười dở mếu. Thấy vậy, tôi lật đật đứng lên gỡ rối cho anh Biên. Tôi bảo:

- Cảm ơn chị Bảy đã không nệ công, chịu khó làm mau lẹ để khoản đãi chúng em. Vậy em xin vô phép mời chị thưởng thức trước.

Tôi vừa nói vừa gấp một miếng dứt cho chị.

- Xin các anh chị cho một trảng pháo tay để hoan hô chị Bảy.

Thế là tiếng vỗ tay vang dậy, trấn áp pha cụp lạc này, nhưng món bồ câu quay chẳng ai buồn rớ tới, mặc dù chị Bảy đã gấp bỏ vào chén của mỗi người. Ai cũng bùi ngùi nhớ lại mấy phút trước đây, đôi chim hãy còn nhảy nhót, âu yếm rửa cánh cho nhau, giờ chỉ còn là những miếng thịt nhỏ!

Thấy bầu không khí có vẻ nặng nề và gượng gạo, chúng tôi dùng bánh, uống trà và xin phép rút lui.

Trong chuyến về, dư vị của đĩa bồ câu quay còn ám ảnh chúng tôi mãi. Chúng tôi thì thầm nói chuyện, không còn hứng khởi như lúc đi nữa. Còn chị An thì ngồi yên lặng, mắt xa xăm, trông như người đi đưa đám mới về. Chúng tôi thông cảm chị, hiểu rằng chị buồn vì món quà chị mang tặng, chị đinh ninh anh Biên sẽ coi nó như một kỷ niệm quý giá, không ngờ đôi chim mà chị đã phải chặt chiu, tính toán cả tháng trời mới có được lại bị nhổ lông làm thịt một cách phũ phàng, vô ý thức!

Vài Chuyện về Văn Bút

Văn Bút Việt Nam ở các địa phương, dù là Văn Bút Ontario Gia Nã Đại, Văn Bút Miền Đông Hoa Kỳ, Văn Bút California hay bất cứ nơi nào khác, phần lớn trong cách sinh hoạt có vẻ giống như một hội tương tế, ái hữu; nhưng thực chất, đó là hội đoàn tranh đấu có tầm vóc quốc tế.

Văn Bút khác các hội ái hữu cựu học sinh, cựu sinh viên, vì không cùng một trường, không có chung những kỷ niệm học đường. Văn Bút khác các hội Không quân, Hải quân, Mũ Đỏ,.. vì không cùng một quân, binh chủng, mặc dù phần lớn nam giới trong Văn Bút cũng là cựu quân nhân. Văn Bút khác các hội đoàn tôn giáo vì hội viên Văn Bút không cùng một tôn giáo. Về mặt xã hội, Văn Bút giống như một hội cộng đồng, hội Nha Y Dược, hội giáo chức, vì cùng một “nghề” - ở đây, là cùng cầm bút: làm thơ, viết văn, viết kịch, dịch thuật, biên khảo, làm sách báo, viết kịch. Đó là mối giây liên lạc giữa các thế hệ, thuộc nhiều thành phần xã hội và tôn giáo khác nhau.

Văn Bút, trước hết là một tổ chức đóng góp những nghệ phẩm tinh thần cho văn học của Việt Nam và nhân loại; nhưng trước hết và trên hết, đấu tranh cho nhân quyền.

Hội viên Văn Bút gồm hai thành phần: Văn (làm thơ: thi sĩ) và Bút (viết văn: văn sĩ, biên khảo gia, kịch tác gia, chủ bút và dịch giả). Văn Bút vừa khuyến khích sáng tác, vừa góp phần bảo vệ các công trình văn học; nhưng công tác hàng đầu là bảo

vệ quyền tự do tư tưởng và phát biểu, là một trong những quyền căn bản của con người, bên cạnh tự do tín ngưỡng, tự do đi lại, v.v.

Nghĩ về hướng phát triển của Văn Bút VNHN

Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, xuất phát từ một nước Việt Nam máu lửa, có trách nhiệm trực tiếp đối với những người cầm bút còn bị nhà cầm quyền cộng sản giam cầm trong nước hiện nay, điển hình là Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Tuệ Sỹ, Trí Siêu,.. Trong gần 20 năm qua, với sự góp sức của bè bạn năm châu, Văn Bút đã giúp được một số người thoát cảnh ngục tù, xuất ngoại và trở về với thiên chức của người cầm bút, như Doãn Quốc Sỹ, Duy Lam, Cung Trầm Tưởng, Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền, Mai Trung Tĩnh, Nguyễn Chí Thiện,..

Nỗ lực đó không bao giờ ngừng nghỉ, vì ngục tù Việt nam hãy còn là nơi đầy dọa, hủy diệt quyền tự do. Bên cạnh đó, hội viên Văn Bút còn có nhiệm vụ theo dõi để cứu giúp người cầm bút sống trong các chế độ độc tài khác, như Hoa lục, Bắc Hàn, Ba Tư, Cuba,..

Để thực hành phần vụ quan trọng đó, Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại làm việc sát cánh với Writers in Prison Committee của Văn Bút Quốc Tế, hiện do nhà văn Morris Farhi đứng đầu.

Trong tương lai, đề nghị Ban Chấp Hành Ontario nên đề cử các Ủy viên phụ trách các công tác theo nhu cầu của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại và Văn Bút Quốc Tế, như các Ủy Ban Văn nghệ sĩ Bị Cầm Tù, Ủy Ban Ngoại văn và quyền Ngôn ngữ, Ủy Ban Nhà Văn Nữ và Nữ quyền, Ủy Ban Nhà Văn vì Hoà bình, Ủy Ban Nhà Văn Lưu Vong, v.v. Có những cơ quan với những chức năng giống với Văn Bút Quốc Tế, chúng ta sẽ không bị lúng túng hay bối ngỡ khi cần đáp ứng một số nhu cầu công tác do họ đề ra.

Tiến về phía các công tác nêu trên chính là tiến tới gần nhau, giữa các Trung tâm Văn Bút Việt nam trên toàn thế giới, và giữa Văn Bút VNHN với Văn Bút Quốc Tế. Các Trung tâm

Văn Bút VN sống trên xứ người cũng nên giao thiệp thường xuyên và nối kết sinh hoạt với các Trung tâm bản xứ. Thí dụ như Văn Bút VN Ontario giao thiệp với PEN Canada (trụ sở ở Toronto), Văn Bút VN Québec giao thiệp với Centre Québécois du PEN (trụ sở ở Montréal), v.v.

Hoàn cảnh tị nạn của người Việt trên khắp thế giới đã tạo cho chúng ta một hệ thống Văn Bút Việt Nam rộng lớn trên ba châu Âu, Mỹ và Úc. Đây là cơ hội giao tiếp để vận động đấu tranh tốt nhất mà đại đa số các Trung tâm quốc gia không có. Ưu thế này nên phát triển, vì nó là một lợi thế giúp gia tăng cái thế lực quốc tế mà cộng đồng Việt nam hải ngoại cần có để đương đầu với các chế độ độc tài, mà CSVN là một.

Kế tiếp, ngoài Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại một số anh em Văn Bút có thể lập ra Văn Bút Việt Nam Lưu Vong để hoạt động trong Trung tâm Văn Bút Lưu Vong như một chi nhánh của Trung tâm này. Vừa có “Hải ngoại” (Abroad) vừa có “Lưu Vong” (in Exile), chúng ta càng gia tăng sức mạnh và tầm ảnh hưởng của mình, chẳng những không hại gì mà còn có lợi. Văn Bút Việt Nam Lưu Vong không cần đông và cũng không nên đông, chỉ khoảng 20 người là vừa đủ - nhưng phải là 20 người dứt khoát không giao tiếp với chế độ độc tài cộng sản trong nước dưới bất cứ hình thức nào.

Hai chữ “hải ngoại”, theo quan niệm thông thường, chỉ là một sự phân biệt có tính cách địa lý: ngoài nước (hải ngoại), khác với trong nước (quốc nội).

Hai chữ “lưu vong” vừa hàm nghĩa “hải ngoại” (không ai lưu vong trong nước); vừa có yếu tính đối kháng chính trị, nghĩa là không thỏa hiệp với nhà cầm quyền trong nước. Hết đối kháng chính trị, Văn Bút Lưu Vong sẽ sát nhập với Văn Bút Hải Ngoại hoặc Văn Bút quê nhà một khi đất nước trở lại chính thể tự do dân chủ thật sự, vì khi ấy yếu tính đối kháng của những nhà văn lưu vong sẽ biến mất.

Thêm một hình thức khác, tất cả các anh chị em Văn Bút,

nhất là các bạn trẻ, có khả năng sáng tác bằng nhiều thứ tiếng, hãy gia nhập Văn Bút các quốc gia mình đang sống, như Anh, Pháp, Đức, Gia nã đại, v.v. Anh chị em có quyền giữ tư cách hội viên của hai Trung tâm, vừa VNHN vừa Văn Bút bản xứ. Làm như vậy, chúng ta sẽ có thêm tiếng nói của người Việt ngay tại các Trung tâm quốc gia đang cư ngụ. Hiện tại, chúng ta chỉ mới có 5 người Việt là hội viên của Văn Bút Pháp (1), Thụy sĩ (1), Đức (1) và Gia nã đại (2). Đã có người Việt (VH Hoài Việt) được cử đại diện cho Văn Bút Pháp đi dự hội nghị quốc tế về thi ca tại Thổ Nhĩ Kỳ trong năm 1997 vừa rồi! Đây là một hướng tốt mà chúng ta cần phát triển.

Con số 5 trên đây hãy còn quá ít ỏi, trong khi chúng ta thừa sức để có hàng trăm người gia nhập các Trung tâm quốc gia đang cư ngụ. Và không có điều gì đáng vui bằng một ngày nào đó, chúng ta có vài mươi người Việt được cử vào Hội đồng Đại biểu của Văn Bút Quốc Tế. Khi ấy chúng ta sẽ nghĩ tới việc lập một “ban liên lạc” giữa những người Việt là hội viên trong các Trung tâm Văn Bút quốc gia định cư, để giúp nhau đạt tới một số vận dụng nào đó có lợi cho đất nước.

Cuộc chiến đấu để giành lại tự do dân chủ cho đồng bào quốc nội hãy còn nhiều cam go, và người Việt không nên do dự khi có cơ hội phát huy tiếng nói của mình trên các diễn đàn quốc tế. Ngoài nhiệm vụ của một người cầm bút, chúng ta còn có nhiệm vụ của một người Việt. Tranh đấu cho một dân tộc bị áp bức cũng chính là góp phần mang lại hạnh phúc cho nhân loại, vì dân tộc ấy chính là một phần của nhân loại; và chúng ta sẵn sàng nhận lãnh trách nhiệm thiêng liêng ấy.

Bữa Nhậu Thiệt Thà

- Vô đi chớ! Đợi tao năn nỉ nữa sao, thằng con nít?

Ông Bảy nóng nảy hồi thúc. Người ngồi đối diện ông bữa nay tự nhiên nổi chứng, để ông nói mỗi miệng nãy giờ mà cũng chưa chịu cầm ly. Mọi lần hấn đâu có kỳ khôi vậy, mới ngồi vô bàn là thách cụng cốp cốp, ông già bà cả còn đương chờ mỗi nhắm thì hấn đã ực xong ít nhút hai ly. Uống khan vậy mà hấn uống tỉnh bơ, không khè một tiếng hay ực miếng nước để chữa lửa. Vô ngọt cỡ đó, chưa chắc ai qua mặt được hấn. Còn bữa nay hấn giống như con gà mắc gió, ngồi cú rũ cả tiếng đồng hồ không thèm nhấp môi. Vậy mà hấn cũng chường mặt ra đây khiến thiên hạ mất hứng.

Ông đập tay xuống bàn giận dữ, sắc mặt lần lần tái xanh như tàu lá chuối. Xị để mới lưng phân nửa, chưa thấm tháp gì, ai tưởng ông say là lắm. Thường khi mới uống ly đầu, mặt ông có màu đỏ, sau đó biến thành màu xanh như con tắc kè biết đổi màu. Tới lúc đó cả bàn nhậu biết chắc là ông trợn cổ, khỏi cần thách ông cũng uống một cách ngon lành. Còn bây giờ, đầu đã xanh mặt nhưng ông mất trớn, bởi người ngồi đối diện ông chưa chịu cụng với ông. Ông la lớn làm ai nấy giựt mình quay qua nhìn chăm chăm:

- Bộ tao hồng đáng tuổi cha mày sao hả? Đợi tao xuống nước năn nỉ mới chịu?

- Tui có nói ông không đáng tía tui hồi nào đâu?

- Vậy mày chờ gì nữa mà chưa chịu cầm ly?

- Tui đã nói là không uống nổi. Bữa khác đi!

Ông Bảy lắc đầu:

- Ai hơi đâu chờ mầy tới bữa khác. Lâu lâu mới thấy mặt mầy chớ bộ. Tao đâu có huốn mà đi kiếm mầy! Uống hay không, nói đại coi!

- Thì tui nói rồi đó.

- Vậy là mầy nhứt định hông uống?

Lần này Chệt không trả lời. Ông Bảy chửi um:

- Đồ hỗn hào! Mầy biết tao đáng tí mầy, vậy sao tao biểu mầy hông nghe. Muốn tao khện cây lên đầu hay sao đây?

Một người ngồi chung bàn can lại:

- Từ từ, đừng nóng! Nó hông uống thì thôi. Cứ để nó ngồi đó tui hỏi ba điều bốn chuyện coi nó làm gì lóng rày. Ông mà làm nó xấu mình, nó đứng dậy bỏ đi à!

Ông Bảy vẫn tức tối nói:

- Cất cổ còn hơn đổ rượu. Tao rót ra mời mầy, mầy hông uống, có giỏi thì hất đổ tao coi thử. Cái ly đó của mầy, tính sao coi cho được thì tính. Hể đứng dậy mà còn rượu trong ly thì mầy đừng ngó mặt tao nữa nghe con!

Ông vừa dứt câu, cầm ly để ực một hơi cạn. Dần ly xuống bàn cái cốp, ông chùi mép bằng ống tay áo bà ba rồi khè ra ngon lành:

- Thấy tao chưa? Cần gì đợi ai biểu?

- Biết rồi, tí...

Tiếng “tía” kéo nhừa nhựa, cùng lúc Chệt đứng phắt lên bước ra cửa quán. Ông Bảy lật đật chạy theo nín áo kéo hần trở lại. Hần quơ tay tính gạt ông qua một bên nhưng ông lẹ như chớp, chụp dính cổ áo hần và nín cứng ngắc. Biết khó chạy thoát, Chệt cười quay lại ngó ông:

- Thôi để tui đi cho yên. Tui ngồi thêm chút nữa ông khỏe thì bẻ gáo thì có nước đi nhà thương. Tui còn yêu đời lắm nghe!

Hần không ngờ ông Bảy lớn tuổi mà còn mạnh mẽ như trai tráng. Ông lôi cổ hần trở vô chỗ đám nhậu để như lôi một đứa con nít, hoặc đúng hơn là một thằng con nít mới lớn. Làm ruộng cực khổ quen rồi nên tay chân ông rắn chắc, năm chục

tuổi mà chưa biết đau lưng mỗi cổ là gì. Còn Chệt, hồi nhỏ được tía má cưng như trứng mỏng, cho đi học trên tỉnh thành, bỏ thí chuyện ruộng rẫy cho gia đình. Mười lăm tuổi, Chệt vô Thủ Đức học khoá sĩ quan rồi sau đó làm trung đội trưởng ở đơn vị tác chiến. Hễ về phép là hấn đi chơi hà rầm, ít khi có mặt tại xã nhà. Hấn nhỏ con, coi bộ dạng ốm yếu nhưng có tửu lượng đáng nể. Nhờ khả năng uống rượu mà hấn được mấy người đáng cha chú ưa thích. Làm sao kiếm nổi một thằng cỡ tuổi hấn dám uống chết bỏ! Gặp tại đây bữa nay, để gì ông Bảy để hấn đông mát. Ông vẫn ghệt cứng cổ áo hấn, tay kia dè đầu hấn xuống ghế:

- Ngồi đó cái đã rồi nói gì thì nói. Mà mà dợm cẳng tính đông nữa, tao cho một đá gãy ống quyển à!

Lần này ngó bộ Chệt muốn ngồi yên. Hấn xốc lại cổ áo trợn, phủi hai bên vai cho láng trơn, liếc ly rượu còn nguyên từ nãy tới giờ ngán ngược:

- Đã nói không uống mà trì kéo bắt uống cho được. Để lạt nhách vậy ai mà nuốt nổi.

Ông Bảy lên giọng:

- Bộ tưởng hễ mày nói “không” là hồng ai làm gì mày hả? Cha chú nói thì phải nghe lời cái một. Đưa ly đó cho tao, để tao biểu tui nó lấy cho mày cái ly khác. Kỳ này phải vô cho ngọt nghe chưa con!

Ông quay lại phía chủ quán:

- Búp, đổi cho thằng Chệt cái ly coi!

Cô chủ cỡ mười chín, hai chục tuổi, nói “dạ” dẻo quẹo rồi bước tới chỗ bàn, một tay xốc nách đứa con trai mũi dãi lòng thông. Ông Bảy đưa tay nhéo bên má nó:

- Chùng nào mới biết cụng ly đây, thằng chó con?

Đứa nhỏ không hiểu gì hết nhưng cũng khoe mấy cái răng sữa ra cười với ông già. Ông Bảy đẩy mấy cái ly mới về phía Chệt, cầm xì để rót vô đó một cách dễ ợt nhưng không để nhều ra ngoài. Cạn chai xì, ông vẫn rần dốc ra cho tới giọt cuối cùng như sợ uổng của trời. Chủ quán không đợi ông nhắc, đem ra liền một chai đế khác. Mặc dầu xốc đứa con trên tay nhưng

Búp tới lui nhanh nhẹn vì đã quen công việc hàng ngày. Chỉ cần đứng một chỗ ngó ra Búp cũng biết trước khách sẽ kêu thêm thứ gì và lo sửa soạn sẵn. Hể rượu trên bàn gần cạn là Búp rót sẵn một xị khác chuẩn bị đem ra. Đâu riêng gì đám nhậu có ông Bảy như bữa nay mới ưa tới quán này mà gần như cả xã là khách của Búp. Chồng cô làm việc ở văn phòng xã, ai mà không biết. Hơn nữa, đây là cái quán độc nhứt vô nhị, không kéo tới đây nhậu thì chỉ còn có nước nhậu nhẹt tại nhà. Trừ khi có tiệc tùng cưới gả linh đình, không thì tình cờ người này gặp người kia là họ vô quán của Búp, sẵn rượu sẵn thức nhắm, cứ việc kéo ghế ngồi cho xong chuyện.

Làm như bây giờ mới thấy Chệt, Búp nở nụ cười thân tình:

- Anh mới về hả?

Chệt chỉ gật đầu không trả lời, ngó đứa nhỏ trên tay Búp. Thằng nhỏ có nét mặt giống má nó y khuôn. Chuyện đó đúng ra không đáng để ý, vì hể con giống má thì khỏi giống tía. Nhưng chẳng qua ông già bà cả ưa bàn tán lời thôi, má có thương yêu tía hết lòng thì đứa con mới giống tía y chang. Riêng trong trường hợp này chắc là Búp thương tưởng một kẻ nào khác chăng? Chệt suy nghĩ hoài không biết trả lời sao cho ổn.

Ông Bảy nói thế cho Chệt:

- Thấy mặt thì biết nó có đây, còn phải hỏi gì nữa?

Rồi ông hối thúc:

- Uống đi mày, đừng đợi tao kêu ông già tía mày mắng vốn về tội vô phép!

Biết khó bề từ chối hoài, cuối cùng Chệt phải gượng gạo cầm ly lên. Hấn hĩnh mũi hít hít mấy cái thử coi mùi rượu gắt tới cỡ nào, nhăn mặt:

- Chà, có thuốc xịt rầy không đây?

- Tầm bấy mày, thứ này làm ở nhà chớ đâu phải bán ngoài chợ.

- Vậy sao màu rượu trong khe vậy?

- Thì... nhà nghề nấu chớ đâu phải tay ngang. Mà thôi, tao biểu uống sao nầy giờ mày nói đông dài lời thôi quá cỡ há.

Chệt cười hềnh hếch:

- Tại tánh tui ngĩ gì nói nấy.

- Nhưng ai như mày bạ đâu nói đó.

- Ngồi vô bàn mà không nói đâu còn gọi là nhậu. Không cho nói thì tui đi nữa à!

Ông Bảy lại muốn đồ quạu, hăm he:

- Có ngon cứ việc đứng dậy, thử coi tao dám đánh bể ống quyển mày hông cho biết!

Chệt nói cho có nói chớ vẫn ngồi tại chỗ. Theo hẳn thấy, ông Bảy dữ dằn nhưng thiệt dạ. Trước nhứt, ông coi đám trẻ như con cháu trong nhà. Đứa nào chưa có đôi có cặp thì ông ráp vô với đứa khác, như thể ông sợ đám con cháu sẽ ế vợ ế chồng. Giữa chỗ đông người ông nói bất kể, nói xiên xéo, nói tới độ tía má hai bên đồng lòng cho bày trẻ có dịp xích lại gần nhau. Nhiều đám cưới trong xã đã thành hình nhờ công lao của ông. Ông như một thầy thuốc mát tay chữa lành căn bệnh đơn lẻ cho đám hậu sanh, cho đâu chưa chính thức nhận cái đầu heo nào dành cho người mai mối. Hể nhờ ông làm mai thì ông từ chối. Ông thường nói:

- “ở đời có bốn cái ngu: làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm châu”. Tao đâu có ngu mà đứng ra mai mối cho tui bay. Sướng thì hồng bao giờ ngĩ tới tao, mà hể khổ là lôi tên tao ra chửi. Tao gán cặp cho tui bay như vậy cũng đủ rồi. Tính tới hay không là chuyện của tui bay và hai họ. Lỡ có chửa trước rồi biểu tao đi nói dùm, sau này làng xã dị nghị, người ta chửi tao già mà hồng nên thân, nghe nhột lăm. Tánh tao ghét chuyện ăn ở lén lút vô phép vô tắc kiểu đó.

Ông Bảy hăm he cho đã miệng chớ chưa xáng bạt tai bất kỳ một đứa nào. Cùng lắm là giận ít bữa, sau đó được xin lỗi đành hoàng ông sẽ bỏ qua hết. Biết tánh ông dễ tha thứ nhưng Chệt vẫn ngán ông. Thằng con ngỗ nghịch nào không cố ý chọc giận tía má nó! Nhưng hể tía má nổi nóng thì nó hoảng kinh né đi chỗ khác, đợi họ bớt giận mới dám cho thấy mặt. Ông Bảy với Chệt là bạn nhậu thường xuyên nên lần lần Chệt quý mến ông

như ruột thịt. Coi mời Chệt đã chịu nghe lời ông mà uống cạn ly nên mới ngồi lại cho ông có dịp hăm he kiểu đó. Thấy cặp mắt ông Bảy xoi lom lom về phía mình, hấn cầm ly để đưa lên miệng:

- Một ly này thôi nghe tía?

Nét mặt ông Bảy dịu lại. Chệt ực một hơi xong dần ly xuống bàn cho mọi người đều nghe. Y như mọi lần, hấn không cần khề một tiếng cho giống răn hổ ngóc đầu mà chỉ đưa cườm tay quệt ngang miệng, thở gấp gấp:

- Chữa lửa, chữa lửa!

Hấn chụp ly nước đá lạnh để sẵn ực tiếp một hơi ngon lành. Ông Bảy gật đầu khoái trá:

- Được lắm, làm tiếp cái nữa mày!

Không cần đợi Chệt trả lời, ông rót rượu trong chai xị vô ly hấn một cách điệu nghệ, cười khà khà:

- Vậy mà để tao nói khô nước miếng mới chịu.

Bỗng ông Bảy nghiêm mặt, mím môi khi thấy Chệt xô ghế đứng dậy. Ông tính giờ căng đá hấn một cái vô ống quyển nhưng hấn đã nói:

- Sáng sớm chưa có gì bỏ bụng, đói thấy bà. Hồi tối mới xin hết biết trời đất, thức dậy tính vô quán kiếm khúc bánh mì ai dè gặp bàn nhậu này nữa. Hồng xong rồi, phải ngó thử coi có thứ gì nhai...

Ông Bảy chỉ lên bàn:

- Nhiều đây hồng đủ sao mậy?

Chệt nhăn mặt:

- Chưa lẽ, dần bụng sao nổi.

Ông Bảy ngó hấn như thôi miên. Lạng quạng hấn dám khiến chồng của Búp nổi cơn ghen tương. Gái một con coi mồn con mắt, hướng chi Búp đã từng... Ông kêu Búp tới chỗ mình:

- Có gì bỏ bụng được hông bay?

Búp nhỏ nhẹ:

- Dạ còn mì gói thôi bác Bảy.

- Mới tảng sáng mà hết bánh bao, bánh mì rồi sao?

Ngó bộ cô ta sợ ông Bảy cần nhần nên răn cất nghĩa cho

ông hiểu:

- Dạ tại bữa nay họ giao hơi ít. Với lại giờ này cũng chín mười giờ rồi chớ sớm nổi gì bác Bảy.

Nghe cô ta ăn nói nhẹ nhàng cũng mát ruột, ông gật đầu:

- Thôi con làm lẹ cho bác một tô mì tôm khô trứng gà rồi bung ra đây. Nhớ cho thêm trái ớt sống nghe.

Búp lui rồi ông Bảy mới hỏi Chệt:

- Sao hồng chịu nói đại là mày đói bụng, lại bày đặt làm eo làm sách hồng uống? Cái giọng đó tao ghét dăng trời mây. Thà nói thiệt đợi tui ăn rồi mới lai rai ba sợi, tao sẵn sàng chờ mà. Trời đánh còn tránh bữa ăn, huống chi tao già cả, phải biết khôn ngoan để đức cho con cháu, hồng lẽ hắt miếng ăn của mày qua một bên, biểu uống? Người trong làng trong xã mình ưa thiệt thà mà sao tao thấy mày chịu khó giả bộ quá cỡ.

Chệt cãi lại:

- Thì tui thiệt thà đó chớ! Cho nên tui mới từ chối. Tại lúc đó tui chưa thích uống.

Ông Bảy chụp cơ hội liền:

- Còn bây giờ mày chịu uống rồi?

- Cũng chưa.

- Chờ gì nữa chớ?

Chệt cười híp mắt, trả lời ngon ơ:

- Đợi xong tô mì cái đã.

- Ờ ờ, tao quên. Trời đánh tránh bữa ăn. Thôi được, cho tao hỏi lâu nay mày làm giống gì mà ít thấy mặt mày vậy?

Chệt nắm hai bên cổ áo kéo ghệt tới trước cho ông Bảy thấy cái bông mai thêu bằng chỉ đen:

- Thì đi lính chớ đi đâu!

- Đi lính, nhưng mà mày đóng ở đâu mới được chớ?

Chệt quơ ngón tay trở ra bốn phía:

- Ôi thôi biết sao mà nói. Tui đi đủ chỗ hết, từ Cần Thơ cho tới Cà Mau, ở chỗ này ít ngày, chỗ kia mấy bữa.

Hắn chỉ cánh tay áo trái, hỏi mấy người đương ngồi nhậu chung bàn:

- Nè, biết “Sét Miền Tây” không? Biệt danh của sư đoàn

tui. Hậu cứ tại Bạc Liêu đó đa. Xứ đó coi quê mùa chớ giàu có lắm à. “Bạc Liêu ăn cá bỏ đầu, Sài Gòn thấy vậy xỏ râu đem về”. Nhân miệt đó ngon nổi tiếng. Tui khoái nhất là cua gạch đỏ như son, nhậu chết bỏ. Rồi thêm món bún nước lèo, ăn vô đã đời...

Ông Bảy ngắt ngang:

- Nghe mày nói cũng khoái lố nhĩ thiệt. Nhưng bộ dạng mày hổng giống công tử Bạc Liêu chút nào. Mày dám lấy giấy năm trăm thời nay châm lửa rọi cho người đẹp biết đường kiếm cái kẹp tóc hông? Thôi lo ăn đi, nó bùng tô mì cho mày kìa.

Búp tới kế bên Chệt, để tô thức ăn bốc khói xuống bàn. Mùi thơm da thịt cô quỵện vô mũi Chệt gây cho hấn cảm giác lạ kỳ. Không phải là sự thèm muốn thường tình mà là sự rung động nhớ tiếc. Nếu như Chệt là một thứ công tử Bạc Liêu, hấn đã dư sức rù quên bất cứ đứa con gái nào, chớ đâu phải chỉ thương thầm không dám nói ra.

Đợi hấn ăn xong ông Bảy lại nhắc tới xì rượu, như sợ hấn làm lơ:

- No bụng rồi đó, nhậu tiếp chớ?

Chệt gật đầu ngoan ngoãn, không cãi một tiếng. Lần này hấn quyết định phải uống cho tới quắc cần câu mới thôi. Hấn đương buồn chán và cảm thấy cô độc ngay bên bàn nhậu ồn ào này, ngay tại xã nhà là chỗ hấn quen biết tất cả mọi người. Miếng cóc giòn rụm trong miệng hấn có cái vị ngọt ngào vừa chín tới pha lẫn vị chua bắt buộc phải có mới ngon lành bắt mắt. Cái buồn chán nơi hấn bây giờ bắt nguồn từ mơ mộng hân hoan thời mới lớn, như đó là hai thứ hương vị cần thiết của cuộc đời khiến người ta nhớ mãi. Không e ngại, hấn cầm ly ực cạn cho trôi nổi sầu rồi thả nhiên rót tiếp.

Ông Bảy giương mắt ngó hấn:

- Đừng giành uống luôn phần tía nghe con!

Chệt không thèm trả lời. Người nãy giờ chỉ nói một hai câu có lệ bỗng tăng hăng lấy giọng rồi hỏi Chệt:

- Mày có dịp đi chỗ này chỗ kia, vậy quen được con nhỏ nào chưa? Biểu ông già tía lo cưới vợ cho mày đi chớ?

Ông Bảy nạt ngang:

- Ồi cái thằng, gắp rượu thì nhậu ngon lành chớ gắp gái nhất như thỏ đế. Nó có dám nắm tay thân mật với đứa nào đâu mà biểu cưới với hời. Nè, nói thiệt nghe, hể mày nắm tay mà con nhỏ dễ yên hoặc không xán cho mày một bạt tai là trong bụng nó cũng muốn lăm rồi đó. Mày cứ việc làm tới, thố lộ tâm tình thẳng thắn. Muốn cưới, cứ nói sẽ dẫn cha mẹ tới coi mắt đàng hoàng.

Ông nghĩ Chệt còn con nít chưa rành đường đi nước bước. Chệt nghe ông nói mà tức thầmm, phải chi ông rành tâm lý đám con cháu hơn chút nữa, đã không để hấn lủi thủi một mình cho tới bây giờ. Cần gì đợi nói tách bạch ra mới biết hấn thương thầmm đứa nào trong xã. Mà thôi, hấn không nổi giận ông. Ông cấp cấp cho ai cũng thành công, còn hấn bị ông cấp trật lất, chắc tại số trời chớ ông nào muốn vậy. Lẽ nào ông ghét hấn nên mới để hấn mồ côi mồ cút.

Tự dưng câu chuyện tới đó xoay qua đề tài cưới gả kết hôn. Chệt ngồi im nghe ông già chung bàn kể:

- Bữa hỏm thiếu mày cũng đáng tiếc. Đám cưới con Nở tức cười muốn bể bụng!

Chệt đâm ra tò mò:

- Sao mà tức cười?

- Đầu đuôi như vậy: Hồng ai biết con Nở nghĩ sao trước giờ phút lấy chồng. Nó cũng hổng thềm nói năng, phản đối gì khi tía má nó muốn gả nó cho thằng Hưởng nhà chú Sáu Nhơn. Tía má hai bên tới lui bàn tính đầu vô đó rồi mới định ngày đám cưới con mình. Họ dự định tổ chức đám cưới lớn, mời đông đủ bà con chòm xóm tới chung vui hổng chứa mặt nào. Ai cũng tưởng phen này ăn nhậu một bữa đã đời, nghe đồn ca xướng hát suốt buổi, dè đâu...

Ông ngưng nói, hóp một ngụm rượu, bẻ một miếng me bỏ vô miệng nhai nhai nức nức khiến Chệt nóng ruột. Ông khiêu khích sự tò mò của người khác bằng cách để họ thêm để ý tới câu chuyện ông đương kể. Đợi hoài, Chệt muốn chảy nước miếng

bền cầm lấy miếng xoài, chấm mắm ruốc mút cho đỡ thèm. Vị xoài chua trộn vị mắm, ớt vừa cay vừa mặn lan tới đầu thấm tới đó làm hắn thấy cần ực thêm hớp để. Lát sau ông già mới chịu tiếp tục:

- Cái thằng Tươi trổ ngón đòn và vô sáu câu vọng cổ thì phải biết, ngọt như Út Trà Ôn một thời. Trời ơi nó mà xuống giọng ó... ơ... ơ... ờ, cặp mắt lim dim mơ màng là thiên hạ vỗ tay rần rần muốn bể nhà bể cửa. Có lần tao nghe nó hát *Gánh Nước Đêm Trăng* mùi tận mạng, đứt ruột đứt gan mà buồn cho thân phận kẻ bị phụ tình nhìn cảnh cũ nhớ người xưa. Thử nghe coi, cái bản đó như vậy: "*Quả gánh lên vai tôi thờ thần một mình. Nước giếng trong leo lẻo soi rõ bóng hình tiều tụy của tôi. Tiếng gà đã gáy tan canh, trăng mười tám nhô lên khỏi đầu khóm trúc, tôi ngồi khoanh tay bên đôi gàu nước, lòng băng khuâng chưa vội bước cơn về*". Không mùi sao được?

Ông không để ý Chệt đương thả hồn theo lời ca, mặt buồn hiu như thể bài bản diễn tả tâm sự của chính hắn, mà thần nhiên kể tiếp về đám cưới nọ:

- Chưa ai kịp ăn nhậu với nghe thằng Tươi ca vọng cổ gì hết thì có chuyện xảy ra...

Ông lại tái diễn kiểu ngưng ngang tại đó để nhấp miếng rượu cho thông cổ rồi mới từ từ diễn tả thêm, giọng tức tối:

- Mà hỏng phải xảy ra tại đám tiệc, mới ác!

Chệt hỏi dồn:

- Vậy chớ hồi nào?

- Xảy ra lúc rước dâu. Hai họ đương thả bộ từ đường gái về đường trai thì bất ngờ một thằng cỡi xe Honda từ đâu chạy ào tới làm ai nấy giựt mình...

- Rồi sao nữa? Bộ ai bị xe đụng hả?

- Bị xe đụng thì... bất quá đi nhà thương tỉnh là cùng. Đường này, thằng đó ngừng xe lại ngay kế bên đám rước dâu rồi con Nở nhảy phóc lên ngồi phía sau nó, hai đứa tụi nó đông tuốt. Người ta la hét um trời, thằng Hưởng chơi với vì bị hớt mất con vợ ngay trước mắt nên đòi uống thuốc rầy tự vận. Còn tao thì nghe tin đó tức cười muốn chết luôn.

Nghe tới đây ông Bảy nín không nổi nữa nên cười sằng sặc. Hai tay ông ôm bụng rán giữ mà vẫn cười rung bả vai, chảy nước mắt, mặt đỏ gay như trái ớt chín. Người nào người nấy nghe chuyện, thấy ông Bảy cười hứng thú quá cũng xúm nhau cười theo. Chệt chưa hết thắc mắc nên hỏi thêm:

- Thằng đó là ai mà dám chơi ngang xương vậy?

- Tao đâu biết. Chỉ nghe nói nó ở trên tỉnh, là người yêu của con Nở từ hồi trung học. Con nhỏ thường đi chợ trên đó, sẵn dịp chắc là hẹn hò với thằng kia. Tụi nó giấu kỹ nên ở xã này không ai hay.

Chệt gục gặc đầu:

- Thằng táo bạo thiệt!

Chệt thầm nể phục tên con trai đó dám làm chuyện động trời. Trước đây hắn từng nghe một hai vụ lính tráng xách lựu đạn đòi cửa đòi với ông bà nhạc vì không được họ gả con gái. Sức mạnh ái tình có thể khiến người ta làm bất cứ chuyện gì, miễn sao đôi trai gái được cận kề bên nhau. Nếu tên con trai đó đi lính, không chừng cũng dám rút chốt lựu đạn ngay tại tiệc cưới rồi tà tà dẫn cô dâu ra cửa. Còn Chệt, coi oai phong lắm liệt trong bộ đồ trận nhưng thiếu gan góc để làm chuyện ngoài khả năng bình thường. Thà là một mình hắn chịu thiệt thòi còn hơn.

Ông Bảy nâng ly rượu khề khà:

- Coi vậy chớ tao khoái cái thằng rình con Nở chạy mất đó. Nó là một đứa hiểm có trên đời, ít nhứt với tám lòng chung thủy.

Bỗng ông đặt mạnh ly xuống, nhìn thẳng vô mặt Chệt:

- Còn mày, lính tráng như mày chưa chắc đủ gan làm như thằng đó.

Chệt công nhận:

- Thì tui nhát như thỏ đế mà.

Nhưng ông Bảy chưa chịu buông tha:

- Nói nhát cũng chưa đủ. Mày còn thiếu thiệt thà. Đói bụng mà hổng nói đói bụng, tức là chưa học được cái tánh tốt như

ông bà cha mẹ mình nghĩ sao nói vậy, khỏi cần màu mè chỉ cho mệt. Cái thằng đi xe Honda đó, mặc đầu hôn hào nhưng thiệt thà ở chỗ nghĩ sao làm vậy, nên tao mới mới khoái. Tao tha cho nó cái tội hôn hào hồng biết lịch sự.

Chệt bắt bẻ:

- Ông làm như ông là tía con Nở không bằng.

- ờ... ờ... tao hồng phải tía nó nhưng coi nó như con tao.

Chính tao cáp nó với thằng Hưởng chó ai vô đây!

Ông Bảy biết mình lỡ lời nhưng nghĩ, thầy kệ có sao nói vậy, cần gì màu mè lời thôi.

- Vậy rồi ông không ân hận?

Ông lắc đầu một cách cương quyết:

- Ân hận chỗ nào chó? Tao đã nói rồi, thành vợ chồng hay không là chuyện khác, còn tùy thuộc ở số trời. Tao chưa bao giờ muốn đứng ra mai mối thiệt sự. Lỡ có bề gì đám con cháu rủa tao nghe nhức mình nhức mẩy lắm.

Tự nhiên ông nghiêm mặt ngó Chệt:

- Cũng giống như vụ của mày với chị con Búp vậy. Tao cũng muốn cho tụi bay nên vợ nên chồng nhưng chuyện tụi bay gặp trục trặc, đâu phải lỗi ở tao. Tao giúp tụi bay quen biết nhau là hết cỡ rồi. Mà nè, nói thiệt cho tao nghe coi tại sao tụi bay dạt ra chó?

Cặp mắt Chệt trở nên sâu thẳm nào nè. Hấn không muốn bị tia nhìn của ông Bảy thôi miên nên ngó tránh đi chỗ khác, tình cờ thấy Búp đương chặm mắt. Cô ta đứng quay lưng lại phía hấn thật lâu, cố ý che giấu điều gì, nhưng cũng đủ để hấn nhận ra đôi bờ vai tròn trịa đương nhẹ nhàng rung động.

Chệt chỉ trả lời:

- Tui cũng không hiểu tại sao. Mà thôi, chuyện xưa như trái đất sao thiên hạ cứ nhắc nhở hoài. Để tui vui trong mấy ngày phép cho tui nhờ.

Ông Bảy đeo riết:

- Thì mày nhớ sao nói vậy khỏi cần màu mè. Nói tao nghe lần này rồi thôi, tao hồng hỏi nữa. Tao biết chắc nó còn thương mày mà mày cũng chưa có vợ, vậy tại sao vụ tụi bay hồng

thành?

Chệt lắc đầu:

- Không cưới được.

- Mà tại sao kỳ cục vậy chứ?

Tự nhiên Chệt muốn rút lui khỏi bàn nhậu. Tấm màn quá khư buồn hiu bắt đầu bao vây hiện tại làm hẩn ngộn thở, muốn vén nó lên bước ra ngoài trời tươi đẹp. Không trả lời ông Bảy thì khó lòng đi thoát chỗ này nên hẩn đành phải nói:

- Tại tui nói tui chưa muốn lấy vợ, nếu nó không muốn ế ảm thì cứ tự nhiên lấy chồng, còn tui không đem lại hạnh phúc cho nó đâu.

Giọng hẩn gắt gỏng đột ngột:

- Chịu chưa? Thôi tui đi. Nhậu không nổi nữa.

Ông Bảy nín hẩn lại không kịp. Đúng hơn, ông không muốn giữ hẩn lâu thêm. Ông nhìn người bạn nhậu còn lại, nói với giọng thông cảm:

- Thấy mà thương mấy đứa thiệt thà, nghĩ sao nói vậy, làm vậy. Nó chưa muốn cưới vợ lúc đó nên giờ này chưa có người an ủi cuộc đời. Phải chi mình biết nó chịu đứa nào, làm mai cho nó đặng lấy cái đầu heo cho rồi.

Bỗng ông sực nhớ chưa hỏi thiệt Chệt có phải hẩn thương Búp không. Thử coi hẩn trả lời thiệt thà tới cỡ nào. Còn ông, nói thiệt, làm sao ông dám nghĩ tới chuyện phá nát gia cang người ta.



Tháng Tư ở Bắc Cần Thơ

qua bắc chiều tàn sông chảy xiết
nước cuộn về đâu buổi rút quân?
lòng ta xám đục theo ngày hết
không chắc rồi mai mây sẽ tan

cởi nón sắt ra còn thấy nặng
đầu đội trời hay đội tử sinh?
dưới chân nước xiết đang trào sóng
vuốt mặt chưa già đã nếp nhăn

qua giữa Hậu giang vừa tối sẫm
phía trước Cần Thơ nhốn nháo đèn
ngoái lại Bình Minh ngủi cố quận
giờ này phòng tuyến giặc tràn lên?

đồng đội ta đã quen bờ bụi
đóng quân đâu cũng gọi quê nhà
bỗng ủa khóc u hờn một nỗi
giữ không tròn miếng đất ông cha

thằng em kề cận nhìn phơ phát
thả ba-lô phủi bụi trên mình
còn cây súng để cầm chân giặc
để cởi mà quăng cho nhẹ tênh?

tướng sĩ thời xưa thà tự sát
trận chưa tàn sao lại lui binh?

nguyên nghĩa

Ăn Mày Cửa Phật*

(Gửi những tấm lòng Hoa sen.)

Năm mươi một tuổi, lần đầu tiên trong đời, tôi trông thấy một người chết. Thầy tổ của chúng tôi ở chùa Hoa, thiền sư Viên Mãn ngồi dựa lưng sát vách. Sức tàn, đuối dần, thu vào ngọn bút, mực văng ra ngoài đĩa, viết một bài kệ. Vừa dứt câu thứ ba thì tắt thở. Nay, bài tứ tuyệt dở dang ấy còn treo trên vách, nơi bàn thờ Tổ, mé hướng đông Thiền đường. Học trò nổi gót ngài, thiền sư Như Không, thầy của chúng tôi hiện nay, vẫn thường bảo: «Bài thơ ba giòng như thế, đủ rồi! Làm sao có ai viết thêm được câu cuối mà không làm hỏng cái ý thơ của Tổ?» Ngài Viên Mãn trước khi đi, ngồi thiền suốt hai tuần lễ, bỏ cơm, mỗi ngày chỉ uống vài thìa nước cháo hoa. Đúng hôm rằm, vào lúc xế chiều, ngài phát tay ra dấu sai tôi đi lấy giấy mực.

Bài kệ thật nôm na:

Hỏi Đáp

Mặt trời chiều lặn sau vườn chuối.

Người hỏi ta, đêm, mất hay còn?

Cứ ngủ đi, sáng ra, sẽ thấy...

Vị thầy tổ hiền như Bụt, ngài thường gọi tôi bằng con và xưng ông, năm mới vào chùa, tôi lên tám tuổi, không ưa vẻ trang nghiêm cả lúc đi đứng nằm ngồi của Tổ. Ngoài giờ ngồi

thiền, làm vườn ra, ngài không rời chiếc võng day mắc cuối hàng hiên, chân đu đưa và lim dim đôi mắt, cười cười. Ánh mắt ấy nhìn tôi lúc nào cũng dịu dàng, song tôi vẫn ngai ngại và thường tìm đường lẩn tránh. Mùa mưa, cũng năm đó, tôi bị một trận ốm gần chết, ngài đội nón lá đi hái lá bưởi, đọt tre, trộn với gừng già giã nhỏ, đem nấu nước xông cho tôi. Một lần, tôi nôn thốc nôn tháo, nửa đêm ngài phải thay quần áo và dỗ tôi ăn cháo: «Không ăn, không ngủ... Chết mất, con ạ!» Qua khỏi cơn bệnh ngặt, lòng biết ơn của tôi mỗi lúc một lớn lao, bắt nguồn từ những chuyện tưởng chừng như nhỏ nhặt, thường tình ấy. Bài kệ, ngài cho riêng tôi, lúc ngài sắp mất, còn đó. Nhưng người viết ra nó nay đâu? Tôi nhớ mãi hình ảnh cây bút đang tung hoành bỗng khựng lại. Đứng im. Cả bàn tay cầm bút buông xuống nền gạch. Cứng đơ. Đôi mắt mở hững hờ, nhìn tôi, sâu thăm thẳm một màu đen tối, trừ cái khung cửa sổ thu nhỏ in trong đó, vẫn sáng. Mùi dưa hồng chín trong nhà khách, sức nức vị ngọt nấu. Tôi ngồi bệt xuống đất khóc nức nở, nắm thật chặt quả chuông nhỏ trong tay. Thường ngày, ngài hay dặn tôi: «Ông ngồi thiền lâu, dễ hôn trầm, con nhớ rung chuông đánh thức! Rung thật nhẹ nghe, nhẹ, mạnh, rồi thật mạnh. Ngưng chút! Nhẹ, rung, rung rung, rung nữa...» Sao lần đó tôi vừa khóc vừa cầm quả chuông lắc liên hồi, đập tán loạn vào khoảng không mà Tổ vẫn bất động. Tuyệt vọng sinh điên khùng. Tới nỗi, thầy tôi ngăn ngay lại, chỉ vào bài kệ, bảo: «Tổ đi rồi. Thôi! Nín!!!» Tôi ngồi im run rẩy. Nỗi sợ hãi cùng niềm thương tiếc dấy lên. Thôi mất rồi! Mất thật rồi! Không bao giờ nữa! Ai sẽ cầm tay tôi dạy viết? Từ nay tôi mất hết! Tại sao trong lúc đó tôi lại nghe thấy tiếng giảng bài của ngài? Tôi bàng hoàng vùng đứng dậy, lao ra ngoài. Chạy quanh bờ ao cho tới khi thấm mệt. Tôi không khóc được nữa. Lá sen cuối mùa hạ tàn, rách toét từng mảng, khô héo, khiến cho tôi nhớ lại câu nói của Tổ, vừa mới tuần trước ở nhà Vong: «Thoát vòng sống chết rồi đi về đâu? Nói ngay!» Sao thầy tôi chỉ biết cúi đầu, lay tạ rồi lui ra, trong im lặng?

Sau tang lễ, cảnh chùa vắng lạnh, mất một người mà như

mất hết tất cả. Hàng ngày tôi xuống bến sông hay lên đồi cỏ, thần thờ giống kẻ mất hồn, bỏ học đi lang thang. Ai khuyên bảo gì tôi cũng chẳng nghe. Lớn lên, tôi hiểu ra, ngày ấy tôi không chống ai cả. Tôi chỉ chống lại cái giả dối của chính cuộc sống. Nó không lâu bền. Thầy tổ của tôi đi tu từ trẻ tới già sao vẫn phải chết? Ai cũng phải chết hay sao? Tôi muốn sống dài lâu. Tôi muốn sống mãi mãi. Cứ như vậy, chìm đắm trong mê mộng và lầm lạc suốt hai năm, cho tới một hôm thầy tôi nghiêm mặt trước câu nói hỗn hào, tôi cãi lại thầy: «Bất cá kiểng ngoài sông hay trong bể non bộ thì cũng đâu có khác chi nhau? Không chết trước cũng chết sau... Trước sau gì cũng chết. Chẳng giết cũng chết!»

Những ý nghĩ trẻ con như thế, ngày nay, tôi thấy đang được bao người lớn đem ra làm tấm bình phong cho cuộc cách mạng vô sản: «Mỗi phút trên thế giới, không chiến tranh, cũng bao nhiêu người chết. Sự hy sinh to lớn cho công cuộc đấu tranh giai cấp, giải phóng dân tộc là cần thiết!»

Ngày ấy, thầy không mắng tôi mà chỉ nhẹ nhàng bảo «loài nào cũng biết đau đớn và sợ hãi!», thầy không đánh tôi, sao lòng tôi đau đớn như thể tôi tự đánh tôi, ruột gan thắt lại khi trông thấy thầy, người thương yêu tôi, vì tôi mà nhịn đói, ba ngày liền. Dầm mãi trong niềm ân hận, tính ngỗ nghịch cũng tan bớt đi, tôi không muốn mất thầy như mất Tổ nên đã quỳ trước mặt thầy, xin tạ lỗi. Ăn xong chén cháo hoa, tận tay tôi bưng từ nhà bếp lên, thầy xoa đầu tôi, nói: «Được! Nếu con muốn biết về bài kệ của Tổ, thầy sẽ nói sơ qua, người Tây Tạng theo Mật Tông, cũng tin rằng cái hồn con người ta không bao giờ chết. Nó như mặt trời lặn rồi mọc, trọn một vòng từ chết đi tới sống lại. Mật Tông là gì à? Từ từ, học rồi sẽ biết, bây giờ con còn nhỏ quá. Này nhé, khi mặt trời mọc hay lặn, không ai bảo là nó sống hay nó chết. Thương Tổ, con phải chăm học! Thông minh tức là «sáng ra sẽ thấy». Còn «cứ ngủ đi» không có nghĩa cứ ngu si, cứ dốt nát, mộng mè, mê trầm, mà là đừng hão huyền mong thấy mặt trời về đêm, hãy nhẫn nại chờ sáng. Ngài dạy con học chữ Hán để con mau hiểu nghĩa kinh. Càng thương

nhớ Tổ càng phải học giỏi! Có sáng dạ mới hiểu được lẽ Đạo. Đừng lêu lổng, tinh nghịch, chơi ác nữa!»

Nước mắt tôi ràn rụa nhưng lòng tôi lâng lâng, từ đó, tôi vâng lời thầy, xa dần mọi trò chơi hiểm. Bể càng châu chấu. Cấu đứt đuôi thần lẩn. Bắt đế cho uống rượu lễ ở nhà Vong, chúng say khướt, cắn nhau tới chết. Bỏ đom đóm vào các hũ chao không, đem đeo quanh mình, giả làm ma trôi đi từ bến sông lên Tâm Chung Các, dọa các khách thập phương đi lễ, nhà xa, ngủ lại chùa. Tôi còn lấy lá khô phủ kín lên mình, nằm im chờ ai đi tới trong vườn chuối, bất ngờ vùng dậy, hét thật to... như tiếng «sư tử hống» của nhà Phật, mà tôi nghe lỏm được trong một cuộc nói chuyện giữa Tổ với thầy. Chim đương bay phải rớt. Cá tôm cũng lặn chìm. «Phá hư trăm pháp, quý ma hàng phục». Nhưng chẳng có ai chịu «hàng phục» tôi cả. Sau khi sợ hãi hết hồn họ rửa xả tôi không tiếc lời. Mới vẽ vẽ dăm ba chữ Nho, «sinh sống, tử chết», nên Niết Bàn đối với tôi ngày ấy, chỉ là cái bàn thờ. Trong khung ảnh cũ, Tổ ngồi xếp chân bằng tròn, nhìn ra những chân nhang tàn cao thấp ở bình hương trước mặt, chỉ gây thêm mừng tượng trong tôi về một người được nhiều người tôn kính, thờ lạy. Rồi năm tháng qua đi, tuổi thơ của tôi không được sống «hồn nhiên» bắt cá, phá tổ chim như bao trẻ con khác, chẳng vì nhà chùa cấm đoán, mà chỉ vì một câu nói của thầy tôi: «loài nào cũng biết sợ hãi và đau đớn». Nào có gì khó hiểu đâu, trong kinh Hoa Nghiêm, «Nhất cú chi nội, bao thập giới dĩ vô biên. Nhất hào chi trung, trí trần sát nhi phi ải», một câu văn, một lời nói cũng chứa mười điều giới hạnh cho chí cả vô biên; một mảy lông tơ cũng chứa vô số cõi trần mà chẳng hề chật hẹp. Chỉ một câu nói của thầy tôi, cùng lúc, cứu được cả tôi lẫn những con ve sầu, cánh cam, chuồn chuồn, cá kiểng, chim khuyên... Tôi học dần được cách làm lành, tránh ác cho loài vật, có nghĩa là đối với loài người, càng phải nên trân trọng nghìn lần hơn thế.

Năm tôi mười ba tuổi, người thẳng tay vả vào mặt tôi một cái tát như trời giáng, lại là ông cụ Nậm. Tôi thấy quanh đầu mình, trong lúc tối tăm mặt mũi, những tia nhỏ và ngắn, sáng

như hào quang mà người ta gọi là nổ đom đóm mắt. Lòng oán hận dâng lên tới độ tôi chỉ thầm mong sao cho ông cụ chết sớm. Tôi hay ngồi khóc một mình ngoài hàng hiên, trên chiếc võng day của Tổ. Mặc tôi! Tôi bỏ học, kệ tôi! Ông có quyền gì mà đánh mắng? Những vết tay hằn trên má tan nhanh, nhưng cái tát ấy còn đọng mãi trong lòng tôi... Nó giúp cho tôi thức tỉnh, vượt qua được cái tính đa cảm quá độ, càng về sau này tôi càng hiểu ra, một con người Từ Bi cần phải có Trí và Dũng. Tình cảm ủy mỵ kéo dài chỉ đẩy tôi chúi xuống hố thẳm uơ hèn. Tôi nhận ra, ngày ấy, sau khi đánh tôi, ông cụ Nậm cũng ngồi khóc. Cái tát ấy đã góp phần làm cho tôi nên người, ở chỗ biết mình là ai, nên tuy chưa nhận «y bát» mà lòng tôi vẫn định ninh mình là một Tỳ Kheo. Tôi cảm thấy vừa xa lạ cuộc đời này, vừa thương yêu nó không vì sự sung sướng như lòng tôi mong ước. Nỗi đau khổ cùng tận mà nó đem đến cho con người thật tàn bạo nhưng cũng chính từ đó mà con người chứng tỏ mình khác xa mọi loài. Cao hơn, tựa hồ gần gũi tanh mà hoa sen vẫn thơm ngát, khép kín vòng «nhân hạt nọ hoa gương quả», nhân sinh, quả tử không ngừng...

Ông cụ Nậm đã vô tình kéo tôi về cuộc sống thực tại, điều mà thiền luôn luôn nhắc nhở, hãy sống với «đương hạ nhất niệm», sống thật với lòng mình ngay lúc chín mươi Ksana, sát-na, trong một Niệm đang dấy lên. Niệm, Sati, hay Snoti hoặc Smrti, một ý nghĩ nhớ tưởng vừa thoáng hiện trong tâm, như lòng tưởng nhớ công ơn cha mẹ, nhớ người dạy mình học buổi đầu đời, nhớ chính mình có lúc ăn ở bạc ác... Cũng là điều mà ngài Huệ Năng từng nói thẳng ra: «Nếu ngay nơi một Niệm mà ông biết là trái, thì...»

Như lời thầy tôi từng dạy:

- ... Làm lành bắt đầu từ đâu và làm như thế nào? Mỗi người phải lo «thoát vòng sinh tử» của tâm-ý-ác, có nghĩa là không cho những ý nghĩ, lời nói và việc làm ác được sinh ra rồi chết đi rồi lại sinh ra trong tâm mình. Thân lăn trôi vì tâm lăn trôi, trầm luân, chìm đắm trong vòng ác-nghiệp. Phải một lần dứt khoát trong đời này. Không thể ăn ở ác xong lại hối hận, chừa

bỏ, rồi lại chứng nào tật đó vì ngựa quen đường cũ. Sai rồi sửa, sửa ít nên càng sai nhiều hơn. Con đường hủy diệt sự sống yên vui bắt nguồn từ ác ý sát tử, sinh ra việc người-giết-người. Như tám thảm kịch Việt Nam, không trì giới hạnh sát sinh mà ra, lại còn tận dụng trí khôn trong việc sát sinh, nên dân tộc mình ngày một lâm than quá đỗi! Hãy nhìn cho kỹ, sát sinh bởi sát ý, lăm trờ ác-tâm, nhiều cách giết hại. Nhà Phật chỉ mới tạm đơn cử: Chính mình giết mình. Bảo, bắt, ra lệnh cho người ta giết người. Dùng phương tiện, trói buộc, hoặc chỉ cách giết, chỉ đường dẫn lối cho người ta giết người. Tán thán, hoan hô, ca tụng sự giết. Người ta chẳng muốn giết mà mình khen là nên giết. Người ta đang buồn chán mà mình lại khen sự hủy mạng, khiến người ta bị giết hoặc tự vận. Thấy người làm việc ác-sát mà lòng mình vui. Dùng bùa chú, lời đường mật, dèm pha, nói xấu để người giết người. Mình là duyên có chính trong vụ giết người, do ngu dốt, lăm lặc và che đậy. Dính dáng tới cái chết của người, sát-duyên, vì mình mà người bị giết. Dùng các phương pháp mà giết, đánh, chém, thuốc độc, sát-pháp. Quen tay mà giết, sát-nghiệp. Quen miệng thốt lời vu khống cũng là ác-sát-nhân-cách...

Giờ thì tôi hiểu vì sao thầy tôi cung kính hạnh trì-giới! Nhà tu hành thọ cụ-túc-giới, dù tỳ-kheo hay tỳ-kheo-ni sẽ bị đuổi ra khỏi giáo hội Samgha, tăng-già-lam, hay Tăng chúng Hòa hội, nếu bị khép vào tội đại-sát-giới nếu chính tay giết, đưa dao cho kẻ khác giết, xúi người ta bằng tiếng kêu thảm thiết hay lời đường mật để họ giết nhau hoặc tự sát. Đối với một nhà sư, coi chuyện người nọ giết người kia là thường tình hoặc cố tình dửng dưng bằng cách vin vào nghiệp của các nạn nhân, cũng là toa rập với việc sát-sinh. Thầy tôi cũng thường nhắc lại: «Không có đức Phật nào, không có đấng thần linh tối cao nào đẩy dân tộc Việt Nam vào cuộc nhân sinh buồn thảm, đau thương, chẳng qua chỉ vì con người đã thiếu cái tâm-bình-đẳng với nhau, mà ra...»

Hai ngàn năm trăm năm trước, đức Phật đã làm ngược lại những gì mà xã hội, đương thời ngài và hiện thời nay, người ta

ra sức củng cố. Thử kể và so sánh trước với sau xem sao:

Giai cấp thứ nhất, Brahmana, bà-la-môn, dòng thầy tu là dòng Thánh, nay giáo hội Đảng đoàn, thứ tôn giáo mới, các đảng đoàn viên đều thuộc «hàng giáo phẩm» lớn nhỏ. Giai cấp thứ hai, Kshatriya, sát-đế-ly, dòng nhà vua, nhà quan, nhà tướng, nay là cầm quyền, nhà nước. Giai cấp thứ ba, Vaisya, phệ-xá, dòng thương mại trưởng giả, giới quốc doanh, tư thương, tài phiệt, tư bản, con buôn thời này. Giai cấp thứ tư, Sũdra, thú-đà-la, dòng cư sĩ, làm ruộng, tức nông dân, phu phen, thợ thuyền, kẻ sĩ, văn nghệ sĩ, thầy cô giáo ngày nay. Giai cấp thứ năm, Candala, chiêm-đà-la, giai cấp cùng khổ, mặt chùng, mặt hạng, sống không nghề nghiệp, nhà cửa, trẻ thơ và những người già cả không chốn nương thân. Giai cấp thứ sáu, Pariash, ba-ly-a, hạng nô lệ, hạ tiện. Nay là các cô gái nghèo, sống nuôi thân bằng cách bán hoặc cho thuê thân thể, làm nạng hầu, vợ lẽ, người ở không công, hoặc bọn đầu trộm đuôi cướp do đói ăn vụng, túng làm cần... Nên nhớ: Giai cấp thứ nhất ngàn đời cao sang, giai cấp cuối cùng chịu mãi thấp hèn! Nhưng cửa nhà Phật mở rộng, cách nay hăm năm thế kỷ, bởi tấm lòng vô phân biệt, đón nhận tất cả, như nhau, rõ ràng ánh sáng đến từ phương Đông: «Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành!» Phật chỉ có nghĩa là nguồn Ánh Sáng và lòng Yêu Thương!

Ánh sáng ấy soi vào lòng tôi rồi tôi tự soi vào chính đời mình cùng cuộc sống chung quanh. Loé lên, hiện ra bao ý nghĩ khi tôi giết một con kiến, sẽ không phải chỉ là giết một con kiến, mà phải nói cho đúng, chính là đã giết một sự sống. Năm mười bốn tuổi, một hôm tôi theo các bạn cùng lứa sang xóm Đàm Sen chơi, cho tới khi chiều xuống, dấy lên những tiếng động cuối ngày, gà vịt xáo xác và lạch bạch lên chuồng. Lục lạch vang rền ngoài ngõ tre nhà dì Hai Xuân. Trâu bò rời cánh đồng Bàu Nai, nhấc chân lên khỏi những vũng lầy đường làng, kêu òm ọp. Gió rười rượi thổi, tấm sáo ngoài hàng hiên lay nhẹ, lách cách những âm vui. Tôi cũng đang vui. Phá trước được thế pháo đầu xuất tướng xe đâm thọc trên bàn cờ giữa tôi và Bảnh, con của dì Hai Xuân. Bỗng chúng tôi cùng nghe bên

hàng xóm, tiếng thím Chín kêu trời: «Cả tuần nay bỏ ăn, chết mất thôi, trước đâu có vậy. Lúa này mới mua về con nào con nấy, mập ú, trắng hồng. Giờ ngó ồm tong ồm teo! Chết mất!». Ván cò tàn, tôi có ý nhường cho đối thủ thắng nên mới được ra về sớm hơn mọi khi. Bảnh đưa cho tôi bao diêm và ngọn đèn bão, nói: «Quẹt đây! Chú mời lửa, tui chèo xuồng đưa chú về bên chùa...» Que diêm tàn trên tay tôi tắt như buổi chiều ngoài kia. Nhà cỏ tranh ba gian hai chái, ngoài ánh lửa mới thấp, tối dần trong yên tĩnh. Chái nhà phía tây, bên rạch nước chảy quanh chợ Chồm Hổm, lúc tôi đi ngang qua, nghe tiếng thú rên rĩ, tôi ngó vào, soi đèn thấy một con heo bị trói, miệng nhét nùi rơm lớn. Bảnh bảo: «Mời, ba tui mần thịt sớm, ổng đổi nghề, nghỉ kéo xe lỏi!».

Về chùa, tôi kể lại chuyện này, nghe xong thầy chỉ lắc đầu im lặng. Hồi đó, ông cụ Nậm mới khoảng năm chục, tính nóng nảy, la lên: «Loài vật lạ lắm, có người làm nghề thịt chó, đi đến đâu cũng bị chó sủa. Lúc cưới vợ ở tỉnh khác, sức nước hoa đầy quần áo mới, chó ở xóm nhà cô dâu vẫn bu vào sủa. Hai người phù rể đi bên, cũng lạ mặt, sao chúng không cắn? Chắc vì họ nhẹ nghiệp, nên chọn được việc lành!» Tâm Đối năm ấy mười bảy tuổi, mới vào chùa, ít nói, chỉ đứng im nghe rồi cười. Tôi cũng đứng im nghe, nhưng sợ toát mồ hôi, có lẽ vạn vật chi linh thật đấy, rồi tự nhủ lòng mình bắt đầu từ hôm nay sẽ phải giữ giới...

Năm tôi mười bảy tuổi, nhân ngày vía Phật, đêm rằm tháng Giêng, thầy cho cho chúng tôi trải chiếu ngoài sân ngồi ngắm trăng và luận về lẽ đạo viên mãn, tròn đầy. Tôi còn nhớ như in vào dạ, từng lời thầy nói, phơi phới một tấm lòng nhật nguyệt: «...Trong các con chỉ có Quán Chỉ từng là khu-ô-sa-di, ở lứa tuổi từ lên bảy tới mười hai. Hà! Quán Chỉ vào chùa năm lên tám, nhưng đi tu như học thi, không phải sống lâu lên lão làng được. Khu-ô-sa-di? Đuổi chim quạ, nói chung là canh chừng không cho chim chóc tới phá phách lúa nhà chùa chưa kịp gặt hoặc đang phơi trong sân. Giữ gìn cả cây trái trong vườn chùa.

Nhưng năm mười một tuổi, Quán Chỉ đã đuổi chim bằng

cách bầy chim. Còn lại, các con toàn là ứng-pháp-sa-di, tuổi từ mười ba tới mười chín. Thầy mong các con, mỗi người sẽ vượt qua được năm mươi chín để tới năm hai mươi, thọ cụ túc giới làm một sa-môn tức tỳ-kheo. Như ai cũng biết, hai trăm năm mươi điều giữ thân, nuôi tâm trong cụ túc giới của hàng tỳ-kheo, khá nặng nề. Cụ-túc có nghĩa là tròn trịa, đầy đủ, viên mãn hết thảy. Giới là hạnh phải chăm vun xới. Tỳ-kheo-ni, những ba trăm bốn mươi tám điều phải giữ, khó khăn hơn nhiều. Trong hai trăm năm chục giới hạnh, bố thí là quan trọng nhất. Hàng chục cách bố thí khác nhau. Chỉ riêng cung kính thí đã có ba điều: Tài-vật-thí, cung-kính-thí và pháp-thí. Thầy chỉ mới làm được chút ít cho điều một và ba. Riêng điều hai, cung kính thí, có thời gian dài thầy đã sai lầm quá đổi, chưa cung kính lại thật xứng đáng, với những người đã cung kính mình. Cung kính Phật không khó bằng cung kính chúng sinh. Bởi tâm thầy còn chia biệt Phật khác chúng sinh. Dâng hoa cúng Phật, nhưng thầy chưa bao giờ tặng hoa cho chúng sinh. Lại nói về tam chủng cúng dường: Lợi, Kính và Hạnh. Thứ nhất, lợi-cúng-dường, mang cho hoa quả, thức ăn. Kính-cúng-dường, tán thán, cung kính những người tốt. Hạnh (phúc) cúng dường là đón và giữ lấy Diệu Pháp, giữ lấy Luật mà tu hành. Ngày trước, thầy còn phạm vào giới thứ ba của cung kính cúng dường là không được láo xược và giới thứ tám không được ngồi ghế cao, điều cấm hàng sa-di, chú tiểu, nhà tu hành dưới hai mươi tuổi. Nhà tu cùng lúc phải lo tươm tất cả ba: Giới, định, huệ! Giới không trọn vẹn, tức là què quặt tâm hồn, còn «định» gì nổi mà mong được hoa «huệ» ngát hương thơm! Con đường tu tâm sửa tính đã rõ, một ông Tăng, samgha, tức Tăng-già, chỉ là nhà sư đã thọ cụ túc giới và giữ gìn được tịnh hạnh, hạnh thanh thản, bình yên. Sau này may ra được thành một trong ba ngôi cao quý, Tam Bảo, Phật, pháp, tăng. Thật ra, dùng chữ «cần phải có» đúng hơn chữ «cao quý». Nếu một người nào đó ở ngoài đời, thay vì gặp được một vị tăng-già, họ lại chạm trán phải một ông tăng giả, đạo Phật sẽ bị nhìn dưới khía cạnh lệch lạc ngay. Dẫu Phật tính trong họ, sau trước, vẫn nguyên vẹn

khối ngọc sáng... Hường lên Phật, nhìn vào Pháp để biết cúi đầu xuống, mới thành ra ông Tăng, chứ không phải hể khoác áo làm Tăng, giảng Pháp rồi có ngày thành Phật. Nhớ đấy! Cách trước là Đại Thiện Tâm. Cách sau là Đại Ác Tâm. Thoát hay không thoát vòng sinh tử là ở chỗ này...»

Cho tới năm mười tám tuổi, tôi mới hiểu được thế nào là thoát vòng sinh tử, trước đó tôi cứ mơ hồ giữa đúng với sai. Con người, sinh ra hay chết đi, tự nhiên như gió biết bay, hà cớ gì lại phải thao thức tự hỏi thoát hay không thoát? Giờ đây, tôi biết lựa chọn chỗ đứng, hoặc trong guồng máy Đại Ác Tâm, hay cùng mọi người làm cho guồng máy ấy trở nên Đại Thiện Tâm, đấy cũng là lẽ thoát vòng sinh tử. Đành rằng cái gì đã sinh ra ắt có lúc nó chết đi. Nhưng con người cần phải được «đi» khỏi cuộc đời tạm bợ này, tự nhiên, như lúc nó «đến» nhờ hiểu thấu lẽ Đạo Như Lai, chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu. Chỉ có Tâm Phật, tự-tính-thường-trụ, vẫn còn sáng mãi trong Lòng Người Tử Tế đang sống tại đây, ngay lúc này, âm thầm làm bao nhiêu điều nhân nghĩa.

Như chuyện thiền sư Hám Sơn xưa, mười hai tuổi đã xin cha mẹ cho được rời nhà, gian khổ đi tìm thầy học đạo. Ba mươi hai năm sau, lúc ngài trở về thăm lại chốn cũ thời thơ ấu, năm 1589, ngài kể, qua bản dịch sang tiếng Việt của Như Hạnh: «Sáng hôm sau, tôi đi thăm mộ tổ tiên và tỏ lòng tôn kính. Tôi cũng chọn nơi làm kim-tĩnh cho song thân. Lúc ấy, cha tôi đã tám mươi tuổi. Tôi nói đùa với ông - Hôm nay con chôn cha, như vậy giúp cha khỏi trở lại thế gian này - Vừa nói tôi vừa chống cuốc xuống đất. Mẹ tôi lập tức giựt cuốc khỏi tay tôi và nói - Để ta tự đào mồ lấy. Không cần ai lo cho ta cả - Rồi bà bắt đầu đào đất một cách vui vẻ.»...

Dường như tôi đã sớm nhận ra, con người ngày xưa, hôm nay và mai sau, tâm cảnh mãi mãi một «thế», chẳng đổi dời, vẫn cứ nguyên vẹn tình thương yêu hoặc lòng thù ghét, thanh tịnh hay ồn ào... Nhưng cho tới giờ này, tôi vẫn chưa rõ vì sao trong đầu một đứa trẻ nông nổi như tôi, năm mười bốn tuổi đã mang máng như nghe ở đâu đó rồi, bài kệ mà Tổ viết lúc lâm

chung và thời gian thì xa xôi lắm. Lần đầu, khi đọc Niết Bàn Kinh, tới câu «Kẻ sĩ kia! Nửa bài kệ ấy vốn của Ly bố Úy giả, người nghe được ở xứ nào vậy?», tôi bàng hoàng quá! Ly bố Úy giả? Bậc thầy khỏi mọi sự sợ sệt, khi tài năng tức trí huệ và đạo đức tức bố thí đầy đủ, lòng chẳng còn sợ ai, chẳng biết sợ gì, như thầy Tổ của tôi, chết cũng không sợ. Khác với thói không sợ của tôi, thường chỉ là liều mạng, bất cần đời, đôi khi đồng nghĩa với tán tâm và phá giới, hỗn loạn cùng vô kỷ luật... Vô kỷ luật nên không làm điều cần phải làm, chỉ thích làm những điều ưa chuộng... Thực lòng tôi, mỗi khi gặp cô Nụ, lại sờ sợ.

Trong khi tôi cũng không sợ chết như bà mẹ ngài Hám Sơn và thầy Tổ của tôi, hai người sống xa nhau cả về không gian lẫn thời gian, song hai tấm lòng vẫn chỉ là một, coi cái chết nhẹ như không, chẳng sợ mà cũng chẳng không sợ. Cố tránh cái việc không ai tránh nổi, chết, hiển nhiên là tự hành hạ, chuốc lấy nỗi khổ vào mình, chẳng thể gọi đấy là điều thiện bởi chính mình đã xử ác ngay cả với mình. Song lại rất sợ cái chết của mình, làm phiền lòng bao người khác. Cái chết của tôi, một nhà tu, có nghĩa là rũ áo ra đời, uống công thầy nuôi dạy bao ngày...

Thoáng cái, mười chín năm ở chùa, mà chỉ được bảy mùa cát hạ an cư của tôi, bảy tuổi tu hành tính từ năm hai mươi, tuổi được phép thọ giới Bhiksu, tỳ-kheo, người Ăn Mày Cửa Phật, xin ăn để nuôi thân-mệnh, xin pháp để nuôi huệ-mạng. Thầy tôi không tính tuổi tu cho người học trò nào từ mười chín trở xuống, chỉ coi đó như chặng đường thử thách. Nhưng tất cả chúng tôi, những người học trò của thầy, đều không được thọ giới vào năm hai mươi. Suốt bảy năm qua, dần dà, nhà chùa mới gỡ được bao mối khó khăn do nhà cầm quyền gây nên.

Mãi tới năm nay, tôi hai mươi bảy tuổi, anh em chúng tôi mới được sửa soạn cùng thọ cụ túc giới vào đêm rằm tháng Tám với tám giấy phép «xin hợp mặt làm lễ giỗ Tổ». Một tuần trước hôm nhận «hứa giữ hai trăm năm chục giới hạnh», thầy còn hỏi tôi: «Nếu con muốn ra đời, thầy sẽ chu cấp tiền ăn học.

Đừng quên xuất gia có bốn loại: Thân tâm đều xuất gia. Thân tại gia, tâm xuất gia. Thân xuất gia, tâm không xuất gia. Thân tâm đều chẳng xuất gia. Tùy con! Được cái thứ hai cũng tốt. Hơn là loại thứ ba, vào chùa mà lòng còn tục lụy. Mặc áo tu không khó bằng làm một nhà tu. Bốn tội nặng nhất của một Tỳ Kheo, nếu phạm dâm, đạo, sát, vọng. Vọng, musâ, có nghĩa là giả dối, láo xược, bậy bạ. Đây, như vọng ngữ, musâvâdo, có nói không, không nói có, bịa đặt trở thành nghệ thuật tuyên truyền trong chính trị, quảng cáo trong thương mại. Khen mình, chê người cũng là vọng ngữ, nghe theo những lời ton hót, đường mật cũng vậy! Nhưng rồi tất cả đều nằm trong bát cộng trụ pháp, hay ba-la-di, Parajika. Khi chưa phạm các tội trên, nhà tu đứng cao hơn ma quỷ. Tới hồi phạm rồi, ma quỷ lại hơn! Hãy suy nghĩ cho chín, một lần chót, trước khi định dốc cả đời mình vào việc lớn lao này!»

Ngay lúc chập tối, trăng vừa mới mọc, thầy chúng tôi đã lên khóa lễ giảng, mang tên Đêm Cúi Đầu, cúi đầu xuống làm nhà sư, chúng tôi có cả một đêm dài thức trắng để chọn lấy con đường mình đi. Đêm của Hoa Sen và Trầm Hương, đêm của niềm vui mừng lẫn mối lo lắng. Sợ bất ngờ có người lạ từ xóm Đàm Sen hay Bàu Nai sang bên chùa, tôi đã nhờ ông cụ Nậm xuống bến sông gác người lạ mặt. Thầy trò chúng tôi ngồi dưới bếp chùa, mỗi người một chén cháo trước mặt, dù chẳng ai quen ăn đêm. Chén cháo thay cho «bát» và một tàu lá chuối tươi, trên đặt bông sen trắng, thế cho «y». Nơi chốn trang nghiêm ấy, Thường Chuyển vẫn đùa, nói khě với tôi «lại Trần Minh khó chuối», may mà thầy không nghe thấy, ngài đi thẳng vào đề ngay:

- Sau thời Lục tổ Huệ Năng, các thiền sư chỉ ấn chứng cho môn đệ, không truyền tâm ấn, cũng chẳng trao y bát. Riêng thầy, cũng không ấn chứng cho người nào, đâu có nghĩa là chùa mình, hoặc giòng Thiền Việt chùa Hoa, phái Rừng Trúc, thiếu người xứng đáng. Bởi chính thầy vẫn còn là người đang tu và tập. Nhưng y bát như đôi lời nhắc nhở chúng ta về miếng cơm manh áo mười phương nuôi chúng ta làm người tu học.

Mặt khác, nếu chúng ta chưa giúp được Đời no ấm thời cũng không để vì chúng ta mà con người sinh ra ngờ vực lẽ Đạo. Muốn thế nên giữ giới, đúng hơn nữa, bắt buộc! Người đi lễ chùa cung kính gọi nhà tu hành là thầy và xưng con, vì tấm áo tu hành hay vì người mặc áo chân tu, hành thiện?

Giới hạnh, tùy lòng mình mà lựa, song phải giữ! Thông qua việc giữ giới, người ta nhìn ra ngay, không những trình độ trí huệ cỡ nào của một vị Tăng, mà còn biết rõ giả hay thật. Ngày xưa ở Tàu, tại các Phủ, đều có một cơ sở do chính các nhà sư đảm nhiệm, gọi là Tăng Chánh Ty, cùng với Tăng Cương Ty do quan chức triều đình trông nom. Nay, rất nguy, không có cách gì mời một vị «tăng giả» ra khỏi hội Tăng Già. Ngay chữ tăng-già đã có nghĩa là hội các «tỳ kheo hiệp nhất». Tỳ Kheo, thầy nhắc lại, chính là (ramana) sa-môn, người tu giữ đạo Thanh Tịnh, nghĩa là nhà Du Hóa hay Khất Sĩ, trước hết là «ăn mày công đức của Phật», ăn mày Lễ Đạo để nuôi tâm, nối liền công đức thành tựu của đức Phật với tâm mình. Cạnh đó, ăn mày thập phương để nuôi thân, vì một Tỳ Kheo, nhà du hóa, không được giữ của cải riêng, đi khắp nơi để chuyển hóa, trong dân gian, đổi ác ra lành. Trong mười hai điều kiện để được nhận làm Tỳ Kheo, có điều thứ mười, khá quan trọng: «Chẳng phải giả danh tu!». Các điều kiện đó được giám định bởi ban Thất Chứng, gồm bảy vị tỳ-kheo thị kiến trong trường Hương, mùa Nhập Hạ. Các tỳ-kheo phải Hòa Kính, hòa thuận và kính trọng lẫn nhau, qua «giới, kiến, hành, thân, khẩu, ý» trên con đường sáng Như Lai.

Sao gọi là Như Lai à? Tathâgatha, nương theo cái thật của Chân Như mà đến, đến với tấm lòng Kim Cương: Đức Phật «vốn không do đâu mà lại, cũng không đi về đâu», khi người ta hiểu ra đức Phật, là đức độ của Cõi Trong Sáng, là Tâm Thức Trần Đầy Ánh Sáng Thanh Tịnh, không ở thể mà ở tính. Tính Phật, sáng suốt, vô nhiễm như hoa sen lại từ thể, chúng sinh, bùn lầy mà ra. Thể chúng sinh mang chất thường chuyển nên tính, vốn từ thể mà ra, cũng chẳng đứng y một chỗ do đó có mà không, không mà có: Tính Không. Vì thế nhà Phật mới bảo

Như Lai là Niết Bàn, Niết Bàn là Chúng Sinh. Tính Không, tâm cảnh Phật, thường chuyển qua vô lượng kiếp. Mỗi vô lượng kiếp gồm - một cộng với hăm chín số không - kiếp. Nhưng Tính Như Lai tức Phật Tính lại bất biến, thường trụ, nên gọi là Thực Tướng.

Như Lai còn là Đại Không, bao trùm cả Mười Phương và Tam Thế, quá khứ, hiện tại, vị lai, giữa thế nọ với thế kia, dù chỉ cách nhau một Sát Na cho tới Vô Lượng. Chính lời Phật dạy ông Subhūti, tu-bồ-đề, Thiện Hiện hay Sự Lành Tỏ Rõ, trong Kim Cương Chân Kinh: «Chớ thấy thân tướng của ta, chớ thấy ba mươi hai tướng chánh với tám mươi tướng phụ của ta mà cho đó là Như Lai.» Rõ ràng Như Lai không phải là Thân Tướng. Như Lai là thức ở trong đầu óc Trí huệ Bát nhã, ở trong Tâm Phật, Tính Phật nơi mỗi người. Như Lai không phải là con người. Bởi lẽ có thân tướng, nhục thân, tức có hư vọng, có giả hiệp, có tan rã. Thấy tất cả một trăm mười hai tướng là không-phải-tướng, tức thấy Như Lai, vậy!

Tự Tính, nay đang tu ở một ngôi chùa nhỏ trên Đà Lạt, tối hôm đó đã hỏi:

- Xin thầy dạy thêm về giả- hiệp... Những gì là giả- hiệp?

Thầy trả lời ngay:

- Skandas, giả- hiệp là tích chứa, tụ lại tạm thời cũng do ngũ-uẩn, chứa năm món sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Chính vì tạm thời, thường chuyển, nên vạn pháp quy Không. Có đây, mất đó. Pháp, dharma, đạt-ma, ý chỉ đạo lý nhà Phật, cũng còn có nghĩa là: bất cứ vật chi, nhỏ hay lớn, hữu hay vô hình, tốt hoặc xấu, hữu vi Có hoặc vô vi Không, chân thật hay hư vọng đều có thể gọi chung là pháp. Trong khi sắc của ngũ-uẩn chỉ là chất, như sắc-ái, lòng yêu mến, bị lụy vật chất, nam nữ...: Sắc đi với dục, sắc-dục, lòng yêu thích và sự ham muốn. Do hình tướng, màu mè, mùi vị của vật chất cụ thể, người ta thấy được sắc, cái chất của sự vật. Nhưng chất ấy không phải là chân-chất. Bông hoa thơm vì mới nở, hơi hám khi tàn úa, nát mủn. Thơm và hôi, tươi và héo, nào phải chân-chất của hoa? Sắc, chất, tự nó, là không, không thường trụ, vô thường. Chỉ nhờ tùy

duyên mà sinh hay tử. Cho nên *sắc tức thị không, không tức thị sắc*, như Tâm Kinh đã viết. Vẻ đẹp của cô gái hoa khôi hôm nay hờm sẵn hình ảnh một bà già xấu xí và nắm xương tàn ngày mai. Trong hàm răng nhe của chiếc đầu lâu hôm nay, có nụ cười ngày trước của cô hoa khôi. Chỉ có Tính Không là tính Như Lai, vốn bất biến, thường có tại tâm. Còn tất cả đều thường chuyển. Đức Như Lai, không phải là chỉ là hình ảnh một nhà đạo đức lớn lao, một nhà hiền triết uyên bác, mà còn là cái Đức độ Như lai, cái ý lành trong sự sáng suốt không dời đổi. Ôi, sáng suốt ở chỗ thấy rõ thực tướng của tam giới dục, sắc, vô sắc, tự nó không sinh, không tử, không mất, không còn, không thật, không giả, không như thế này, không như thế kia. Vậy nó là gì? Nó là tất cả, như trời nóng nước bốc hơi, gặp lạnh thành mưa, mưa xuống ra nước, nước đông lại, hay tan ra, rồi lại bốc hơi. Nước lụt giết người, nước nuôi cây lúa lại cứu người. Con người chờ trông *lạy trời mưa xuống, lấy nước tôi uống* hay sẽ chết đói vì nước? Thể của nước vốn thay đổi, thường chuyển, nhưng tính của nước chẳng đổi dời, mà dụng của nước lại tùy thuộc người. Đổi dời cũng là tính của Nhân Quả. Nhân sinh ra quả, quả lại chứa nhân. Nhân lành, đời thịnh trị, no ấm, vui tươi. Nhân dữ, người làm cai ngục hành hạ, dọa dẫm bao người khác. Cái nhân tâm-sát, bạo-lực, khiến đời nhật dần đức hiếu sinh, quần nhau nát bấy trong một địa ngục có thật. Kim kẹp thân. Bưng bít khẩu. Rình mò, theo dõi ý. Trong tâm cảnh cuồng nhiệt chấp úy, lòng người vô cùng sợ hãi. Quỷ thần đâu chưa thấy, chỉ thấy người sợ người. Đạo Phật, như nước, khi dùng tưới hoa, khi uống vào mát ruột. Tự giác là uống, giác tha là tưới. Khi thì vang lên lời khẩn nguyện, xin chư Phật phù hộ, độ trì, khi lại học tính không sợ, vô úy, vững vàng không sợ những con sâu đang tàn phá mùa hoa. Cũng không chú ý đầu vào việc giết sạch các loài sâu bọ, cũng như không giết nhả các loài chim chỉ vì chúng tàn phá mùa nhả trong vườn. Hãy kiếm chiếc lồng bao quanh chùm nhả, thành ra nhả-lồng, ánh sáng mặt trời vẫn nuôi quả chín, nuôi người, mà chim chóc vẫn cùng sống.

Vào phút chót, sau bài giảng, bất ngờ thầy chúng tôi bảo: «Ngày mai e khó khăn! Ngay bây giờ, các con về phòng nghỉ và nghỉ!». Chúng tôi chỉ được ba tiếng đồng hồ, sau đó lại cùng xuống đây, nơi bếp chùa, cội hương-trù của ông cụ Nậm. Tìm đâu ra các vị tỳ-kheo làm Thất Chứng lúc này? Thầy đã dặn dò chu đáo: «Tám hình của Tổ tạm thay cho bảy vị thị-kiến. Nhờ cụ Nậm làm người đại diện thập phương thì việc mới xong, khi thầy rung tới hồi chuông thứ ba, ai cảm thấy chưa gấp gấp muốn nhận y bát lần này, hãy vui vẻ ở lại trong phòng, chờ một dịp sáng sủa hơn! Ai coi lời thầy nói tối nay như chính mình nói, vào lúc nửa đêm sẽ là một tăng-già, ông Tăng, «samgha». Lẽ ra, làm ông Tăng, các con phải được mặc tăng-già-lê-y, Samghati, hay tăng-già-lê, áo tràng gồm chín, mười lăm hoặc hăm năm miếng vải đắp vào, trong bộ Tam Y, Kasaya, hay kâsâva, cà-sa, có nghĩa là hoại sắc, bất chánh sắc, phá hủy mọi màu mè sắc sỡ, diêm dúa. Hai thứ kia là Uttârâ-Samgha, uất-đa-la-tăng, áo giữa, thất điều, ghép bảy miếng vải và Antarvâsaka, an-đà-hội, áo trong, áo lót, năm miếng vải... Nhưng, như thời ngũ Tổ Thiền truyền y bát cho lục Tổ, chúng ta cũng phải làm kín đáo trong đêm, đành tùy duyên mà chuyển hóa... Bát, patra, trong y bát là gì à? Thôi, khuya lắm rồi! Ai cũng phải cần nghỉ ngơi và suy nghĩ cho chín...» Chúng tôi lặng lẽ đứng dậy, lần lượt cúi đầu lạy tạ thầy. Xá lại nhau, từng người một, thầy cũng hết sức vui vẻ. Song, thật bất ngờ, thầy tôi bảo:

- Cứ theo lệ xưa, áo thì được chọn cho vừa người, thầy sẽ tìm cách may cho các con sau. Giờ đừng coi thường tàu lá chuối, chưa chắc nhục thân ta đã giúp ích được cho đời như nó, khô hay tươi đều có cái dụng riêng, vô cùng công ích. Còn bát, hể nhà chùa đưa ai cái nào, người ấy nhận lấy cái đó, sáng mai ăn cháo xong, mỗi người nhớ giữ giữ lấy phần bát của riêng của mình!.... Đừng quên nghĩ thêm câu thứ tư, nối vào bài kệ của Tổ, thí dụ:

Hỏi Đáp

«Mặt trời chiều lặn sau vườn chuối.

*Người hỏi ta, đêm mất hay còn?
Cứ ngủ đi, sáng ra sẽ thấy...»
Ngọn cau chùa treo chiếc mâm son!...*

Chỉ còn mình tôi ngồi nán lại nơi bếp chùa, chờ ông cụ Nậm, cũng vừa từ bến sông đi lên, thả dõc, tôi rót tách trà và nói:

- Mời cụ, chắc không có gì lạ xảy ra chứ?

Ông cụ Nậm, chẳng nhâm nhi, uống một hơi cạn sạch, không nói năng chi cả, điều mà tôi chưa từng thấy ông cụ làm như thế bao giờ. Tôi yên lặng nhìn tàu chuối trên bàn trước mặt mình, ánh trăng chiếu qua song cửa nhuộm vàng màu lá lục ngả sang biếc trầm.

Bông sen trắng trên đó như đang nở dần, các cánh phía ngoài lớn mãi ra, mùi hương trong bếp chùa mỗi lúc một thơm tho, ngọt mát.

Lát sau, rất nhanh, ông cụ Nậm trao cho tôi mảnh giấy của cô Nụ, tôi đọc lướt mấy hàng chữ. Trong đó, điều tôi thấp thỏm trông chờ, ngỡ ngợ, từ lâu đã đến, «... thầy phải trốn đi, ngay bây giờ, thầy làm thơ gì mà sáng sớm mai người ta sẽ sang bắt đấy, chuyện dài lắm... giờ thầy phải xuống bến sông chỗ dưới gốc cây bạch mai...». Lúc tôi ngẩng đầu lên, ông cụ Nậm lại hỏi trước:

- Thầy tính sao, cô Nụ nói cho tôi nghe hết rồi, cô ấy sẽ chèo đò đưa thầy đi trốn, đi đâu thì tôi không biết. Có phải là thầy đã gửi mấy tập thơ ra nước ngoài cho sư bà An Nhiên rồi phải không? Ni cô Chí Hải là người của họ mà thầy dám giao thứ quốc cấm ấy à?

Tôi lại cúi đầu, cũng chẳng nói gì cả, rồi chỉ gặt đầu, đưa lá thư cho ông cụ, ra dấu bỏ vào bếp lửa. Nhìn tờ giấy cháy hết xong, ông cụ Nậm giục tôi:

- Thầy về ngay phòng, lấy hai bộ quần áo, có bao nhiêu thơ phú gom lại, mang đi cho bằng hết, sáng mai tất họ khám chùa. Mọi việc tôi sẽ bạch lại với sư cụ sau, nhanh lên, không cô ấy chờ lâu quá...

Ông cụ buồn bã giúi vào tay tôi một ít tiền và còn dặn với theo, nói vừa đủ nghe:

- Nếu bị bắt, thầy cứ khai là thơ của tôi nghe không, nhanh lên!

Đêm, tôi cúi đầu, chân bước lên những mảnh vàng ánh trắng dát trong sân. Tôi, cúi đầu, đêm, chân trên lối về phòng riêng, lòng chưa biết về đâu, chung với cô Nụ...

Khi ngồi trên đò, gió sông hất lên mát rười rượi, đầu óc tôi đánh lại, cô đọng tới độ tôi có cảm giác như nó là một khối thủy tinh trong suốt, được in hình bông sen trắng trên tàu lá chuối xanh. Có thể nào tàu lá chuối ấy biến thành con đò của Nụ, còn tôi, một nhà tu như bông sen trên đó, thân phận trôi theo con đò và con đò thì xuôi theo giòng sông... Nhưng nếu chính bông sen nơi vũng bùn tanh hôi, đen đúa lại vươn lên trong trắng và thơm ngát, thì bông sen ấy có phải là tấm lòng của một nhà sư, người tu tập giữa chợ đời, không? Còn giòng sông, tự nó, chẳng hề thấy xuôi hay ngược, tại sao tôi lại vui, buồn?

Có một cái gì tựa hồ như cảnh đất trời những ngày sắp đông bão lớn, tịnh yên, như con sông chỗ chưa tới khúc quanh vẫn chảy êm đềm. Tâm cảnh trong tôi lúc này, Niết Bàn, cõi Tịch Tĩnh, êm ái lặng lẽ, an-nhiên, có thật sự trái ngược với đời hội-náo, người quen ồn ào, loạn lạc. Tôi bỗng nhớ đến câu nói của bậc thầy Tổ: «Dù cõi Niết Bàn nào, theo tinh thần nhà Phật, lúc ra đi cũng tự nhiên như khi tìm đến, tu là cách sống trong an vui lặng lẽ sau khi làm bao việc lành cho người và ta, cho cả chúng sinh.» Tôi đang trên con đường đi tìm sự yên ổn cho thân tâm hay bắt đầu lao vào một cuộc sống mới đầy bất ổn? Sống rau cháo qua ngày, giấu mình được, nhưng chò dù uống nước lã cảm hơi mà làm thơ, thời này, cũng dễ lộ mặt. Hạt nước không thể đứng yên một chỗ trong giòng nước chảy. Hỏi cõi Niết Bàn nào dành cho tôi, trên giòng sinh mệnh cuộn cuộn những sóng gió? Cõi Niết Bàn Tịch tĩnh Tiểu thừa ư, cõi Niết Bàn của các vị La Hán và Duyên Giác, Prateyka Boudha, thuộc hàng Bích Chi Phật, tu để: Thân, thân-tịch-tĩnh nên rời

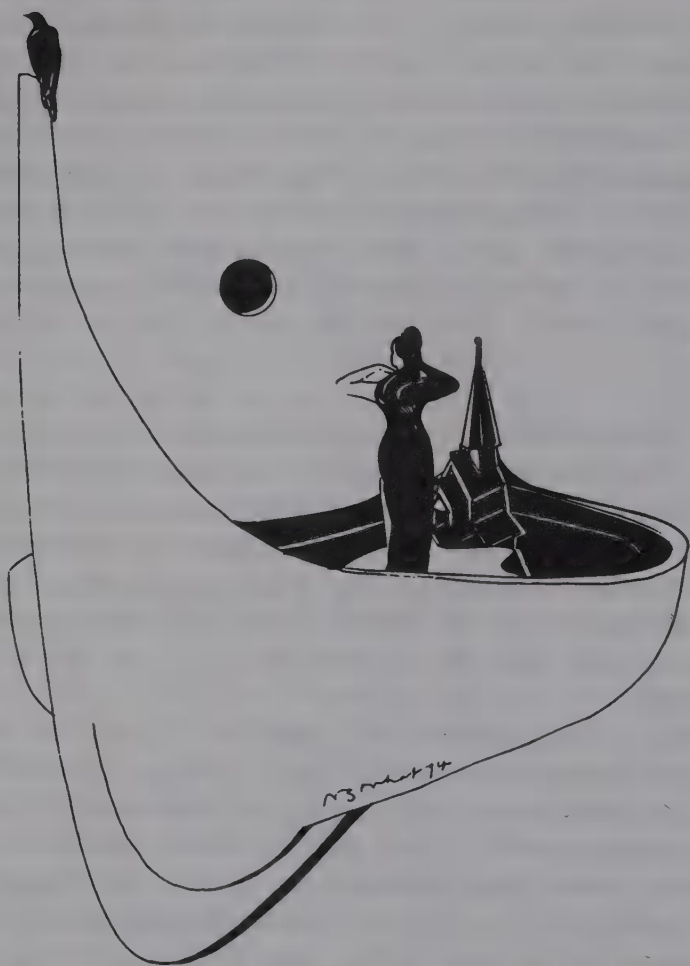
nhà, lánh đời, bỏ xa các cuộc mê muội, xáo trộn để tìm nơi nhàn cư, tĩnh xứ, không quan thiệp với ai, thân mình không phạm một điều tà ác. Tâm, tâm-tịch-tĩnh xa lìa tham sân si, tu tập thiền định, tâm chẳng tán loạn, ngay trong mỗi ý không gọn một điều ác độc. Hay bên cạnh đó là Tịch tĩnh Đại thừa à, cõi Niết Bàn của Phật Như Lai, theo ngài Vipacyi, tỳ-bà-thi, một vị Phật, nơi mà «bậc Điều Ngự, tức đáng Đại Trượng Phu đứng ra dẫn dắt chúng sinh, đưa họ đến nẻo về Tịch Tĩnh». Nhưng giờ đây, chúng sinh qua cô Nụ tóc gỗ mun, cái khăn đội đầu như thể hoa sen, hai bàn tay búp ngọc lan cố đưa đẩy mái chèo vốc nước, đang ra sức dẫn dắt tôi tới một nơi nào? Có thật ba nghìn thế giới lớn, nơi đâu chẳng là nhà, con người đứng yên trong lúc trái đất quay tròn? Đưa tôi sang bờ bên kia, đêm nay, là Phật hay người? Ngoài tiếng mái chèo khua động và tiếng gió xoáy trong các vạt cây hoang hai bên sông, cùng tiếng thở mạnh của cô Nụ, tất cả đều yên ắng. Nam mô A Di Đà Phật...

Tôi nhìn lại ngôi chùa, dưới trăng, sao nó đẹp hơn bao giờ hết và ánh lửa đèn từ nơi nhà bếp của ông cụ Nậm vô cùng ấm cúng, lòng bỗng muốn quay trở lại, mai ra sao thì ra. Cô Nụ bảo «sắp tới nơi rồi thầy ạ», con dò lách vào bụi dừa nước, hai người lên bờ lúc gà gáy sáng, Nụ quay mặt đi nơi khác cho tôi thay bộ quần áo ngoài đời. Xong cô còn dặn tôi, «tới chỗ này chỉ là ở tạm ít ngày, con, à em, sẽ phải kêu thầy bằng... anh để che mắt người ta...», tôi mím môi, gật đầu, không hẳn đã là bằng lòng.

Theo lối mòn lên xóm Còn Tiên hạ, nhìn các mái tranh mờ như thiếp ngủ trong màn sương sớm, lòng tôi chợt nhớ day dứt nếp chùa cổ rêu phong, nơi cư mang tôi từ tấm bé, nhớ những đêm trăng non, chiếc lược bạc, hình ảnh đầu đời của Thiền hoa mơ sáu cánh mới xòe, viên mãn cái tinh thần lục-hòa-tăng, ngài lục Tổ, vẫn đời đời phải chạy trốn ngay chính những người mà mình âm thầm ra sức muốn giúp họ sống yên. Tôi nhớ cả lời kệ của Tổ và giọng thầy dặn dò nên thêm vào câu cuối bài:

Hỏi Đáp

«Mặt trời chiều lặn sau vườn chuối.
Người hỏi ta, đêm mất hay còn?
Cứ ngủ đi, sáng ra sẽ thấy...»
Ước nằm mơ lại mảnh trăng non...



nguyên phù sa

Nỗi Buồn

*Ta viết mãi một dòng thơ dở dang
Bên rừng hoang lạnh lẽo ánh trăng tàn
Ai có biết từ ngày nơi đất trọ
Một nỗi buồn quanh quẩn mãi chưa tan!*

*Đêm viễn khách lạc lõng xứ mù sương
Thôi mơ ước giữa khác lạ đời thường
Chân rảo bước trong mùa đông băng giá
Một nỗi buồn theo mãi gã tha hương!*

nguyên phù sa

Ngày Phục Hưng

*Dòng sông sao chảy đôi dòng
Để cho bên lở bên mong ngày về
Trái tim dòng máu lời thề
Quê hương tôi nhớ lắng nghe từng ngày
Trận xưa gác kiếm tù đầy
Bây giờ vẫn đợi một ngày phục hưng.*

nguyên phù sa

Cánh Chim Bạt Gió

Cánh chim bạt gió bên trời
Máu trong tim vỡ biển đời lưu vong
Đền khuya tuyết trắng sầu đông
Thị thành lộng lẫy cõi không trong lòng.

nguyễn phù sa

Quê Nhà

Bên kia khuất hút đại dương
Mái nhà toả khói ruộng vườn xanh mơn
Vong trua kéo kẹt nằm chờ
Lắng nghe giọt hát câu hò bên sông.

nguyễn phù sa



Cáo và Gà

Cáo hay ăn thịt gà. Họ hàng nhà gà rất sợ cáo, hễ trông thấy cáo từ đằng xa, gà nào cũng chạy trốn. Cáo buồn lắm, vì từ ba ngày nay, nó không bắt được con gà nào cả, cáo đói lắm rồi. Trong khi đó loài gà mỗi ngày một khôn ra, chúng dạy cho nhau nhiều cách tránh cáo. Vì thế tất cả nhưng con gà nào chưa trở thành thức ăn của cáo, cáo đều coi như kẻ thù. Đã là kẻ thù thì phải bị tiêu diệt. Cáo nghĩ rằng trả thù là cái quyền mà đương nhiên trời cho cáo được hưởng. Nhưng trả thù bằng cách nào đây? Cáo đang run rẩy hoa mắt, bốn chân run lên vì đói và giận. Nằm mãi ở trong hang lạnh lẽo và đói, hơi thở yếu dần, nếu cứ thế này, chắc chắn cáo sẽ phải chết, phải đi ra ngoài kiếm ăn, may ra... Niềm hy vọng và nỗi căm thù họ hàng nhà gà đã phạm tội làm cho cáo sống bữa đói, bữa no. Cáo cần phải sống, dù sống trên sự chết chóc của loài gà. Chính mối hận thù ấy, bùng lên như ngọn lửa sáng rõ, đã tạo cho cáo sức mạnh và sự khôn ngoan mà người ta thường đổ tiếng xấu cho là «tinh quái».

Cáo nghĩ đến lão mèo già, mù cả hai mắt, bước đi nặng nề vì toàn thân lão là cả một khối nung núc những thịt và mỡ. Chắc chắn mèo già phải có cách kiếm ăn rất hay. Nhưng đi xin ăn đã khó, mà đi hỏi cách kiếm ăn còn khó hơn. Trong rừng, loài này ăn thịt loài kia để sống. Sự đau khổ của nai là hạnh phúc của cọp, mèo già sống béo tốt phởn phơ bằng cái chết của

họ hàng nhà chim. Loài kiến lại bị chim chóc ăn thịt. Thức ăn của mèo già giống thức ăn của cáo, làm sao lão có thể tốt bụng mà chỉ cách cho cáo được. Cáo tìm đến gần hang mèo ở. Nó nấp sau một bụi hoa dại và nghĩ «nếu ta nghe thấy tiếng mèo ngáy, ta sẽ vào hang mèo. Kẻ ham ngủ tất phải mất của hoặc mất mạng.»

Lát sau, lão mèo già chậm rãi, lẩn mò từ trong hang đi ra, miệng ngậm một cái đùi thịt chim dính máu khô thâm tím. Nắng chiếu trên khoảng đất rộng ở cửa hang mèo, khiến cáo nhìn thấy rõ mọi chuyện. Lão mèo già nhả cái đùi thịt chim đặt xuống một mô đá phẳng, ghéech đầu lên nghe ngóng.

Lão quay về hướng bụi hoa dại, nơi cáo đang rình mò, hai tai lão vểnh lên, đôi mắt khép kín. Cáo hồi hộp, nín thở. Nhưng quả là tiếng đồn không sai, lão mèo già rất tinh khôn. Lão lên tiếng, giọng khàn khàn «Ai đó». Cáo toát mồ hôi mẩn im, đề nhưng ngọn cỏ chật xuống sát đất.

Lão mèo già lấy chân trước chặn miếng thịt đùi chim lại, cất tiếng cười to, hướng về phía cáo nói «Ra đi, bạn cáo ạ, cái mùi lông của bạn làm sao mà giáu ai nổi. Nếu bạn đến thăm tôi với ý tốt, sao lại làm như thế?»

Cáo đành phải ra khỏi bụi hoa dại, nó cố tạo ra tiếng cười thật tự nhiên, thân mật «Chào cụ Mãn, cháu nghe đồn cụ rất thánh tai, cháu không tin, nhưng nay thì rất phục cụ. Cháu đến đây hết sức kín đáo, thế mà cụ cũng biết».

Mèo già nghiêm giọng, hỏi:

- Cậu đến đây làm gì? Nghe tiếng cười của cậu... với cái giọng run run, hẳn có tà ý. Cậu sợ gì? Hay cậu đói?

Cáo giật mình, thót ruột gan lại, lão mèo già quý quái quá, lão biết hết. Cáo khúm núm, làm bộ sợ hãi, nói nịnh:

- Thú thật với cụ, cháu còn trẻ mà không kiếm nổi miếng ăn để nuôi thân. Bố mẹ cháu mất sớm, chẳng ai giúp đỡ, dạy cháu cách kiếm sống. Cụ hay thương kẻ đói khổ, xin chỉ cho cháu. Rồi cháu sẽ đi vùng khác kiếm ăn.

Mèo già nghe nịnh, khoái chí động lòng, bèn bảo:

- Thôi được, cậu cứ nói thật như thế, tôi tha cho tội rình

mò, lén lút. Nghe tiếng thở của cậu tôi biết cậu đói. Kẻ đói rất thành thật. Tôi không bao giờ tin bọn no nê cả. Nhưng tôi dạy cậu cách kiếm ăn, khi no rồi, cậu cứ ở lý vùng này thì sao? Tôi già và mù rồi, làm sao tranh lại được cậu? Giúp cậu sống để rồi tôi chết à...?

Cáo lo sợ, vội nói:

- Lay cụ, cháu xin thề độc. Nếu cháu không giữ đúng lời hứa, cháu sẽ chết tan xác.

Mèo già cười khẩy:

- Không, cậu cáo ạ, lời thề, lời hứa hẹn chỉ giá trị ở lúc đang nói thôi. Sau đó không có gì bảo đảm cả. Không thể tin vào lời hứa suông được.

Cáo vội vàng trả lời:

- Cụ bảo cháu làm gì cháu cũng làm. Cụ là niềm tin, là ân nhân, là thần hạnh phúc đời đời của cháu...

Mèo già thích thú, lão cũng biết lời khen nịnh thường làm khổ người nghe, nhưng lão vẫn thích nghe câu cáo nói: «Gà sống ở dưới đất, bắt còn khó, chim bay trên trời, khó hơn mà sao cụ vẫn tóm được chúng, cụ tài giỏi thật.» Mèo già cảm thấy bớt cô đơn.

Lão thấy tài năng của mình được người khác biết đến, nên bằng lòng dạy cáo.

Trước hết lão hỏi cáo đã kiếm ăn như thế nào mà đến nỗi gầy ốm, đói muốn chết. Cáo nói, đã dùng sức và cả mưu kế của mình, mà vẫn chẳng nên thân. Mèo già hỏi, mưu kế nào mà cáo thường dùng. Cáo khoe nhiều lắm, như nằm trên đường đi giả chết, chờ gà lại gần, vùng dậy, chớp thật nhanh. Mọi mưu kế của cáo bị mèo già chê. Lão bảo:

- Hãy xem người ta kìa, đi buôn phải bỏ vốn, đi câu phải mất mồi. Để kiếm ăn, cậu lại không chịu bỏ ra hoặc mất đi một chút gì, sao được. Cái chết của cậu là ở chỗ đó.

Lão nhấn mạnh rất tự hào:

- Lão đây muốn ăn thịt chim thì ăn, muốn ăn thịt chuột thì ăn. Lừa không chưa đủ, mà phải nhả một chút lợi cho kẻ mình muốn giết nữa cơ. Nhả một chút lợi đã là lừa rồi. Phải hiểu như

thế mới được cậu ạ, cậu biết miếng thịt chim này để làm gì không? Lão sẽ đặt trên tảng đá, thế nào họ hàng nhà chuột cũng mò đến, mà đã đến là ít nhất vài mạng phải chết với lão. Đừng bao giờ ăn tham cậu ạ, chừa lại ít thịt chuột, loài chim ăn thịt sẽ sà xuống, lại chết với lão... Cứ thế. Đừng bao giờ để cạn không còn đồng vốn nào. Loài người chúng nó còn nghĩ ra nhiều thứ vốn lắm, không phải bằng miếng ăn đâu. Một tên bạo chúa, thường dấy nghiệp bằng cách cho người ta niềm hy vọng và sự tin tưởng, người ta mới liều chết nghe theo, cuối cùng nó mới ngồi lên đầu lên cổ người ta mà đục xương hút máu...

Cáo im lặng, nhìn nhận là bài học của mèo già rất quý báu. Nhưng lão hiểm ở chỗ giờ này cáo đang đói, không một chút vốn liếng, lấy gì mà nhả ra, để lừa ai cho được. Nhưng bài học vẫn hay, cáo phải nghĩ đến việc kiếm chút vốn. Cáo bèn năn nỉ mèo già:

- Cụ có thể cho cháu vay vốn, kiểu như viện trợ ấy mà. Sau đó cháu sẽ xin trả lại cụ với số lời hậu hĩnh. Miễn là cháu phải sống cái đã.

Mèo già cho Cáo mượn cả một con gà rừng đã chết. Cáo ăn hết một nửa, còn thòm thèm, vì đói quá, phải ăn thêm chút nữa. Nhưng nó cũng cố chừa lại cái đầu gà ở trong hang. Nằm ngủ một giấc cho khỏe, khi tỉnh dậy cáo thèm, muốn ăn nốt cái đầu gà, xong nhớ lời Mèo già dặn dò, nên cố nhịn. «Họ hàng nhà gà khôn ra, đúng, nhưng chúng có biết sống đoàn kết đâu, luôn luôn mâu thuẫn với nhau, ta phải biết khai thác mâu thuẫn của chúng để kiếm lời cho ta.»

Cáo nhìn cái đầu gà, biết là gà gô. A gà gô với gà đuôi dài, từ lâu vốn hiềm khích với nhau về chuyện cái đuôi. Giống nào cũng nói cái đuôi của mình đẹp hơn. Hễ gặp nhau đầu là mổ, đá nhau chí chóc. Cáo nghĩ «Mình phải khai thác thôi».

Cáo lén đem cái đầu gà gô, bỏ sang phần đất của loài gà đuôi dài, không quên rắc vài cái lông gà đuôi dài mà nó nhặt được. Họ hàng gà gô phát hiện ra kẻ máu mủ của mình bị giết. Chúng có rõ gà đuôi dài là thủ phạm. Thế là gà gô kéo cả họ

đến xáp chiến một sống, một chết với giòong họ gà đuôi dài. Kết quả, hai bên cùng chết, cáo chỉ việc nhảy vào lượm xác, còn vồ thêm nhưng con gà đã yếu sức vì đánh nhau. Hang cáo chất đầy hàng đồng thịt gà. Từ đó cáo luôn nọ đủ, vốn liếng dư dả. Nó sống phè phỡn, sung sướng.

Cho đến một hôm, mèo già nhận tin đến nhắc cáo về món nợ trước kia. Cáo từ khi mập mạp tới giờ, đổi tính, sinh ra hay quên. Nhưng ăn trước trả sau, đau lắm, cáo nghĩ: «Nay mình cũng đã khỏe mạnh rồi, sợ gì mèo già, lão lại mù nữa, chẳng làm gì được mình đâu».

Nhưng cáo vẫn sợ mèo già nhiều quỷ kế. Sợ và khinh, lẫn lộn với nhau. Cáo tự cho mình tốt hơn mèo mù gấp trăm lần. Cáo đã giữ lời hứa, không kiếm ăn tại vùng mèo già ở. Vậy mà lão còn tham lam tính đến chuyện đòi nợ, không chỉ một con gà gô lúc lão cho mượn. Lão đòi mỗi tuần cáo phải đem nạp cho lão một con vật mà cáo săn được. Thật là một sự bóc lột trắng trợn của kẻ cho vay lãi nặng. Cáo nghĩ chỉ còn cách, chấm dứt, xóa bỏ ngay chính chủ nợ.

Tính toán xong xuôi, cáo báo tin cho lão mèo mù, ngày cáo mang lễ vật đến tạ ơn lão, tới mười con gà. Cáo biết mùa này gió thổi mạnh, cây trong rừng luôn luôn gãy ra nhưng tiếng động, lão mèo mù dù thính tai cách mấy cũng khó nhận ra lúc cáo lại gần lão. Cáo sẽ bóp cổ hoặc cắn chết tươi lão.

Trong thời gian đó, họ hàng nhà gà sau thảm họa đau thương, đánh nhau và bị cáo giết khá nhiều, nghĩ lại chúng thấy rõ đã mắc mưu cáo. Chúng bèn họp nhau lại ở góc rừng kín đáo, bàn cách chống lại cáo. Một con gà tre nhỏ bé nhất, đã đánh tan nỗi sợ hãi của giống gà. Nó nói:

- Sợ cũng chết, không sợ vẫn hơn, dù vẫn bị chết, nhưng cái chết còn có ý nghĩa là chúng ta bảo vệ hòa bình và hạnh phúc. Nếu không thế, chúng ta sẽ bị tận diệt.

Thế là hai bên họ hàng nhà gà đều quyết liệt đi tìm cáo, và tấn công cùng lúc. Trước tiên chúng định sẽ mổ vào mắt cáo. Đoàn quân gà xuất trận. Tình cờ thấy cáo mang mười xác gà đến nhà mèo mù. Như cáo đã tính tước, mèo mù vui mừng đón

tiếp cáo với món quà hậu hĩnh. Cáo thừa cơ chụp cổ mèo, hai bên còn đang giằng co và cùng bị thương. Ngay lúc ấy đoàn quân gà nhảy vào, hàng trăm cái mỏ nhọn mổ vào bốn con mắt của mèo và cáo. Chỉ một lúc sau, mèo và cáo chỉ còn là hai cái xác.

Sau trận đó họ hàng nhà gà sống yên vui. Chim bay lượn trên trời hát bài ca hòa bình. Rừng xanh còn ghi mãi chuyện gà và cáo, bằng lời của cửa gió, lá, rì rào.



Thoáng Qua

không đề

*hồn tôi nóc nhỏ tháp cao
chênh vênh đứng dưới trăng sao trời buồn*

lòng mẹ

*môi xinh con nở nụ cười
trong hồn mẹ tỏa hương trời nở bông*

*vỗng đưa theo nhịp của lòng
với bao nhiêu ước mộng cùng lên cao*

*yêu con lòng mẹ dạt dào
nghe con khóc, khúc ruột nào mới sa*

lời ru

*à ơi nhịp tiếng vỗng đưa
lời ru của mẹ cũng vừa cất lên
môi non con ngậm nướm mềm
ngọt thơm sữa mẹ dịu êm giòng đời*

tình

*ánh trăng như linh hồn
bà mẹ quê tuyệt diệu
mệnh mang giòng sữa ngọt
tình thơm ngát môi hôn*

tháng ngày nơi đất khách
quên mất ánh trăng xưa
tâm hồn mẹ cao cả
vẫn sáng tới bây giờ

thanh ngọc

những nụ hoa cải vàng
vươn cao như kiêu hãnh
tôi sung sướng thở mạnh
trong vườn chim hót vang

hoa ngâu, hé miệng cười,
giọt sương tròn trên lá
gió nhẹ cũng muốn rơi
như hồn tôi đắm đuối

hoa hồng nở dưới nắng
gai sắc buốt thịt da
trong tim tôi rỉ máu
nhớ tình bạn thiết tha

hoa lan dáng người về
trên đồi sương mờ mịt
thương nhớ tuổi đa mê
hồn đầy hương thanh ngọc

đà lat

bên đường vàng dui hoa quỳ
dưới trời ảm đạm chiều đi mưa buồn
mây như lụa mỏng trên nguồn
lũng xa khói lá pha sương đục mờ

nguyễn thị vinh

Bóng Mát

Buổi sáng thức dậy, hơi ngõ ngàng trong gian phòng trống trải. Một giây định thần rồi bỏ lửng, Dinh nhắm mắt lại, cuộn người trong chiếc túi ngủ trải trên sàn nhà. Tất cả là một im lặng, cái im lặng tận cùng của ý thức bông bênh. Không gian ngai ngái một mùi dễ chịu. Dinh hít một hơi dài, lan man cảm nhận những âm thanh của thời tiết. Tiếng rì rào của gió. Tiếng ánh sáng đốt ấm thời gian. Tiếng gạch ngói mỉm cười. Tiếng cột kèo trở mình đón mùa hạ tới. Tuyệt diệu quá. Tràn trề. Đậm đặc. Dinh nổi trôi trên cái tĩnh mịch của những ngõ ngách hun hút trong vũ trụ. Một tiếng chim hót nhẹ nhàng, nổi lên trên hỗn hợp của im lặng. Dinh mở mắt ra, từng nốt nhạc cộng hưởng những rung động trong lòng. Diễn tả thế nào nhỉ, cái cảm giác của một người sau gần nửa đời người cố gắng, lần đầu tiên trải qua một đêm trong căn nhà do chính mình tạo ra?

Dinh mở rộng cửa sổ. Không khí tràn vào ngai ngái dễ chịu. Mùi gì lạ thế? Dinh tự hỏi rồi bất ngờ nhận ra cái ẩm mốc của không gian trước mặt. Ngay ngoài cửa sổ, một cây đào rậm rạp với bóng mát bủa vây như muốn bưng bít căn phòng. Bên kia cây đào, nắng thấp thoáng tựa hồ đang vùng vẫy mong thoát khỏi sự kìm hãm của những tàn lá để vào với chàng. Cái mùi dễ chịu bỗng trở nên khó ngửi. Dinh nhìn lớp lá mục trên nền đất ẩm dưới các nhánh cây, cảm thấy gian phòng này chẳng khác gì một chiếc rọ.

Cây đào. Luân Đôn thiếu nắng kinh niên, ai ngu xuẩn đến độ trồng cây lớn thế này ngay trước cửa sổ căn nhà? Dinh nhảy

hai bước một lên cầu thang chưa lót thảm, xuống tầng trệt, mở cửa ra vườn sau. Khu vườn rộng đầy những lùm bụi um tùm, điển hình cho mẫu vườn của dân Anh. Ngoài kia nắng đẹp chan hoà, nhưng ngay chỗ Dinh đứng vẫn âm u bóng cây đào. Chàng bước về cuối vườn, nhìn lại căn nhà. Thật vô lý, cả mặt sau căn nhà hai tầng bị che khuất hầu như hoàn toàn bởi những tàn lá xanh rờn. Dinh xem nhà để mua vào mùa đông, lúc ấy cây đào trơ cành trông nhỏ nhoi tưởng như không còn sức sống. Thế mà chỉ mới mấy tháng, trời chưa vào hạ, cây đào đã vươn mình sum sê như muốn đè bẹp căn nhà.

Dinh trở vào, cố xua đuổi hình ảnh cây đào đang ngăn chàng với một ngày thứ bảy đẹp trời hiếm hoi. Chàng lục lại mớ đồ đạc vừa dọn vào tối hôm trước, kiểm chiếc ấm nhỏ, nấu nước pha cho mình một ly cà phê đậm. Mùi cà phê thơm lừng như đánh thức từng hẻm hóc bị lãng quên trong căn nhà nhỏ. Dinh nháp ngum đầu tiên. Chàng ngồi bệt xuống sàn gỗ sần sùi trong bếp. Gian nhà trống trải, chưa có bàn ghế tranh ảnh, như tươi cười chia sẻ niềm vui với Dinh.

Căn nhà nằm trong khu rẻ tiền nhất của Luân Đôn, chỉ có hai phòng ngủ nhỏ và một nhà tắm trên lầu. Tầng trệt, phía trước là phòng khách được ngăn với nhà bếp phía sau bằng một tấm vách mỏng. Ngay dưới phòng khách là tầng hầm ẩm thấp đầy rác rưởi, gạch đá, có lẽ đã nhiều năm không được tu sửa, dọn dẹp. Căn nhà cũ kỹ, ọp ẹp, hệ thống điện nước và sưởi lỗi thời, nhưng với Dinh là cả một thiên đường. Sau gần mười năm sống lây lất, tần tiện, từ ngày vượt biên và định cư ở Anh, cuối cùng Dinh đã hoàn thành ước nguyện mua được căn nhà trước khi vợ con sang.

Khoan khoái, dễ chịu, Dinh ngắm các bức tường loang lổ, vẽ trong trí màu sơn trắng giản dị. Chàng đảo mắt nhìn quanh. Chiếc tủ cống kênh trong góc bếp chắc phải được dẹp đi, nhường chỗ cho chiếc dương cầm của con Thoa. Dinh nghe lòng ấm lại. Chiếc dương cầm, ao ước không sao với tới ngày Dinh còn bé, nay sẽ được bù đắp qua đứa con duy nhất. Nhấp một ngum cà phê, ánh mắt Dinh dừng lại trên tấm vách ngăn khu nhà bếp

với phòng khách. Chật chội, tối tăm quá. Có lẽ nên phá bỏ để tầm mắt được thoáng hơn trên những tấm ảnh Trang chụp; những bức ảnh chụp người, cảnh hay hoa lá, rất đơn sơ nhưng tươi mát. Dinh không có tâm hồn yêu nghệ thuật như vợ, và dù Trang chẳng phải là một tay ảnh chuyên nghiệp, Dinh vẫn luôn luôn tôn trọng những tác phẩm của nàng. Rồi đây chàng cũng sẽ dọn căn hầm để làm phòng tối cho Trang rửa ảnh.

Nhấp thêm một ngụm cà phê, Dinh nghe hạnh phúc len vào từng mạch máu. Mười ngày nữa vợ con chàng sẽ sang. Cũng may trời đang ấm, để cả hai không cảm thấy thời tiết quá khác biệt so với Việt Nam. Trang chắc sẽ thích căn nhà. Đơn sơ. Vừa đủ. Hợp với tính nghệ sĩ của nàng. Còn con Thoa, mười hai tuổi, sau mười năm sống lang thang với mẹ, nay gặp lại bố, hẳn vui lòng với cuộc sống mới. Tất cả những thiếu thốn của Trang, của Thoa và của cả Dinh nữa, sẽ được lấp đầy trong căn nhà đầy ắp yêu thương này.

*

* *

Cây đào, Dinh không dễ dàng quên được nó như chàng đã tưởng. Một tuần trôi qua mà Dinh vẫn canh cánh bên lòng cái cảm giác căn nhà của chàng bị những tàn cây nhốt kín. Các bức tường đã được sơn lại. Phòng khách mở rộng thông sang khu nhà bếp. Và chiếc tủ lớn trong góc bếp cũng không còn. Thế nhưng căn nhà vẫn âm u lạnh lùng. Còn cây đào, chiếc gai trong mắt Dinh, ngày càng nhọn như xanh lá, uống trọn những giọt nắng mà lẽ ra các gian phòng phải được tha hồ sưởi ấm.

Cây đào thuộc một giống lạ, thân không lớn nhưng cành lá thật sum sê, vươn cao hơn cả mái nhà. Đang vào mùa nhưng cây chỉ thưa thớt hoa với những quả èo uột. Chiều hôm kia, Dinh leo lên cây, tìm được quả lớn nhất chỉ bằng đầu ngón tay cái. Chàng một trái, đưa răng cắn. Thật bất ngờ, Dinh nhả ngay miếng đầu tiên khi thấy trong trái đào lúc nhúc những con sâu đỏ. Dinh hái thêm ít quả nữa, đập ra cũng chỉ thấy toàn sâu. Cả cây, có lẽ chẳng có trái nào nguyên vẹn. Rõ vô tích sự. Một quyết định đến thật nhanh. Dinh nhảy xuống đất, chạy vào gọi

điện thoại cho một công ty chuyên chặt cây.

Có tiếng gõ cửa. Sáng chủ nhật ai lại đến viếng sớm thế nhỉ? Đang nấu nước pha cà phê, Dinh vội chạy ra mở cửa. Cánh cửa mới hé mở, ông McGregor, chủ cũ căn nhà, đã bồn chồn lên tiếng:

- Chào ông. Xin lỗi, tôi biết tôi tới hơi sớm, nhưng sợ trễ hơn nữa...

- Chuyện gì nữa đây?

Dinh nhăn mặt, ngất lời.

- Xin lỗi, chắc ông còn giận tôi vụ cây đèn?

Ông McGregor dịu giọng, khác với hôm giao nhà, cứ hùng hổ đòi tháo chiếc đèn chùm treo trong phòng khách cho bằng được.

Chiếc đèn, theo Dinh là một vật gắn chết trong căn nhà, tức là một bộ phận của căn nhà, chủ cũ không được tháo đi. Thế nhưng vợ chồng ông McGregor không đồng ý. Hơn thế, ông còn viện lẽ cây đèn là kỷ vật của cha ông để lại, ông không bỏ được. Chùm đèn bị sút mẻ nhiều chỗ, không đáng giá là bao, nhưng vì nghĩ mình bị vợ chồng ông McGregor chơi ép nên Dinh không chịu để ông tháo đi. Dằng co qua lại, cuối cùng Dinh cũng đành để họ lấy chiếc đèn, sợ nhỡ chẳng không nhận nhà kịp để đón vợ con.

Thấy Dinh im lặng, ông McGregor phân trần:

- Ông Dinh à, tôi thành thật xin lỗi ông vì đã quá nóng giận hôm giao nhà. Xin ông hiểu cho, cây đèn là kỷ vật của gia đình tôi hồi ở Tô Cách Lan, tôi không nỡ để mất.

- Ông đừng dài dòng nữa, tôi không muốn nghe đâu. Ông muốn gì?

Ông McGregor đưa tay vuốt nhanh mái tóc bạc thưa thớt:

- Bà cụ nhà bên cạnh tối hôm qua điện thoại cho tôi biết hình như ông muốn chặt cây đào sau nhà?

Bà cụ nhà bên cạnh? Dinh chợt nhớ hôm qua khi người định giá của công ty chặt cây đến ngắm nghía, lượng thế chặt cây đào, chàng bất ngờ gặp ánh mắt của một bà cụ đang nhìn

qua cửa sổ của căn nhà ở sát phía bên phải nhà chàng. Bà cụ khoảng 70 tuổi, có nét hao hao giống người Ấn Độ. Trong bóng mát của cây đào lan sang tận nhà bà, ánh mắt bà như rực sáng trên khuôn mặt gầy gò xanh xao. Từ ngày dọn về đây, Dinh không để ý gì đến hàng xóm chung quanh. Sống trong xã hội phớt tỉnh Ăng-lê, chàng nghiệm ra rằng mình chẳng nên phí thì giờ để tỏ vẻ thân thiện trước với ai cả. Dinh nhìn bà cụ rồi quay đi, trong trí không vướng bận đến một nụ cười.

Để ông McGregor đợi vài giây, Dinh gần giọng:

- Cây đèn rồi tới cây đào, chẳng biết chừng nào ông mới để tôi yên. Vâng, tôi muốn chặt cây đào. Rồi sao? Vật kỷ niệm nữa hả? Ông muốn búng nó về trồng thì búng ngay đi.

- Ông muốn chặt nó hay không là quyền của ông - Ông McGregor vẫn bình tĩnh trước lời châm chọc của Dinh - Cây đào gắn bó với gia đình tôi nhiều kỷ niệm, nhưng đúng ra, nó là kỷ niệm sâu đậm nhất của bà cụ nhà bên cạnh. Căn nhà này ngày xưa cũng của bà. Mười năm trước tôi mua nó nhưng phải hứa với bà sẽ không chặt cây đào. Sau đó, khi bán nhà cho ông, tôi lại quên mất lời hứa kia. Ông Dinh, xin ông đừng chặt cây đào nhé?

- Căn nhà bây giờ thuộc quyền sở hữu của tôi, tôi muốn làm gì thì làm. Xin lỗi, tôi đang bận...

Dinh toan khép cửa, chấm dứt câu chuyện.

Ông McGregor nhanh tay chặn cánh cửa lại, khẩn khoản:

- Cho tôi vài phút nữa thôi... Mong ông đừng chặt cây đào, tội nghiệp bà cụ. Cũng là người sống xa quê hương, xin ông hiểu cho bà...

Dinh chưa kịp phản ứng, ông McGregor tiếp lời:

- Bà cụ người Tây Tạng, cha là đầu bếp cho một người Anh. Ông chủ khi về nước, đem luôn gia đình người đầu bếp theo. Lúc ấy bà cụ mới mười tuổi, mang theo được món đồ chơi duy nhất là hai hạt đào...

- Xin lỗi...

Dinh ngắt lời nhưng ông McGregor vẫn thao thao:

- Hai hạt đào sau đó đã thành hai cây đào. Một trong vườn

nhà ông, một trong vườn nhà bà. Cây đào ở nhà bà cụ, tám năm trước, khi ông cụ qua đời, bỗng rụng cũng héo úa đi. - Ông McGregor dừng lại nuốt nước bọt, giọng trầm xuống - Bà cụ nay trở lại một thân một mình, rất yêu quý cây đào còn lại trong vườn nhà ông. Ông đón nó đi, chắc bà đau lòng lắm. Từ ngày ra đi, bà không về thăm Tây Tạng được, và...

- Thôi thôi... Xin ông đừng làm phiền tôi nữa, tôi không muốn nghe đâu...

Dinh xoa tay chặn ông McGregor lại.

Trán ông McGregor bắt đầu lấm tấm mồ hôi dù trời đang lạnh và ông chỉ khoác một chiếc áo mỏng bạc màu.

- Ông Dinh à, tôi có mua một cây đèn mới, đẹp hơn cây cũ, tôi xin được đèn cho ông, chỉ mong ông đừng chặt cây đào.

- Tôi không cần cây đèn của ông!

Dinh đóng mạnh cửa lại, bỏ mặc ông McGregor đang định tiếp tục năn nỉ. Chuyện chặt cây đào bỗng có ý nghĩa hơn. Dinh mỉm cười. Ừ, ông sẽ cảm thấy bứt rứt dài dài một khi cây đào không còn nữa, ông McGregor ạ. Cho bố ghét!

Buổi trưa, hai người thợ chặt cây đến. Dinh đưa họ ra sau nhà rồi dừng lại trên thềm, lơ đãng ngắm khu vườn mới được dọn dẹp hôm trước. Mảnh vườn trông quang đãng hẳn ra với thảm cỏ và những lùm bụi đã được cắt tỉa gọn gàng. Chiều nay chặt xong cây đào, có lẽ Dinh sẽ xới đất ngay bên dưới những khung cửa sổ để trồng vạn thọ. Ngày xưa Dinh không ưa loại hoa tầm thường này, nhưng sang Anh, tự dưng chàng lại thấy yêu cái màu vàng khoẻ mạnh của nó.

Những cành đào lớn đã được cột dây, kéo ngược ra phía vườn. Một người thợ cho chạy chiếc cửa máy rồi leo lên. Lá rơi lả tả. Chiếc cửa máy vung lên. Âm thanh vỗ tung, sắc bén như hàng vạn lưỡi dao chặt không gian ra từng mảnh. Một cành lớn gục xuống. Dinh bắt chợt quay nhìn căn nhà bên phải. Bên trong khung cửa sổ âm u, bà cụ Tây Tạng đang ngồi bất động trên chiếc xe lăn, mắt hướng sang khu vườn nhà Dinh. Chàng bỗng rùng mình. Khuôn mặt bà cụ như xuất thần trong một nỗi

đau vô biên. Và ánh mắt. Có điều gì đó cuốn hút làm lòng chàng chùng xuống.

Bầu trời chợt tắt nắng. Lãng đãng sương mù quện trong hơi lạnh tràn tới. Dinh cúi mặt. Ánh mắt bà cụ chênh vênh trên bờ vực nhớ-quên. Một nhánh cây nữa kêu lên trước khi ngã vật vã. Trong Dinh, làn sóng ký ức chìm đắm bấy lâu, bỗng ào ạt đổ về, loé sáng hình ảnh cội mai nơi căn nhà cũ hời ở Huế.

Cội mai tứ quý do ông nội chàng trồng ngày ông bà mới lấy nhau, sau mấy mươi năm, hoa vàng hoa đỏ không còn nở đủ bốn mùa. Lúc nhỏ Dinh chẳng để ý gì tới cội mai. Nó không cho quả, lại không đủ lớn để Dinh có thể leo trèo như cây ổi, cây điệp mới được cha chàng trồng sau này. Tuổi thơ qua đi, khi đã có chút quan niệm về thẩm mỹ, Dinh thấy cội mai quá quê mùa so với những bụi hồng, khóm cúc rực rỡ. Bây giờ nhớ lại, Dinh vẫn không hiểu sao ông bà rất quý cội mai, đến nỗi căn nhà mấy lần được nói rộng, vẫn phải né tránh sao cho không đụng tới nó.

Ông nội Dinh qua đời không lâu trước năm Mậu Thân. Tết năm ấy khói lửa tràn tới, thành phố là một bãi chiến trường tan hoang. Rồi thời gian tàn cư hỗn loạn, lo âu qua đi. Ngày hồi cư, đứng trước căn nhà đổ nát, bà nội Dinh chỉ thở dài. Thế nhưng khi bước ra vườn sau, bà chợt oà khóc, quì xuống cạnh cội mai già đã bị bom đạn đánh bật gốc. Ngày ấy Dinh chẳng biết an ủi bà thế nào, chỉ thấy bà vô lý ki khóc cho một thân cây vô tri giác.

Chiếc cửa máy lại rú lên. Dinh ngược nhìn sang nhà bên cạnh. Qua khung cửa sổ, ánh mắt bà cụ Tây Tạng đang long lanh giọt nước mắt của bà nội chàng khi xưa. Cội mai. Cây đào. Dinh có cảm giác tim mình đang luân lưu một thứ nhựa keo sơn, rồi thật bất ngờ, nghiệm ra mối tình thẩm thiết giữa ông bà nội chàng qua bóng dáng cội mai già ngày nào.

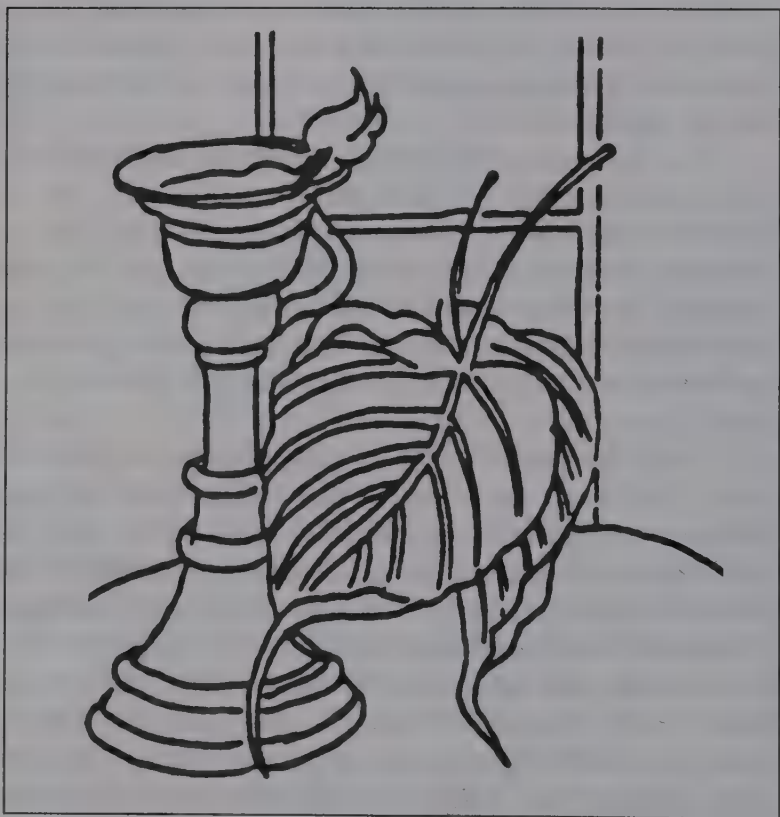
Mây đen vẫn vùn vùn, lất phất trong gió những giọt mưa thê thiết của cơn mưa phùn kỷ niệm xứ Huế. Thêm một nhánh cây lớn đổ xuống. Từ sâu lắng, Dinh nghe một tiếng kêu thẳng thốt. Chàng ôm mặt. Lương tri và tính ích kỷ chợt như hai màu

trắng đen đang vật lộn trong lòng Dinh. Cây đào, cái âm u của một không gian ảm thấp làm chàng muốn ngộp thở. Và ánh mắt bà cụ Tây Tạng. Dinh rùng mình, loáng thoáng trong trí hiện ra hình ảnh của chính mình đang lang thang trên con đường xa quê đầy sóng gió, tay nắm chặt hai hạt đào.

Chiếc cửa máy gầm lớn hơn trước khi chém vào thân cây chính. Nơi cửa sổ nhà bên cạnh, chiếc xe lăn của bà cụ Tây Tạng hơi chồm tới trước. Dinh nín thở, thấy tâm hồn mình đang tan tác theo từng chiếc lá. Ôi cây đào, cái gạch nối giữa bà cụ Tây Tạng với một quê hương xa cách!

Hốt hoảng, Dinh quay phắt lại:

- Dừng tay! Dừng chặt nữa!



Hiến Chế Tự Do Ngôn Luận của Văn Hóa Việt

Ca dao tục ngữ là kho tàng minh triết của văn hoá Việt. Qua đó, ta có thể tìm hiểu những giá trị nhân chủ của Việt tộc. Sự vượt thắng đó biểu lộ rõ rệt bằng tinh thần tương thân tương kính trong tương quan ngôn ngữ.

Với ẩn dụ dân gian:

Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao

ta thấy được những yếu tố nền tảng xây dựng nên văn hóa Việt. Một chút thật sơ lược, xin tóm tắt ý nghĩa của ba cây văn hóa Lúa, Tre, Cau (trầu): Cây lúa (ngũ cốc), là biểu hiệu của khả năng thuần hóa thiên nhiên trong tiến trình đạt vai vị nhân-chủ và hội thông với đại-ngã của Việt tộc. Cây tre, biểu tượng của định cư, khắc phục phong thổ để an thổ mà “đôn hồ nhân” cùng thăng hoa văn-hóa. Cây cau (trầu), biểu hiệu của phong hóa, của tiến trình nhân văn đạt độ tính người thắng tính thú để có vai vị ngang hàng với trời đất (tam hoàng: thiên, địa, nhân). Giá trị này cụ thể bằng những kết quả vượt thắng của nhân tính đối với thú tính. Qua ẩn dụ dân gian, ngay từ xa xưa người Việt đã đạt được thỏa ước “tự do ngôn luận”. Thỏa ước này thấu tóm gọn gẽ trong tục ngữ:

Lời nói chẳng mất tiền mua

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

Một cách khác, tục ngữ trên chính là hiến chế tự do ngôn luận

của văn hóa Việt. Nhưng ý kiến này cần phải được lý giải.

Để phân suy luận sau đây có thể thông cảm được, nên mọi diễn tiến sẽ theo thứ tự:

Phần I: Giá trị của tiếng nói

Phần II: Diễn giải

Phần III: Tóm kết

I. Giá Trị Của Tiếng Nói

Từ giữa thế kỉ 20, vấn đề ngôn luận trở nên đề tài sôi nổi ở khắp vùng trời Âu-Mỹ. Lại nữa, từ thế kỉ 19, với ưu thắng kỹ thuật, Âu-Mỹ đã nắm trọn vai trò lãnh đạo thế giới. Với tư thế đó, cứ vấn đề nào Âu-Mỹ quan tâm, là khắp năm châu sôi sục nghiên ngẫm. Cứ điều gì Âu-Mỹ xét nét, là cả thế giới coi đấy là khởi xuất mà hòa theo. Trong cảnh huống ấy, ngôn luận là trọng điểm suy tưởng của Âu-Mỹ nên đã gây ảnh hưởng sâu đậm khắp hoàn cầu. Trọng đại nhất của vấn đề là tự do ngôn luận. Sự tự do ngôn luận trở thành đòi hỏi thiết yếu hàng đầu trong tương quan xã hội của dân Âu, Mỹ.

Sau hai trận Thế chiến 1914-1918 và 1939-1945, tổ chức Liên Hiệp Quốc được thành lập với nhiệm vụ chính là bảo toàn an ninh thế giới. Tổ chức này đã công bố bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền mà trong đó quyền Tự Do Ngôn Luận là một quyền trọng đại. Tổ chức Liên Hiệp Quốc tiếng là bảo toàn an ninh cho thế giới, nhưng thực tế chỉ lo lắng việc an ninh cho các nước lãnh đạo ở vùng Âu-Mỹ. Kỳ dư, việc chém giết cục bộ ở các quốc gia khác cứ diễn ra đều đặn. Để cho chiến tranh cục bộ xảy ra thứ lớp như vậy, có lẽ là cách Liên Hiệp Quốc bảo toàn cho tình trạng kinh tế Âu-Mỹ được quân bình.

Dùng tiếng Âu-Mỹ để nói chung vậy thôi, chứ thực tình chỉ có Bắc Mỹ (rõ ràng nhất chỉ là Mỹ) mới là chủ lực lãnh đạo thế giới. Khối này vừa mạnh vừa giàu nên điều chi họ đề cập tới là vạn quốc răm rắp nghe theo. Vì thế, khi dân Bắc Mỹ cho tự do ngôn luận là quyền thiết yếu mà đòi cho bằng được thì rồi cái

đồng tình này được khuếch đại và vạn quốc tích cực đua theo. Từ thế đó, mọi tranh biện, mọi án lệ, mọi thỏa thuận liên tiếp thành lệ thành luật cho tự do ngôn luận. Tuy vậy, cho tới nay vấn đề vẫn còn lung tung lăm, mặc dầu mọi diễn tiến rất đáng khích lệ. Chiều hướng con người vượt thoát vật tính đang đà khả quan, đáng khen ngợi. Con đường dò dẫm tạo luật lệ cho tự do rất tích cực, nhưng vẫn chưa ổn. Mọi án lệ hoàn tất, đều thành luật để làm căn cứ đối chiếu cho những tác động của ý thức tự do. Nhưng diễn trình này còn đầy gai góc, đầy mâu thuẫn, cùng tràn ngập trở trêu đa đoan. Do đấy, mọi cố gắng vẫn chỉ đang cố gắng chứ chưa thỏa mãn được đòi hỏi tự do toàn hảo của quyền ngôn luận.

Trong dọc dài của lịch sử nhân loại, phải thừa nhận rằng con người thường xuyên tiến bộ thăng hoa. Muốn thấy được sự thăng hoa đó, cần phải xét tới những tiêu chuẩn bản-vị thì mới có thể hiểu được luận-lý của tiến trình đạt đích của con người. Tiến trình ấy lần lượt trải qua bốn thời kỳ.

Khởi đầu là thời kỳ Mông Muội Hồng Hoang.

Tiếp đến là thời kỳ Thần Bản.

Kế theo là thời kỳ Kim Bản.

Đạt độ là thời kỳ Nhân Bản.

Bằng vào các sinh động hiện nay trên thế giới, thì nhân loại đang trong giai đoạn chót, cực cao của thời kỳ Kim Bản. Mọi giá trị đều lượng tính bằng tiền. Tiền là mẫu mực của phán xét. Điều đó chính là yếu tố tích cực trì kéo mọi ý chí khiến con người không thể đạt được ý thức chân thực về tự do. Bởi thế, cho nên các án lệ cứ tiếp tục thành luật, có đến cả ngàn, vạn điều nhưng tự do ngôn luận vẫn chưa thấy.

Ở Việt-nam, dân chúng miền Bắc, sau một thời gian dài ngụp lặn trong khốn cùng đã bật ra được định nghĩa về tiền thật sâu sắc, vô cùng chí lý đúng cho giai đoạn đỉnh cao của thời kỳ kim bản này.

Trong kho tàng văn học dân gian Việt-nam cũng có nhiều thành ngữ, tục ngữ, ca dao về tiền. Hầu hết đều mô tả giá trị của tiền với mối tương quan của con người. Tiêu biểu và được

nhắc tới luôn là thành ngữ:

Có tiền mua tiên cũng được.

Hay

Nén bạc đâm toạc tờ giấy.

Các thành ngữ đó đã cực tả được uy lực của đồng tiền. Tuy vậy, cái dũng mãnh của đồng tiền dù oai phong cách mấy vẫn còn ở trong mức giới phương tiện. Hay nói cho đúng, con người vẫn còn làm chủ đồng tiền. Thế nhưng với “biểu ngữ” mới của những người đã sống trong tận cùng bể khổ thì tiền đã trở thành toàn năng, trong vai vị uy lực tuyệt cùng, điều khiển con người ở mọi lãnh vực, vật chất lẫn tinh thần.

Hãy thử lướt qua biểu-ngữ đó để mà rùng mình ghê rợn trước cái oai lực tàn khốc của đồng tiền và cùng chia sẻ sự ô nhục trước cái hèn hạ quy lụy của con người đối với đồng tiền.

Tiền là Tiên là Phật

Là sức bật lò xo

Là thước đo lòng người

Là nụ cười tuổi trẻ

Là sức khỏe người già

Là cái đà danh vọng

Là cái lọng che thân

Là cán cân công lý

Tiền là hết ý!

Ở vào giai đoạn “đỉnh cao” của kim bản như thế, thì tự do chỉ là chuyện hoa mỹ; chứ hành sử tự do thì quả ngặt nghèo. Trong cảnh huống này của nhân loại, tự do không phải là nghĩa “do tự chính mình”, mà chỉ còn là “do tự tiền”. Như thế, quyền năng của tiền đã tới tuyệt đỉnh. Nếu nguyên tắc “cực tắc phản” hay “bĩ cực thời thái lai” mà đúng thì giai đoạn “đỉnh cao” này của thời kỳ kim bản sẽ là lúc có biến chuyển để nhân loại bước vào thời kỳ Nhân bản. Nhưng khó mà biết được cái giai đoạn chót vót này của kim bản tồn tại thêm bao lâu. Mà cứ lâu thêm bao nhiêu thì nhân phẩm lại bị chìm sâu thêm bấy nhiêu.

Đấy là nói theo tình trạng tổng quát của nhân loại. Buồn có, vui có. Vui vì thời Nhân bản sắp tới, buồn vì sự tác quái của

đồng tiền vẫn cực kỳ man rợ. Như thế, tự do ngôn luận vẫn còn bị lung tung lắm.

Nôm na mà nói, tự do ngôn luận là tự do nói. Hay là nói tự do cũng vậy. Thế mà, muốn nói tự do thời trước tiên phải biết nói đã.

Cho tới nay, trong các sinh vật ở trần thế, chỉ có giống người là biết nói. Phát biểu như thế hẳn có người không đồng ý. Ở lãnh vực sinh-vật học, đặc biệt về phương diện phát âm, đã có người đưa ý kiến rằng các động vật khác (khác loài người) cũng có khả năng phát âm để truyền thông với nhau. Gần đây, có nhà nghiên cứu thực vật lại cho rằng kể cả cây cỏ, hay nói rộng chung cả thực vật cũng có khả năng phát âm để truyền thông.

Mới thoát nghe như vậy, nhiều người vốn dễ bị làm lẫn lộn giữa phát âm và nói năng đã hiểu lầm rằng tất cả động vật và thực vật đều có thể nói được. Do đó, cần phải phân rõ sự khác biệt giữa phát âm và nói năng.

Thật ra, tổng quát mà nói, âm phát ra bởi các sinh vật khác loài người mới chỉ là các âm động cơ sinh lý có tính bản năng. Đó là những âm phản đáp tự nhiên trong giới hạn sinh lý cơ bản.

Nhưng ở lãnh vực nói năng thì các âm động đã ở trình độ vượt xa mức bản năng cơ sinh lý. Tiếng nói của con người là tập hợp của một số lượng âm thanh phức tạp, là hệ thống âm vô cùng phong phú và cực kỳ đa dạng. Phần quan trọng nhất của tiếng nói là ý nghĩa của mỗi tiếng. Mỗi tiếng, mỗi lời đều có những ý nghĩa xác định diễn tả tình ý dồi dào, cùng luôn luôn phát triển. Ý nghĩa truyền thông của tiếng nói rất súc tích và phong phú. Do vậy, chức năng truyền thông của nó vô cùng quan trọng. Tiếng nói chính là đặc sản và là biệt năng của con người. Do biệt năng này con người nghiêm nhiên vượt cao hơn tất cả mọi sinh vật mà trở nên “linh ưu vạn vật”. Văn hóa Đông phương đã xếp con người vào hàng linh thiêng ngang với trời đất. Hay nói cách khác, con người có giá trị đồng năng ngang với vũ trụ.

Chẳng biết trong vài tỷ năm nữa bộ phận phát âm của các

sinh vật khác loài người có thể thăng tiến được tới mức đủ khả năng phát ra những âm thanh phong phú đa dạng đủ thành hệ thống nói năng chưa. Chứ hiện nay các âm thanh do chúng phát ra vẫn chỉ là những âm cơ sinh lý phản đáp tự nhiên và hạn hẹp mà thôi.

Trong tiếng Việt có nhiều tiếng đề cập tới âm thanh do loài vật phát ra. Chẳng hạn như: *gầm, rống, sủa, hí, rúc, hót, kêu, gáy, gầm gừ, tru, gào, rít rên, cục tác, ủa ủa, rên rĩ, ư ử, lú lo, be be, ghé ngo, gâu gâu, rúc rích...*

Cũng có nhiều chuyện kể về những đối thoại của loài vật. Nhưng do người kể. Cho tới thiên kỷ này vẫn chưa thấy chính loài vật tự kể chuyện mình. Hay nói cách khác, cho tới tỷ kỷ này súc vật vẫn chưa biết nói. Mà trớ trêu chẳng chỉ có những con người dạ thú nói năng độc dữ mà thôi.

Kể như thế, tiếng nói phải coi là biểu tượng đặc thù của nhân loại và thêm nữa, tiếng nói là biểu hiệu của nhân văn cùng mang giá trị cao cả của con người trên hết muôn loài. Nhân loại có thể giao tiếp và thông cảm được với nhau, để hợp quần thành xã hội cùng tiến bộ mà đạt điểm phúc, thì phương tiện quan yếu hàng đầu chính là tiếng nói. Tiếng nói là yếu tố nền tảng của xây dựng cùng phát triển.

II. Diễn Giải

Xem thế, tiếng nói có một vai vị vô cùng trọng đại trong đời sống nhân loại. Tiếng nói là phương tiện thẩm định giá trị nhân văn của con người. Tiếng nói đã vô cùng quan trọng và thường hằng tới mức độ thẩm thấu vào đời sống, sâu thẩm trong tiềm thức khiến bình thường ít được ý thức tới. Nhưng phần nổi của hình thái tiếng nói cũng đã được lưu ý và trở nên một khoa học quan trọng từ cuối thế kỷ trước.

Như đã nêu trên, tiếng nói là biệt năng của nhân loại. Biệt năng này là yếu tố nền tảng để nhân quần hội thông được với nhau. Vào các thiên kỷ khởi đầu, ngay từ đời sống bộ tộc, rồi tới bộ lạc, với khung cảnh không gian và địa bàn sống rất xa

cách. Đời sống rải rác khắp địa cầu, giao thông cực kỳ khó khăn, kể như hoàn toàn cách biệt. Do đấy tiếng nói của con người khác biệt nhau ngay từ mỗi bộ tộc, mỗi bộ lạc. Về sau, qua một thời gian dài vài chục ngàn năm hợp sinh của các bộ tộc, bộ lạc gần nhau mà hợp thành chủng tộc riêng, và hợp ngữ thành tiếng nói riêng của chủng tộc. Do hoàn cảnh biệt cư và dị tộc như vậy, nên nhân loại có nhiều chủng tộc khác nhau, nhiều tiếng nói khác nhau.

Tiếng nói của mỗi chủng tộc được hình thành và phát triển theo hai nguyên tắc: Tự nhiên và quy ước.

Nguyên tắc tự nhiên là nền tảng. Rồi những ước định của giao tiếp, và sự tương quan giữa con người, và con người với phong thổ địa bàn sống, con người với vũ trụ, tạo thành những quy ước nói năng mà xây dựng cho tiếng nói phong phú hơn cùng con người hội thông với nhau nhiều hơn.

Tiếng nói của mỗi chủng loại là một hệ thống âm thanh đặc thù dùng làm phương tiện trao đổi ý tưởng, tình cảm và sự mong muốn của những người trong chủng loại. Tiếng nói của mỗi dân tộc được người trong tộc loại phát ra và đồng thời phải được người khác trong tộc loại tiếp nhận. Đó chính là hai phần vụ trọng yếu của truyền thông, nói và nghe. Ở mỗi cá nhân đều có hai cơ quan làm trọn phần sự đó. Cơ quan phát thanh và cơ quan thu thanh.

Các cơ phận của phát thanh là lưỡi, miệng, mũi, cuống họng (thanh quản), phổi điều động bởi trung khu nói. Trung khu nói phần lớn tập trung ở vùng trán của não bộ. Cơ phận thu thanh là hai tai, điều động bởi trung khu nghe. Trung khu nghe phần lớn tập trung ở vùng thái dương của não bộ.

Đây là sơ lược về các cơ phận của nói và nghe, còn lãnh vực tiếng nói thì được học hỏi và mô tả qua các phần:

- Vị cách đặc thù của âm thanh (âm vị học)
- Hình thái của tiếng nói (hình thái học)
- Cách phối trí của tiếng nói để thành câu nói, lời nói (cú pháp học)

Ngôn ngữ là một vấn đề rộng lớn và phong phú, ở đây

không thể bàn hết được, cho dù vô cùng sơ lược. Vả lại, công tác này dành riêng cho các nhà nghiên cứu ngôn ngữ. Vì thế, trong khuôn khổ hạn hẹp, bài này chỉ có thể khái lược một số điều có liên quan với sự nói năng của con người, để dẫn tới việc minh giải hiến chế tự do ngôn luận của văn hóa Việt. Lần lược sẽ sơ quát sau đây:

Mở đầu, thử nhìn tới nhân văn của nói năng.

Ngôn ngữ được đề quyết là quy ước nhân văn của nhân loại. Bởi lẽ mỗi âm thanh của tiếng nói đều mang tính biểu tượng để thông truyền tư tưởng, ý chí. Tiếng nói cũng là quy ước hội thông. Qua quy ước ấy, con người cảm thấu được nhau. Quy ước của ngôn ngữ rất linh động, luôn luôn biến thái và tăng triển phong phú hơn theo tiến trình lịch sử. Sự hội thông của nhân loại là một yếu tố tối quan trọng để phát triển và tiến bộ. Có phát triển, có tiến bộ con người mới đạt được đời sống hạnh phúc. Hay nói cách khác, sự hội thông của con người là của ngõ hội nhập vào đại ngã, (có lý thuyết gọi là hội nhập với thượng đế, hay với trời đất, hoặc với hư vô...), mà đó chính là cùng đích diễm phúc của con người. Nếu vậy, quy ước ngôn ngữ mà bất định, lời nói mà bất cảm, tư duy mà bất thông tri thì đúng là “cửa ngõ vào trời” bị khóa chặt.

Huyền thoại Do Thái kể dụ ngôn về tháp Babel để nói lên giá trị vĩ đại của sự hội thông của con người qua ngôn ngữ đối với hạnh phúc cao cả của nhân loại. Vào thời Genesis, tại thành Shinar con người hợp nhau dốc toàn lực xây tháp Babel làm cổng vào trời. Công tác bất thành, phải bỏ ngang. Sự thất bại của công trình xây tháp chẳng bởi vì không có phương tiện, chẳng bởi vì thiếu vật liệu, chẳng bởi vì con người thiếu thiện chí, chẳng bởi vì con người thiếu khả năng, chẳng bởi vì nơi chốn không đúng, chẳng bởi vì phong thổ bất an, mà duy chỉ một điều, vì con người không hội thông được với nhau. Đại nạn bất hội thông do bởi tình trạng loạn ngôn và đột biến bất đồng ngôn ngữ. Thế là từ đấy con người mắc nạn trầm luân xa rời đất trời. Sự bất đồng của đối thoại gây hại khủng khiếp, lịch sử đã chứng minh, biết bao tàn sát dã man, biết bao đầy đọa

khổ ải đều do tự đó cả. Bất đồng ấy, xét cho cùng, là do tại nơi tâm còn bị trì kéo bởi những năng lực bản nhiên chưa đạt nhân văn hóa. Hay có thể nói sự tai hại bất đồng là khởi xuất bởi nhân tính chưa thắng nổi thú tính. Ở trình độ, đó ngôn ngữ chỉ diễn đạt, thông truyền những cảm quan, những tư duy thô lậu. Cho tới khi những cảm quan, những tư duy của con người được xếp vào hàng lối để bước đều trong tiến trình vượt thắng thú tính, thì lúc đó mọi quy ước nhân văn của ngôn ngữ sẽ dần dần được hình thành.

Trước đây, một câu nói lừng danh từ hậu bán thế kỷ 18 ở Âu Châu, mà mãi cho tới nay vẫn còn làm châm ngôn cho mọi công cuộc vận động tự do ngôn luận. Câu đó là “mặc dù tôi không đồng ý với điều anh nói, nhưng tôi quyết tranh đấu cho tới cùng để anh có quyền nói ra điều đó”. Lời này thật độ lượng. Nhưng ngẫm nghĩ một chút lại thấy không ổn. Không ổn vì được tự do nói, như một cái “máy nói” vạy lên, nói bất kể điều gì. Kể cả lời ấy có làm bức bối, hay đau lòng người nghe, hoặc tai hại cách mấy chi nữa cũng mặc. Như vậy chẳng là vô ý thức lắm hay sao. Tự do lối này xem ra “bất nhân” quá. Trường hợp trở trêu, nói năng vô ý thức, dân gian ta có thành ngữ cảnh cáo rằng “không cho nói thì mếu, cho nói thì khóc”.

Còn trên bình diện nhân văn, thì lối phát ngôn trên thật đã làm “tiếng nói” không đi đúng với tiến trình “nhân đạo” (tiến trình nhân tính thắng thú tính). Nói cho hả cái lòng của bản năng sinh vật, bất kể tới tương quan người của chu trình tạo phức. Nói năng như thế có khác chi những âm thanh cơ sinh lý bản nhiên chỉ phản đáp theo điều kiện tự nhiên đồng hạng như mọi sinh vật. Thế mà tiến trình tạo luật tự do cho ngôn ngữ của thế giới cho tới nay vẫn chưa có gì khác với chiều hướng của “châm ngôn” đó.

Sự lúng túng cùng thiện chí của thế giới đối với việc lập một định chế tự do cho việc nói năng của con người thật đã rõ ràng. Khen ngợi có, răn trách có nhưng tựu trung rất đáng khuyến khích và nên tận lực hơn. Nghĩa là toàn cảnh, rất lạc quan.

Sau đây hãy quay lại với tiếng Việt và văn hóa Việt để thử xem vấn đề Tự Do Ngôn Luận như thế nào.

Tiếng Việt hẳn đã có từ lâu, chẳng rõ từ bao giờ, nhưng có thể đoán quyết tiếng Việt có từ khi chủng tộc Việt hình thành. Chủng tộc này tuổi đời khởi đầu từ khi nào? Đó là vấn nạn chưa được giải quyết. Người Việt đã thành chủng tộc riêng từ vài chục ngàn năm hay vài trăm ngàn năm, tới nay cũng chưa có đủ dữ kiện quyết đoán. Nhưng có một điều chắc là người Việt, tiếng Việt đã có từ lâu. Nếu muốn tính thời gian tất phải dùng tới đơn vị số ngàn thì đếm mới xuể. Tiếng Việt được lưu truyền sử dụng đời đời kế tiếp, và tiến hóa theo hoàn cảnh cùng thời gian.

Trước khi con người sáng chế ra phương tiện ghi âm trực tiếp tiếng nói thì phương pháp ký âm độc nhất là chữ viết. Chữ viết có quan hệ vô cùng chặt chẽ với tiếng nói. Trong lịch sử Việt tộc, chữ viết đã thay đổi vài lần trước khi có chữ quốc ngữ. Việc tìm kiếm dấu tích chữ viết cổ xưa của Việt tộc là điều khó khăn. Tuy vậy căn cứ vào tài liệu sử ký và khảo cổ, có thể đoán chắc rằng người Việt thời xa xưa cũng đã có chữ viết. Theo sử ký của người láng giềng phương bắc, giống người có nhiều liên hệ với Việt tộc, thì ngay từ trước thế kỷ 23 trước Tây lịch người Việt đã có chữ viết. Kiểu chữ này sử ký Trung Hoa gọi là chữ Khoa Đầu. Chữ Khoa Đầu có đủ khả năng ghi chép lịch sử, lịch số... Kiểu chữ này được dùng cho tới thời nào, ngày nay không còn sử liệu minh xác. Trong giai đoạn nước Việt bị thực dân phương bắc áp chế thì thứ chữ lưu dụng nơi kinh kỳ và trong các việc hành chánh là chữ Tàu. Loại chữ này cũng quen gọi là chữ Hán hay chữ Nho. Thứ chữ này không ký âm tiếng Việt, nhưng trong suốt giai đoạn phải dùng nó, người Việt đã Việt hóa cách phát âm mà thường gọi là âm Hán Việt. Người Việt cũng đã dùng âm Hán Việt để làm giàu cho tiếng nước ta. Điều nên lưu ý là chữ Hán đọc lên bằng âm Hán Việt người Tàu không nơi nào hiểu. Ngay trong khi bị ép dùng chữ Hán, một số trí thức Việt đã mượn cách ký âm Hán (mẫu tự Hán) để chế tác ra một kiểu chữ khác mà ký âm tiếng Việt, gọi

là chữ Nôm. Chữ Nôm đã được dùng vào công tác văn học. Theo sử ký, đời Trần Nhân Tông (1279-1293), quan thượng thư bộ Hình, Nguyễn Thuyên, là người đầu tiên dùng chữ Nôm làm thơ phú. Chữ Nôm cũng có thời được triều đình chọn làm Quốc Ngữ (thời Hồ 1400-1407; thời Nguyễn Tây Sơn 1788-1802). Vào tiền bán thế kỷ 17, một nhóm giáo sĩ Ki-tô giáo Bồ, Ý, Pháp, đặc biệt có công lớn là giáo sĩ Đắc Lộ (Alexandre De Rhodes), đã dùng mẫu tự La Tinh và các dấu âm mà chế tác ra một kiểu chữ để ký âm tiếng Việt. Về sau (khoảng tiền bán thế kỷ 20) kiểu chữ này trở thành Quốc Ngữ của người Việt. Cho tới nay qua nhiều đóng góp cải thiện, chữ quốc ngữ đã trở nên phương tiện huyền diệu ghi được đầy đủ các âm của tiếng Việt.

Đây là vấn đề của chữ viết. Công ích của chữ viết thật là vĩ đại. Con người đã phải tuyên dương chữ viết là ánh sáng rực rỡ của văn minh, chuyển hóa nhân loại vào thời kỳ huy hoàng. Bởi lẽ chữ viết đã giúp nhân loại hợp thông được với nhau không chỉ hạn hẹp cục bộ, mà đã khoảng khoát rộng rãi vượt không gian và thời gian. Do vậy, sự hội thông giữa con người trở nên rộng lớn và lâu dài. Thế nhưng, thường hằng hơn, lâu đời hơn, tác dụng thiết thân hơn tất cả chính là tiếng nói. Quan hệ giữa tiếng nói và chữ viết chặt chẽ tới độ ai cũng coi chữ viết là lời nói. Hay có thể nói chữ viết chính là một dạng khác của tiếng nói.

Trong lãnh vực truyền thông, chữ viết đã làm trọn phần vụ thông truyền và lưu giữ tiếng nói. Căn cứ vào tiếng nói thực tế thường nhật (tiếp nhận bằng tai), và các tài liệu ký âm tiếng nói bằng chữ viết (văn bản) (tiếp nhận bằng mắt,...) thì tiếng Việt là một đối tượng nghiên cứu vĩ đại, trải rộng qua nhiều lãnh vực của học hỏi.

Ở đây chỉ sơ tóm vài khía cạnh của ngôn ngữ quan thiết với vấn đề tự do của ngôn luận.

Trước tiên, là giá trị biểu tượng của tiếng Việt. Tiếng Việt diễn tả được đầy đủ mọi sự việc cụ thể và trừu tượng, cùng mô tả được vật chất lẫn tinh thần. Tiếng Việt truyền đạt được cảm quan của con người đối với sự thể trong vũ trụ cùng phản ứng

tâm lý do rung động bởi sự thể. Trong lời nói của người Việt thường phô diễn qua ba thể: phú, tử, hứng. Hoặc phối hợp những thể ấy trong cách diễn tả.

Một cách đơn giản, ba thể này có thể hiểu như sau:

Phú là phô bày, mô tả thẳng vào sự việc hay nhân sự.

Tử là ví von, so sánh, mượn sự vật, sự việc khác để nói lên ý muốn diễn tả.

Hứng là nói lên, trưng ra cái tình ý nhân một sự vật hay sự việc gì.

Hãy thử lấy những câu ca dao mà dẫn chứng.

Phú:

Chẳng tham ruộng cả ao liền

Chỉ tham cái bút cái nghiên anh đồ.

Tử:

Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Hứng:

Trên trời có đám mây xanh

Ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng

Ước gì anh lấy được nàng

Thì anh mua gạch Bát Tràng về xây

Xây dọc rồi lại xây ngang

Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân.

Phú và Tử:

Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng

Nhiều vàng bông trắng lá xanh

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Phú và Hứng:

Qua cầu ngả nón trông cầu

Cầu bao nhiêu nhịp dạ sầu bấy nhiêu

Hứng và Tử:

Dao vàng bỏ dây kim nhung

Biết rằng quân tử có dùng ta chăng?

Phú và Hứng và Tử:

Phú: Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Húng: Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em đã có chồng anh tiếc lắm thay
Húng: Ba đồng một mớ trâu cày
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không
Bây giờ em đã có chồng
Tỷ: Như chim vào lồng như cá cắn câu
Cá cắn câu biết bao giờ gỡ
Chim vào lồng biết thuở nào ra.

Kể đến, trong lãnh vực tương quan xã hội của ngôn ngữ, tiếng Việt phát biểu trên nền tảng thân tộc. Nền tảng này được xây đắp bởi nguyên lý chấp đôi, mà thường gọi là nguyên lý âm dương. Nguyên lý chấp đôi cũng có người gọi là song trùng (Kim Định) hay lưỡng hợp (Trần Quốc Vượng). Nguyên lý chấp đôi thể hiện rõ ràng trong lối nói, cách dùng tiếng (dùng chữ) của người Việt.

Trong đối thoại, Việt ngữ có khá nhiều tiếng thành cặp như: *ông bà, cô cậu, dâu rể, cô dâu chú rể, cha sinh mẹ đẻ, đất nước, ...* Trong lối nói thường có đầy rẫy tiếng chấp đôi ở đủ mọi thể cách. Những tiếng chấp đôi cũng được các nhà ngôn ngữ gọi là từ kép hoặc từ láy hay từ lặp láy. Các loại tiếng này cũng được nghiên cứu kỹ lưỡng và khá phức tạp. Thêm nữa, cách ngắt giọng của câu nói, và tiết tấu của câu văn, cùng tiết nhịp của thơ phú, hay những thanh âm của thi ca đều có nguyên tắc chấp đôi giao đối, như thường thấy trong lối nói thường nhật, trong ca dao tục ngữ cùng trong thể vãn 6 / 8 của ta...

Điều cần lưu ý ở đây là nguyên lý chấp đôi thể hiện rõ ràng trong cách nói và cách sắp xếp giống tính khi xưng hô. Vị trí giống tính mang ý nghĩa riêng cho mỗi trường hợp. Nhưng tựu trung đều nhấn mạnh vào giá trị sinh tác của nam hay nữ trong hoàn cảnh tương hợp và diễn tả được mọi tương quan bình đẳng giống tính của con người.

Trong đối thoại, người Việt dùng liên hệ thân tộc để xưng hô. Điều này chứng tỏ cường độ hội thông tới hiệp nhất trong

nghĩa đại đồng của nhân loại. Ý nghĩa đó đã đưa tới sự nhất quán huyết thống mà đạt được tinh thần dung dị hòa hợp mọi dị biệt trong nhân loại. Tinh thần dung dị (dung hợp mọi dị biệt) là một khả năng nhân văn thúc đẩy thăng hoa nhân tính.

Điều nên biết là giá trị nhân văn được ước định cao thấp tùy thuộc khả năng kiềm chế lời nói, lượng số thuật ngữ thanh lịch, mức độ khả tín và trọng lời, cùng cường độ thỏa đáng chung của đối thoại.

Qua nhiều ngàn năm trên tiến trình nhân văn, Việt tộc đã ý thức được giá trị của tự do ngôn luận, và coi tự do như là yếu tác tạo phúc cho con người. Trong nếp sống nhân văn đó, cùng nề nếp ngôn ngữ nhân đạo, văn hóa Việt đã hình thành được hiến chế cho tự do ngôn luận. Hiến chế này đã thấm thấu vào cộng đồng dân tộc và quần chúng hóa thành ẩn dụ:

Lời nói chẳng mất tiền mua

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

Tài tình thật, cả một hiến chế, cả một bộ luật phức tạp, tốn bao tranh biện, tốn bao giấy mực, cả thế giới đang nhọc lòng đốc sức mà vẫn loay hoay chưa ổn, thế mà chỉ cần hai câu, một sáu, một tám cộng lại mười bốn (14) tiếng, với bốn (4) tiết thế là hoàn tất ổn thỏa.

Cứ tuần tự trước sau trên dưới mà ngẫm thì:

Lời nói: là câu lộn nghĩa, diễn tả cảm nghĩ với sự hoàn bị của cấu trúc phát ngôn (cú pháp).

Chẳng mất tiền mua: Lời nói mà chẳng mất tiền mua, chứng tỏ đã vượt ra ngoài quyền uy của tiền bạc. Không lệ thuộc vào giới hạn trao đổi, ngoại quyền, không lệ thuộc vào sự kiện bán hay mua. Như vậy ngôn luận đã được tự do không còn chi ngăn cấm. Không bị ràng buộc bởi bất cứ thành tố vật chất nào nữa. Tiền bạc là yếu tố lượng giá chuẩn đích của thời kỳ kim bản, vậy mà lời nói không còn bị ràng buộc bởi tiền bạc thì tất hẳn đã quá rõ là lời nói được giải phóng khỏi mọi áp chế vật chất.

Ấy vậy, như đã khá dài dòng ở các phần trên mà biện giải cho giá trị nhân văn của con người, trong đó tự do là một thành tố quan trọng. Vì tự do của con người không phải là tác động

của bản năng sinh vật, mà phải là tác động nhân văn. Có nghĩa là một tác động trong chiều hướng thăng hoa nhân tính để thúc đẩy tính người thắng thú tính (nhân tính thắng tính thú) mà hoằng dương nhân đạo. Nếu vậy, lời nói phải là tác động thỏa hợp được với cộng thể dân tộc (và nhân loại) thì mới là tác nhân tạo phúc cho nhân quần. Muốn như vậy thì:

Lựa lời mà nói. Điều này đòi hỏi sự tham dự tích cực của ý chí và lý trí. Đó cũng là yếu tính đặc thù xây dựng sự cao đẹp và linh thiêng cho con người. Ý chí và lý trí phối hợp với thiên tính thuần lương thành tính lương tri khiến con người vượt thoát được bản năng sinh vật mà tiến vào giai tầng nhân tính. Lương tri là phương tiện điều hướng nói năng, lựa chọn lời lẽ để ngôn ngữ trở thành yếu tố điểm phúc cho nhân loại. Dùng lương tri làm kim chỉ nam, dùng nhân đạo làm khuôn phép mà ngôn luận, thì lời nói sẽ giúp cuộc đời thăng hoa hoan lạc.

Vừa lòng nhau: Vừa lòng ở đây, chẳng phải là vừa lòng người nói. Vì thế, chẳng hóa ra quá nặng về bản năng sinh vật (trọng ngã). Cũng chẳng phải là vừa lòng người nghe. Vì thế là xu nịnh tha hóa (vọng ngoại). Mà thực là vừa lòng *nhau*, tức là vừa lòng cái chung thăng tiến. Hay cách khác gọi là vừa lòng công thể, thỏa đáng nhân văn mà đạt hội thông để thăng hoa nhân đạo. Nhân văn, nhân đạo chính là nền tảng, là mực thước để chọn lời.

Trên bình diện thông tục xã hội, ẩn dụ

Lời nói chẳng mất tiền mua

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau

còn là nguyên tắc giữ hoà khí trong giao tế, là sự khôn ngoan ý thức được giá trị thời khắc của phát ngôn, trong tập hợp: Lời nói, cách nói, người nói, người nghe, lúc nói. Tập hợp này mà khiếm khuyết, không trúng cách thì là điều bất hạnh. Chả thế mà dân gian đã nói:

Không cho nói thì mếu

Nếu cho nói thì khóc

Xem thế chỉ tóm gọn có hai dòng 6/8 với 14 chữ mà bao gồm được lý lẽ của tự do ngôn luận. Ngoài sự súc tích và trong

sáng của tiếng Việt trong ẩn dụ đó, phải kể tới sự minh hiển cao cả của nhân văn trong văn hóa Việt. Ẩn dụ dân gian ấy đã lồng khuôn vàng hiển chế tự do ngôn luận để minh chứng:

Tự do ngôn luận là quyền tất yếu của con người

Tự do ngôn luận phải được xây dựng trên nền tảng nhân văn

Tự do ngôn luận phải là yếu tác tạo phúc cho nhân loại

Tự do ngôn luận phải là nhân tố tiến hóa trong tiến trình thăng hoa tính người (nhân đạo)

III. Tóm Kết

Văn hóa Việt đã minh định Tự Do Ngôn Luận là quyền quan trọng của con người và cũng đã định nguyên tắc nhân văn cho ngôn luận. Nói chung, mọi sinh động trong nền văn hóa của Việt tộc đều hình thành từ nền tảng nhân đạo. Điều chi trái với nhân văn, trái với nhân tính, trái với đạo làm người thời sớm muộn cũng bị đào thải. Nền văn hóa Việt vô cùng cao cả, con cháu nếu không lo tròn trách nhiệm bảo toàn và phát huy để các giá trị nhân văn thăng tiến mà tạo phúc cho nhân quần thì thật đáng trách.

Nếu con dân Việt biết tự hào và xây đắp cho nền văn hóa Việt huy hoàng thì đó chính là yếu tố nền tảng của tiến bộ và của đời sống an hòa.



phan ni tấn (n.d.)

Ngọn Lửa Cũ

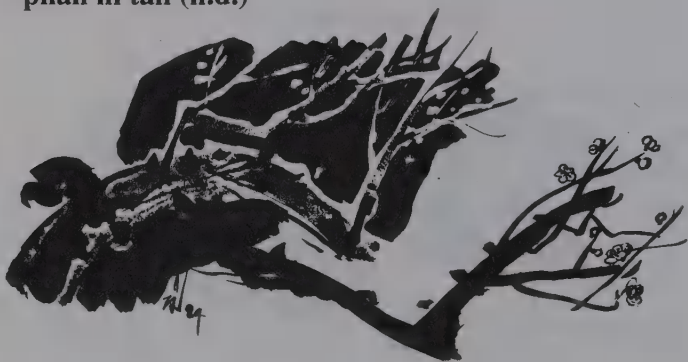
*ngày nàng bỏ đi
còn lại tôi với quê hương ưu phiền gầy guộc.*

*buổi sáng
quê hương nuôi tôi bằng ngậm nước máy cầm hơi.
tôi đi bán thuốc lá lẻ
sống cho ra con người một ngày.
buổi ăn trưa trên đầu nắng cháy
đôi khi chợt mưa ướt miếng bánh mì.
tôi ăn cho qua buổi trời làm người thất thế
ngày trên quê hương tôi có quá nhiều điều buồn thảm
tất cả đều được đổi mới đảo lộn để bị khổ hơn
ở ngoài đường không thấy người chết
nhưng cõi lòng thì thực tan hoang.
đêm tôi về đi lang thang ăn mày chỗ ngủ
vĩa hè sạp chợ ống cống nhành cây
tưởng như đã quen hơi hướm này.
rất nhiều đêm không ngủ được vì đói
tôi rình tôi
lắng nghe con gió bay lên khoảng đời xao xác.
tôi rình tôi
lắng nghe rác rưởi bụi đen rơi xuống tịch lặng.
trời Sài gòn không phải lúc nào cũng nóng
có đêm về sáng cái lạnh run người làm tôi nhớ em thực tình
đứt ruột.
tôi muốn nhớ rất nhiều*

những bài ca cũ nhiều năm không nhớ
nhưng tiếng khóc của nhà văn say rượu hôm nào
làm hao mòn trí nhớ
và những nhà thơ cũ quanh đây
không muốn viết một bài thơ.
tất cả đều canh chừng cuộc sống
canh chừng một ngày còn chút tự do
sự tự do len lỏi luồn qua nỗi khó khăn chông chênh.
tôi vẫn nhớ hoài chai nước uống
gió đánh bể lúc mặt trời chưa lên
nằm tan hoang trên nền đất ướt
tôi vẫn ngồi im như thanh kiếm cổ ngẫm về điều gở
chỉ có khói từ cọng nhang bay ra
thơm và tan
như bóng nàng khuất cuối ngã ba.

thời thì
ngày mai em có trở về
nhớ ghé thăm giùm tôi những chỗ nào tôi đã đi qua
những chỗ ngày xưa tôi đã sống
sống nơi thật xa nhà
có quê hương mà như không có
ngày ấy
tôi giống như một hạt bụi lấm.

phan ni tấn (n.d.)



Ngó Vô Tháng Bảy

*Vịn hạt đậu ngó vô tháng Bảy
thấy mưa ngâu run rẩy bay về
đất trời trải miếng thảm thê
khóc con ô thước ủ ê bắc cầu.
Vịn hạt bụi ngó sâu vô núi
thấy cảnh cao giũ túi sương mù
thấy người đầu đội mùa thu
đội người năm trước về từ chia ly.*

*Ngậm hạt úa có khi thơm phức
miếng trần ai sắc tức thị không
trèo lên trên ngọn phiêu bông
bước chân tịnh độ cỡi lòng mây bay.*

*Vịn đàn gió thấy cây bông sậy
vướng thời gian biết mấy hao mòn
ngồi trên chót vót chon von
ngó về quê cũ nước non mơ hồ.*

*Ngậm hạt lệ nuốt thư thái xuống
bóng vàng thu lại muốn rơi đầy
người xưa mà lạc bàn tay
thà xin làm ngọn gió bay lên trời.*

phan ni tấn (n.d.)

Nguyệt Phai

*nhiều khi em bây giờ
thèm trốn vào trong nhớ
hỏi thăm đôi hàng thơ
về người xưa ở núi.*

nhiều khi em ngậm ngùi
nỉ non vài khúc hát
nỗi nhớ người không phai
kéo lòng em trĩu xuống.

anh là hạt gió sương
động trên nhành lá biếc
rồi theo dòng sinh diệt
nở ra thành người yêu.

em từ đường trăng chiếu
bước ra như là mơ
tay cầm câu ước hẹn
tay cầm một hồn thơ.

cầm trong tay nức nở
giấc mong manh đời ai
cầm trong tim bé nhỏ
trở trần khối tình hoài.

cầm con sông đứng lại
đò ơi sẽ ngừng trôi
cầm oan khiến đứng lại
anh đã chưa qua đời.

đã không là cát bụi
cuốn qua đoạn trường này
đã không cùng bạc mạng
ngoài chiến trường phơi thây.

bây giờ anh hư vô
máu không hồi tâm nữa
lệ em rồi cũng khô
hao mòn trên nỗi sống.

bây giờ anh hư không
đứng cả ngoài mưa nắng
từ anh là viên đạn
lòng em là cuộn băng.

cuộn lại một vầng trăng
không cho nguyệt phai nữa
cuộn lại một ngọn lửa
soi cho ấm tâm đầu.

đời là miếng bẻ dâu
nhai hoài không thấy dứt
nổi sầu xanh biếc ngực
nặng tay người chia phôi.

nhiều khi lòng bồi hồi
nghe mưa qua nhè nhẹ
nghe chiều trôi khe khẽ
nghe bóng em tà dương.

người nghe đã vô thường
chiếc hồn bay vàng vổ
anh ơi một ngọn gió
tóc em rơi hồ như...

nhiều khi em bây giờ
lòng như miếng sầu ứa.

phan ni tấn (n.d.)

song hường

Tình Tôi

Tôi kể người nghe một chuyện tình
Mười năm vẫn giữ nét nguyên trinh
Qua hồi xuân sắc trời nghiêng bóng
Kết mối thâm tình buổi xế chinh!

Thuở ấy tôi yêu phải một người
Lần đầu rung động quả tim tôi
Hồn thơ giao cảm đôi tao khách
Tri kỷ thân thương chẳng đổi dời.

Từ đó chàng là gương của tôi
Như vầng trăng bạc khắp phương trời
Trên đường văn nghệ tôi noi bước
Đem bút nghiên tô thắm cuộc đời.

Mái tóc sương cài dưới bóng dâu
Tình tôi vẫn đẹp cuối như đầu
Sắt son chẳng hện mà son sắt
Đôi quả tim yêu khắc đậm màu.

Có nhớ chăng anh một buổi nào
Cùng nhau viếng bạn dưới mưa rào
Nghiêng nghiêng mái bạc anh vừa bảo:
“Mưa gió lo gì, ta có nhau!”

Những tưởng dòng đời có thể trôi
Nào hay mây nước rẽ đôi nơi
Vàng trắng thuở trước ai chia xẻ
Một nửa bên rèm, một nửa trôi.

Ngày tháng qua rồi, năm cũng qua
Chỉ còn lẳng đọng ở lòng ta
Bao nhiêu kỷ niệm vàng son ấy
Là một trang tình thêu gấm hoa.

song hường



Ông Cọp

Xin khoe ngay với các cụ một tin vui, rất cá nhân: sau khi trình làng cuốn *Đất yêu thương* vào tháng Ba vừa qua, tôi nhận được nhiều thư độc giả. Thư nào cũng đầy ắp ân tình, khen nhiều chê ít, may quá sức. Một trong những bức thư mà tôi thích nhất là của một vị trưởng lão ở thủ đô Ottawa. Xin được gọi là cụ Ottawa. Cụ góp ý với tôi về chữ *êm*, em hỏi *êm*, tiếng nói về người yêu.

Sở dĩ có bức thư này là vì, trong cuốn sách vừa ra mắt, tôi có bàn về tiếng miền Nam rút ngắn, ông ấy thành ông, bà ấy thành bà, anh ấy thành ảnh, nhưng tiếng em thì không bao giờ rút lại thành ẻm. Không bao giờ có tiếng ẻm. Cụ Ottawa bảo rằng có tiếng ẻm. Và cụ chứng minh bằng một chuyện tiếu lâm như sau: Ngày xưa có một tên trộm lẻn vào phòng cô dâu chú rể đêm tân hôn. Hắn nghĩ rằng đôi trẻ yêu nhau say đắm xong thì thế nào cũng ngủ say, lúc đó mình sẽ ra tay. Nào ngờ đôi trẻ không hề ngủ say, mà suốt đêm cứ làm nũng nhau. Cô vợ cầm tay chồng rồi âu yếm hỏi: “Tay ải tay ai?” Anh chồng đáp lại ngay: “Tay ảnh tay anh”. Rồi chồng cầm tay vợ và cũng hỏi: “Tay ải tay ai?” Cô vợ liền đáp: “Tay ẻm tay em”. Cái điệp khúc tay ảnh tay anh, tay ẻm tay em cứ lặp đi lặp lại hoài, anh trộm ở dưới gầm giường không làm ăn gì được. Chờ mãi đến sáng, tên ăn trộm sốt ruột quá bèn thò đại tay lên đầu giường hy vọng mò được tiền bạc, ai ngờ cô vợ rờ thấy bàn tay liền hỏi: “Tay ải tay ai?” Biết bị lộ, tên trộm tức quá bèn trả lời: “Tay ông tay ông” rồi tông cửa chạy tháo thân.

Xin cảm ơn cụ Ottawa đã cho biết có tiếng *ẻm*, tuy tiếng

êm của cụ là tiếng chỉ nhân vật ngôi thứ hai, còn tiếng *êm* của kẻ hèn này là ngôi thứ ba.

Thấy tôi hay kể chuyện cười đở, cụ Ottawa cũng kể cho tôi nghe chuyện bà con của cụ. Sau năm 1975, cụ còn ở Sài gòn. Cụ gặp một người bạn cũ từ Hà Nội vào. Cụ hỏi thăm về một người cháu ngày xưa là được sĩ, vì mê bác Hồ mà năm 1954 đã ở lại miền Bắc. Ông bạn trả lời: Anh ta bây giờ thuộc thành phần “*ăn uống qua loa, mặc áo chuyên gia, đi xe cố vấn*”. Thấy cụ gật gù khen cho đứa cháu tốt phước thì ông miền Bắc này cười lớn rồi giải thích. Rằng nó không tốt phước đâu. Không phải nó giàu có chỉ ăn uống qua loa, được làm chuyên gia và đi xe ô tô dành cho các cố vấn đâu! Dân ngoài Bắc giễu mà! Nó đói lắm, nó phải ăn cơm tập thể. Lo phóng thanh gọi đi ăn cơm là phải đi cho lẹ nếu không thì hết phần. Quần áo nó không đủ nên cả ngày phải cởi trần, phơi da ra ngoài. Và nó đi xe đạp tời tàn đến độ vỏ xe hư phải lấy vải mà vá lại, không còn bơm hơi được nữa.

Tôi đem chuyện này kể lại với bà cụ B.95. Cụ bà gật gật cái đầu rồi bảo: Cả Hà Nội ngày xưa ai cũng biết chuyện đó. Té ra chỉ có tôi là lạc hậu. Không ngờ tôi chậm tiến như làm vậy và cũng không ngờ nhờ ơn Bác và Đảng mà dân miền Bắc hạnh phúc như làm vậy!

Rồi cụ B.95 nói nhỏ với tôi: Lão chỉ mong cho bọn CS chóng tàn để về sống những ngày còn lại trong nắng ấm của VN. Nếu có nhắm mắt xuôi tay thì được nằm bên phần mộ tổ tiên. Ở đây, nói đổ xuống sông xuống biển, nếu chết thì phải nằm bên ông tây bà đầm, vừa xa lạ, vừa lạnh lẽo. Không siêu thoát được!

Lời tâm sự trên đây làm tôi nhớ lời ông ODP bạn tôi. Ông bảo ngày xưa có câu nói về ba điều sướng trên trần là được ăn cơm Tàu, ở nhà Tây và lấy vợ Nhật. Bây giờ phải thêm điều sướng thứ bốn là “chết Việt Nam”. Ở quê mình thì cái chết rên rang lắm. Cả làng cả tổng đều biết. Con cháu tụ họp đầy nhà, khóc lên rưng rức. Đám tang có kèn trống inh ỏi. Phần mộ được xây cao lộng lẫy. Ở Canada này thì khác hẳn. Ở đây thì

chết im lìm. Đám tang im lìm. Phần mộ chỉ là một miếng đá nhỏ cũng nằm im lìm trên bãi cỏ.

Bà cụ B.95 có người cháu gái tên là Mỹ Vân. Cô này đã phàn nàn với tôi về cái tên này. Tên cô theo tiếng Việt thì đẹp như vậy, thế mà bạn bè ở Canada không thấy cái đẹp thơ mộng, lại hiểu cái tên của cô chỉ loại xe vận tải nhẹ. Tôi mới gọi điện thoại yên ủi cô về cái tên này. Số là tôi mới đi Âu châu về, các cụ ạ. Mấy hội đoàn bên đó thấy tôi hay nói chuyện cười nên mời tôi sang giúp vui. Trạm đầu tiên là ở Hoà Lan. Ở đây tôi học được nhiều điều hay lắm. Đúng là đi một ngày đàng học một sàng khôn. Cái sàng này lớn lắm, để thủng thẳng tôi sẽ trình các cụ sau. Mấy bà mấy cô ở Hoà Lan có tên Vân cũng bị khổ về cái tên. Vân, người Hoà Lan đọc là “phân”. Than ôi, đang là mây bay trên trời bây giờ không những bị hạ xuống đất mà còn trở thành một thứ dơ dáy! Khổ biết chừng nào! Cô Mỹ Vân nghe tôi kể chuyện này thì cười ngay và hình như hết buồn về chuyện xe vận tải.

Buổi nói chuyện về *“Tiếng cười trong văn chương bình dân VN”* của tôi ở Hoà Lan do hội văn Cái Đình và các văn sĩ Nguyễn Hiền và Nguyễn Hoàn Nguyên tổ chức. Còn nơi cư ngụ của tôi là nhà ông bà Bác sĩ Trần Đức Thành. Ông Thành đã dẫn tôi đi chợ phiên địa phương và một phép lạ VN đã xảy ra: chúng tôi đã mua được rau ngò om và rau rút. Dân thiểu số Thổ Nhĩ Kỳ ở đây cũng ăn rau ngò om và rau rút như phe mình. Chúng tôi đã có một bữa ăn thuần túy VN trên đất Hoà Lan: đầu cá nấu canh chua với lá ngò om, tiếng Bắc kỳ của tôi là rau ngổ, và rau rút luộc chấm nước mắm, ăn với cơm tám nòng Hương. Tôi tin tử vi hết sức. Trong số tử vi, tôi có sao Thiên Trù, ngôi sao chỉ cái bếp nhà trời, bởi vậy đi đâu cũng được ăn, vừa ăn ngon vừa ăn nhiều. Cũng như sau đó một tuần, đến Paris, tôi đã được ăn một món rất Bắc kỳ: rau dưa cần, cần ta, cần tháng chạp ngoài Bắc. Món này do chị Từ Dung, bà bề trên của nhà văn Từ Nguyên thiết. Nhóm chúng tôi đều tôn vinh vợ mình là “bà bề trên”, các cụ có đồng ý là chúng tôi có lý không?

Trong bài nói chuyện về tiếng cười, tôi nói tới câu tục ngữ miền Nam “*lụt lẹt mà địt ra khói*”, cả hội trường cười. Một văn hữu ngồi bên nói ngay: câu này áp dụng vào vua Đặng Tiểu Bình của nước Trung Cộng thì đúng hết sức. Quả vậy, ông vua này cao có 1 thước 54, thế mà hét ra lửa, át cả vua Mao Trạch Đông. Trong buổi trà đàm sau đó, ông bạn cho biết cái nước Đại Pháp này đã đào tạo ra hai người Á châu làm nghiêng trời nghiêng đất. Vị thứ nhất là ngài lụt lẹt Đặng Tiểu Bình. Vị thứ hai là ngài Pol Pot. Nói xong ông vừa cười vừa hỏi tôi: Bạn có biết ông Đặng mê bánh croissant của Tây đến độ nào không? Việc này thì tôi mù tịt. Ông kể: Năm 1974, ông Đặng qua Nữ Ước họp hội đồng Liên Hiệp Quốc. Trên đường về, ông ghé Paris mua 100 bánh croissant để đem về Bắc Kinh, vừa để ăn và nhớ lại những ngày du học Pháp quốc từng sự tại hãng xe Renault, vừa chia cho Chu Ân Lai, anh em cột chèo.

Văn hữu này rất vui tính và tỏ ra chữ nghĩa đầy mình. Văn hữu khi luận về lịch sử Pháp thì nhắc đến hai trận Waterloo và Điện Biên Phủ. Ông bảo cái lý do mà Pháp thua hai trận này là ở cái tên viết sai. Đã Water là nước, rồi lại còn thêm “l'eau” cũng là nước nữa. Đã Điện rồi mà lại còn thêm Phu (fou) cũng là điên. Văn Tây gọi cái lỗi này là lỗi nói dư, pléonasmе. Như tiếng Việt mình nói “cấm không được hút thuốc”, chữ “không được” là dư, vì “cấm hút thuốc” là đủ rồi. Xin bái phục sự thông minh của văn hữu nước Đại Pháp.

Xin trở về cụ B.95 ở Canada. Cụ xem các băng hình ca nhạc thì thích lắm. Cô ca sĩ nào bận áo dài thì cụ cũng khen. Cụ bảo sang đây thở không khí tự do và ăn ngon mặc ấm nên người con gái nào cũng đẹp ra. Lại bận áo dài nữa nên đẹp hết sức. Cụ kể: Sau 1954 thì Hà Nội hết áo dài. Năm 1975, cô Kim Cương và mấy cô Sài gòn ra Hà Nội bận áo dài đi phố đã làm ngẩn ngơ nhiều người miền Bắc. Tôi cũng chạy ra ngó. Thấy áo dài tôi như thấy lại được Hà Nội năm xưa khi Bác chưa về.

Ông ODP bây giờ mới lên tiếng. Ông thưa rằng ông cứ tưởng cụ chỉ nhớ yếm đùi, thắt lưng lụa, áo tứ thân, khăn mỏ quạ như Nguyễn Bính ngày xưa đã tả. Thấy mọi người có vẻ

ngạc nhiên, ông đọc bài thơ Nguyễn Bính nói về chàng trai trách người yêu lên tỉnh về:

*Hôm qua em đi tỉnh về
Đợi em ở mãi con đê đầu làng
Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng
Áo cài khuy bấm em làm khổ tôi.
Nào đâu cái yếm lụa sồi
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân
Nào đâu cái áo tứ thân
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen.
Nói ra sợ mất lòng em
Van em, em hãy giữ nguyên quê mùa
Như hôm em đi lễ chùa
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh.*

Chàng John nghe xong bài thơ bèn phát biểu. Rằng y phục phải cải tiến với thời gian chứ. Nếu cứ khăng khăng với y phục cổ truyền thì bây giờ ta phải đóng khố, búi tóc, ăn trầu, nhuộm răng. Cụ B.95 bây giờ mê áo dài của mấy cô ca sĩ là điều đáng mừng lắm. Chứ bây giờ mà cụ bắt con cháu phải bận quần nái đen, áo the thâm và yếm sồi thì bỏ mẹ cả nhà!

Nhóm chúng tôi đến thăm cụ B.95 theo lối du kích, nghĩa là không báo trước. Lại đến đúng vào ngày lễ Mother's Day, ngày dân Bắc Mỹ tôn vinh các bà mẹ. Năm ngoái chúng tôi đã du kích. Năm nay chúng tôi du kích nữa. Năm ngoái bọn tôi mang bánh giò. Năm nay bọn tôi mang chả giò, cũng do chị Ba Biên Hoà và vợ ông H.O. gói. Mang theo cả nước mắm pha. Lại một lần nữa cụ B.95 cảm động muốn khóc. Cụ gọi chả giò là nem rán. Theo lối Bắc kỳ ngày xưa thì nem rán làm bằng thịt cua bể với miến, mộc nhĩ, hành. Còn theo lối chả giò miền Nam thì biến thiên và linh động lắm. Có thể là thịt heo, hành tay, củ đậu trộn với miến tàu, muối tiêu. Ở hải ngoại không sẵn củ đậu thì thay bằng giá. Muốn cho sang hơn thì thêm thịt cua và thịt tôm. Chả giò chánh hiệu phải gói bằng bánh tráng mới ngon, mới giòn. Chả giò ngon là chả giò có nhân vừa mềm vừa thơm, vỏ giòn, không hôi mùi dầu chiên, và ăn lúc nóng. Lại

phải chấm với nước mắm pha đúng điệu nữa.

À, xem quên. Tôi mới học được bí quyết pha nước mắm ngon hết xẩy. Chị Ba Biên Hoà bằng lòng cho phép tôi công bố bí quyết để đồng bào phát huy văn hoá VN. Bây giờ chả giò nổi tiếng khắp thế giới, chúng ta nên phổ biến luôn nước mắm nữa. Đây là công thức: 1 mắm, 1 giấm (trắng), 2 đường, 3 nước lã. Đơn vị lớn nhỏ là tùy quý vị. Cho thêm ớt và tỏi sau. Ớt tỏi nhiều hay ít thì tùy khẩu vị cá nhân.

Trong miếng chả giò chấm nước mắm, chúng ta có ngũ vị và ngũ sắc. Vũ trụ âm dương ngũ hành được gói ghém hài hoà trong một miếng ăn, đó là cái triết lý an nhiên tự tại của tổ tiên chúng ta.

Viết đến đây tôi bỗng giật mình. Tôi đưa các cụ đi xa quá rồi. Từ tay em tay em tới cô Vân, tới vua Đặng Tiểu Bình, tới áo dài rồi miên man sang chả giò nước mắm mà quên bồng chuyện thời sự Canada! Xin được kể chuyện lặt, tuy đã qua nhưng còn là điểm nóng!

Nước lụt bên Mỹ, từ North Dakota, đã theo sông Hồng, Red River, tràn sang Canada, làm ngập lụt nhiều nơi. Dân tỉnh bang Manitoba đã phải di tản tránh lụt. Một trăm năm nay chưa hề bị lụt như thế này. Máy ông bà hàng xóm của tôi thì đổ tội cho bên Mỹ, rằng bên đó cho phá thai tự do tức là công khai cho giết người, do đó trời phạt.

Nhân biến cố nước lụt này tôi mới thấy bên Mỹ có hai sông Hồng, một sông theo hướng bắc nam từ North Dakota chạy lên tới Manitoba ở Canada, một sông nữa theo hướng đông tây ở phía nam.

Bà đầm già hàng xóm thấy cảnh vừa lụt vừa cháy nhà, cảnh tự sát tập thể của 39 ông bà theo đạo Công Thiên Đàng ở bên Mỹ và 5 ông bà theo đạo thờ Đền Thờ Mặt Trời ở Canada thì luôn miệng cho rằng ngày tận thế sắp đến nơi mất rồi!

Mặc dầu bị thiên tai và nhân tai như vậy, dân Canada nói chung vẫn sống ung dung hạnh phúc. Theo thống kê của hãng uy tín Angus Reid vừa được công bố trên tuần san *Maclean's* số trung tuần tháng Tư, về mặt hạnh phúc thì cứ 100 người, Úc

châu có 91 người, Canada có 87 người, Đức có 86 người, Hoa kỳ có 85 người; còn bên Nga chỉ có 38 người. Thế có nghĩa rằng dân Canada đứng hàng thứ hai trên thế giới về đời sống hạnh phúc. Cũng theo thống kê trên, đáp câu hỏi “Người Canada có lịch sự không?” thì 97% người Pháp, 95% người Đức, 91% người Mỹ công nhận dân Canada rất lịch sự. Đáp câu hỏi “Người Canada có sexy không?” thì 85% người Ukraine, 76% người Bỉ, 75% người Nhật công nhận người Canada sexy. Tôi định dịch chữ sexy là “gợi cảm”, không biết có trúng không. Có ông bạn bảo phải dịch là “gợi dục”, nghe vừa tục vừa ghê thế nào.

Nhân nói tới sexy, xin đưa tin quan trọng: các giới chức phụ trách công viên, hồ bơi và bãi tắm đang lo sợ mùa hè này phụ nữ Canada sẽ cởi trần. Sở dĩ có vấn đề này là vì năm ngoái quan toà ở Ontario đã cho một cô gái ngực trần được thắng kiện. Cái cô ở Guelph ấy mà, cái cô hở ngực đi nhong nhong ngoài phố giữa trưa hè đã bị cảnh sát bắt giải toà. Toà dưới phạt 75 đồng. Cô ta khiếu nại lên toà trên. Toà trên mới phán rằng chúng ta không được kỳ thị phái tính, rằng ngực liền bà cũng như ngực liền ông, cả hai đều là ngực cả, rồi toà cho cô ta trắng án. Thế này là rầy rà to đây. Xưa nay chưa từng nghe thấy hay trông thấy như thế bao giờ!

Ông hàng xóm da trắng chỉ tôi trang báo loan tin giật gân trên đây rồi bảo nhỏ: Phụ nữ Canada tiến nhanh quá. Giá mà bước đầu họ cách mạng bằng cách không mặc xú-cheng đã, để coi thiên hạ xôn xao ra sao, sau đó nếu thuận lợi thì hãy tiến đến việc không mặc gì. Cô nào không mặc xú-cheng, bộ ngực rung rinh dưới áo, tôi thấy còn hấp dẫn hơn cô cởi trần. Lời phát biểu này làm tôi nhớ tới mẫu đối thoại rất tếu trong tuần qua. Bữa đó chàng John và tôi đi ngang qua gian hàng bán đồ phụ nữ. Thấy câu quảng cáo để trên quầy hàng: “Mùa hè này quý bà mặc áo lụa tơ tằm thì mát mẻ kể như không mặc gì”. Chàng John hỏi cô bán hàng: “Ai là người thấy như không mặc gì, tôi hay vợ tôi?” Cô bán hàng rất ngổ ngáo đáp ngay: “Cả hai!” Các cụ phương xa đã nể người Canada chưa?

Chuyện tiếp theo là chuyện du học. Hiện nay ở Toronto và

Montreal cũng như các thành phố lớn đều có rất nhiều sinh viên VN du học. Đa số là con cháu của lớp người có tiền. Đảng CSVN đang biến chất, không còn là đảng công nhân vô sản, mà là một đảng tư bản đỏ. Họ cố kết với nhau để tự tồn. Mong rằng lớp con cháu họ đang hít thở không khí tự do này sẽ có được những người như Trần Dần. Các cụ biết chuyện thi sĩ Trần Dần sáng mắt ra vì được gặp Hồ Phong bên Trung quốc chứ? Trần Dần đã theo cách mạng kháng chiến rất sớm. Ông là người có nhiệt tâm và có tài, là một trong những người sáng lập nhóm Văn nghệ Quân đội miền Bắc. Ông làm tới chức tổng biên tập báo *Quân đội Nhân dân* tại chiến khu Việt Bắc, và đã tham dự trận Điện Biên Phủ cùng với nhạc sĩ Đỗ Nhuận. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Trần Dần được Hà Nội gửi sang Trung quốc để khởi sự viết truyện phim Điện Biên Phủ. Tại đây ông gặp Hồ Phong, một nhà phê bình danh tiếng, là bạn thân của văn hào Lỗ Tấn. Trần Dần đã gặp tiếng sét. Hồ Phong chủ trương văn chương là một lãnh vực khai phóng tối đa, một trường sáng tác không thể bị kìm hãm về tự do tư tưởng. Trong những ngày Trần Dần ở Trung quốc, Hồ Pong công bố bức thư ngỏ gửi ban Chấp hành Trung ương đảng Cộng sản Trung quốc. Ông lên án lưỡi dao đâm vào óc các nhà văn cách mạng. Ông chỉ trích sự áp đặt hệ tư tưởng cộng sản lên nội dung, hình thức và đề tài sáng tác. Tháng năm, 1955, Hồ Phong bị đuổi khỏi Đảng, khỏi hội nhà văn. Mao Trạch Đông kết án Hồ Phong phản cách mạng và bắt học tập cải tạo. Mãi đến năm 1988 ông mới được phục hồi danh dự. Trần Dần đã sáng mắt ra. Ông cũng có lập trường về văn nghệ giống y chang Hồ Phong. Trần Dần bị cho về nước trước hạn kỳ. Ông cùng với Hoàng Cầm, Lê Đạt để trình dự án tự do sáng tác, yêu cầu Bộ Chính Trị không được can thiệp vào lãnh vực văn nghệ. Ông lên tiếng chê thơ Tố Hữu. Tức thì Trần Dần bị khai trừ khỏi Đảng, bị giam tù. Và báo *Giai phẩm* và *Nhân văn* đã ra đời, những quả bom nổ lớn nhắm vào đảng CS, như ta đã thấy.

Trên đây là một Trần Dần nhà văn chân chính. Trần Dần còn là một người tình cũng vĩ đại lắm. Ông có người yêu, 18

tuổi, tên Khuê. Nàng yêu chàng tha thiết đến độ năm 1954 nàng không theo cha mẹ vào Nam mà ở lại Hà Nội. Nghe lời chồng, nàng đã hiến tất cả tài sản của cha mẹ để lại cho Đảng. Thế mà vẫn không xong. Hai người chỉ được ở một căn phòng nhỏ:

Tôi ở phố Sinh Từ

Hai người

một gian nhà chật

Rất yêu nhau

sao cuộc sống không vui.

Chị Ba Biên Hoà có mặt trong lúc chúng tôi nói về Trần Dần. Chị lên cơn nhức đầu vì nghe chuyện CS. Chị xin đổi đề tài. Bèn đổi ngay. Vợ phán là trời phán, chàng John nháy mắt xưng ra như thế. Nhìn thấy máy computer và máy fax trên bàn, chàng John nói: Có lẽ một ngày rất gần đây, bưu điện sẽ đóng cửa vì mọi người nói chuyện với nhau bằng điện thư, E-mail hoặc fax.

Ông H.O. bây giờ mới lên tiếng. Ông bảo cái tờ điện tín qua bưu điện cũng có cái hay của nó mà điện thư không thể có được. Rồi ông minh chứng: Ngày xưa có một ông dưới tỉnh lên Sài gòn buôn bán. Ông bị Sài gòn hớp hồn. Bao nhiêu tiền thì tiêu hết cho rượu chè, cờ bạc và gái, không còn một đồng dính túi. Rồi ông bị bệnh. Ông vô nằm nhà thương. Ông nhờ cô y tá gửi giúp một điện tín cho vợ. Lời điện tín như thế này: “Anh đau bất ngờ, phải nằm bệnh viện. Em cứ an tâm, ở đây các cô y tá đẹp vô cùng, duyên dáng vô cùng, và cũng anh vô cùng”. Cô y tá bảo: Ông đưa tin nằm bệnh viện là đủ rồi, việc gì phải đưa chúng tôi vào điện tín làm chi? Ông này cười hình hích: Điểm quan trọng nhất là cái câu nói về các cô đấy. Có viết như vậy thì vợ tui mới nổi ghen rồi mang gấp tiền lên.

Và chúng tôi chuyển sang đề tài các bà. Ông ODP lăm chữ nghĩa mới đổ chàng John: Đố anh biết tại sao trong văn chương khi nói về tính nết dữ tợn thì người ta chỉ nói tới sư tử cái, không hề nói tới sư tử đực? Chàng John này không phải tay vừa, đáp ngay: Sở dĩ người ta chỉ nói tới sư tử cái là cốt để đối

lại với ông cạp. Trong văn chương bình dân ta chỉ nghe nói tới ông cạp một cách rất cung kính chứ không hề nghe nhắc tới bà cạp bao giờ. Có điều là ở đây có sự bất công. Nói tới sư tử cái là có ý nói tới người đàn bà dữ. Còn nói tới ông cạp là nói tới một sức mạnh uy quyền chứ không có ý bảo người đàn ông dữ. Không biết nếu muốn nói một người đàn ông dữ thì dùng con vật gì bây giờ?



tổng minh long quân

Xác Chết

Lê Phan phải công nhận là nàng vẫn còn đẹp lắm. Năm năm trôi qua như chỉ mới một ngày và hình như thời gian không ảnh hưởng gì đến nhan sắc của nàng. Mái tóc dài óng mượt cùng cặp chân thon dài kia quả là một công trình của tạo hóa. Lê Phan nhìn xuyên qua bộ đồ ngủ mỏng manh và thấy làn da mịn màng như lúc nào cũng mời gọi. Dù ghét nàng đến tận xương tủy nhưng chàng vẫn phải nuốt nước miếng trước nhan sắc của nàng.

Lê Phan lên tiếng:

- Cô làm trò hề khá lắm đó, cô Lan. Nè, tôi chỉ dọa cô mà thôi, đừng làm bộ làm tịch. Cô làm tôi tức cười muốn chết.

Thật ra thì chàng không thể cười được. Môi chàng chỉ nhếch sang một bên nhưng không phải là nụ cười, dù là cười mỉm chi đi nữa. Chàng đã móc cây súng lục chĩa thẳng vào nàng:

- Con đàn bà khốn nạn, tôi đến đây để giết cô như tôi đã hứa với cô năm năm về trước đó, cô nhớ không?

Lê Phan nhớ rõ lắm. Chỉ cần nhắc đến là hình ảnh khủng khiếp của phiên tòa năm năm về trước đã hiện rõ trước mặt chàng. Chàng còn nghe giọng nói đanh thép của ông quan tòa kết tội chàng cố ý giết người. Chàng còn cảm giác được chiếc còng sắt lạnh ngắt đã chụp vào cổ tay chàng và người ta đã lôi xềnh xệch chàng ra khỏi phòng xử. Lúc đó chàng thấy khung cảnh, khuôn mặt mấy người trong phòng xử bỗng nhòe nhoẹt

mờ đi, chỉ còn hình ảnh rõ ràng của Y Lan trên dãy ghế đằng xa đang cười vào mặt chàng. Nụ cười mà nhớ đến chàng còn muốn động cho cô ả một quả đấm cho đỡ tức. Chàng nhớ lúc thấy Y Lan cười, chàng đã nổi điên mà đưa quả đấm dứ về phía nàng và hét to lên, nguyên rằng khi ra khỏi tù, việc đầu tiên là giết con vợ khốn nạn ấy. Lúc đó cảnh sát đã túm cổ áo và kéo chàng đi. Người đàn bà lằng lộn này đã cười lên thật to, thật dài như chế giễu chàng. Đó là hình ảnh cuối cùng chàng nhận thức được. Hình ảnh một đôi mắt đẹp mở to đến độ hung ác đã ám ảnh chàng cả năm năm trong lao tù.

Bây giờ đứng trước khuôn mặt vô hồn của người đàn bà phản bội, Lê Phan không còn hứng thú giết người nữa. Chàng từ từ cất súng vào túi, chậm rãi nói:

- Hồi nãy tôi chỉ muốn đùa với cô một chút chứ tôi không thèm giết cô làm chi cho bẩn tay. Năm năm tù đầy đủ rồi. Tôi không muốn chôn cả cuộc đời trong bốn bức tường đá lạnh lẽo vì một người đàn bà không đáng. Tôi chỉ muốn dọa cho cô sợ để cô chấp nhận đề nghị ly dị của tôi. Nhưng tôi đã thua cô, lúc nào cô cũng có đủ cách để lường gạt tôi và người thắng thế lúc nào cũng là cô!

Y Lan vẫn im lặng không trả lời. Cặp mắt nàng mở trừng trừng như không còn cảm giác. Cặp môi nàng có vẻ tái đi và hé mở như sợ hãi tội độ. Cặp môi này ngày xưa Phan đã từng khen đẹp và đã từng hôn lên đó say đắm. Nàng nằm bất động trên tấm thảm đắt tiền. Lúc này Lê Phan mới để ý đến một lỗ nhỏ trên ngực áo nàng với vết máu đỏ bầm.

Chàng từ từ quay người lại và nhìn chung quanh căn phòng apartment của nàng. Bàn ghế, đồ đạc đã được gom gọn lại một bên tường. Cái gì vậy nè? Máy kệ sách trống trơn không còn một quyển sách nào trên đó. Tủng thùng giấy to đã được cẩn thận để một bên chờ được khuôn đi. Nàng có vẻ như sắp dọn nhà.

Lê Phan nói thầm thì trong căn phòng trống trải:

- À! Thì ra cô cũng biết sợ chứ gì? Cô biết ngày hôm nay tôi ra tù và sợ tôi giữ lời hứa sẽ giết cô như tôi đã hứa năm xưa

cho nên vội dọn nhà để trốn tôi phải không? Té ra còn có kẻ ghét cô còn hơn tôi nên đã chặn cô lại không cho cô dọn đi...

Bất giác Lê Phan nhìn vào tấm kính dựng ở góc nhà. Chàng nhìn ra chân dung của mình mà không khỏi giật mình. Một khuôn mặt coi không giống ai, râu ria xồm xồm, hai gò má nhô cao hốc hác, cặp mắt sâu hoắm như mắt ngủ nhiều đêm. Chiếc nón nỉ màu xám rẻ tiền chàng đội trên đầu, phủ xuống trán càng tăng thêm vẻ tăm tối, dữ tợn của người vừa ra khỏi tù. Đúng ra, trước khi đến đây Lê Phan cũng cố tình làm ra vẻ dữ tợn như vậy để làm Y Lan khiếp đảm mà bằng lòng ký giấy ly dị với chàng, dù chàng có phải đánh nàng, đe dọa nàng hay dùng mọi cách thô tục đến đâu chẳng nữa chàng cũng không từ. Trước khi đến đây chàng đã ao ước được siết cổ con đàn bà đã từng làm chàng điều đứng bao nhiêu năm nay, thân bại danh liệt. Bây giờ thì những điều Lê Phan đã nghĩ, đã cố tình đến để đe dọa nàng thì đã trở nên nghiêm trọng hơn chàng nghĩ. Điều khôi hài là bây giờ chàng đã được hoàn toàn tự do không cần sự chấp thuận ly dị nữa. Nhìn xác người đàn bà nằm bất động trên thảm, bất giác Lê Phan lại thấy vẻ châm biếm và dữ tợn của nàng đã từng đối với chàng. Đôi mắt tái xanh hé mở kia như muốn cười vào mũi chàng là chàng chẳng bao giờ được tự do rồi khỏi nàng. Dù rằng nàng có chết đi nữa thì thằng chồng này vẫn bị điều đứng như thường. Không sớm thì muộn người ta cũng khám phá ra vụ sát nhân này và họ sẽ tống cổ chàng trở lại tù là cái chắc. Đám nhân viên cảnh sát làm sao quên được 5 năm về trước chàng đã rống to lên, hăm là khi ra khỏi tù, việc đầu tiên là chàng sẽ giết người vợ lăng loàn này. Không biết thằng khốn nạn nào đã giết Y Lan một cách tài tình, khéo léo và cố ý giăng bẫy chờ chàng sập trúng vào mưu kế của nó.

Lê Phan nghĩ mà đổ mồ hôi lạnh toát, thấm ướt cả lưng áo, chảy dài ở xương sống. Phen này thì đời tàn rồi. Chàng đến sao mà đúng lúc quá vậy. Đúng lúc để chứng kiến một tử thi của người mà chàng đã từng ao ước giết! Chàng quay lưng và đi nhanh về phía cửa với ý định chạy trốn nhưng rồi đứng khựng lại. Chàng cảm thấy lạnh người khi nghĩ đến điều chạy trốn

ngu xuân này. Chàng có giết người đàn bà này đâu? Nếu chạy trốn thì tự chàng thắt vòng vào cổ. Người ta có đủ bằng cứ để buộc tội chàng và lần này chàng sẽ nằm nhà đá suốt đời. Mà chạy làm sao thoát được đây? Chỉ cần một phút sau khi vụ giết người này được khám phá là hệ thống an ninh toàn quốc có đầy đủ hình ảnh, địa chỉ tạm cư của chàng để mà tóm cổ chàng lại trong nháy mắt. Đối với pháp luật, chạy trốn tức nhiên là có tội, họ chẳng cần nghe thanh minh thanh nga cái con mẹ gì cả.

Lê Phan đi nhanh vào phòng ngủ của Y Lan và thấy chiếc xác tay của nàng còn nằm lẩn lóc gần đó. Chàng cẩn thận lấy mù xoa mở bóp để hy vọng kiểm chút manh mối người đã ra tay giết nàng. Phan lấy ra một quyển sổ điện thoại. Một tấm danh thiếp của công ty dọn nhà rơi ra. Chắc đây là công ty mà người đàn bà này định mượn dọn cho nàng đây.

Chàng bốc điện thoại lên và quay số theo tấm danh thiếp, dĩ nhiên là chàng dùng mù xoa để không để lại dấu tay. Phan nghe tiếng điện thoại reo vang ở đầu giây bên kia làm chàng muốn vỡ tung lòng ngực. Khi nghe tiếng trả lời của cô gái, Phan giả vờ như chàng là người gát dọn của khu chung cư của người đàn bà tên Y Lan ở và muốn kiểm chứng lại cho chắc chắn mấy giờ công ty sẽ đến để chở đồ đi. Cô gái bấm máy điện toán một phút và cho biết họ sẽ cho người đến chở đồ vào lúc 5 giờ chiều nay.

Phan vội cúp máy. Bây giờ mới hơn 3 giờ chiều. Chàng còn gần hai tiếng đồng hồ để quyết định trước khi họ khám phá ra vụ sát nhân này.

Lê Phan đi đến cửa sổ và nhìn xuống đường, miệng cắn chặt quyển sổ điện thoại, vừa suy nghĩ. Phải làm sao đây? Ngoài trời mây đen vần vũ, từ đằng xa có mấy lần sấm sét như để báo hiệu một cơn mưa to sắp đến. Một vài hạt mưa rơi lộp bộp trên mái nhà và đập vào cửa sổ. Khách bộ hành vội vã đi vào hiên để trú mưa.

Lê Phan quay lại nhìn người đàn bà nằm dưới đất. Chàng biết rõ cô ả này quá rồi nên chàng thấy dễ dàng mà đoán tại sao nàng bị giết như vậy. Chàng chắc chắn trăm phần trăm là

trong lúc chàng ngồi tù thì cô ả đã lang chạ với những người đàn ông khác và cắm sừng vào đầu hắn ta như cô ả đã làm với chàng nên hắn ta nổi ghen lên và cho một viên đạn đồng vào con người dâm đẳng này. Y Lan khi sống vẫn thích nhìn đàn ông ghen tương, tranh giành nhau vì cô ả kia mà. Họ có chém giết nhau vì ả thì cô ả càng kích thích. Đó cũng là lý do tại sao chàng nhất quyết đòi ly dị với cô ả bởi vì chàng không chịu được hai cặp sừng to tổ bố mà cô ả đã cắm vào đầu chàng từ năm này qua năm khác. Dù lúc đó không còn yêu cô ả một chút xíu nào đi nữa, mặc kệ cô ả muốn lấy trai thì lấy nhưng Phan không chịu nổi tiếng cười xầm xì đằng sau lưng cho rằng chàng là thằng chồng cả đần!

Lúc Y Lan nghe Phan đề nghị ly dị thì cô ả đã cười ngất. Chẳng qua là chàng có một ông chú giàu sụ mà khi mới lấy nhau, chàng đem vợ lại thăm ông ta, Y Lan tỏ ra mềm mỏng dễ thương nên ông chú rất có cảm tình với cô gái mồ côi nết na này. Đến khi chết đi, ông chú sợ thằng cháu thay lòng đổi dạ, mê thói trăng hoa sẽ bỏ vợ nên trong tờ di chúc, ông để lại một phần tài sản khá lớn với điều kiện tên người thừa hưởng gồm cả hai tên Y Lan và Lê Phan với tình trạng giá thú hãn hoi. Số tiền mỗi người lãnh hàng tháng là hai mươi ngàn đồng đến suốt đời. Nếu vì lý do gì hai người bỏ nhau thì tài sản kia sẽ sung vào quỹ từ thiện.

Y Lan có vẻ thích thú về việc thừa hưởng của trên trời rơi xuống này lắm. Đại gì nàng bỏ một số tiền hàng tháng đủ cho nàng tiêu xài thả cửa mà khỏi phải làm lụng vất vả? Dù trong thâm tâm cô ả cho Lê Phan là một thằng chồng khờ, muốn sỏ mũi, muốn cấm bao nhiêu cái sừng mà chẳng được, nhưng ly dị thì chắc chắn là không. Trăm lần không vạn lần không.

Lê Phan đã tìm đủ mọi cách để thuyết phục cô ả ly dị. Chàng không cần tiền khi sống chung với người đàn bà này mà không có hạnh phúc. Nhưng chàng không thể nào lay chuyển nổi người đàn bà khôn ngoan, quỷ quyết này. Cho đến một hôm, hai người đi dự tiệc tất niên ở nhà một người bạn, Lê Phan đã ngà ngà say trong lúc cô vợ cứ tỉnh bơ đủ đởn với

người đàn ông lạ mặt trong suốt buổi tiệc. Lê Phan nổi nóng khi thấy thằng cha nọ nổi máu dê xồm nham nhở với cô vợ mà chẳng coi chàng một kí lô nào cả. Thế là chàng đâm một cú thoi sơn vào mặt hắn. Rủi làm sao mà hắn té trúng vào thềm đá của lò sưởi nên vỡ sọ mà chết. Thế là Lê Phan phải vào tù vì tội giết người. Còn Y Lan thì lấy làm khoái chí đã tống cổ con kỳ đà cản mũi mà vẫn lãnh tiền trợ cấp của ông chú một cách hợp pháp.

Đứng nhìn mưa rơi ngoài cửa sổ, Lê Phan suy nghĩ dữ dội. Chàng chắc chắn kẻ giết Y Lan phải là một trong đám nhân tình của nàng. Chàng dò mấy tên đàn ông trong sổ điện thoại của nàng nhưng phần nhiều mấy tên này có vẻ quen thuộc, Y Lan đã quen họ trước khi Phan vào tù. Chàng chọn được nửa tá tên lạ, đáng nghi vì thỉnh thoảng Lan viết thư vào khám và khoe là đi ăn tối với người này hay đi xi nê với người nọ. Người đàn ông đáng nghi nhất trong danh sách tên Đỗ Toàn. Lê Phan còn nhớ rõ mặt tên đàn ông này lắm. Hắn ta trạc trung niên, có vẻ phong lưu với thân hình lực lưỡng, nước da màu nâu hồng. Hắn đã từng mê Lan như điên đảo từ bao nhiêu năm qua và cô ả cũng đâu có chối từ tình cảm lãng mạn này. Chính Toàn đã gián tiếp giúp Lê Phan bằng cách thuyết phục Lan bỏ chàng cho rồi để hắn được chính thức sống với nàng. Tánh hắn nóng nảy và cứng rắn. Đối với típ người đàn bà ốm ờ như Y Lan thì có lẽ hắn dễ trở thành con bò rừng hăng máu. Còn những tên khác nữa mà Lê Phan biết cô ả Lan này cũng đã từng nằm trong vòng tay họ nhưng không hiểu sao Phan cứ nghi kẻ sát nhân phải là Đỗ Toàn. Nhưng phải làm sao để chứng minh hắn là kẻ có tội đây? Chẳng lẽ cứ khơi khơi khai với cảnh sát là “Tôi có danh sách mấy người đàn ông bồ bịch của nạn nhân đáng nghi là kẻ giết người”. Cảnh sát ghét trò khai vớ vẩn này lắm. Cóm là người kỳ cục nhất thế giới. Nghề của họ là điều tra nhưng họ chỉ thích những gì dễ dàng, ngắn, gọn. Họ thích tóm cổ kẻ đáng nghi nhất là tên Lê Phan vừa mãn tù ra. Hợp tình và hợp lý!

Bỗng nhiên một ý nghĩ thoáng qua trong đầu Phan. Vụ giết

người này chưa được khám phá ra thì có một kẻ duy nhất biết được chính là kẻ sát nhân. Chàng phải làm sao tránh cái bẫy mà chàng biết chắc chắn kẻ sát nhân cố tình giương ra để đổ tội cho chàng. Chàng đi qua đi lại trong phòng, đầu óc làm việc dữ dội. Chàng không dám nhìn lại tử thi của người đàn bà nằm dưới đất. Ngoài trời mưa đổ như thác lũ, sấm sét ầm ầm khiến bầu trời tối hẳn lại giống như ngày tăm tối nhất đời chàng khi ông tòa tuyên bố chàng là kẻ có tội. Một ý nghĩ lóe ra trong trí Phan. Chỉ có cách này thôi, chàng không hy vọng gì sẽ thành công nhưng chàng không có thì giờ nhiều. Chàng phải hành động càng nhanh càng tốt.

Lê Phan nhắc điện thoại lên quay số. Lần này chàng gọi điện thoại cho luật sư Quyền là người bảo quản tài sản của ông chú chàng và cũng là người đã biện hộ cho chàng trong vụ án năm xưa.

- Chào ông Quyền, đây là Lê.. Phan.. Chàng cố gắng lắm mới giữ được giọng bình tĩnh.

Giọng người luật sư ở đầu giây bên kia reo lên có vẻ mừng rỡ:

- Chào ông bạn, lâu quá không gặp. Mới ra tù hả? Chúng ta hãy ra phố để uống nước đồng thời tôi cũng có nhiều chuyện muốn bàn với ông. Ông Phan đang ở đâu vậy?

- Tôi đang ở nhà của... Y Lan. Ông Quyền nghe kỹ đây. Tôi không có nhiều thì giờ để dài dòng. Ông hãy nghe cho kỹ và tin tôi. Chỉ có ông là người duy nhất giúp được tôi mà thôi. Tôi muốn nhờ ông giúp tôi một việc...

Ông luật sư trả lời sốt sắng:

- Được rồi, ông cần gì cứ nói ra... Nhưng nè ông bạn, ông làm gì ở nhà bà Lan vậy? Tôi tưởng bà dọn nhà ngày hôm nay kia mà?

- Bà không có dọn đi đâu hết.. Phan ngập ngừng nói tiếp. Bà ấy chết rồi...

Có tiếng thở mạnh ở đầu giây bên kia và im lặng trong mấy giây, sau đó mới nghe giọng ông Quyền hoảng hốt:

- Ông đang nói gì vậy? Ông nói bà Lan làm sao?

- Ông im đi và nghe tôi kể đây!

Lê Phan vẫn tắt kể đầu đuôi câu chuyện, lý do chàng đến đây, rốt cuộc chỉ gặp xác chết của người vợ cũ. Chàng kết luận bằng một giọng van nài:

- Ông Quyền tin tôi đi, tôi không có giết Y Lan. Tôi không biết phải làm sao. Thế nào ông cũng khuyên tôi nên báo với cảnh sát nhưng ông biết rằng tôi vừa mới mãn hạn tù với cái án giết người. Người ta sẽ không dễ dàng gì mà tin lời nói của tôi đâu. Tôi nghĩ là tên sát nhân đã biết trước là tôi thế nào cũng tìm đến người vợ cũ của tôi để đòi bả ly dị nên nó làm sẵn cái bẫy rập để cho tôi vào tròng... Tôi có một kế này nhờ ông giúp tôi xem sao...

Thế là chàng nói vắn tắt cho ông Quyền nghe kế hoạch trong đầu chàng. Chàng sẽ đưa cho ông ta danh sách tên những người đàn ông đáng nghi nhất có dính dáng tình cảm với người vợ cũ, sau đó nhờ cô thư ký ông Quyền điện thoại cho tất cả mấy người đó, bảo rằng nàng đang bị rắc rối và muốn họ đến chỗ nàng ở ngay lập tức.

Khi Lê Phan dứt lời, ông Quyền mới chậm rãi nói:

- Kế của ông khá hay, nhưng giả dụ tên sát nhân không đến thì kế hoạch cũng bất thành. Mà dù hắn có đến thì ông sẽ làm sao đây hử ông Phan? Hơn nữa chưa chắc gì mà mình điện thoại gặp đủ hết số người như vậy ngay lập tức.

- Tôi chỉ có cách này thôi. Tôi cũng nghĩ tên sát nhân sẽ không đến. Hắn đang sợ và nghi ngờ người ta giăng bẫy hắn nên hắn tảng lờ để khỏi dính dáng đến vụ án.

Luật sư Quyền khuyên Phan nên điện thoại báo với cảnh sát để nhờ công lý soi sáng vụ án nhưng Phan nhất định khẳng khái không chịu. Cuối cùng ông Quyền miễn cưỡng chấp nhận cái kế hoạch của chàng và bắt đầu thi hành.

Phan gác máy điện thoại nhưng vẫn đứng một đống tại đó, đầu óc căng thẳng đến cực độ đến nỗi mấy đầu ngón tay trở nên tê dại đi. Chàng móc cây súng lục cũ ra khóa chốt an toàn lại. Giờ chỉ có nước chờ đợi. Khi mấy con dê xồm trong bảng phong thần đến, chàng sẽ giả bộ nói Y Lan không có đây, chắc

có sự lầm lẫn gì đó, miễn sao mấy tên đàn ông này lộ diện, chàng có thể đoán được thằng cha nào đáng nghi ngờ là kẻ sát nhân hay không. Còn thằng cha nào trốn tiết thì phần chắc là hần rồi chứ gì!

Lê Phan không phải chờ đợi lâu. Khoảng chừng 20 phút sau, có tiếng chuông bấm cửa. Người Phan bỗng cứng đờ ra, hai đầu gối mềm như muốn khụy xuống. Chàng chậm rãi lết từng bước đến mở cửa, một tay run run cầm khẩu súng. Cánh cửa mở tung ra, đồng thời Phan cũng há hốc mồm ra ngạc nhiên đến tột độ. Người đang đứng trước cửa chính là luật sư Quyền!

Tướng tá ông luật sư to lớn, vạm vỡ đẹp trai trông như tài tử xi nê với hàm răng trắng đều, giọng nói chậm rãi uy nghi nên có nhiều ưu điểm để thắng thế các bạn đồng nghiệp ở tòa án. Nhưng Lê Phan không còn lòng dạ nào để ý đến bề ngoài đẹp đẽ của ông ta, chàng đang kinh ngạc sợ hãi. Tại sao ông ta đến đây vậy cả?

Ông Quyền lên tiếng trước:

- Đừng khẩn trương đến như vậy, ông bạn! Để tôi vào báo cho ông một tin mừng. Ông bạn không có gì phải lo lắng nữa cả. Chúng ta đã bắt được tên sát nhân rồi.

Ông ta đẩy Phan qua một bên và bước vào nhà, tay đóng vội cánh cửa lại. Ông ta bật công tắc đèn ở vách vừa lẩm bẩm nói:

- Trời ơi, làm sao ông chịu được bóng tối bên cạnh một... tử thi như vậy, ghê thấy mồ. Mở đèn lên cho sáng một chút...

Lê Phan đứng im lặng như trời trồng, mở to mắt nhìn ông ta, đầu óc hoạt động tít tắp mà không hiểu được mình nghĩ gì. Cuối cùng chàng lắp bắp hỏi:

- Ông nói gì hở ông Quyền? Ông đã bắt được tên sát nhân?

Ông luật sư cười phá lên, tiếng cười gằn lên trong cổ họng. Hai tay ông thọc sâu vào túi áo khoác.

- Giả dối thôi ông bạn. Tôi không muốn ông làm những chuyện không đâu vào đâu ở cái kế hoạch dở ẹt của ông. Đó là một ý nghĩ điên khùng. Ai hơi đâu mà đi điện thoại cho cả

chục tên đàn ông là bồ bịch của vợ cũ mình để mong tìm ra thủ phạm? Tôi phải dùng đầu óc của tôi để làm việc sao cho ăn khớp với pháp luật một cách khôn ngoan. Tôi giết người thì ràng ràng ra đó rồi. Tôi ngạc nhiên khi thấy tại sao ông không nghĩ đến điều này nhỉ?

Lê Phan đưa hai tay ra ôm đầu. Chàng đã quá mệt mỏi. Chàng không muốn suy nghĩ thêm gì nữa cả. Chàng bị dao động thần kinh quá mạnh khi đến đây và thấy tử thi của Y Lan nằm trên thảm. Ý nghĩ sẽ bị kết tội và bị tóm vào tù làm chàng muốn điên lên không biết cách gì để thanh minh. Phan nói bằng giọng nhỏ nhẹ gần như van xin:

- Ông Quyền cứ tiếp tục nói đi, tôi không thể nào hiểu được chút gì ông nói. Ông nói là ông đã không theo kế hoạch của tôi, chắc ông đã có một mưu kế nào khác hay hơn?

- Chắc chắn vậy rồi ông Phan ạ. Thật là toàn hảo. Ông xem đó, tên sát nhân cũng biết là hôm nay ông mãn hạn tù và thế nào cũng trở về thành phố này để gặp người vợ cũ. Đó cũng là cơ hội may mắn để hãn thi hành việc giết người và đổ tội tất cả cho ông. Hãn ta cũng đã tính trước, khi mấy người dọn nhà đến, họ khám phá ra thi thể người đàn bà và cấp báo cho cảnh sát, ông sẽ bị tóm cổ liền ngay lập tức. Hãn không ngờ là ông đến sớm hơn dự tính. Hãn cũng không ngờ là ông không chuồn ngay mà còn ở lại để tính kế này, kế nọ để đoán kẻ nào là sát nhân.

Lê Phan gật gù:

- Ông nói cũng có lý lắm. Tự tôi chuốc họa vào thân. Nhưng nói tóm lại, ông nghi ai là thủ phạm?...

Luật sư Quyền giơ bàn tay có những ngón dài trau chuốt cẩn thận như có vẻ ngăn chàng nói tiếp.

- Đừng nóng nảy ông bạn! Để tôi nói hết đã. Tên sát nhân, sau khi suy tính lại, thay vì để ông vào tù lần nữa, lại còn bao nhiêu thủ tục tòa án rắc rối, biết đâu ông may mắn chứng tỏ được mình vô tội, cho nên hãn thay đổi kế hoạch và muốn giết ông để trừ hậu hoạn như vậy có phải nhất cử lưỡng tiện hơn không? Hãn cũng chưa tìm được cách nào để thủ tiêu ông thì

dịp may lại đến với hắn, ông tự dẫn xác đến nộp mạng...

Lê Phan mở căng mắt nhìn ông ta nói. Bỗng nhiên chàng nhận thấy mặc dù ông ta mỉm cười đi chẳng nữa, khuôn mặt ông ta có một vẻ gì bí hiểm lạ thường. Cặp mắt ông ta long lanh dễ sợ. Những giọt mồ hôi rịn ra trên trán ông ta, nổi ra những lằn gân xanh.

Một tư tưởng lóe lên trong đầu Lê Phan khiến bao tử chàng thắt lại. Linh tính báo cho chàng biết mọi việc diễn tiến nguy hiểm cho tính mạng của mình. Chàng há hốc mồm muốn nói nhưng thốt không ra lời.

Luật sư Quyền lên tiếng với giọng lạnh lùng khô khan:

- Bây giờ thì ông gơ tay lên khỏi đầu và quay mặt vào vách cho tôi!

Lê Phan đưa mắt nhìn xuống hai bàn tay ông luật sư. Hai tay ông vẫn thọc sâu vào trong túi, một khẩu súng hăm thanh nhô lên dưới lớp vải, chĩa thẳng vào ngực chàng. Đầu óc Lê Phan bỗng sáng tỏ mọi việc giống như một bức tranh lập thể với những đường nét loạn xạ, mờ ảo bỗng nhiên cấu tạo thành một hình ảnh rõ rệt. Chàng nói gần từng chữ:

- Thì ra ông là kẻ giết Y Lan! Ông muốn chiếm đoạt tài sản của chú tôi chứ gì? Một khi Y Lan đã chết, còn tôi ngồi tù một gông thì ông sẽ là kẻ toàn quyền quyết định tài sản kếch sù này...

Luật sư Quyền nhếch môi cười khinh bỉ:

- Đúng vậy! Cha mẹ ông đẻ một đứa con ngu xuẩn như ông thì chết cũng đáng đời lắm. Đáng lý ông phải suy nghĩ hơn một chút. Bao nhiêu năm nay ông không hề để ý xem số tiền chú ông để lại tôi đã đầu tư bằng cách nào. Tôi đã tiêu xài cho cá nhân tôi mà vợ chồng ông cũng cóc có biết. Chỉ mới dạo sau này bà Lan mới đòi hỏi, thúc bách tôi cho xem sổ sách kế toán. Nếu ông biết suy nghĩ hơn một chút thì dù ông ở trong tù ông cũng có thể đòi xem sổ sách của tôi cũng được vậy! Nghe ông mãn hạn tù, tôi rất mừng để thực hiện kế hoạch một viên đá ném hai con chim. Lúc ông điện thoại cho tôi, tôi rất mừng cho kế hoạch của tôi được thực hiện hoàn hảo. Tôi sẽ dựng một

màn giết người rồi tự tử. Không ai nghi ngờ về việc này cả. Ông đã từng hăm là sẽ giết vợ ông khi ông ra khỏi tù, họ sẽ nghĩ rằng sau khi giết người ông sợ hãi nên tự kết liễu đời mình...

Lê Phan không chờ ông ta hết lời, chàng lao người đến bên ông ta, chân đá vào khẩu súng trong túi ông. Một tiếng bụp khô khan vang lên như tiếng nút chai sâm banh. Ngọt và gọn. Ngón tay ông Quyền đã bấm vào cò súng. Lê Phan nằm sấp xuống sàn nhà, viên đạn bay vào bên hông, máu chảy chan hòa ra. Chàng nằm tê cứng bất động vì sợ hãi nhưng vẫn biết mình còn sống, vẫn còn tỉnh táo. Chàng chờ đợi viên đạn thứ hai bay vào đầu để kết liễu cuộc đời mình. Chàng nghe tiếng ông luật sư nguyên rủa: “Đồ khốn kiếp!”

Vừa lúc đó tiếng chuông điện thoại reo vang. Tiếng chuông lanh lảnh trong bầu không khí ghê rợn mùi tử khí. Lê Phan hé mắt nhìn thấy đôi giày ông ta di chuyển về phía điện thoại ở góc phòng. Thì ra đó là tiếng chuông intercom của kẻ gọi cửa dưới nhà. Giống như trong một giấc mơ, chàng nghe giọng ông Quyền trả lời hấp tấp:

- Máy người dọn nhà đến rồi hả? Không, không... Biểu họ chờ một chút... Chúng tôi... chưa sửa soạn xong. Biểu họ chờ dưới nhà chừng mười phút nữa hãy lên, nghe rõ chứ?...

Ông Quyền gác máy. Lê Phan nằm dưới đất, hai mắt nhắm nghiền nhưng vẫn nghe tiếng chân ông ta đi đi lại lại trên sàn nhà. Lúc này chàng cảm thấy mình còn một chút sức lực đủ để cử động nhưng chàng vẫn nằm im không dám nhúc nhích vì chàng vẫn còn sợ cây súng của ông Quyền sẵn sàng khạc vào ngực chàng. Bỗng nhiên chàng nghe đau điếng bên sườn bởi những cú đá của ông luật sư tham lam khốn nạn. Ông dùng chân đá chàng lăn tròn trên thảm để xem chàng thật sự đã chết chưa. Lê Phan cố nín thở và nằm bất động trong cơn đau đớn tột cùng. Chàng nghe lưng chàng chạm phải sàn nhà gỗ lạnh ngắt. Ông ta đá chàng lăn đến chỗ đám bàn ghế chất sát tường chờ để dọn đi. Chàng hé một mắt nhìn.

Ông luật sư có lẽ tưởng chàng đã chết hay ít ra cũng gần

chết nên không còn để ý đến chàng nữa nên đang lui cui cuốn xác Y Lan trong tấm thảm. Cây súng hãm thanh ông ta để nằm bên cạnh. Chàng nghe ông ta lẩm bẩm nói một mình: “Mình phải giấu mấy cái xác này để khi mấy người phu dọn nhà lên họ không thấy, sau đó mình sẽ nói họ để tấm thảm lại để mình có thời giờ tạo một màn kế tiếp..”

Lê Phan cố nhích từng chút đến gần cây súng. Ông Quyền có lẽ căng thẳng về việc những người dọn nhà sắp lên nên ông ta không để ý đến chàng. Thật rủi cho Lê Phan. Khi tay chàng cách cây súng chừng một tấc thì bỗng dưng ông Quyền dừng tay lại và nhìn chung quanh. Ông ta đã bắt gặp hành động của chàng. Hét lên một tiếng, ông ta lăn người về phía cây súng. Phen này thì Lê Phan chịu thua vì khoảng cách chàng với cây súng xa hơn ông ta. Nhưng ít ra chàng cũng chụp được chân của ông ta. Dùng hết sức bình sinh, chàng cắn mạnh vào cổ chân ông luật sư.

Không ngờ đến phản ứng của Lê Phan nên ông Quyền mất thăng bằng, ngã xuống thùng chén bát chất bên cạnh. Trong lúc ông luật sư loay hoay cố đứng dậy với cơn đau bất thần khiến ông ta thở lên hồng hộc, Lê Phan nhào tới chụp cây súng. Đây rồi, chẳng nghĩ ngợi gì thêm, chàng giơ cây súng lên nhắm vào đầu ông luật sư mà bóp cò.

Lê Phan cố lết người đến vách tường và ngã người vào đó. Bây giờ chàng chỉ còn đợi những người dọn nhà lên tới. Lẽ dĩ nhiên chàng phải tốn nhiều thì giờ mà giải thích. Rồi lại còn cảnh sát điều tra ít ra cũng mấy tiếng đồng hồ. Nhưng chàng không sợ nữa. Có bao nhiêu bằng chứng để kết tội ông Quyền: nào là giọng ông ta đã trả lời với mấy người dọn nhà vài phút trước, còn bao nhiêu dấu tay của ông ta nữa chứ, ở trên cây súng, ở trên tấm thảm cuốn tròn xác Y Lan bên trong. Rồi người ta sẽ điều tra sổ sách ông ta quản lý tài sản của chú chàng trong mấy năm qua.

Đủ rồi, Lê Phan phải chịu cực trong vài tiếng đồng hồ điều tra, sau đó chàng sẽ được tự do. Phen này chàng mới thực sự là tự do hoàn toàn.

từ lan

Trường Tương Tư

*Thánh thót bên thềm mấy hạt mưa,
Gió buồn cuốn lá quện lưa thưa.
Ấy ai tri kỷ giờ đâu nhỉ?
Để một mình ta cảnh sống thừa.*

*Sống thừa nay đã tám niên dư,
Lệ đầm vành mi tự bấy giờ.
Vò võ canh tàn mình với bóng,
Trời mây man mác trạnh niềm tư.*

từ lan
18/4/1995

Lúc Về Già

*Đường xa trời tối biết đâu nơi,
Rong ruổi trần gian mệt quá rồi.
Khi trước hăng say nhờ sức khoẻ,
Bây giờ rủn rĩ bởi mòn hơi.
Da mỗi tóc bạc còn gì nhỉ?
Gối mỗi lưng còng đến thế thôi.
Bè bạn anh em đâu hết cả?
Nhìn qua ngó lại có bao người.*

từ lan

vân hạc

Trần Ý Mơ Tiên

*Ta nhớ người xưa ta đã yêu
Mà nay vô vô cảnh cô liêu
Nên hình bóng cũ thường vương vấn
Cõi mộng hàng đêm có dáng kiều*

*Ngọc nữ thiên kiều chốn tiên cung
Tóc mây da tuyết với môi hồng
Mắt huyền lông lánh làn thu thủy
Mặt ngọc răng ngà thật trắng trong*

*Có phải rằng ta đã mộng mơ
Mơ người tiên nữ thuở xa xưa
Nguyễn, Lưu, Từ Thức đều dang dở
Tình tục duyên tiên hoá hững hờ*

*Nàng đẹp từ đầu đến gót chân
Nàng là tiên nữ giáng dương trần
Nàng thu mộng đẹp quanh thân ngọc
Nàng gọi bốn mùa cả bốn xuân*

*Nàng hãy về đây sống với ta
Yêu đương đắm thắm chẳng phai pha
Trường xuân hoan lạc tình phu phụ
Hạnh phúc thiên thu chẳng xoá nhoà.*

Vân Hạc

Thanh Nhân Thơ Rượu

Ngày tháng thanh nhân với rượu thơ
Sống đời bình dị thích văn thơ
Tránh phường tục tử xa cờ bạc
Gần khách tao nhân khoái rượu thơ
Chén chú chén anh quên thế sự
Dù say dù tỉnh nhớ thi thơ
Tuồng đời mặc kệ hay hay dở
Ta vẫn thanh nhân với rượu thơ

vân hạc



Nhớ Ai

Nắng quái chiều tà dạ vẫn vương
Trời mây bảng lảng nhớ vu vương
Nhớ ai ai nhớ hoàng hôn lạnh
Tuyết trắng đông phong thổi mịt mờ.

Ta chợt nhớ ai miệng mỉm cười
Môi hồng chím chím đoá hoa tươi
Mắt huyền lóng lánh làn thu thủy
Má phấn lưng ong có phải người

Người ấy xa ta nửa địa cầu
Nàng là người đẹp mộng ban đầu
Ước mong nối lại đường tơ cũ
Hoà điệu chung vui khúc phượng cầu.

Có thể rồi đây lại gặp nhau
Thời gian hàn gắn vết thương đau
Nhìn nhau ánh mắt bừng tươi sáng
Tay nắm bàn tay hết hận sầu.

vân hạc



viết chi
nguyễn hữu quang

Kinh Dịch Trong Xã-Hội Việt-Nam và Khoa-Học

Tôi đã may mắn được nghe các danh-sĩ như Tố-nguyên Nguyễn- Thọ-Dực bàn về Kinh Dịch. Tôi đã khâm-phục các bản Việt-dịch Kinh Dịch như cuốn *Chu Dịch* của nhà cách-mạng Sào Nam Phan-Bội-Châu, cuốn *Kinh Dịch* của Ngô-Tất-Tố, cuốn *Dịch-Kinh Tân-khảo* của Nguyễn-Mạnh-Bảo, cuốn *Kinh Chu-Dịch Bản-Nghĩa* của Cử-nhân Nguyễn-Duy-Tĩnh hay cuốn *Kinh Dịch, Đạo của người Quân-tử* của cố học-giả Nguyễn-Hiến-Lê. Nhưng mãi đến cuối năm 1965 tôi mới thực-sự nghiên-cơ Kinh Dịch ngay từ nguyên-văn chữ Nho, sau một đêm chứng-kiến Trần Hưng-Đạo Đại-Vương ngự-bút giảng về ba nghĩa “bất-dịch”, “giao-dịch” và “biến-dịch” của Bản-Kinh tại Bình-Nghị-thất chùa Tam-Tông-miếu toạ lạc đường Cao-Thắng Sài-Gòn (Xin tham-khảo cuốn *Dịch-Kinh Huyền-Nghĩa* của Minh-Lý-Đạo).

Hàng trăm bản dịch sở-quan bằng Anh-văn, bằng Pháp-văn, bằng Đức-văn và cả bằng Bạch-thoại nữa, tuy đã lướt qua, nhưng lần nào cũng như lần nào, tôi lại phải trở về nguồn với cuốn sách danh bất hư-truyền *Dịch-Kinh Đồ-Giải* của Lai Tri-Đức đời Minh, là vị tiến-sĩ đã không ra làm quan mà bỏ lên Phũ-sơn 29 năm ròng viết thành.

Sau chín năm tìm tòi, tôi được Giáo sư trưởng-ban Cao-Xuân-Chuân đề-nghị nói chuyện về *Kinh Dịch và Cơ-học*

Nguyên-lượng (The I Ching and Quantum Mechanics) tại ban Vật-lý Nguyên-tử Đại-học Khoa-học Sài-Gòn.

Sang Canada, một đêm đông năm 1992, thể theo lời mời của Tiến sĩ David Peat tham-dự một hội-nghị về “Giá-trị của Khoa-học” (The Value of Science) tại Đại-học Ottawa, tôi có trình-bày một khám-phá nho nhỏ nhưng táo bạo của tôi liên-quan đến hệ-thức tương-đương của Einstein:

$$E = mc^2 \quad (1)$$

giữa năng-lượng E và chất-lượng m của vật-chất, với c là tốc-độ 300,000 cây số một giây của ánh sáng.

Thông thường trong giới khoa-học người ta chỉ áp-dụng hệ-thức này cho các vi-tử thực (particles). Nay tôi dựa vào Kinh Dịch để nói rộng hệ-thức này cho các phản-vi-tử (antiparticles) và cho cả các siêu-tốc-tử (tachyons) và các phản-siêu-tốc-tử (antitachyons) nữa. Xin xem chi-tiết bên dưới.

Vậy Kinh Dịch là gì?

Theo truyền-thuyết, đời nhà Hạ (Hsia) (2183-1752 trước công-nguyên), Kinh Dịch mang tên Liên-sơn, lấy quẻ Cấn làm chuẩn. Sang đời nhà Thương/Ân (Shang/Yin) (1751-1112 TCN) lại đổi thành Quy-tàng, lấy quẻ Khôn làm chuẩn. Hai bộ Dịch này đã thất-truyền từ lâu. Sang đến đầu đời nhà Chu (Chou) (1111- 249 TCN), bộ Kinh Dịch như thấy hiện nay, với quẻ Kiền (Càn) làm chuẩn, mới xuất-hiện.

Thật vậy, Văn-Vương (King Wen) Cơ-Xương (khoảng 1171-1122 TCN), một nhân vật quen thuộc của truyện Phong-thần-bảng, vị vua sáng-lập ra nhà Chu, đã khởi-thảo Kinh Dịch bằng các Lời Thoán (Thoán-từ) tức Lời Quẻ (Quái-từ), con Ngải, Chu-công (Duke of Chou) Cơ-Đán, (?-1094 TCN) bổ-sung Lời Vạch (Hào-từ), đức Khổng-tử (551-479 TCN) và các thế-hệ Nho-gia đời Chiến-quốc kế-vị ngài lần lượt viết Thập-Dục (Mười cánh) tức phần phụ-lục quyển sách “nhật nhật tân” này mà ta quen gọi là Chu-Dịch vì được sáng-tác thời nhà Chu và còn có nghĩa là tuần-hoàn (chu nhi phục thủy) cũng như lưu-hành trong sáu cõi (chu lưu lục hư).

Trong các nhà sáng Dịch sau đức Khổng-tử và thầy Mạnh-tử, tôi sùng kính nhất Thiệu-tử (Shao Yung) (1011-77), đời Bắc-Tống (Northern Sung) (960-1126). Chính ngài sáng-lập ra phái Tượng-số-học, canh-tân và toán-hoá Kinh Dịch trong các đại-tác-phẩm *Hoàng-Cực Kinh Thế Thư*, *Kích-nhuỡng-tập* trong đó ngài trình bày vũ-trụ-quan, nhân-sinh-quan, lịch-sử-quan cũng như ngữ-học-quan, âm-nhạc-quan và duy-biến-quan của mình. Đặc-biệt là tứ-hoá toàn bộ dịch-tượng như bộ tư Nhật-Nguyệt-Tinh-Thân, Thủy-Hoả-Thổ-Thạch, Nguyên-Hội-Vận-Thế v.v..

Nhờ mang bộ mặt bói toán và Đông-y, Kinh Dịch mới thoát khỏi ngọn lửa phản-thư của Tần Thuỷ-hoàng-đế (Ch'in Shih-huang-ti) năm mậu-tý (213 TCN).

Kể từ đó, Kinh Dịch nghiêm-nhiên thống-lĩnh quần-kinh và ngự-trị tất cả các hoạt-động thân-tâm của người Á-Đông ta, và sang thế-kỷ 20 này, nới vòng tay lớn cho cả nhân-loại trong mọi địa-bàn hoạt-động, từ lãnh-vực khoa-học của vô cùng lớn là Vũ-trụ-học (Cosmology) cho chí khoa-học của vô cùng nhỏ là Cơ-học Nguyên-lượng (Quantum Mechanics) cũng như khoa-học của vô cùng phức-tạp là lý-thuyết hỗn-độn (Chaos theory). Thuở thái-thủy chỉ có Đạo nghĩa là hư-không tĩnh-tịch, bỗng-nhiên bộc-động mà tạo thành vũ-trụ hiểu theo nghĩa của Hoài-Nam-Vương Lưu-An (Liu An) tức là Thời-Không bốn chiều của chúng ta, khế-hợp với thuyết Inflationary Big Bang của Vũ-trụ-học hiện-hành. Nên chi Lão-tử (Lao-tseu) mới nói: “Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn-vật” (*Đạo-đức-kinh*, Chương XLII), nghĩa là: “Vô-cực sinh Thái-cực, Thái-cực sinh hai khí âm-dương, hai khí sinh ra ba khí tức âm-khí, dương-khí và hoà-khí, ba khí sinh ra muôn vật”. Trong vật-lý lý-thuyết, thái-nhất chính là bẻ quarks và anti-quarks của Sắc-Động-Lực-Học Nguyên-Lượng (Quantum Chromodynamics, viết tắt là QCD).

Kinh Dịch dựa trên nhị-phân (dichotomy) triệt-để, khai-thác hùng-lực của con số 2: “Dịch hữu Thái-cực, thị sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ-tượng, tứ-tượng sinh bát-quái” có nghĩa

là: “Dịch có Thái-cực, nhân đó sinh ra hai nghi Âm/Dương, hai Nghi sinh ra bốn tượng (Thái-Âm, Thiếu-Dương, Thiếu-Âm và Thái-Dương), bốn tượng sinh ra tám quẻ đơn (Kiên, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn) (Hệ-từ Thượng-truyện, Chương XI).

Vậy thì :

Một là Đạo tức Vô-cực sinh ra Thái-Nhất khi tĩnh và Thái-cực khi động.

Hai là hai nghi Âm/Dương, không những đối chọi nhau [như đêm/ngày, đúng/sai, 0/1, +/-, thực/ảo, lớn/nhỏ, nóng/lạnh, bốp/nở (tim)], đối song với nhau [như trời/đất, thời/không, vật-chất/năng-lượng] hoặc đối-đãi nhau [như nam/nữ, óc trái/óc phải, sóng/vi-từ hay như sáng chờ chiều, như nắng chờ mưa vậy]. Do đó mẫu-tự của Dịch chỉ gồm hai chữ: vạch đứt (-) tức vạch âm (dấu trừ -) và vạch liền (—) tức vạch dương (dấu cộng +).

Khi chồng ba vạch lên nhau ta được $2^3 = 8$ quẻ đơn tức đơn-quái. Còn khi chồng 6 vạch lên nhau ta sẽ được $2^6 = 64$ quẻ kép tức trùng-quái. Các quẻ kép chính là ngũ-vượng, mật-mã hoàn-bị của Kinh Dịch, cho phép chúng ta mô tả tất cả bản-thể (noumena) lẫn hiện-tượng của vũ-trụ nhân-sinh, của tam-thiên thế-giới.

Nếu thay ba vạch đứt/liền, từ dưới lên trên, bằng ba dấu +/ - từ trái qua phải (mặt), bát-quái tiên-thiên sẽ gồm 8 quẻ sau đây:

+++ Kiên (tam liên tức 3 vạch liền = 3 dấu + = thuần-dương);

++- Đoài (thượng khuyết = vạch đứt ở trên = dấu - ở sau chót)

+-+ Ly (trung hư = vạch đứt ở giữa = dấu - kẹp giữa 2 dấu +);

+-- Chấn (ngưỡng bồn = chậu ngựa = vạch liền ở dưới 2 vạch đứt);

--+ Tốn (hạ đoạn = đứt dưới = vạch dưới cùng đứt = dấu - dẫn đầu);

-- Khảm (trung mẫn = vạch liền ở giữa = dấu + kèm giữa 2 dấu -);

→ Cấn (phúc uyển = bát úp = vạch liền ở trên 2 vạch đứt);

- Khôn (lục đoạn = 6 đoạn = 3 vạch đứt cả = 3 dấu - = thuần-âm);

Quẻ Kiềm thuần dương là quẻ dương ; quẻ Khôn thuần-âm là quẻ âm. Âm-dương 6 quẻ còn lại được xác-định bằng dấu “thiếu-số”. Vd: Quẻ Đoài chỉ có một dấu “-” là quẻ âm, tượng-trưng cho phái nữ; quẻ Chấn chỉ có một dấu “+” là quẻ dương tượng-trưng cho phái nam.

Ba nói rộng Hai. Tỷ dụ như Trời/Đất/Người (tam-tài), hồn/phách/thân-xác, vô cùng lớn/vô cùng nhỏ/vô cùng phức-tạp, vật-chất/năng-lượng/tiêu-tức (information), đúng/sai/có thể (tập-hợp mờ = fuzzy set).

Bốn là bộ quan-trọng nhất của Dịch, như tứ-đức Nguyên/Hanh/Lợi/Trinh, tứ-tượng. Trong khoa-học ta có bốn nguyên-tố chính C/H/O/N của hoá-học hữu-cơ (Organic Chemistry) có hoá-trị 1, 2, 3, 4, bốn loại sức của vật-lý (vạn-vật hấp-dẫn/điện-từ/hạch-tâm mạnh/hạch-tâm yếu, bốn trạng-thái của vật-chất (dẫn/lỏng/khí/plasma), bốn nucleotids cytosine/uracyle/adenine/guanidine của sinh-học phân-tử (Molecular Biology) kết-hợp với nhau để tạo thành 64 tam-mã-tử (codons) của mật-mã truyền-sinh (genetic codes), bốn loại tự-biến-số của luận-lý toán-học (đúng/sai/ảo/vô-lý).

Năm chiếm một địa-vị khá quan-trọng trong dịch-lý: ngũ-hành(Kim, Mộc, Thuỷ, Hoả, Thổ), ngũ-âm (Cung, Thương, Giốc, Chuỷ, Vũ) của nhạc cổ-truyền Á-Đông. Trong nhân-thể có ngũ-nhạc trên mặt (trán, hai má, mũi và cằm), năm ngón của bàn tay, bàn chân, ngũ-tạng (tim, gan, lá lách, phổi, thận), ngũ-quan (thị-giác, thính-giác, khứu-giác, vị-giác, xúc-giác). Trong đời sống hàng ngày ta bắt gặp ngũ-vị, ngũ-sắc, ngũ-cốc, ngũ-kim, ngũ-phương, ngũ-phúc, ngũ-đại (đồng-đường), ngũ-đại-dương, ngũ-đại-châu.

Vân vân và vân vân.

Trong quá-khứ, đời sống tinh-thần và trí-thức của dân Việt

luôn gắn liền với Dịch. Trong suốt chín thế-kỷ khoa-cử xưa để tuyển lựa nhân-tài, thường có một bài Kinh Nghĩa hỏi về Ngũ-kinh (Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân-thu) mà kinh Dịch cầm đầu. Ở nước ta, không biết bao nhiêu là sử-gia, học-giả, văn-thi-sĩ, khoa-bảng, y-sĩ cổ-truyền đã để lại các tác-phẩm có giá-trị liên-quan đến kinh Dịch. Các sách này, vào khoảng hơn trăm pho, hoặc viết bằng chữ Nho, chữ Nôm hoặc chữ Quốc-ngữ là những bản dịch hoặc chú-thích Kinh Dịch, hoặc là sách bói toán đủ loại hay sách thuốc, sách châm-cứu. Hải-thượng Lãn-ông (Lê-văn-Trác) có nhắc lại trong tập áp chót *Vận-Khí Bí-diển* của tác phẩm vĩ-đại *Hải-thượng Y-tông Tâm-lĩnh* lời sách xưa: “Có học Dịch mới có thể nói chuyện thuốc” (Học Dịch nhiên hậu khả dĩ ngôn Y). Như thế đủ hiểu tiền-nhân ta coi trọng Kinh Dịch đến chừng nào.

Từ lâu, chúng ta đã mượn của Trung-hoa các khoa bói toán suy ra từ Kinh Dịch: xem tướng đủ loại từ mồ mả (Địa-lý), nhà cửa (Dương-trạch), chỉ tay, chỉ ngón tay, cho đến chỉ chân, bói dịch, bấm độn, tử-vi, Thái-ất ... Tuy nhiên, chúng ta luôn luôn việt-hoá các khoa bói này. Chỉ cần xem Địa-lý Tả-ao (Nguyễn-Văn-Huyền) hay Sấm Trạng Trình (Nguyễn-Bỉnh-Khiêm) là ta đủ hiểu. Ngay đến phép Bói Dịch “Tứ-thanh Bát-diệu” do tôi sáng-chế cũng dùng ngay chính-văn Kinh Dịch, sau khi đã chuyển-hoán thanh-diệu của câu hỏi thành quẻ kép với một hào biến.

Vậy tính-cách đa-nguyên, đa-dụng này của Dịch bàng bạc trong đời sống hằng ngày của dân ta từ xưa đến giờ. Tôi xin kể-cử vài thí-dụ độc-đáo của dân ta. Nhưng, trước hết, tôi xin nhấn mạnh một điểm tương-phản giữa văn-minh bắc-phương của hai vùng châu-thổ Hoàng-hà (Huang-Hu) và Dương-tử-giang (Yangtse Kiang) (Trung-hoa) và văn-minh nam-phương của vùng châu-thổ sông Hồng (văn-minh Hoà-bình và Phùng-nguyên) và sông Mã (Văn-minh Đông-sơn), là dù vay mượn lý-thuyết âm-dương ngũ-hành của Trung-hoa, chúng ta luôn luôn đặt âm-dương lên trên ngũ-hành nghĩa là dù trong Đông-y hay trong bói toán ta luôn luôn coi trọng Dịch-lý hơn là ngũ-

hành-luận.

Luật cấu-tạo tiếng ghép trong Việt-ngữ, trật-tự của trời và trình-tự của đất luôn luôn theo sát tự-số-tính tức nhất-nhi-ba (ordinality) và cơ-số-tính tức một-hai-ba (cardinality) của số-học. Do đó khi ghép hai thành-tổ bản-chất quan-trọng khác nhau, thứ-tự trước sau sẽ là thứ-tự của tự-số : trời-đất, cha-mẹ, anh-em, thầy-trò, trai-gái. Trái lại, khi ghép hai thành-tổ cùng chung bản-chất, thứ-tự lại là thứ-tự của số đếm nghĩa là nhỏ yếu đi trước, lớn mạnh đi sau. Ví dụ : âm-dương, cô-chú, chú-bác, vợ-chồng. Khi ta nói “chồng vợ đi dạo phố” là sai mẹo luật rồi.

Lần giở Thế-giới-sử, nước ta là nước duy-nhất trên hoàn-cầu có ngày Giỗ Tổ, nhằm ngày mùng 10 tháng 3 âm-lịch mà ta quen gọi là Ngày hội đền Hùng hay Ngày Giỗ Tổ Hùng-Vương.

Trong câu ca-dao:

Tháng giêng ăn Tết ở nhà,

Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội-hè

4	9	2
3	5	7
8	1	6

hiển-nhiên “hội-hè” ám-chỉ Hội Đền Hùng.

Xin nhắc lại là người Trung-hoa có Lạc-thư tức là thần-phương (magic square) bậc 3. Nếu ta xét từng cặp số đối đầu (4-6, 9-1...), ta sẽ nhận thấy rằng tổng-số luôn luôn bằng 10. Gia dĩ 10 tượng-trưng cho toàn-bích vì cõi người ta có thành-ngữ “mười phân vẹn mười” tương-đương với thập-toàn của nho-văn. Hơn nữa, 10 cũng biểu-trưng cho âm-thuận dương-hoà vì 1 là số lẻ tức số dương, còn 0 là số chẵn tức số âm.

Theo lịch ta thì tháng 3 kiến thìn tức Rồng, một trong bốn vật tổ của dân ta, con Rồng cháu tiên. Ai học xem số Tử-vi cũng biết thiệu “Ngộ Long tắc hoá” để định hành cho hai can hợp nhau như Giáp-Kỷ hợp, hoá thổ v.v. Thế cũng đủ hiểu vai trò lãnh-đạo của rồng trong 12 con giáp và rồng cũng là giống vật tứ thê duy-nhất. Ngay trong quẻ Kiền thủ-lãnh Kinh Dịch, Rồng (Long) cũng chiếm địa-vị then chốt từ “Tiềm long vật dụng”, qua “Hiện Long tại điền”, sang đến “Hoặc dục tại uyên” rồi đến “Phi long tại thiên” và “Kháng Long hữu hối” để

kết-thúc bằng “Dụng cửu: hiện quần long vô thủ, cát”.

Một thí-dụ nữa là quốc-kỳ Việt-Nam. Ngay từ thời Hai Bà Trưng, Bà Triệu, đầu voi phát ngọn cờ vàng, đánh đuổi quân Bắc-xâm, nước ta đã có quốc-kỳ màu vàng là màu quốc-thổ, đồng thời cũng là màu da của giống nòi. Theo quang-học, màu vàng chiếm vị-trí trung-ương trong quang-phổ thấy được.

Nhà Nguyễn, triều vua cuối-cùng của nước ta thêm hai vạch đỏ vào lá cờ: màu đỏ, màu của chu-tước, là màu chính của phương nam; hai vạch liền biểu-trưng thái-dương, một trong tứ-tượng, chiếm vị-trí căn-đế của hai quẻ đơn Kiền, Đoài (tiên-thiên) tức là chính-nam và đông-nam, ám-hợp với vị-trí nước ta trên bản đồ Đông-Nam-Á. Gia dĩ thái-dương thuần dương luôn luôn biến sang ba tượng kia.

Chính-phủ đoán-mệnh của thủ-tướng Trần-Trọng-Kim (1945), thêm một vạch đứt vào giữa hai vạch liền của lá cờ: ba vạch này, một đứt, hai liền hợp thành quẻ Ly đơn (Ly vi hoả), biểu-tượng mặt trời, ánh sáng, năng-lượng, nói ngắn chuyện, $E = mc^2$ (1), và chiếm vị-trí chính nam trong bát-quái hậu-thiên của Vua Văn; cùng lúc, ba vạch này cũng tương trưng cho ba kỳ Bắc-Trung-Nam. Ly cũng có nghĩa là chia lìa, nên có người xấu miệng, nói là tại lá cờ nên đất nước mới phân-ly.

Vận nước là vận nước mà chữ nghĩa là chữ nghĩa, không nên ràng buộc quàng xiên (Xin đọc *Một cơn gió bụi* của Trần-Trọng-Kim, tr. 61). Vô-hình-trung, Ly ở đây là Hồ-ly-tinh đã vác răn cộng sản cắn gà nhà 50 năm nay và vạch đứt trong quẻ Ly ám-chỉ việc tam-cường Anh-Mỹ-Nga đã chia đôi đất nước ở tại vĩ-tuyến thứ 16 tại hội-nghị Yalta (Tháng 2.1945) và hội-nghị Postdam (17-7-1945) ở ngoại-ô thành-phố Bá-linh, giữa ba cường-quốc Anh-Mỹ-Nga.

Một chứng-nhân lịch-sử đương-thời ít ai biết đến, chính là Nguyễn-Phúc Thiên, ông vua 16 ngày, là người Việt-Nam duy-nhất mà Lord Mounbatten có đàm-phán bàn-giao quyền-hành ở Miền Nam. Sau năm 1963 ông này cứ bị bắt lên bắt xuống vì chính-quyền không hiểu tại sao vào khoảng Tết Nguyên-đán, các vương-giả trên thế-giới như Nữ-Hoàng Elizabeth II, Nhật-

Hoàng Hirohito, cứ gửi thư chúc Tết ông này!

Cựu-hoàng Bảo-đại, khi về nước thành-lập Quốc-gia Việt-Nam, đã đổi vạch đứt thành vạch liền, do đó quẻ Ly biến thành quẻ Kiền, ở vị-trí chính nam trong Tiên-thiên Bát-quái. Quẻ Kiền cũng tượng-trưng Trời: Trời ở về phương nam, nói tắt là Trời Nam (Nam-thiên), cũng là tên xưa của nước ta vậy. Từ đó cũng như sau 1975, lá cờ vàng ba sọc đỏ tiếp-tục phát-phối trên toàn-thế-giới ở những nơi tụ-hợp của tất cả người Việt quốc-gia và người Việt còn yêu nước thương nòi. Trong khi đó, lá “cờ pha máu” sao vàng, dùng màu đỏ và ngôi sao của cộng sản quốc-tế, vẫn mãi mãi ở cương-vị một đảng-kỳ.

Trong đời sống gia-đình, bát-quái giúp đoán phách cho bào-thai mới mang hay sẽ mang. Mỗi quẻ gồm ba vạch âm (-) hay dương (+) suy ra từ Chấn = âm (-), Lẻ = dương (+) của ba yếu-tố :

- 1) Tuổi ta người chồng (Vd: 33 tuổi là Lẻ, dấu cộng +);
- 2) Tuổi ta người vợ (Vd: 30 tuổi là Chấn, dấu trừ -);
- 3) Tháng âm-lịch thụ thai (Vd: thụ thai tháng Chạp là Chấn, dấu -) ;

Kết-quả của ví dụ, +-, quẻ Chấn là quẻ dương vì dấu thiếu-số là dấu cộng, ứng với sinh con trai.

Riêng hai quẻ Kiền/Khôn sẽ ứng với:

- Con trai/con gái to con (nặng cân) ;
- Sinh đôi hoặc ba, cùng phách (Kiền) hay khác phách (Khôn).

Trường-hợp sinh tư trở lên rất hiếm và rắc rối, xin trực-vấn bản-bút.

Linh-nghiệm của phương-pháp hoàn-toàn lệ-thuộc vào thành-tâm của người xem, đúng như lời Hoàng-Thạch đã dạy trong cuốn *Tổ-thư*: “Diệu mạc diệu ư chí thành” (Không gì kỳ-diệu bằng chí thành). Tỷ như tôi đã giúp một đồng-nghiep người Ý chọn tháng thụ thai để sinh con trai, kết quả đúng y như điều ao-ước.

Trở về hệ-thức Einstein, nếu đem tứ-hoá, chúng ta sẽ được:
 $E^4 = m^4 c^8$ (2)

Khai căn lần đầu chúng ta sẽ được hai hệ-thức:

$$E^2 = m^2 c^4 \quad \text{và} \quad E^2 = - m^2 c^4$$

Khai căn một lần nữa và đặt $i = \sqrt{-1}$ (số ảo ròng = pure imaginary) chúng ta sẽ được bốn hệ-thức:

1/ $E = mc^2$ là hệ-thức nguyên-thủy (1) áp-dụng cho các vi-tử thực có vận-tốc cực-đại là vận-tốc ánh sáng, tỷ như các khinh-tử (leptons), các âm-điện-tử (electrons), các vi-hoà-tử (neutrinos), các quang-tử (photons);

2/ $E = -mc^2$ áp-dụng cho các phản-vi-tử (antiparticles) có năng-lượng âm và thường sinh ra trong các hố-tác hạch-tâm ở vùng năng-lượng cao, tỷ như các dương-tử (positrons) hay các phản-vi-hoà-tử (antineutrinos);

3/ $E = (im)c^2$ áp-dụng cho các siêu-tốc-tử tức siêu-quang-tử (tachyons), là những vi-tử có khối-lượng ảo và có vận-tốc lớn hơn vận-tốc ánh sáng, do hai nhà bác-học vật-lý lý-thuyết Sudarshan (1962) và Feinberg (1967) sáng nghĩ và đã được nhiều người đời nay áp-dụng cho Thiên-học và tiểu-thuyết khoa-học giả-tưởng (science-fiction).

4/ $E = -(im)c^2$ áp-dụng cho các phản-siêu-quang-tử (antitachyons) do bản-bút trước-tưởng, có chất-lượng ảo và vận-tốc lớn hơn vận-tốc ánh sáng.

Vô-hình-trung tất cả các vi-tử thực hay ảo, có vận-tốc nhỏ hơn, bằng hay lớn hơn vận-tốc ánh sáng, nghĩa là các trì-tử (bradions), các minh-tử (luxons) hay tốc-tử mà loài người đã, đang hoặc sẽ phát-kiến, đều thoả hệ-thức Einstein suy rộng (2) tức hệ-thức Einstein/Nguyễn-hữu Quang vậy.

Tất cả các vị hiện-diện trong hội-ng nghị như Giáo sư David Peat, TS Chandre Dharma, Giáo sư Alan Ford đều thán-phục tiềm-năng duy-biến biện-chứng-pháp của dịch-lý Á Đông.

Xin nêu vài chuyện khác, bởi chừng cần nhiều trang giấy mới cất nghĩa được các chuyện lạ như làm sao dùng số-hệ của Dịch để thay thế hữu-hiệu số-hệ bổ-túc 2 (2's complement) của điện-toán, hay tại sao trong bát-quái-đồ hai quẻ sát nhau lại trực-giao (vuông góc) chứ không phải tạo thành một góc 45 độ.

Dù đã xuất-hiện từ hơn ba ngàn năm nay, Kinh Dịch luôn

luôn là một đề-tài khảo-cứu phong-phú và khởi-sắc. Nguyên từ đời Thanh (Ch'ing) (1644-1912) trở về trước, đã còn giữ được trên 500 pho kinh chữ nho khác nhau. Tôi tin chắc rằng các bạn trẻ sẽ còn khám-phá ra nhiều điều mới lạ nữa của Kinh Dịch, nếu khéo đem áp-dụng cho Kinh Dịch câu mà vua Thành-Thang (Ch'eng T'ang) đã khắc trên bàn để chậu rửa tay: “Cầu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân” (Thành tâm ngày một mới, ngày ngày một mới, ngày lại ngày một mới) có ghi trong Kinh Chu-Lễ (Chou Li), chương 42 tức sách Đại-học, một trong Tứ-thư (Đại-học, Trung-dung, Luận-ngũ, Mạnh-tử), tức là bốn quyển sách nòng cốt của đạo Khổng.



Giá: Mười hai mỹ-kim



HIẾN-CHƯƠNG VĂN-BÚT QUỐC-TẾ

Hiến-chương của Văn-Bút Quốc-Tế (International P.E.N.) căn cứ theo những quyết-nghị đã thông qua tại Hội-nghị Quốc-tế, có thể tóm tắt như sau:

Tổ-chức Văn-Bút Quốc-Tế xác nhận rằng:

1. Văn-chương, dù xuất-xứ có tính cách quốc-gia, nhưng không có biên-giới và phải được trao đổi giữa các quốc-gia mặc dầu có những cuộc tao-loạn về phương-diện chính-trị hay quốc-tế.

2. Trong bất cứ hoàn-cảnh nào, nhất là trong thời chiến, không bao giờ nên để cho những thiên-kiến về quốc-gia hay chính-trị xâm-phạm tới các tác-phẩm văn-nghe, là tài-sản chung của nhân-loại.

3. Các hội-viên của Văn-Bút Quốc-Tế lúc nào cũng phải dùng hết ảnh-hưởng của mình để làm tăng sự hiểu biết và sự tương kính giữa các quốc-gia, tự-nguyện cố gắng phá bỏ các mối hiềm khích về chủng-tộc, giai-cấp và quốc-gia, tranh-đấu để bảo-vệ lý-tưởng của một nhân-loại duy nhất sống hoà-bình trong một thế-giới duy nhất.

4. Văn-Bút Quốc-Tế chủ-trương nguyên-tắc tự-do truyền-bá tư-tưởng trong mỗi quốc-gia và giữa các quốc-gia; các hội-viên sẽ phản đối mọi hình-thức đàn-áp tự-do phát-biểu tư-tưởng trong xứ sở và trong đoàn-thể của họ. Văn-Bút Quốc-Tế tuyên-bố ủng-hộ tự-do báo-chí và phản-đối sự kiểm-duyet trong thời bình. Hội tin rằng vì thế-giới cần tiến-bộ để đạt tới trật-tự hoàn-mỹ hơn về chính-trị và kinh-tế nên nhất-định cần phải có sự tự-do chỉ trích các chính-quyền, các tổ-chức hành-chánh và các thể-chế độc đoán. Vì tự-do có nghĩa là tự kiểm-chế, các hội-viên tự-nguyện dả phá những tề-đoan mệnh danh là tự-do báo-chí để loan truyền những tin tức thất thiệt và xuyên-tạc sự thực vì mục-đích chính-trị hay tư-lợi.

Tất cả các văn-sĩ, chủ-bút và dịch-giả có tư-cách và chấp-thuận những tôn-chỉ trên đều có thể trở thành hội-viên Văn-Bút Quốc-Tế, không phân biệt quốc-tịch, chủng-tộc, màu da hay tôn-giáo.